

# NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

## QUAN CỐ-THỦ-TƯỚNG PHÁP CLEMENCEAU

Cái đời quan cố-thủ-tướng Pháp GEORGES CLEMENCEAU là một đời rất đầy-đủ hoạt-dộng, vậy mà người đời sau nói đến tên ngài có lẽ chỉ nhớ đến cái công-nghiệp hiên-hách của ngài trong đời Âu-chiến vừa rồi mà thôi. Ngài ra cầm quyền Thủ-tướng vào năm 1917, đến cuối năm 1918 thì quân Đức xin đình-chiến, Đồng-minh được toàn-thắng, cử - quốc qui công cho ngài, đời sau chắc nhớ ơn mãi mãi. Trong một cuộc đời thăng-trầm cũng lắm, làm nhiều điều đáng cho lịch-sử khen mà cũng có việc đáng cho lịch-sử chê, tỏ ra một cái nhân-cách lỗi-lạc phi-thường, suốt đời hăng-hái, mà đến lúc vãn-niên, tuổi đã ngót 80, lại còn phần-thân nỗ-lực ra cứu cho nước lúc gian-nguy nữa, nhân-vật như thế, cõ-kim phỏng đã được bao!

GEORGES CLEMENCEAU sinh ngày 28 tháng 9 năm 1842 ở một làng nhỏ quận Vendée, là làng Mouilleron-en Pareds, vốn là một nhà cố-cựu ở miền đó. Trong họ-hàng nhiều người chuyên nghề làm thuốc, cụ thân-sinh cũng làm thuốc. Vậy sau khi tốt-nghiệp ở trường Trung-học thành Nantes, ông cũng ra Paris để theo khoa y-học. Cái phong-trào tư-tướng đời bấy giờ là trọng về khoa-học, thiên về vật-chất; ông hấp-thụ cái không-khí đó mà tự lấy những tư tưởng đó làm triết-lý cho mình. Về sau tuy có tủy sự kinh-lịch mà thay đổi một đôi chút, nhưng đại-khái cái triết-lý đó vẫn giữ cho đến già. Một nửa thế-kỷ về sau, năm

1926, ông xuất-bản một bộ sách vĩ-đại đề là « Cảnh chiều của triết-lý » (*Au soir de la pensée*), khác nào như lời di-chức về tư-tướng của ông, trong sách đó vẫn còn phảng-phất những cái khuynh hướng lúc thiếu-thời.

Chính trị của ông cũng phôi-thai từ hồi mới ra học ở Paris đó. Bấy giờ là đời vua Nã phá-luân thứ ba, trong sử gọi là Đệ-nhị Đê-chính. Ông cụ thân-sinh thuở nhỏ được biết nhiều truyền về đời Cách-mệnh, khi ông ở nhà vẫn thường kể lại cho ông nghe, cho nên trong nhà ông đã sẵn có cái không-khí tự do bình-dẳng vậy. Ông nhiễm cái không-khí đó từ thuở nhỏ, nên lớn lên đã sẵn có cái khuynh-hướng phản-đối đê-chính. Khi mới ra Paris năm 1860, công-nhiên vào đảng phản-đối. Năm 1862, làm báo công-kích, bị một tháng tù. Sau đó đi du-lịch nước Anh, nước Mỹ, hồi trú Pháp-Phổ năm 1870 mới về nước. Giàu lòng yêu nước, không chịu để cho nước phải thất-bại, muốn chiến-tranh cho kỳ-cùng. Sau vì chiến-bại đê-chính phải khuynh-đảo, vua Nã-phá-luân phải chạy trốn, trong nước liền tuyên-bố dân-quốc. Cái nguyện vọng bình-sinh của ông đã thành, ông rất hăng hái cõ-võ, được dân bầu làm thị-trưởng chợ *Montmartre*. Bấy giờ quân Đức tiến vào Paris, chính-phủ phải thiên ra Bordeaux, ông không chịu ở Bordeaux, nhất-quyết ra Paris, giữa khi kinh-thành nổi loạn, suýt nữa bị hại đến thân,

Xem một đoạn lịch-sử đó là hồi ông mới đem thân ra hiến với đời đã rõ cái tinh-cách của ông rồi. Hăng-hái, quả-quyết, tự-phụ, cương-cường, biệt-thành giữ cái chủ-nghĩa cá-nhân, khi nào viết văn hay diễn-thuyết mới dùng đến lý-luận còn khi hành-động thì tùy-cơ ứng biến, trực-tiếp xử-sự, không quản gì lý-thuyết cả, vốn cũng có bụng bác-ái thương người, nhưng đối với cái hư cái đại của người đời thì nhất-quyết không dung, đã chiến đấu với ai thì chũa-cay độc-địa, có cái trí phê-bình tinh-nhuệ, và có cái tinh thẳng-thích bất-cơ, dù gặp cơ-hội nào mặc lòng, một lòng một dạ yêu nước thương nòi; đó là cái bức ảnh tâm-lý của ông vào khoảng 30 tuổi, mà về sau này 80 tuổi ông cũng vẫn thế. Các việc xảy ra trong đời, sự-nghiệp công-danh của ông, chẳng qua cũng là do cái nhân-cách hùng-cường tiếp-xúc với thời-thế cơ-hội mà phát-sinh ra vậy. Cái đặc-sắc của đời ông, chính là ở cái nhân-cách phi-thường đó.

Tự năm 1875, đời ông là liền với cả cái đời chính-trị của nước Pháp. Làm hội-viên thành-phố tự năm 1871, đến năm 1875 thì làm chủ-tịch hội-đồng thành-phố Paris, sau được bầu làm nghị-viên tại quốc-hội. Ở Nghị-viên thường đứng vào phe cấp-tiến. Ông lập với ông nghị - viên CAMILLE PELLETAN một tờ báo đặt tên là « Công-lý » (*la Justice*), là báo cơ-quan cho đảng cực-tả hồi bấy giờ. Ở Nghị-viên ông hết sức phản-đối chiến-đấu với các Nội-các ôn-hòa. Một tay ông đánh đổ không biết bao nhiêu Nội-các. Đã có lần ông suýt được bầu làm nghị-trưởng, nghị-viên MÉLINE được thắng chỉ vì hơn tuổi mà thôi. Bấy giờ ông 50 tuổi. Các đảng đều ghê sợ vì ông có tài, có dõm, có nghị-lực và có mạo-hiêm. Kể đấy rồi trong nước xảy ra mấy việc tai-tiếng về tai-chính, như việc cổ-phần công-ti Panama, vân-vân, nhà

chính-trị nhiều người bị can, dư-luận sôi-nổi lên một hồi. Ông vốn có nhiều kẻ thù, muốn thừa-cơ làm hại ông, nghị-viên DÉROULEDE ra công-kích, ông bị thua kỳ tổng-tuyển cử năm 1893.

Nhưng ông không phải là người châu-tuần ở chốn nghị-trưởng mới trở được tài hoạt-bát. Tinh ham du lịch, ưa đọc sách và chơi đồ ngoạn-vật, nhất là thích về văn-chương mỹ-thuật đời cổ-đại Hi-lạp, phàm các hiện-tượng trong trường hoạt-động của loài người, là ông muốn tìm-tòi quan-sát, nên chịu năm ở ngoài Nghị - viện chuyên nghề làm báo cũng đủ bận thi-giờ. Ông viết văn không bằng diễn-thuyết, nhưng lời văn của ông có lý-luận, có hoạt-bát, có giọng hùng-hồn, có tài mãn-tiếp. Những bài ông viết trong báo « Raug-đông » (*Aurore*) từ năm 1897, hồi dư luận đương nôn-nao về cái án DREYFUS, tỏ ra ông là một tay viết báo rất hăng-hái kịch-liệt, chủ-nghĩa có lẽ không được thông-nhất cho lắm, nhưng cảm-giác rất mạnh-bạo và nghị-luận rất đùng-đột. Xem các bài báo của ông thì thấy chũa-chũa những tư-tưởng cấp-tiến, lộ ra cái khuy-nh-hướng phản-đối giáo-hội, bài - bác quân-phiệt, công-kích giai-cấp, phảng-phất có cái ý-vị lãng-mạn đời Cách-mệnh. Vậy mà lại thường chế-nhạo đảng xã-hội, tỏ ra một người rất ham tự-do, không chịu câu - thúc, nhưng thủy-chuơng vẫn một lòng ái - quốc, phàm điều gì quan-hệ đến việc quốc-phòng là thiết-tha chăm-chút lắm.

Một nhân-vật hăng-hái lỗi-lạc như vậy không ai có thể đoán trước được sự-nghiệp thế nào. Năm 1902 ra ứng-cử Thượng-nghị-viên được bầu làm nghị-viên quận Var. Bấy giờ lại xuất-tịch ở Nghị-viện, thiên-hạ cũng không biết cái chi ông định làm gì. Nhân cơ-hội mà sự-nghiệp ông lại xoay ra một phương-diện mới. Tay nghị-viên về đảng phản-đối trước, nay sắp ra làm

quan Thượng-thư. Năm 1906 ông lĩnh chức Nội-các tổng-trưởng trong Nội-các SARRIEN, rồi cách mấy tháng sau làm tổng-lý Nội-các. Ông cầm quyền trong 30 tháng, thật là một thời-kỳ đa-sự, trong nước chỉ những việc thợ bấi-công với những việc các đảng tranh-giành nhau về tôn-giáo. Hồi đó ông có công đệ-nhất, là giữ được quốc-thể cho nước Pháp Nhân việc Ma-lạc-kha, Pháp với Đức vẫn đã gắng nhau bấy lâu. Thủ-tướng Đức BULOW muốn gây sự rắc-rối về ngoại-giao. Ông lấy cái thái-độ rất cương-quyết mà đối-phó, nhất-định không chịu để cho tổn đến quốc-thể; sau Đức phải thôi.

Tự đó về sau, ông vẫn lấy một cái lòng thờ nước, giữ danh-dự cho nước đó, làm tôn-chỉ cho đời ông. Năm 1909, Nội-các ông bị đổ, ông liền xoay ra làm báo diễn thuyết, đem lời nói ngon bút mà phụng-sự việc nước. Không đưng hẳn về đảng-phái nào, tùy cái thiên-kiến hay bụng yền ghét nhất-thời mà thay đổi luôn, có khi đưng phe nọ chạy sang phái kia là thường. Chỉ có một lòng trung-ái với nước, là thủy-chung như-nhất. Ông phản-đối ông POINCARÉ, hồi ông này ra ứng-cử Giám-quốc hết sức công-kích, nhưng trong cuộc Âu-chiến sau này lại hiệp-tác với ông POINCARÉ. Ông vẫn chủ-trương cái luật bình-dịch hai năm, nhưng sau thấy nguy-hiềm cho việc quốc-phòng, liền xoay ra chủ-trương luật ba năm. Trước vẫn không có ác-cảm gì với ông CAILLAUX, nhưng sau việc phân-tranh ở Ma-lạc-kha, thấy ông này làm Ngoại-vụ-tổng-trưởng có ý nhượng-bộ với Đức, lại muốn thương-thuyết để cắt đất cho Đức, ông liền phản-đối rất kịch-liệt, khiến cho ông CAILLAUX phải từ chức, rồi hôm sau cả Nội-các phải đổ.

Đến khi nổi việc chiến-tranh năm 1914, trong ba năm đầu ông đứng ngoại-cục, chỉ viết báo đề giám-đốc

Chính-phủ cùng dư-luận, giữ cái địa-vị như một chức "ngự sử" đứng đản-hặc, mà đản-bặc một cách rất nghiêm-khắc, các nhà cầm quyền đều lấy làm ghê sợ. Thấy làm-lỗi điều gì, là liền đưng lên tố-cáo. Trong khoảng năm 1917, thấy cuộc chiến-tranh diên-man ra mãi, trong đản-gian đã có ý chán-nản, có kẻ thừa-cơ, có lẽ bị ngoại-quốc lợi-dụng, cô-động gây ra cái « tâm-lý chiến - bại » (*défaillance*), khiến cho quân-lính ngã lòng; ông biết nguy cho nước, liền hết sức hô-hào đề cảnh-tỉnh quốc-dân, kích-thích dư-luận. Nhất-diện viết trong các báo, nhất-diện diễn-thuyết tại Nghị-viện, làm cho chấn-động cả toàn-quốc. Kế đó Nội-các PAINLEVÉ đổ, Giám-quốc POINCARÉ quèn cả nổi tư hiềm, ngày 16 tháng 11 năm 1917 với ông lập Nội-các mới. Có mấy giờ đồng-hồ, ông lập Nội-các xong, liền ra cầm quyền chính-phủ, chủ-trương việc chiến-tranh.

Bấy giờ ông đã bảy-mươi-sáu tuổi. *Lão nhi tch trang*, chí-khi ông lại càng cương-cường hơn xưa. Ông quả-quyết cho đưng chiến-thắng mới nghe. Ông quyết rằng trở-ngại thế nào cũng đoạt cho đưng, hi-sinh đến đâu cũng sẵn lòng chịu, và sai-lầm điều gì sẽ thẳng trị ngay. Ông quyết như vậy, và quốc-dân cũng tin như vậy. Thấy ông ra cầm quyền là cái biểu-hiệu rằng cuộc chiến-đấu sẽ hết sức theo đuổi cho đến thành-công. Ông có oai-quyền, ông có nghị-lực, ông lại tiêu-biểu cái lịch-sử đời cách-mệnh là lịch-sử nước Pháp giữa hồi nội-loạn mà gặp ngoại-hoạn cũng biết dùng những kế-hoạch rất cương-quyết để đối-phó, nên ông chấn-động kích-thích cả quốc-dân, khiến cho một lòng một dạ mà đối với ngoại-dịch. Ông truyền cho các võ-trưởng như FOCH, như PÉTAIN, cứ việc mà đánh giặc cho kỳ đưng, không phải quản đến cái ảnh-hưởng việc chiến-tranh đối với Nghị-viện hay đối

với dư-luận thế nào cả. Bấy giờ thật là một tay tướng-quốc hoàn-toàn, cầm cân nảy mực cho quốc-gia, hết thấy ai ai cũng phải sợ phải phục. Sự-nghiệp ông hồi ấy trang-nghiêm vĩ-đại vô-cùng, đáng được quốc-dân đời đời sùng-bái.

Giữa lúc ông ra cầm quyền chính-phủ, thời-cực rất nguy. Nước Nga đã bị đồ-địa. Nước Ý cũng bị xiềng-liềng. Pháp thì quân-đội đã hao mòn. Mĩ thì chưa thấy rục-rịch sang giúp. Khi-giờ, quân-lương, tài-chính, đều có vẻ quần-bách cả. Tinh-thế thật là gian nan. Ông liền đem các vấn-đề lần lượt giải-quyết. Ông chủ-trương liên-lạc các cơ-quan, củ-tập các sức mạnh, nhất-thiết chỉnh-đốn hết. Bấy giờ mới đến thời-kỳ nguy-cấp nhất, khốn-nạn nhất. Chiến-tuyến của quân Anh bị núng; trận *Chemin des Dames* chết hại nhiều, làm cho Nghị viện nao-động; thành *Paris* có cơ nguy đến nơi, đem tàu bay Đức đến thám, ngày đại-bác Đức bắn « bom ». Nước Pháp có lẽ nguy-vong đến nơi. Ông quả-quyết phần-chấn, không để bụng hoài nghi một giây phút. Nhất-thiết yên-úi nhân-tâm, đốc-suất mọi việc, rất cần-mẫn, rất hoạt-động. Ông cố điều-đinh thương-thuyết cho các nước đồng-minh công-nhận cái thuyết « tướng-lệnh duy-nhất » (*commandement unique*) mà cử thống-soái Foch làm tổng-soái cả các quân Đồng-minh. Ông cảnh-cáo cho Nghị-viện biết sự nguy-hiểm mà đừng ngăn-trở cho chính-phủ khó làm việc. Ông trừng-trị một cách rất nghiêm-nhặt những kẻ can tội âm-mưu phản-quốc. Ông ngăn-cản cho các đảng cách-mệnh không quấy rối được, cùng những kẻ hoài-nghĩ không truyền-bá được những tin làm cho người ta ngã lòng, hoặc xui-giục nên châm-chước giảng-hòa không đợi quyết-chiến. Ông thiết-kế phòng-bị cả mọi đường rồi, bấy giờ chỉ khẳng-khăng một mực, đánh cho kỳ được. Đánh mãi cho đến tháng 6

năm 1918, bấy giờ tinh-thế đã khá hơn, thống-soái Foch bèn đổi thế thủ ra thế công, đánh giấn mấy trận, khiến cho quân Đức phải lùi, rồi phải chạy, đến phải chịu thua mà xin đình-chiến. Bấy giờ ông ra giữa quốc-hội tuyên-bố cho quốc-dân biết rằng : « Hai châu *Alsace-Lorraine* bị cắt-nhường năm nọ, nay sắp phục-hồi mẫu-quốc ! » Thế là cái mộng phục-thù bình-sinh của nhà lão-đại chí-sĩ, lúc thiếu-thời đã mục-kích cái cảnh rất đau lòng là cảnh cắt đất dâng giặc, nay thực-hành được trọn-ven vậy.

Thiên-hạ nghị-luận thường nói rằng giá ông CLEMENCEAU sau khi đình-chiến ngày 11 tháng 11 năm 1918 rồi thôi không cầm quyền chính phủ nữa, cáo lui về nhà dưỡng-lão, thì thật là toàn danh-dự. Ông lại ở lại chủ-trương việc nghị-hòa nữa, để cho sau này có người phảm-bình dị-nghị được. Nói thế có lẽ không được đúng lắm. Nước Pháp có đáng tiếc là đáng tiếc rằng ngay sau khi đình-chiến không mở cuộc nghị-hòa mà ký hòa-ước ngay, lại để giùng-giảng ra mãi, Đồng-minh cãi-cọ nhau, đến không ai được hưởng toàn lợi chiến-thắng cả. Còn chính hòa-ước thì vẫn không được mẫn-nguyên cho nước Pháp, nhưng phải biết sự-thế đã đến thế, thì túng-sử không phải tay ông mà tay người khác đứng chủ-trương nữa, cũng khó lòng hơn được, khó lòng theo được đúng như lời bàn của Thống-chế Foch mà cưỡng lại với lời yêu-cầu của Đồng-minh. Chắc ông cũng tự-phụ rằng ông đã có công làm được chiến-thắng thì ông có quyền thảo-luận được với nước Anh và nước Mĩ. Và ý-kiến ông cũng đại-khải giống với ý-kiến Giám-quốc Mĩ WILSON về cái thuyết-giải-phóng các dân-tộc. Không ngờ sau khi đình-chiến, trong cuộc nghị-hòa các Đồng-minh thảo-luận với nhau, nước nào lại giữ cái cố-thái của nước

ấy, Pháp thì đề cho việc nội-chính can-thiệp vào, còn Anh Mĩ thì lại giữ những lối ngoại-giao cũ xưa nay, thành ra ý kiến phân-vân, khó lòng cho hòa hợp được.

Trong cuộc nghị-hòa, chủ-ý ông là ở hai điều : một là đóng quân ở hạt *Rhénanie* để làm cách đàn-áp cho Đức phải thi hành hòa - ước, đóng trong một hạn 15 năm, nếu có sự rắc-rối thì đóng quân thêm hạn nữa, hay đã triệt quân về rồi có thể lại đề quân sang nữa ; hai là ký với Anh Mĩ một bản hiệp-ước đảm-bảo cho Pháp để phòng-bị mặt sông *Rhin*, hiệp-ước này Giám-quốc Wilson hứa sẽ yêu-cầu cho Nghị-viện Mĩ duyệt-y. Thuộc về hai khoản đó, việc xảy ra về sau thành ra trái hẳn với ý-nguyên nước Pháp. Nghị-viện Mĩ bác hòa - ước *Versailles* và cũng không xét đến hiệp-ước đảm-bảo nữa. Đến năm 1924 lại xướng lên cái chính-sách « thanh-lý việc chiến-tranh » (*liquidation de la guerre*), nghĩa là cố điều-dinh chám-chước cho kết-liệu hẳn cuộc chiến-tranh, không để cho cái ảnh-hưởng xấu còn rây-rưa lại nữa, thành ra quân đóng ở *Rhénanie* chưa hết hạn đã vội cho triệt-hồi về sớm. Thế là cả cái mưu-lược của CLEMENCEAU bị diên-đảo hết.

Trong trí ông thì hòa-ước ký đó là gồm cả một cái chính-sách có thủy có chung, phải chuyên-tâm mà theo đuổi cho đến cùng, không ngờ tình-thế lại xoay ra một cái chính-sách khác hẳn. Ông tưởng ông đã ký ước thì ông còn đứng vững để đốc-suất việc thi-hành. Hốt-nhiên tình-thế bắt-buộc ông phải lui về. Bấy giờ chức Giám-quốc vừa hết hạn, trong nước đương xôn-xao bầu quan Giám-quốc mới. Ông cũng có chí muốn ra ứng-cử, không phải tuổi già còn có háo-hắc chi, nhưng muốn thử lòng dân xem thế nào. Ngày 16 tháng giêng năm 1920, Thượng - nghị-viện

hợp hội-đồng dự - bị, lại đề-cử ông DESCHANEL là nghị-trưởng Hạ-nghị-viện mà không nói đến ông. Ông liền tuyên-bố không ứng-cử nữa và ngày 18 tháng giêng đem cả Nội-các từ-chức. Ông thấy quốc-dân bạc-bẽo, lòng người bất-trắc cũng chán thay ! Chiến-tranh đã xong rồi, hoạn-nạn đã qua rồi, cái tài lỗi-lạc của ông, trước kia thiên-hạ phục, bây giờ lảm kè ghen. Nói rằng quốc-dân bạc với ông có lẽ cũng không phải, vì không phải tội quốc-dân, chính là tội cái chính-thể dân-chủ, trong nước lảm chủ, không ai chịu ai, lúc hoạn-nạn thì kẻ bất-tại phải nép một xó để cho người can-đảm ra can-đáng việc nước, nhưng trong lòng vẫn tức-tối, chỉ đợi đến lúc vô-sự là cái lòng dố-tật tung-sinh lên. Lòng can-đảm, sự quả-quyết, cái oai-quyền của ông năm trước, bây giờ thiên-hạ cho là khinh suất, là tự-phụ, là chuyên-chế. Năm trước kien ông phục ông bao nhiêu, bây giờ binh-phảm chê-bai ông bấy nhiêu. Cái nghị-lực phi-thường của ông đã cứu được cho nước trong khi hoạn nạn, thiên-hạ coi như một cái trở-lực cho không phục-hồi được những cái thói cầu-thả trước khi chiến-tranh. Bấy giờ bao nhiêu những cái sức ngầm ông đã ra tay đề-nén nó nổi lên mà phản-đối ông. Giá ông hết sức quả-quyết mà tỏ cái chí ông cho quốc-dân biết, thì chắc ông cũng thắng được như chơi. Nhưng ông không phải là người chịu khuất-tất mà cầu lấy danh-dự. Ông tưởng rằng cái chức Giám-quốc đó là quốc-dân phải thành-tâm đem tặng ông mới là phải. Quốc-dân đã không biết thế thì ông đành lui về. Lúc phong-ba ông đã vững tay cầm lái, đem hết nỗ-lực mà phụng-sự quốc-gia, tỏa-chiết được một cái quân-đội hùng-cường nhất trong thế-giới, bây giờ sóng êm gió dịu, nước được thái-bình, thiên-hạ coi ông như cái bướu. Thôi thì ông lui về cho họ được tự-do

mà làm những lối chính-trị nhỏ-nhen với nhau.

Ông không nói một lời, không hề phân-nân một câu nào, từ-biệt trường chính-trị, ra làm một người dân thường, không can-thiếp đến việc nước nữa, không muốn để cho ai nói đến mình nữa, sống theo cái đời một nhà ẩn-dật trong chín năm trời. Ông đi du-lich các nơi, Ai-cập, Mĩ-châu, Ấn-độ. Ở Ấn-độ ông qua Nam-dương quần-đảo, gần với Đông-dương ta đây. Chính-phủ Đông-dương khẩn-khoản mời ông sang chơi đây, ông nhất-định từ chối. Bình-sinh ông vẫn phản-đối cái chủ-nghĩa lấy thuộc-địa, nên 50 năm trước Nghị-viện thảo-luận về việc đánh Bắc-kỳ, ông hết sức công-kích. Thủ-tướng JULES FERRY là người chủ-trương việc đó. Việc cũ xa-xôi, cách nay đến một nửa thế-kỷ rồi mà ông vẫn không quên. Ông vẫn trung-thành với chủ-nghĩa bình-sinh. Quân-tử thay!

Sau khi đi du-lich về nước, thì khi ông về ở quê nhà quận Vendée, khi ở Paris có một cái phòng riêng ở đường Franklin. Ông làm việc luôn cho đến lúc cuối cùng, khi đọc sách mới, khi ôn sách cũ, khi tự mình soạn sách để thuật lại tư-tưởng hành-vi của mình. Ông soạn một pho sách hai quyển, tóm-tắt cái triết-lý bình-sinh của ông, đề là « Cảnh chiều của triết-lý »; lại soạn một quyển sách về *Démocratie* là một nhà đại-hùng-biến Hi-lạp đời xưa, và một quyển sách nữa là sách cuối cùng của ông đề là « Lịch-sử thắng-trầm của một cuộc chiến-thắng » (*Grandeurs et misères d'une victoire*),

tuổi đã ngót 90 mà lời-lẽ vẫn còn hùng-hồn hăng-hái, kịch-liệt chua-cay, đủ biết cái nghị-lực sung-mãn biết dường nào. Trong sách có bình-phẩm về Thống-tướng Foch, không khỏi có ý thiên-lệch một chút, vì hai người đã hiệp-tác với nhau trong khi chiến-tranh, đến khi chiến-hậu thì ý-kiến khác nhau về việc nghị-hòa, nên không khỏi bất-bình nhau một chút. Nhưng cái lòng ái-quốc của ông thì bao giờ cũng nhiệt-thành như bao giờ. Trong quyển sách sau cùng đó, ông có ý ngậm-ngùi tiếc rằng cái công ông gây nên chiến-thắng mà người sau không biết lợi-dụng, lo rằng tinh-thế sau này có nổi khó-khăn, nhưng vẫn chan-chứa một lòng hi-vọng, tin rằng vạn nước không bao giờ suy được.

Đêm ngày 24 rạng ngày 25 tháng 11 năm 1929, vào hồi 1 giờ 45 phút, ông tạ thế. Theo ý muốn của ông, không có nghi-vệ, không có quốc-tàng, không có diên-huyết gì cả, linh-cữu rước về quê nhà, chôn ở nơi vườn cũ của ông cha, chỉ có mấy người thân đi theo mà thôi. Trong khi tổng-tàng ở nhà quê một cách giản-dị mà trang-nghiêm đó, thì ở kinh thành Paris sùng đại-bác báo cho cả nước biết rằng người đại-anh-hùng, đại-chí-sĩ đã có công cứu nước lúc gian-nguy, mới là trần mà vào cõi thiên-cổ vậy. Tiếng sùng này hình như vượt qua thời-gian mà đồng vọng với tiếng sùng 10 năm trước báo cho dân Pháp biết là quân Đức đã thua vậy.

THƯỢNG-CHI biên-dịch

## DU-LỊCH XỨ LÀO (1)

### II

Ai-lao hiện nay là một xứ trong năm xứ hợp lại thành ra cõi Đông-dương thuộc Pháp. Bờ-cõi rất rộng mà dân-số thì ít-ỏi lắm. Đông giáp giải Trường-sơn (*Chaîne annamitique*), tây giáp sông Cửu-long (*Mékong*), phần giữa thật hẹp, còn hai phần trên và dưới thì nở rộng ra.

Khi-hậu tùy nơi thung-lũng háy nơi cao-nguyên có khác nhau. Miền sơn-lâm về phía bắc, nhất là miền *Hua Pan* và Trấn-ninh, thì lạnh lắm. Nhưng cứ đại-khái mà nói thì từ tháng mười-một đến tháng hai tây, trời hanh và mát, từ tháng sáu đến tháng mười, trời nóng và mưa nhiều, nước sông lên to, thường khi ngập lụt cả; còn một khoảng giữa từ tháng ba đến tháng năm thì nóng-nực và khó chịu hơn cả. Sông suốt năm hễ lặn mặt trời thì dậu mát ngay, thường đêm ngủ phải đắp cho khỏi lạnh.

Diện-tích xứ Ai-lao được 214.000 cây-lô-mét vuông. Miền bắc thì núi-non hiểm-trở lắm, ba mặt giáp Tàu (tỉnh Vân-nam), Diển-diện và Xiêm-la, toàn những rừng rậm núi cao, mạch núi chạy tự cao-nguyên Tây-tạng xuống, đến đấy dầm ngang ra bề, rồi chạy tuột xuống phía Nam, thành giải Trường-sơn cách triền sông Cửu-long với các đồng bằng duyên-hải Trung kỳ. Miền Nam thì toàn cao-nguyên cả, lớn nhất là cao-nguyên *Boloven*.

Đường phân-giới với Cao-miền thì chỉ định trên địa-đồ mà thôi, chứ không có hình-thế tự-nhiên gì cả.

Suốt từ Nam chí Bắc xứ Ai-lao, có con sông Cửu-long chạy, sông tự Tây-tạng xuống đến Nam-hải, dài 4000 cây số, mà thuộc về địa-phận xứ Lào 1.300 cây. Con sông này cùng với các chi-lưu, như các sông *Nam-Ou*, *Nam-Ngum*, *Nam-kha-Dine*, *Sé-Bang-Fai*, *Sé-Bang-Hien*, *Sé Moun*, thật là cái nguồn sinh-hoạt cho xứ Lào, nhờ đó mà có đường giao-thông, có nước cây-cấy. Trong một khoảng 800 cây số, tàu-bè đi lại được, còn ngoại-giả những ghềnh cùng thác, lên xuống rất khó-khăn. Sông Cửu-long chạy suốt cõi Đông-dương, một phần dài làm phân-giới Đông-dương thuộc Pháp với Xiêm-la. Cả xứ Ai-lao là ở trong lưu-vực sông này, chỉ trừ có tỉnh *Hua-Pan* là thuộc lưu-vực Sông Mã, một con sông con về miền duyên-hải chảy qua phía bắc Trung-kỳ.

Tổng-số dân Ai-lao ước được 875.000 người thuộc về các giống như sau:

500.000 người Lào và Phu-Thai, cùng thuộc một giống, ở các nơi đất thấp;

230.000 người Khá, ở các miền sơn-lâm, chia ra nhiều rợ khác nhau;

125.000 người thuộc các giống miền Nam nước Tàu và Thượng-du Bắc-kỳ, như Mèo, Lô-lô, Dao, Lư, Mường, v. v..

12.000 người An-Nam, phần nhiều ở các nơi tỉnh-thành, và cũng có một ít ở các làng-bạn về miền Trung-Lào.

Còn ngoại-giả chừng 8.000 người thuộc các giống: Xiêm-la, Diển-diện, Cao-miền, Khách Quảng-dông, Triều-châu, Khách-lai, v. v..

Người Lào và người Phu-Thai thì ở các nơi đồng-bằng thung-lũng; làm

(1) Xem tiếp *Nam-Phong* số 153.

nghe đánh cá, chớ dò, cấy ruộng, cùng các công-nghệ nhỏ trong nhà, như dệt vải, dệt gấm, cũng có nuôi trâu, bò, lợn, gà nữa. Nhà ở lối nhà sàn như ở trên đả tả. Đàn ông thì mặc một thứ áo cánh bằng vải tây trắng, quần thì gọi là *sampot*, là một mảnh vải quấn ngang lưng và quanh chân. Nhiều người đùi và chân có vẽ hình, thường để trần, lấy làm lịch-sự lắm. Đàn bà thì mặc xiêm sắc-sỡ gọi là *sing*, trên vai quàng một cái khăn cũng có màu sắc gọi là *pha-pha*; đầu trần, tóc quấn thành bới tóc, thường có cài hoa.

Giống Khá trước cũng ở thung-lũng, nhưng bị người Thái tràn sang phải lùi vào ở các rừng núi. Giống này hay săn bắn, và làm «rẫy», nghĩa là đốt một khu rừng cấy lúa hay trồng rau, trồng chuối, v. v., trong mấy năm, rồi hễ đất kiệt thì lại đi nơi khác. Nhà cũng là lối nhà sàn, thường to rộng lắm, cả một gia-tộc ở được. Đồ thực-dụng đem nơi nọ ra nơi kia thời dễ dàng do cái rọ đan rồi đeo lên lưng. Giống này đi bộ trên núi khỏe lắm. Áo quần này đi bộ trên núi nhuộm màu trầm. Đàn bà thì mặc xiêm, mặc yếm và đội khăn, có đính thêm những hoa giấy cùng miếng thêu ngũ-sắc; người lịch-sự thì kiềng khăn phiến-phức lắm.

Các giống Mường, Mèo, Lự, Dao, Lô-lô, thì chỉ có miền Bắc-Lào mới có. Phong-tục, cách ăn mặc, nhà cửa, tùy mỗi giống mỗi khác. Lối sinh-hoạt phần nhiều còn cổ-lỗ lắm, đại-khái giống người Khá hơn người Lào.

Giống Lào và giống Phu-Thai là phần dân đông hơn và đã khai-thông hơn cả. Duyên-do là giống Nam-chiếu ngày xưa, ở miền Tứ-xuyên Văn-nam xuống, xét lịch-sử thường thấy xung-đột luôn với các nước lân-cận, như Cao-miền, An-Nam, Xiêm-la, Diển-diện. Đến đầu thế-kỷ thứ 19 thì xứ Ai-lao chia ra làm ba nước, có ba vua; Thượng-Lào tức là nước Lan-xang (Vạn tượng), kinh-đô

là *Louang-Prabang*, hiện nay vẫn có vua; Trung-Lào, kinh-đô là *Vientiane*, bị người Xiêm tàn-phá tự năm 1827; Hạ-Lào, kinh-đô là *Bassac*, cũng cách mấy năm sau bị diệt.

Người Pháp đến thám-hiêm xứ Ai-lao trước nhất là chúa tàu DOUDART DE LAGRÉE và lãnh-sự PAVIE. Nước Xiêm thấy các nhà ấy đi lại đem bụng ngờ, sau thành ra xung-đột, Pháp phải đem tàu chiến sang tận cửa *Bangkok* để thị-uy, nước Xiêm mới chịu. Bấy giờ thì nhân-dân xứ Lào thỉnh-cầu nước Pháp sang chiếm-lĩnh để cai-trị; hạt *Louang-Prabang* còn có vua cũng tự-nguyện xin nước Pháp bảo-hộ. Pháp bèn tổ-chức xứ Lào thành thuộc-địa, bắt đầu đặt các cơ-quan hành chính tự năm 1893, trước định lấy *Khong* làm thủ-phủ, sau đến năm 1899 thì dịch lên *Vientiane*.

*Vientiane* là nguyên kinh-đô đất Trung-Lào, trước bị tàn-phá, nay đã sửa-sang lại, quan Khâm-sứ Ai-lao đóng ở đây, cùng cả các to-tào công-sở, như học-chính, công-chính, y-tế, bưu-chính, thương-chính, nông-chính, vân-vân. Ở *Louang-Prabang* thì có đức vua SISAVANG-VONG với ba quan thượng-thư giúp việc, thành chính-thê một vương-quốc, địa-giới bằng một tỉnh lớn, ở trong phạm-vi xứ Ai-lao thuộc Pháp.

Địa-hạt Lào chia ra làm 10 tỉnh và một đạo quan binh. Đầu mỗi tỉnh có một quan cai-trị Pháp gọi là « Ủy-viên chính-phủ » (*Commissaire du Gouvernement*), cũng như chức công-sứ ở bên ta, có quyền cai-trị cả hàng tỉnh và đốc-suất các công-sở. Quân lính thì có lính khố xanh như bên ta, mỗi tỉnh có một cơ cũng thuộc quyền quan cai-trị. Còn chính-quân-đội thuộc quyền quan binh quản-suất thì đóng ở đạo thứ năm, sở-tại là *Phong-Saly* và hạt thượng-lưu sông Cửa-long, sở-tại là

*Houei-Sai*, hai hạt này cùng giáp-giới với tỉnh Vân-nam nước Tàu.

Mỗi tỉnh chia ra từng hạt như phủ-huyện bên ta, mỗi hạt chia ra các tổng các làng. Mỗi hạt có một chức quan gọi là *Chau-muong* hay là *Nay-khoten*, mỗi tổng có một viên *tasseng* tức là chánh-tổng, mỗi một làng một viên *pho-ban* tức là lý-trưởng, do dân bầu. Ở những miền người Khá người Mèo người Mường ở, thì cách cai-trị tùy nơi thay đổi và tên các quan-chức cùng tổng-ly cũng không có nhất-dịnh.

Người Lào hay người *Phu-Thai* thì tính vui-vẻ, nhưng lười-biếng, không chịu khó làm ăn. Đối với khách lạ có bụng hoan-ngheh. Có tục hễ nhân dịp vui-vẻ gì liền mở hội, họp nhau lại mà hát đúm, tiếng Lào gọi là làm *bun*.

Bữa ở *Vientiane*, chúng tôi có đến một làng cách đây hai cây số xem họ làm *bun*. Bấy giờ là buổi tối vào tám chín giờ. Nơi ấy là một nơi chùa làng, chung quanh có sân rộng. Ngoài sân làm mấy dãy quán bằng tre bằng lá, trong quán giải chiếu xuống đất, các *phu-sao* tức là con gái vùng ấy mặc siem mặc yếm sặc-sỡ coi vui mắt lắm, đến ngồi cả từng dãy dài, ăn trầu nói chuyện với nhau. Bấy giờ những *phubao* là con trai đi lượn chung quanh, thấy người con gái nào vừa ý thì đến ngồi ngay trước mặt, đem cái kèn gọi là *khene* <sup>(1)</sup> đến thổi và hát, toàn những giọng phong-tinh như hát trống-quân hay hát quan-hộ bên ta. Duy có khác là chỉ có con trai hát, còn con gái thì ngồi nghe không phải đáp lại. Ở giữa sân thì các nhà hàng dong đèn lên bán những quả bánh cho khách đi xem. Trong đám hội đó kể có nghìn người, mà không có cái cảnh ồn-ào nào-nhiệt như bên ta. Đó cũng là do

cái tính người Lào hiền-tĩnh, dù khi hội-hè cũng không có huyên náo.

Có một điều lạ, là ở trong quán có đặt giường để các vị sư ngồi hình như chứng-kiến cho cuộc vui đó. Hỏi ra thì lẽ thường ở đây phàm khi mở hội như thế này, trước có hát đúm, rồi sau thì lễ Phật, cho nên các nhà sư đến đây là túc-trực để sớm mai tụng kinh làm lễ. Lễ này là lễ dâng hoa, con trai con gái trong làng đem hoa đến dâng sư và cúng Phật.

Hội-hè mà coi cảnh-tượng có vẻ êm-dềm tự-nhiên lắm. Đó chính là cái tâm-ly của người Lào, chỉ biết thủ-thường yên-phận, vui-vẻ tự-nhiên, không muốn khó-nhoc lo-lắng gì cả. Cái tính-cách đặc-biệt của người Lào đó, tiếng họ gọi là *sư-sư*. *Sư-sư* nghĩa là cứ tự-nhiên, gặp sao hay vậy, sống ngày nào biết ngày ấy, cầu-thả qua thời, không lo xa nghĩ-ngợi gì cả. Vì cái tâm-ly đó mà người Lào xem ra khó lòng tự-lập được ở đời này, như trên kia đã nói sớm trưa tất bị đồng-hóa hoặc với người An-Nam, hoặc với người Xiêm-la.

Làng nào cũng có chùa, chung quanh chùa có tháp, tiếng Lào gọi là *thát*. Người Lào theo đạo Phật thuộc về Nam-tôn Tiểu-thừa, như Cao-miên, Xiêm-la vậy. Sư ở đây là hạng thượng-lưu học-thức, nên được dân-gian tôn-trọng lắm. Nhà tử-lẽ ai cũng cho con đi ở chùa để học chữ học đạo, người nào phát-nguyện đi tu thì ở luôn, còn thì ở một vài năm rồi lại về nhà.

Đó là phong-tục chính người Lào, còn người Khá thì cách ăn ở hãy còn mộc-mạc thô-lỗ lắm. Thờ cúng toàn thờ cúng các ma rừng, họ gọi là *phi*, cũng có những thầy mo thầy cúng như các dân mạn ngược ta. Có khi trong

(1) Cái *khene* giống như cái sáo, làm bằng tám cái ống sậy ghép lại với nhau. Tức như lối kèn Mán ở mạn ngược.

làng họ có cái hèm gì thì họ đóng cửa, nội bất xuất ngoại bất nhập, rồi họ làm lễ ăn uống với nhau hàng mấy ngày. Họ có cái tục uống rượu cần cũng như người Tày hay người Mọi. Hễ có khách lạ đi qua thì họ đem rượu ra thiết, để trong cái hũ, bắc cần mà hút.

Tiếng Lào hơi na-ná với tiếng Xiêm, thuộc loại tiếng Thái, âm-vận nhiều chỗ giống với tiếng Nam ta. Các nhà bác-ngữ-học cho rằng tiếng An-Nam ta hồi xưa cũng là một chi trong dòng tiếng Thái, sau này chịu giáo-hóa bằng chữ Tàu mà càng ngày càng sai-biệt đi. Nghe người Lào nói hay hát xa xa có khi phảng-phất như tiếng An-Nam vậy.

Ấy đại-khái tính-tình, phong-thổ, tôn-giáo, ngữ-ngôn của các dân Ai-lao như vậy. Tóm lại thì là những dân còn bán-khai, sánh với người An-Nam còn kém nhiều. Cho nên người An-Nam sang làm ăn bên Lào, lớn thì buôn bán, nhỏ thì phu-phên, bao giờ cũng được phần hơn người Lào. Người Lào thì cầu-thả tự-nhiên, mà người Nam thì siêng-năng hoạt-bát, đi đến đâu cũng có ý lấn-lấp. Đâu có người An-Nam thì người Lào tránh xa đi. Các nơi thành-phố lớn phần nhiều là người An-Nam ở, người Lào thì về ở những làng-bạn xa-xa.

Bởi cái tình-trạng đó nên hai giống đối với nhau không đến nỗi xung-đột gì, nhưng vẫn hơi có ác-cảm một chút. Tục-ngữ Lào đã có câu: *Ma kap meo, keo kap lao*, nghĩa là: chó với mèo, An-Nam với Lào; có ý nói không ưa nhau.

Người Pháp sang cai-trị xứ Lào, thấy người Lào hiền-lành dễ bảo, sẵn lòng thương. Thương thành ra có khi thiên, muốn bênh-vực cho người Lào mà nhiều khi tỏ ra không ưa người An-Nam. Thậm-chi có người nói: Đất Vạn-trượng là đất dân lành tục tốt,

đừng có để cho giống « vi-trùng » ngoài truyền-nhiêm vào. « Vi-trùng » ấy là ai, ta cũng đoán biết vậy.

Nhưng nói cho phải, người Pháp đầu những người quá thương dân Lào cũng phải công-nhận rằng xứ Lào cần phải mở-mang về đường kinh-tế, mà người Lào thì quyết không đủ nghị-lực đương được công-việc đó, tất phải dùng đến người An-Nam. Cho nên việc di dân An-Nam sang Lào, là một việc cần cho xứ Lào.

Ông ROLAND MEYER là quan cai-trị Pháp ở Lào, hiện làm đốc-ly *Vientiane*, đã có làm sách về xứ Lào, tỏ lòng rất thương yêu dân Lào, trong sách có nói rằng :

« Việc di-dân An-Nam vào Ai-lao, là cái vấn-đề lớn cho xứ Lào ngày nay. Dân Lào sẽ vì đó mà li-tán, vì người An-Nam tràn vào miền Trung-Lào, từ khoảng *Savannakhet* đến *Vientiane*, thời người Lào tất phải lui dần sang bên kia sông Cửu-long là địa-phận nước Xiêm, thế là đoàn-thể dân Lào bị cắt đứt ra làm đôi, hai phần không liên-tiếp với nhau nữa: phía bắc theo về *Louang-Prabang*, phía nam theo về *Bassac* và *Oubône*. »

Tác-giả cho đó là một sự cực cho người Lào, nhưng cũng là sự « cực chẳng đã », thế tất-nhiên như thế, không thể sao được. Nên lại nói tiếp theo rằng :

« Sự cực đo không thể sao bỏ-cứu được. Xứ Lào lắm đất bỏ hoang, cần phải có người đến để thực-dân. Ngay cạnh vách có cái kho chứa người, là Trung Bắc kỳ. Tất phải lấy người ở đấy mà đem sang, không còn lấy đâu được nữa, dù hai giống đó tính-cách trái nhau mặc lòng, giống yếu tất bị giống khỏe tiêu-diệt. . . »

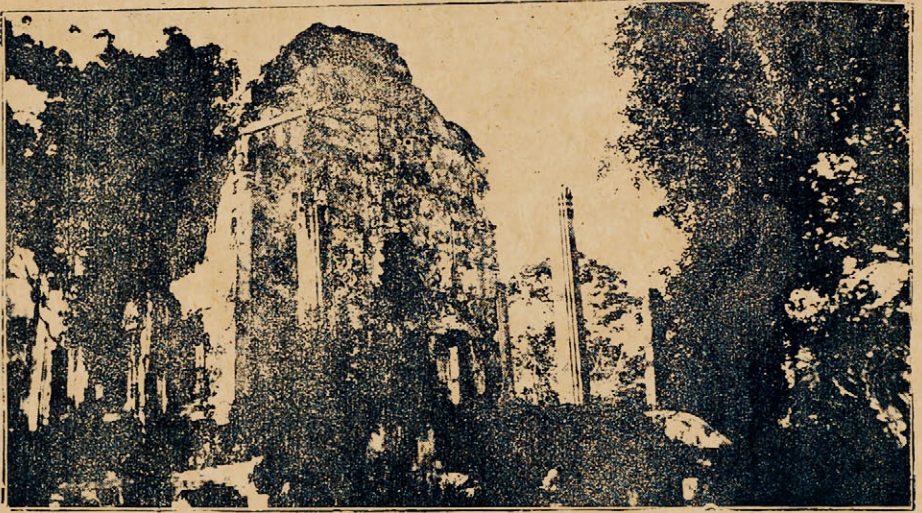
« Thời thế là mất xứ Lào! Thành *Vientiane* nay đã cơ-hồ biến ra một thành-phố An-Nam rồi. Người Lào cũng đành phận vậy, đem thân làm hi-sinh



*Đông-bào ở Vientiane nghênh-liếp quan Tổng-dốc Hoàng Trọng-Phu và ông Phạm Quỳnh  
(chụp ở sân hội Thể-thao Việt-Nam)*

*Ảnh hiện Dương Xuân-Quyết (Vientiane)*

Chùa Pra keo ở Vientiane (đã đổ nát)



Tượng Phật đồng đen ở sân chùa Sisaket, Vientiane. (Đứng giữa là vị sư trưởng)

cho người, có chết không dám oán. Lũn-tuổi đi, để chỗ cho kẻ khác đến, cớ-tích của ông cha, đều chừa tự đời trước, tường xiêu đá đổ, kẻ đến sau sẽ đánh đổng như gạch vụn mà đem bán từng thước đưng! . . . »

Lời nói ảo-nã thay! Ông MEYER thương xót cho người Lào mà nói ra những lời thiết-tha cảm-động như vậy. Tuy-nhiên ông vẫn tin rằng người Lào không đến nỗi phải cái số đào-thải như thế. Ông còn hi-vọng cho tiền-dò xứ Lào sẽ được về-vang như cuộc ký-vãng; ông mong rằng nhờ sự giáo-hóa của nước Pháp, dân Lào sẽ gây thành một hạng thượng-lưu xứng-đáng, làm hướng-đạo cho dân-chúng, nước Lào có cơ khôi-phục lại được, không đến nỗi nào.

Dù thế nào mặc lòng, hiện nay xứ Lào đã mất đầu mà phải lo. Nói rằng người An-Nam tràn sang tất người Lào phải tiêu-diệt, là phán-đoán một cách bi-quan quá. An-Nam di-dân sang Lào, không những không hại cho xứ Lào, mà lại vừa lợi cho xứ ấy, vừa lợi cho Trung-Bắc-kỳ nữa. Thiết-tưởng từ trước đến nay chưa hề có thiệt-hại cho người Lào bao giờ cả. Người An-Nam ở Lào thủy-chung vẫn là một cái động-lực đi đến đâu làm cho sầm-uất thịnh-vượng đến đấy. Không những mới mấy năm gần đây, kể từ khi nước Pháp mới đến chiếm-lĩnh xứ Lào, người An-Nam vẫn đã có công to giúp cho mở-mang xứ này được nhiều lắm. Nhờ sự làm ăn khó-nhọc mà nay chiếm được địa-vị hơn người, địa-vị ấy không phải là tranh cướp lấy của ai, vì có phải của ai mà cướp, chính tự mình cần-laò nhân-nại mà làm nên vậy.

Đất Lào còn rộng nhiều; còn có thể mở-mang ra to-tát hơn nữa. Còn chán chỗ cho thiên-hạ đến làm ăn, đã chật đâu mà sợ. Đất rộng mênh-mông, có năm mươi vạn người Lào, dù có sinh-

sản ra gấp mấy đi nữa, có tính siêng-năng đến thế nào nữa, cũng không đủ sức mà khai-thác cho hết được. Hướng giống Lào lại là một giống lười-biếng cầu-thả, không chịu xuất lực làm ăn, ai ai cũng từng nhận thấy như vậy. Có người hi-vọng cho sau này sẽ khôi-phục thành nước, có thể-thống hần-hoi, dù sự hi-vọng đó có ngày thực-hiện được, bấy giờ cũng còn phải cần đến người An-Nam thì cái nước sẽ phôi-thai ra đó mới có thể sống được. Song sự hi-vọng đó có lẽ lâu ngày nữa cũng còn ở trong cõi mộng-tư-vọng mà thôi.

Nói tóm lại, dù xét về phương diện nào mặc lòng, sự di-dân An-Nam sang Ai-lao, cũng là không có hại gì cho xứ Lào cùng người Lào cả. Hiện nay thời là một sự rất cần. Nếu nhất-đán bao nhiêu người An-Nam sang làm ăn bên Lào, người làm việc nhà nước, kể làm việc công thương, cho đến kể làm thuê làm mướn, mà bỏ xứ Lào đi hết, thì sự sinh-hoà trong xứ bị đình-dốn cả.

Cái vấn-đề phải xét ngay nay, không phải là xét nên khuyến-trương hay nên hạn-chế sự di-dân đó. Đó là lẽ tự-nhiên, và là sự yếu-cần, cần cho xứ Lào không đủ người, cần cho Trung-Bắc-kỳ nhiều người quá. Lệ thường thì xứ nào đông người quá phải đi ra ngoài kiếm ăn, tìm đến những xứ ít người ở mà sinh-cơ lập-nghiệp, đó là cái lẽ thừa-trừ xau-xẻ tự-nhiên, đời nào nước nào cũng vậy. Có hại gì đến chúng tộc ng rời Lào sợ có ngày tiêu-diệt, có hại gì đến quốc-gia Ai-lao chưa biết bao giờ thành lập?

Có điều nên chú ý xem xét để chỉ-hướng cho được đôn-thỏa, là việc di-dân đó hướng-lai vẫn phó mặc tự-nhiên, không khỏi có điều bất-tiện, nay nên tổ-chức thế nào cho vừa được lợi cho xứ Lào có người đến giúp đỡ mở-mang về đường kinh-tế, vừa được lợi cho Trung-Bắc-kỳ có chỗ mà di-dân

cho khỏi cái nạn dân-mãn ở mấy tỉnh đồng-bằng.

Từ trước đến nay không ai đề ý xem-xét mà giải-quyết việc đó một cách chu-đáo. Ai cũng phải công-nhận việc di-dân là nên là cần, nhưng không hề nghĩ kể sắp đặt cho có phương-pháp, về phần xứ Lào cũng vậy, về phần Trung-Bắc kỳ cũng vậy. Việc là việc thực-tế, không phải là chuyện lý-thuyết, vậy mà nhiều khi không chịu lấy sự thực mà xét, lại lấy cảm-tình mà phán-đoán.

Chính ông MEYER, trong bộ tiểu-thuyết của ông tả về Cao-miên và Ai-lao, đề là *Komlah*, có một đoạn nói về vấn đề di-dân như sau này :

« Người An-Nam đua nhau mà tràn sang xứ Lào, cách di-dân đó thật là hỗn-dộn. Chúng ta cứ đứng đìem-nhiên mà trông, không can-thiệp vào, khi cần đến nhân-công đề làm việc thì ước-ao cho họ sang nhiều, khi trông thấy người Lào bị lấn-láp thì lại động lòng thương, lấy lẽ cảm-tình mà phân-nàn là một sự không nên.

« Trong khi ấy thì các đường các ngã tự Trung-kỳ sang Ai-lao, lũ-lượ những dân đói khát ở các miền Trung-Bắc-kỳ kéo nhau sang lưu-vực sông Cửu-long để kiếm ăn, mong được khí-hậu tốt, đất phì-nhiều, làm ăn dễ.

« Người di-dân An-Nam đó sang Lào như đi Tân-thế-giới kiếm mỏ vàng vậy ; lúc đi không trình cho làng biết, giầy-má căn-cước không có, gặp lũ nào đương đi liền đi theo, vượt qua giải Trường-son, giữa đường vào làm công ở các xưởng đắp đường, ăn ở tạm bợ, gặp sao hay vậy, trộm cắp không nề, rồi lần-lữa đến một tỉnh nào có đồng người ở trên bờ sông Cửu-long, ở liền đấy xoay kế sinh-nhai. Đấy đã sẵn có người đồng-loại họ ở

từ trước rồi, họ cũng ở lẫn-lộn vào, làm thuê làm mướn, làm cu-li, làm vườn, làm ruộng, làm bổi, làm cai lĩnh-trung, làm lính « phú-lit », làm gì cũng được hết, không cần phải học-tập gì cả. Làm ăn có máu mặt, kéo đến lại càng đông, chỗ nào thiếu người liền đến xin việc, có khi nộp thuế, có khi thì không, khi đi khi lại bất-thường, người Tây tất phải cần đến, không có không được. Vì chẳng phải người Tây mở đường cho họ sang đó dư ? Họ chẳng phải là kẻ hiệp-tác với người Tây ở đất chinh-phục này dư ? Đối với người Lào dút-dát sợ-hãi, họ lên mặt là thầy-tớ của quan thầy Đại-Pháp, mà quan thầy cũng phải chịu công-nhận là thầy-tớ mẫu-cán được việc... Bấy giờ chú Việt-Nam ta mới lên mặt bảnh-bao ; công-việc ở các công-sở chiếm hết ; bổi bếp cho người Tây cũng làm cả ; công thương các nghề một tay giữ ; nếu được chiếm ruộng đất nữa, thì họ nghiêm-nhiên là chủ-nhân-ông xứ Ai-lao rồi ! »

Tác-giả nói đến đây đã có giọng cay, cảm cho người Lào mà tức với người Nam ; lại nói tiếp rằng :

« Chú Việt-Nam ta lại càng lấn-láp, không còn sợ-hãi gì nữa ; đi đến đâu thì ồn-ào rộn-rịp, cãi nhau chửi nhau, người Lào hiểu-tĩnh không chịu được ; bấy giờ họ thừa-cơ đánh lừa người Lào khờ-dại, bán ruộng, bán đất, bán nhà, bán con cho, đành chịu nhục-nhẫn thiệt-hại để cho yên-thân. Sao-Văn-Đi (tên Lào) vô-tâm đã bị lừa rồi, bấy giờ chỉ còn một nỗi làm nô-lệ cho người An-Nam, nằm đất chịu khổ, đề cho chú Việt-Nam ta chêm-chện ngồi trên nhà sàn, như con cáo già ngồi trên chông gà vậy !... »

Dịch cả đoạn sách đó cho biết rõ tình-trạng việc di-dân An-Nam ở Ai-lao thế nào : nhất-diện thời có nhiều người Tây yêu-mến người Lào, không

muốn cho người An-Nam sang làm ăn bên Lào nhiều, sợ lẫn-láp người Lào, nhưng cũng phải chịu rằng xứ Lào không có người An-Nam thì không sao mở mang về đường kinh-tế được; nhất diện thời việc di-dân An-Nam sang Lào hiện nay vẫn phó-mặc tự-nhiên, không ai xem xét, nên theo như lời ông MEYER nói có cái tinh-cách « hỗn-độn », người di-dân không phải toàn là người tốt cả, kẻ tạp cũng nhiều, nên tất có nhiều điều bất-tiện.

Vậy Chính-phủ nên chủ-trương việc này, công nhiên lấy sự di-dân An-Nam sang Lào là một việc trọng yếu trong chính-sách khai-thác xứ Lào, rồi định cách đốc-suất cho có phương-pháp.

Nhưng trước khi chủ-trương việc này thì cần phải sửa lại ý-kiến của nhiều người đối với vấn-đề di-dân An-Nam ở Lào. Những người ấy do cái bụng tốt thương người Lào, chỉ sợ người An-Nam tràn sang thì giống Lào đến lụn-bại, nên đối với việc di-dân vẫn không hoan-nghênh gì, lại nói ra những giọng bi-quan, khiến cho chính người Lào cũng nản-nao mà gây ra một cái dư-luận không tốt.

Dân Lào gần đây cũng đã có ít nhiều người học Tây khá, liền chủ-trương cái dư-luận đó, có ý muốn bài xích người Việt-Nam và gây lấy một cái chủ-nghĩa quốc-gia của người Lào.

Tiêu-biểu cho cái dư-luận đó là ông PHETSARATH, một vị quan to người Lào, làm chức thanh-tra chính-trị ở *Vientiane*.

Mới đây đi qua Hà-nội ông có tờ ý-kiến cho một tờ báo Tây ở đây là báo *France-Indochine*.

Ông nói rằng ông không phải phản-đối việc di-dân An-Nam sang Lào, nhưng việc này cần phải sắp đặt cho có phương-pháp. Điều đó thì phải lắm, ai cũng phải đồng-ý như vậy.

Nhưng ông lại nói rằng người Lào không cần gì đến người An-Nam; An-Nam di-dân sang Lào chỉ làm phiền-hại cho người Lào, lẫn-láp bất-nạt làm cho người ta phải bỏ cả chế-độ phong-tục; đáng lẽ đi tha-phương cầu-thực, đến đâu phải theo phép-luật cùng, quyền cai-trị của quan sở-tại mới phải, vậy mà người An-Nam sang Lào cứ nghênh ngang, nghiêm-nhiên làm « một quốc-gia trong quốc-gia người ta » (*un Etat dans l'Etat*), được hưởng những đặc-quyền quá-đáng, người Lào không thể chịu được; tình-trạng ấy nếu cứ dề mãi thì sau này có sự nguy to, vì người Lào tất phải bỏ xứ Lào mà sang ở bên Xiêm, làm dân Xiêm hết cả.

Ấy lời ông PHETSARATH nói với nhà báo Tây như vậy. Ông là người có quyền-thế ở bên Lào, ý-kiến ông không phải là không quan-trọng. Nhưng ý-kiến ấy rõ-ràng là thiên-lệch, không được chánh-đáng.

Hoặc-giả nói đó chính là cái « chính-sách về chủng-tộc » (*politique des races*) của Chính-phủ định thi-hành ở Đông-dương này, muốn cho các giống ngoài giống An-Nam biết tự-trọng tự-cường để cho người An-Nam là phần đông khỏi lẫn-láp mất và cũng để làm cách làm thời đàn-áp và hạn-chế giống An-Nam cho khỏi lộng-lẫy quá. Nếu chính-sách đó là vị nhân-đạo mà bênh-vực cho các giống yếu-hèn thì hay lắm, nhưng nếu vì quyền-mưu mà muốn gây ra sự ác-cảm trong các chủng-tộc để giống nọ chèn lấn giống kia thì thiết-tưởng không phải là thượng - sách. Dùng sự cạnh-tranh về chủng-tộc làm cái kế-hoạch về chính-trị, không có kết-quả tốt bao giờ.

Dù thế nào mặc lòng, lời phán-đoán của ông PHETSARATH đó rõ là không ưa người An-Nam và thiên-hắn về cái chính-sách chủng-tộc đó.

Ông công-nhiên trách người An-Nam rằng mỗi khi nói về Đông-dương chỉ thấy nói một nước Nam mà thôi, bình như ngoài nước Nam không còn có nước nào khác nữa. Nhưng ông quên rằng người Lào không được một triệu mà người An-Nam chúng tôi những hơn mười lăm triệu, thì tất chúng tôi phải nói đến nước Nam chúng tôi trước đã, rồi mới nói đến các xứ láng-giềng sau. Nhưng không phải là chúng tôi có ác-cảm gì với các xứ ấy đâu, cũng không phải là có cái mưu xâm-lấn gì đâu. Xưa kia Nam-triều chúng tôi có đặt quan đô-hộ ở Nam-vang, có bắt các vua Ai-lao phải tuế-cống thật, nhưng đó là chuyện cũ thuộc về lịch-sử rồi, nay còn đâu như thế nữa. Nay đã có nước Pháp làm chúa-tể cả các dân-tộc trong cõi Đông-dương, khi nào để cho dân An Nam lẫn-láp được các dân khác. Dưới quyền chúa-tể đó thì dân nào cũng là bình-dẳng nhau tất cả. Nghĩa-vụ nước Pháp là phải bênh-vực cho hết thấy.

Nhưng nghĩa-vụ nước Pháp cũng lại là phải khai-thác xứ Đông-dương này, không để cho chỗ nào có đất bỏ hoang, có sản-vật không khai-khẩn đến. Nghĩa-vụ của nước Pháp là một bên phải khai hóa cho các dân-tộc còn kém-hèn, khiến cho bước lên một trình-độ cao hơn, một bên lại phải tìm đường cho các dân-tộc cần-mãn siêng-năng mà số người nhiều quá, ở đất nước nhà chật-hẹp không đủ kể sinh-nhai, có thể dời sang các xứ lân-cận mà làm ăn, bành-trướng phát-đạt ra các nơi đất nhiều người ít, để giúp cho cuộc thịnh-vượng chung.

Ông PHETSARATH nói rằng người Lào không cần đến di-dân An-Nam. Nhưng người Lào thì còn cần đến gì nữa. Người Lào không cần đến ai, không dùng đến gì cả, vô-lo vô-lự như người đời thời - cổ, sung - sướng lắm rồi,

giả loài người khôn-ngoan ra thì nên bắt chước cả người Lào mới là phải! Nhưng loài người chưa biết khôn-ngoan, lại hay hiểu-sự, cho nên dù ở xứ Lào cũng có sự cần bắt-buộc phải làm khó-nhọc, cạnh-tranh để mưu lấy sinh-tồn. Mà trong cuộc sinh-tồn thì kẻ nào nhân-nại cần-cù, linh-lợi hoạt-bát, là kẻ ấy tất được phần hơn. Đó là cái luật tự-nhiên của trời đất, «tru-giả thắng, thích-giả tồn», phản-đối lại với cái luật đó cũng là vô-ích mà thôi.

Vả lại người Lào đâu không cần đến người An-Nam, mà xứ Lào phải có người An-Nam mới được. Có người An-Nam thì mới mở-ming sinh-sầu ra được, mới khỏi bế tắc lại mà giao-thông được với các xứ ngoài, không thành một cái đất tịch-mịch xa-xôi để cho mấy nhà du-lịch ngoại quốc đến xem các cô «phu-sao» với các tượng bụt ố, mà có thể sinh-hoạt theo cái đời kinh-tế ngày nay.

Còn như nói rằng người An-Nam ở Lào được biệt đãi hơn người Lào, không phải theo pháp-luật bản-xứ, nghiêm-nhiên thành một quốc-gia ở trong quốc-gia, như lời ông PHETSARATH nói đó, thì thiết-tưởng là lời nói quá-dáng không thực. Người An-Nam ở Lào phải phục-tòng pháp-luật nước Pháp và do tòa án Pháp xử, cũng như người Lào ở nước Nam vậy. Ngay người Nam-kỳ cũng là người An-Nam mà ra ở Bắc-kỳ là thuộc quyền thẩm-phán của các tòa án Tây chứ không phải các tòa án Nam.

Nay ông nói như vậy có lẽ muốn cho người An-Nam ở Lào cũng phải theo luật-lệ xứ Lào và thuộc quyền quan Lào xét-xử chăng? Nếu thế thì không được, vì hai dân tinh-tinh phong-tục, cách cư-xử, cách sinh-hoạt đều là khác nhau cả, không thể sao dung-hóa làm một được. Một người Lào ở Huế không thể coi là thần-dân vua Bảo-đại

được, vậy thì người An-Nam ở *Louang-Prabang* cũng không thể coi là thần-dân của vua SISAVANG được. Người ĐÔNG-DƯƠNG ở ngoài xứ-sở mình chỉ có thể theo một pháp-luật, là pháp-luật của nước Pháp có chủ-quyền nhất-thống cả ĐÔNG-DƯƠNG mà thôi.

Ông PHETSARATH lại tỏ bày một cái ý-kiến nữa, là dân Ai lao cần phải có quyền chủ-trương nhất thống, quyền ấy phải thuộc quốc-vương ở *Louang-Prabang*, và phải có một đoàn-thể quan-lại nhất-thống giống như quan-trưởng bên An-Nam để cai-trị dân. Ý-kiến này tuy không quan hệ đến vấn-đề di-dân, nhưng cũng có gián-tiếp ảnh-hưởng, ta cũng nên biết phải trái thế nào. Ông là người Lào, vì lòng ái-chung ái-quốc mà xướng lên cái thuyết đó, vào địa-vị ông cũng là phải. Song xét kỹ ra, còn là lý-thuyết xa-xôi cả. Có một người Pháp, làm quan cai-trị bên Lào đã mấy chục năm, nay đã về hưu vẫn làm việc công-thương ở đây, là ông MALPUECH, việc Ai-lao ông rất am-hiếu, mới rồi có viết trong báo tây nói rằng xứ Ai-lao không phải là nước thống-nhất, đặt ra một chính-phủ trung-trương ở *Vientiane* cũng là thừa, vừa phí-tiền cho nhà-nước, vừa phiền-nhiều cho người riêng, mệnh-lệnh truyền ra, giấy-má đi lại, hàng tuần mới tới nơi, không khỏi trở-ngại cho công-việc, bắt-nhược chia ngay xứ Lào làm ba phần, Thượng-Lào cho sáp-nhập vào Bắc-kỳ, Trung-Lào vào Trung-kỳ, Nam-Lào vào Cao-miền, gần đầu trực-tiếp với đó, về các phương-diện địa-lý kinh-tế đều là tiện-lợi cả.

Thế thì ra hai ý-kiến trái ngược hẳn nhau. Ông PHETSARATH thì muốn hợp một, ông MALPUECH thì muốn chia ba, chúng ta là người giữa, không dám phán-đoán bên nào là phải bên nào là không. Nhưng xem như thế thì đủ biết

xứ Ai-lao chữa thành một quốc-gia chân chính, đã vội gì mà phải lo rằng người An-Nam tràn sang đến làm cho mất giống mất nước đi được?

Vả lại xét cho kỹ, vấn-đề di-dân An-Nam ở Ai-lao, hiện nay đã lấy gì làm nguy-hiểm quan-trọng đến như thế.

Như trên kia đã nói, chẳng qua là một sự di-dịch tự-nhiên. Người An-Nam ở các đất đồng-bằng chật-hẹp quá, đời nào cũng vẫn có cái khuynh-hướng di-cư ra ngoài để cho dễ kiếm ăn. Bởi thế nên tự thế-kỷ thứ 17, cả miền nam Trung-kỳ và đất Nam-kỳ ngày nay là do người ngoài Bắc vào thực-dân hết. Ngày nay nhờ có đường giao-thông đi sang Lào dễ, nên nhiều người cũng thuận theo cái khuynh-hướng tự-nhiên đó, mà đi sang làm ăn bên ấy, dần-dần chiếm được địa-vị khá ở trong trường kinh-tế bản-xứ. Địa-vị ấy không phải là tranh-đoạt của ai, vì trước kia đã có ai chiếm đâu. Kể buôn-bán, người làm nghề, sẵn có tính siêng, có tài khéo, cũng kiếm được đủ ăn, không ngần-trở gì ai, vì có cạnh-tranh với ai đâu. Có thể mà thôi, chứ nói rằng xứ Lào vì như Tân-thế-giới, thiên-hạ đua nhau mà sang xúc lấy vàng, thì là nói ngoa; lại nói rằng người An-Nam từng đàn từng lũ, đói khát rách-rưới kéo nhau sang Lào kiếm ăn, chẳng mấy nổi được phong-lưu ngay, cũng là nói sai. Ai sang đấy làm ăn cũng là khó-nhọc, mồ-hôi nước mắt, có kiếm được cao công hơn ở nước nhà một đôi chút, thì cũng là đáng, chứ chẳng phải quá chi.

Vả lại hiện nay sự di-dân cũng có hạn mà thôi, không phải như thiên-hạ tưởng làm, kéo bao nhiêu người sang cũng đủ việc làm đâu. Trước hết có các mỏ phải dùng đến nhân-công An-Nam, thì cái số cũng không nhất-định. Hiện nay các việc mỏ lại đình-đốn cả,

thì số nhân-công ấy lại càng hạn-chế bớt đi nhiều lắm. Vả lại làm công ở các mỏ cũng chẳng quý-hóa gì, mà người Lào phải ghen với người An-Nam. Còn các công-trình làm đường-lộ và đường-sắt, thì nay mai nhờ có tiền công-thải bên Pháp sẽ làm gấp hơn trước, tất phải cần đến nhân-công nhiều. Nhưng mà cái số eu-ly mô ở các nơi đến để làm cho các chủ-thầu, thì thất-thường lắm, nay đây mai đó, chẳng có căn-cước gì, không thể gọi là di-dân được.

Thật là người di-dân đòi xứ-sở mà sang sinh-cơ lập-nghiệp ở bên Lào, thì chỉ có một vạn đến một vạn hai nghìn người ở *Thakhek*, ở *Vientiane*, ở *Savannakhet* và mấy nơi tỉnh nhỏ nữa, người thì buôn-bán, người thì làm nghề, người thì làm việc nhà nước, người thì làm công cho các chủ tây. Chỗ nào có người An-Nam đến ở đông là chỗ ấy có vẻ đông-đức thịnh-vượng. Người An-Nam đến làm ăn đó có ngăn-trở gì người Lào đâu, vì những nghề người Nam làm, thì người Lào không biết làm cả. Đáng phải ước-ao cho người Nam đến đông mới là phải, vì đó là cái triệu rặng trong xứ đã mở-mang phát-đạt.

Nhưng chính thuộc về phương-diện đó, cái số di-dân lại là có hạn lắm. Người An-Nam ở bên Lào, buôn-bán hay làm nghề, chỉ giao-dịch lẫn với nhau hay với người Tây mà thôi, chứ ít có giao-dịch với chính người Lào. Người Lào họ có cần gì đến thợ may, thợ giày, thợ mộc, thợ nề, thợ làm bàn ghế đồ-dạ An-Nam đâu, vì họ không có ăn mặc bày-biệt như ta. Muốn cho di-dân ta mở rộng được mối hàng với người Lào, thì người Lào phải bỏ cái phong-tục cổ-lũ đi mà tập ăn ở theo lối văn-minh mới được. Nhưng cải-hóa một dân-tộc như thế, cũng còn phải lâu năm nữa.

Xem như vậy thì ngoài cái số nhân-công làm đường làm mỏ,

là số thất-thường không nhất-định, không coi là di-dân được, còn thì chính số di-dân An-Nam sang Lào kể cũng không nhiều gì, và xem ra không có cơ tăng lên được lắm. Cái dư-luận bi-quan như trên kia, thật là không có bằng-cứ gì.

Muốn cho số di-dân An-Nam thêm lên được nhiều, thì phải làm thế nào cho người ta sang Lào cũng làm ruộng được như bên ta. Nay xét ra thì hẳn như không có người nào làm ruộng cả, mà có làm ruộng được thì việc di-dân mới thật là ích-lợi cho ta. Mấy tỉnh trung-câu ta dân nhiều ruộng ít, nếu có cách di-dân sang bên Lào, khai-khẩn ruộng-nương, lập làng lập ấp, thì mới mong bổ-cứu được cái nạn dân-mãn của ta. Còn đối với xứ Lào cũng là có ích-lợi, vì dân làm ruộng là dân chất-thực, có ruộng đất rồi thì ở liền đấy, chăm-chỉ làm ăn, lập nên làng xóm, đem cái gương cần lao mà bày ra cho người Lào bắt-chước.

Nghe người ta nói rằng ở Lào có nhiều đất có thể cấy lúa được như bên ta. Lạ sao người ta di-dân sang đấy không thấy làm ruộng bao giờ. Tất có cái lý-do làm sao, nhưng tôi chưa được hiểu rõ, nên không dám nghi-luận. Việc này xin Chính-phủ đề ý nghiên-cứu.

Hiện nay tuy số di-dân không mấy, nhưng việc di-dân cũng cần phải sắp đặt cho chỉnh-đốn. Theo ý riêng tôi thì nơi nào có người An-Nam ở đông, nên lập thành bang như người Tàu, đặt một chức bang-trưởng, do cả hàng bang bầu ra, chính-phủ công-nhận và phải có trách-nhiệm trông coi cả các người trong bang. Hiện nay chính-phủ cũng cử một người gọi là bang-biện, mà ở *Vientiane* đặt cho cái tên tây buồn-cười, gọi là: *le chef des Annamites*, dường như người mình là giống Mán giống Mọi gì mà phải có một người tù-

trưởng để đứng đầu vậy! Cách sắp-dặt đó cần phải sửa đổi lại, và chức bang-trưởng phải có đủ quyền để làm việc, nếu cần thì đặt ra một chức phó-bang-trưởng hay cả một hội-dồng thân-hào để giúp việc nữa. Sự cải-cách này cũng dễ, tướng chính-phủ Ai-lao sẽ sẵn lòng làm. Quan Khâm-sứ Bosc là người rất am-hiêu cả người An-Nam cả người Lào, ngài cũng đã muốn có ý chỉnh-dốn việc đó, nhưng hiện nay ngài đã đến hạn hưu-trí và vừa về nghỉ bên Piáp rồi.

Nói tóm lại thì vấn-đề di-dân An-Nam ở Lào, xét cho kỹ không có điều gì đủ cho người Lào phải lo-sợ hoặc méch lòng. Nếu lấy việc đó làm một vấn-đề chủng-tộc thì không nên. Vì không ai xui-giục cho nên ác-âm nhau, thì người Lào cùng người

Nam vẫn có thể hòa-hợp với nhau được. Về phần người Nam ta thì chỉ nên nhớ rằng mình sang làm ăn bên ấy là ở đất nước người, đối với người bản dân cũng nên xử một cách nhũn-nhặn cho người ta được hài lòng, thế là đủ.

Đất Ai-lao vẫn rộng-rãi, có đủ chỗ dung được mọi người. Người An-Nam sang ở đây không sợ bao giờ đến đông quá mà trở-ngại cho người Lào. Hiện nay và sau này, bao giờ người Nam cũng là cần cho sự mở-mang kinh-tế xứ Ai-lao vậy. Người tri-thức trong bản-xứ không nên ác cảm với người Nam mà nên hoan-ngheh người Nam mới là phải.

P.-Q.

Qu'est-ce que la bourgeoisie, de quel que nom qu'on veuille la désigner? Ce n'est autre que la portion du peuple qui, par son travail, son épargne, son instruction, son éducation, a gravi quelque sommet au-dessus de la foule. C'est la partie du peuple qui est la plus affinée. Détruite par en haut, elle se reforme par en bas, l'ascension du fond de la masse étant continue. Exterminée, même totalement, comme elle l'a été en Russie, elle se reconstitue. Seulement, il lui faut, pour parvenir à la plénitude de sa force et de sa vie, deux ou trois générations de culture et de lente accumulation de ressources matérielles, intellectuelles, morales.

(Le Temps)

*Hạng trung-lưu trong xã-hội, dù gọi tên là gì mặc lòng, là hạng người thế nào? Chẳng qua là một phần người trong quốc-dân, vì cần-lao, tiết-kiệm, có học-thức, có giáo dục mà đã vượt lên được trình-độ cao hơn công-chúng. Là phần người lọc-lồi hơn cả trong quốc-dân. Trên có mất đi, dưới lại tiếp lên, vì sự tấn-tối tự trong dân-chúng lên là tiếp-tục vô cùng vậy. Dù bị tuyệt-diệt đi hẳn như ở nước Nga, cũng khôi-phục lại được. Nhưng muốn cho có sức mạnh, cho được sinh-hoạt sung-mãn, thì phải hai ba đời giáo-hóa, dần-dần tích-lũy lấy tài-sản về vật chất, về trí-tuệ về tinh-thần, mới có thể được.*



có đề chữ ần - cứ một bài thơ có hai câu rằng :

陶令歸心帶松菊

Đào Lệnh quy tâm đới tùng cúc ;

少陵吟興動江山

Thiếu-lăng ngâm hứng động giang-  
son.

Dịch :

Thơ-thông nước non ngâm cứ Bô ;

Vườn xưa từng xúc nhớ ông Đào.

Coi đó đủ biết thơ ông cao-hứng mà khi ông khảng-khái là đường nào.

Ông Quá sau làm đến Thượng-thư cũng có tiếng thanh-liêm như anh. Nay người làng thờ ba ông làm Phúc-thần.

### Trần Thâm 陳琛 (1)

Trần-Thâm sinh ở làng Phúc-đa, huyện Đông-triều, Hải-dương, đời nhà Trần. Đỗ Thám-hoa cấp-đệ, làm quan đến Trung-thư Thị lang 中書侍郎 và An-phủ-sứ Ngự-sứ Trung-tán 安撫使御史中贊 扈 Thanh-hoa. Bấy giờ Trần Duệ-tôn đi tuần ngoài biên bị chết đuối, ông được cử sang nhà Minh bên Tàu cáo-phó. Người nhà Minh viện cớ là « tam bất điếu 三不吊 » không sang phúng, nghĩa là chết một cách phi-mệnh. Ông Thâm cãi với người Minh là vua nước mình vì việc đi ngữ-khẩu dễ an-dân mà chết thì sao cho là phi-mệnh được. Nhà Minh lại phải cho sù sang viếng. Sau họ ỉ dờ tiếm-vị, ông Thâm về nhà giả-cách điếc không ra làm quan.

### Đỗ Thế-Bình 杜世平

Đỗ Thế-Bình sinh ở làng Liêu xuyên, huyện Mĩ-bào, Hải-dương, nay cả thuộc Hưng-yên. Ông đỗ Trạng nguyên triều nhà Lý, đứng đầu khoa-danh văn-học tỉnh Hải-dương (sự-trạng thấ

trường) Người sau tìm đến nơi cồ-trạch lập miếu thờ ông, nay hãy còn

### Lý Tử-Cầu 李子構

Lý Tử-Cầu, hiệu là Hạ-trai 下齋, sinh ở Hồng-châu (quên mất làng), đời nhà Lý. Ông là người học rộng tài cao mà khâm-hoài rất sai-lạc, thích đi tiêu-dao du-lãm. Cùng với ông Trình Sư-Mệnh 程師孟 kết làm bạn sơn-thủy mà không cần gì đến sự công-danh phú-quí, chỉ lấy giảng học làm vui, có tiếng là một nhà ần-dật cao sĩ ở đời nhà Lê bởi mới phục-quốc Bấy giờ có ông Vũ Mộng-Nguyên 武夢原 ở Tiên-du đỗ Thái-học-sinh nhà Hồ. Minh sang ông ần-cư ở nhà, đến hồi Lê-sơ lấy lễ cầu dật-sĩ mời ra làm Quốc-tử-giám Tư-nghiệp, văn-học lừng-lẫy, đời đều suy-tôn, mà ông cũng phải rất xưng-tụng kính-phục ông Lý Tử-Cầu.

### Vũ Cán 武幹

Vũ Cán là con ông Vũ Quỳnh, làng Mộ-trạch, tỉnh Hải-dương. Ông sớm thông-minh học rộng nhiều sách, đỗ Hoàng-giáp năm Cảnh-thống (1497-1498) đời Lê Hiến-tôn. Tính ông thích chơi cây thông nên lấy hiệu là Tùng-hiền 松軒. Văn-chương đức-hạnh là một bậc sư-biêu ở đời bấy giờ, người ta tôn chuwong lằm. Nhà ông tuy vẫn thanh-bần mà ông thản-nhiên như không. Phạm gặp việc gì cũng tức-sự ngam-vịnh, đọc ra là thành thơ, thảo ra là thành bài, tích-lũy dần thành ra một lối thơ riêng. Ông chơi thân với ông Nguyễn Bình-Khiêm Cồ-am thường xuống họa thơ với nhau. Nay trong bộ Bạch vân am thi tập của ông Nguyễn Bình-Khiêm còn chép những bài của ông như « Hoài hương 懷鄉, Chỉ điền 紙畋 », v.v.

(1) Ông này ở về Trà-vi-triều, mới tra được, nên đem lên hàng thế-thứ nhà Trần.

Ông lại có tám bài « *Trạch-hương bát cảnh* 澤鄉八景 » chép ở bộ *Phẩm-vịnh thi-tập* 品彙詩集. Lại có cuốn « *Tùng hiên thi tập* », cuốn « *Tứ-lục bị lãm* 四六備覽 » lưu-hành ở đời.

Ông làm đến Lê-bộ Thượng thư, tước: Lê độ bá 禮度伯.

### Lê Quang-Bí 黎光賁

Lê Quang - Bí là con ông Lê Nai, cháu ông Lê Thúc-Hiền, cháu ngoại ông Vũ Quỳnh, chắt ông Lê Cảnh-Tuân, làng Mộ-trạch, Hải-dương. Mới lên năm tuổi đã hiểu học, người ta gọi là « *Thần-đồng* », 16 tuổi đỗ Hương giải, 33 tuổi đỗ Hoàng-giáp năm Thống-nguyên (1522) đời Lê Cung-hoàng-đế, làm quan Hộ - bộ Tá-thị-lang, được cử đi sứ Tàu. Bấy giờ có quan Trung-sứ đi giúp để chuyên giữ đồ cống-vật. Sang đến Nam-ninh phủ, Tổng-dốc Tàu mở hòm cống-phẩm ra kiểm thì thấy cái tượng người bằng vàng là vàng giả, không biết sự đó bởi viên Trung-sứ tráo vào hay là vì dấu, Tổng-dốc Tàu tâu về kinh, vua Minh giận là vô-lễ, sai bắt giam ông vào ngục Bắc-nà-quan 北那官, rồi lấy hai cái vỏ hến úp vào hai mắt mà gắn nhựa chặt lại. Bảo rằng: « *Hễ bao giờ dè dặt để, ngựa mọc sừng thì cho về* ». Ông Lê Quang-Bí cứ vui-vẻ như thường không chút lo sợ gì. Bấy giờ mùa đông, hễ thấy có nắng thì ông lại nằm ngửa lên cái chõng phơi ra ngoài nắng. Người Minh hỏi cơ gì thế, ông bèn vỗ vào bụng mà rằng: « *Tôi phơi những sách vở trong bụng này cho khỏi mốc* »

Vì vua quan nhà Minh không xét sự oan cho ông mà lấy cái hình-pháp tàn-bạo vô nhân-lý để đối với kẻ Sứ-thần ngoại-quốc như thế, ông biết cái thói ghen - ghét, cái bụng tham-tàn của người Tàu, không có thể lấy lễ phải mà nói được, nên họ muốn xử thế nào

ông cũng không những không kêu xin mà lại cứ vui-vẻ như thường, đó cũng là một cách ngạo-khí. Ông muốn cho người Tàu biết tài-học của ông, nhưng ông không thèm cầu-cạnh với kẻ quyền-yếu để khoe văn-lự bằng những cuộc luận văn hay là giấy trần-tinh. Ông bèn chơi nghịch như thế để ghẹo người Tàu một cách hoạt kỳ, không cầu họ mà họ phải sửng-sốt hỏi đến, hỏi thấy nói lạ, tất phải thử-thách. Thế là người Tàu phải trúng kế ông, họ bắt ông đọc bộ « *Đại-học điển-nghĩa* », ông bèn đọc suốt một lượt không sót chữ nào. Người Tàu lấy làm lạ, kính-trọng lắm, bỏ hai vỏ hến gắn mắt ông ra, rồi đưa ông vào ở nơi khách-quán.

Khi ông lưu-ngụ ở Bắc-kinh có soạn được một tập thơ vịnh các danh Tiên-bối cổ-hương và tập « *Tư-hương vận-lục* 思鄉韻錄 ». Tập « *Vịnh cổ hương chư tiên bối* 詠故鄉諸先輩 » thì ông gửi về ta trước. Sau ông Vũ Thuần-Phủ làm sách « *Công-dư tiếp-ký* » có lục chép xuống dưới lịch-sử mỗi vị một bài. Đây trích ra hai bài.

10 — Bài đề ông Lê Cảnh-Tuân

趨庭詩禮講明暗

Xu đình thi-lễ giảng minh am,

自勵懸弧壯志酬

Tự lệ huyền hồ tráng chí hàm ;

蹇蹇匪躬誠守一

Kiên kiên phi cung thành thủ nhất,

惓惓許國策陳三

Quyền-quyền hứa quốc sách trần tam;

綱常自任他奚恤

Cương-thương tự nhiệm tha hề tuất,

鼎鑊如飴死亦甘

Đĩnh hoạc như di tử diệc cam ;

累世疊蒙忠義報

Lũy thế điệp mông trung nghĩa báo,

光前事業振天南

Quang-tiền sự-nghiệp chấn thiên nam

## 2 - Bài đề ông Vũ Quỳnh

堂堂聖世一鴻儒

Đường-đường thánh-thế nhất hồng nho,

仕止隨辰任自由

Sĩ chỉ tùy thời nhiệm tự do ;

天上癩仙開骨相

Thiên thượng cồ tiển khai cốt-tướng,

人間活佛見心頭

Nhân-gian hoạt phật kiến tâm đầu ;

嘉言善行誦賢冠

Gia-ngôn thiện-hạnh chư-hiền quán,

大筆雄文萬古留

Đại-bút hùng-văn vạn-cổ lưu ;

斯道巍巍山岳在

Tư-đạo nguy-nguy sơn nhạc tại,

後人無不企前修

Hậu-nhân vô bất kỳ tiền-tu.

Xem hai bài thơ này thì biết ông học chia mà tư-tướng khảng-khái chân thực lắm. Từ đó tiếng tài-học của ông lừng-lẫy ở kinh-đô Tàu, có một người Tàu là Đặng Hồng-Thần 鄧洪宸 (có bản chép là Đặng Hồng-Chấn) 鄧洪震, đã đỗ Cử-nhân, xin vào học ông. Đến khoa kỹ-vị thì ông Đặng Hồng-Thần đỗ Tiến-sĩ, bổ Tri-huyện về Quảng-dông, rồi lại thăng làm Chủ - sự ở Yên - kinh. Ông Thần thương thầy bị yếm-lưu đã lâu, bèn làm sớ kể rõ tình-trạng tâu với vua Minh. Vua Minh xét tình rồi vời ông vào châu, yên-ủi cho ông, được ba tháng thì cho về. Ông Thần đặt tiệc yến-ca và hậu-tiên gấm bạc cho thầy về nước. Từ năm ông đi sứ-sự đến năm về vừa 18 năm. Người nước ta ví ông với Tô Vũ bèn Tàu. Về đến nước thì ngôi vua đã đổi về họ Mạc, đến đời Phúc-Hải rồi, vua Mạc thăng cho ông làm Lại-bộ Thượng-thư Tô-xuyên-hầu, sau ông mất lại lặt Thiếu-bảo Tô-quận-công. Ông Hối-trai làm bài bi-mình cho ông có câu tán rằng :

嶺南之洪。望重蘇公。

Linh-nam chi Hồng, vọng trọng Tô-công.

堅珉眞石。天地始終。

Kiên mần trinh thạch, thiên địa thủy chung.

Dịch :

Nước Nam châu Hồng, có ông Tô Vũ, đề bia muôn đời, đất trời còn đó.

## Nguyễn Thái-Bạt 阮泰拔

Nguyễn Thái-Bạt sinh ở làng Bình-lãng nay cái là Bình-phiên. Đỗ Đình-thí Hoàng-giáp đời Lê, làm quan đến Hàn-lâm-viện Mạc Đăng-Dong cướp ngôi Lê, ông bỏ quan về làng giả-cách thông-manh. Vua Mạc bách mời mãi ông phải ra kinh vào yết. Ông xin vào gần bệ-tiền thừa việc, nhân đó ông nhờ vào mặt Đăng-Dong và chửi ầm lên rồi đâm đầu vào cột đèn mà chết. Vua Mạc cũng không căm giận gì, lại sai khám-liệm và cho vào quan-tài, rồi cho đưa về nhà, khen ngợi tử-tế. Đến sau nhà Lê trung-hưng, bao-tướng ông vào hàng tiết-ngiã và phong-lặng huy-hiệu làm Phúc-thần. « Người đời đi qua cửa miếu làng Bình-phiên thờ ông Nguyễn Thái-Bạt và cửa miếu làng Kim-quan thờ ông Lại Kim-Bảng ở liền đấy, tưởng khí-tiết xưa, còn ghé rợn cả người mà sinh lòng kính sợ », đó là lời của nhà chép sách « Hải-dương phong-vật » vậy.

Ông Nguyễn Thái-Bạt có tập thơ vịnh các danh-nhân trên Quốc-sử, nay còn.

## Phạm Trấn 范鎮 và Đỗ Uông 杜汪

Phạm Trấn sinh ở làng Lam-kiều huyện Gia-lộc. Đỗ Uông sinh ở làng Đoàn-tùng, sau đổi là Đoàn-lâm, huyện Thanh-miền, Hải-dương, cùng lân-cận nhau. Hai người từ nhỏ cùng thông-minh và cùng biết nhau, cùng ganh nhau, ai cũng tự-phụ nhận đỗ Trạng-nguyên.

Năm Quang-bảo (1554-1561) nhà Mạc, hai người cùng 34 tuổi cùng thi hương đỗ. Đến đình-thi thi Phạm Trấn đỗ Trạng-nguyên, Đỗ Uông đỗ Bảng-nhôn. Uông tức quá, hôm vinh-quì về cùng một lối, Uông cứ cho ngựa đi ngang với ngựa Trấn chứ không nhường Trạng. Về đến đầu cầu Đoàn-khê, tục gọi là cầu Cốc, đầu cầu có cô hàng ngồi bán hàng nem rượu, người có vẻ xuân-sắc, tên gọi cô Loan. Trấn bèn ước với Uông rằng: « Cầu ngoài 10 gian, hề đi đến gian thứ 7, ai làm được một bài thơ nôm thất-ngôn tám câu vịnh bảng cô Loan mà câu nào cũng có một tiếng về loài « chim », thì đi trước không nên ganh nhau nữa. » Đến gian thứ bảy quả-nhiên Trấn đọc lên một bài hay lắm, mà Uông thì chưa nghĩ xong, từ đó Uông mới chịu nhường Trấn đi trước, nhưng cũng vẫn chưa phục hẳn. Mãi sau vua Mạc thi lấy người vào tòa Đông-các, bài thi có một bài thơ ngũ-ngôn đề là « Văn-vũ tịnh-dụng 文武並用 », phải làm đủ 15 vần mà lấy tam giang 三江 là vần rất ít chữ và khó dùng. Trấn lại đỗ đệ-nhất, Uông lại đỗ đệ-nhị, từ đó mới chịu nhau.

Người ta nói từ thừa hai người còn chưa đỗ-đạt, ngồi đánh chén với nhau, khi ngà-ngà, mỗi người đọc bốn câu tán rượu đề ngôn-chí với nhau, Ông Uông đọc thơ rằng :

有黃用黃。無黃用火。

Hữu hoàng dụng hoàng, vô hoàng dụng hỏa (1)

所用咸宜。無施不可。

Sở dụng hàm nghi, vô thi bất khả.

Dịch :

Có nòng uống nòng, có nhạt uống nhạt ; tùy tiện ta dùng, thế nào cũng được.

Ông Trấn đọc tiếp rằng :

有黃則飲。火酒則絕。

Hữu hoàng tắc ẩm, hỏa tửu tắc tuyệt ;

有違此言。天地日月。

Hữu vi thử ngôn, thiên địa nhật nguyệt.

Dịch :

Nòng thì uống chơi, nhạt thì thôi hẳn ; ở chẳng như lời, đất trời làm chứng.

Coi đó đủ biết chi-hướng của mỗi người đã một khác rồi. Sau Mạc mất, Lê trung-hưng lên. Uông ra với Lê lại làm quan đến Hộ-bộ Thượng-thư, chết tặng phong Phúc-thần. Trấn thi cáo tử về quê không chịu ra.

Ấy cái chỗ học-vấn thực-tiền quan-hệ đến danh-tiết của hai người hơn kém nhau là ở đó. Song tục thường không biết nghị-luận đến, chỉ nhân cái chuyện giai-sự nhỏ-mọn về khoa-bảng trên kia rồi bịa ra lắm câu mê-tin hủ-bại, như nói : Uông thì được hòn ngọc của yêu-tinh cho nuốt đi nên thông-minh, Trấn thì được mã tổ có thần-đồng phụ-nhĩ, v. v. . Nay đều lược bỏ đi.

Nguyễn Hữu-Chí 阮有志

Nguyễn Hữu-Chí sinh ở làng La-xuyên, phủ Nam - sách. Con ông Nguyễn Thừa-Sùng, Hoàng-giáp, tham chính-sứ nhà Mạc. Chú Nguyễn Hữu-Chí là Nguyễn Vụ-Thực cũng đỗ Tiến-sĩ làm Công-bộ Thượng-thư nhà Mạc. Nguyễn Hữu-Chí đỗ Tiến sĩ năm Hồng-ninh (1591) nhà Mạc, làm đến Lê-bộ Tả - thị-lang kiêm Quốc-tử-giám Tư-nghiệp. Đến khi Mạc thất-thế, Nguyễn Hữu - Chí hiệu - thuận theo họ Mạc lên ở Cao - bằng. Sau đánh nhau với quân nhà Lê bị bắt ở trận-tiền cam chịu làm-hình chứ không hàng.

(1) Hoàng 黃 = Rượu hoàng-tửu, rượu ướp ủ ấy nhẹ lành. Hỏa 火 = Hỏa-tửu, rượu mạnh cất lấy, đốt cháy.

### Trần Tự-Bảo 陳字寶

Trần Tự-Bảo cháu tam-đại ông Trần Năng đời Lê, sinh ở làng Quan-son, phủ Nam-sách, Hải-dương. Thuở bé mồ - côi cha, ông bạn của cha là Nguyễn Trọng-nguyên đem về làng Canh-hoạch, huyện Thanh-oai nuôi dạy cho. Người họ nhà Nguyễn Trọng-nguyên có Thường-quốc-công Nguyễn Quyện lại xin làm con nuôi. Lớn lên tài-học lừng-lẫy, đỗ Giải-nguyên rồi đỗ Đệ-hàng-các năm Quảng-hòa (1541-1546) nhà Mạc, làm đến Tham-chính-sứ. Ông làm quan rất là thanh-liêm, thường túng thiếu. Ông có tài làm văn nôm, thường viết những bài văn nôm đi vay thóc, xin áo, xin đồ ăn của người thân, những bài văn nôm ấy người ta đều truyền-tụng ở đời. Thường-quốc công văn phải châu-cấp

ma không đủ. Khi ông làm quan ở xứ Bắc, có một người đào được một buồng cau bằng vàng đem đến lễ ông. Ông khước đi mà rằng : « Cho đem về để cho con cháu nhà ngươi ».

Ông có tài văn-học mà chăm đào-tạo cho hậu-tiến. Trọng-nguyên làng Xác-kê, Bằng-nhơn làng Nại-hạ, trong hàng huyện là học-trò của ông gia-công rèn-tập cho, cho nên ông được phong là Văn-phạm Bá 文範伯.

Sách của ông viết, nôm thì có quyển *Chi-linh phong-thổ ký* 至靈風土記; chữ nho thì có truyện *Tử-ngang* 子昂傳, bài phú *Ngự-tiền canh - mục*, đều lưu hành ở đời.

(Còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

## KHẢO VỀ HIỆN-PHÁP VĂN-QUỐC

### V

*Nước Mĩ.* — Mười ba châu đều tính số số nhân-khẩu mà cử nghị-viên ra Đại-ngự-viện, đều tính số số nhân-khẩu nhiều ít mà nộp thuế quốc-dụng. Cách định số nhân-khẩu nhiều hay là ít của các châu thì hợp số nhân-dân tự-do, số thợ làm có định-kỳ và số một phần ba nhân-dân bất-tự-do lại mà tính.

Điều-tra số nhân-khẩu của các châu thì đến sau kỳ đệ-nhất hội-ngự của Quốc-hội nước Hợp-chúng năm thứ ba sẽ thi-hành. Từ đó trở đi, cứ 10 năm lại điều-tra lại một kỳ nữa (câu thứ ba tiết thứ hai).

Nhân-dân bản-quốc muốn thiên-cư ra ngoại-quốc, nhân-dân ngoại-quốc muốn thiên-cư vào bản-quốc, mà đã

được các châu ưng cho rồi, thì quốc-hội nước Hợp-chúng không được ngăn-cấm. Tuy-nhiên, đến năm 1803 thì thời, bấy giờ thì được đòi *thuế khất-quốc* với *thuế nhập-quốc* của những người ấy, mà mỗi người không được quá 10 đồng bạc.

Đặc-quyền về giấy «*bảo-thân-trang*», phí gấp lúc nội-họa ngoại-hoạn giao-bách cùng lúc vì duy-trì công-an, văn-bất-dắc-dĩ thì không được thu đoạt lấy.

Không được thi-hành «*ô-huyết-lệnh*».

Thuế nhân-dầu với thuế trực-tiếp của nước, phí theo vào sự điều-tra ở câu thứ ba tiết thứ hai đã nói thì không được đánh thuế.

Phàm những vật tự trong các châu trở ra, không được đánh thuế.

Những qui-điều thông-thương và thu thuế ở các châu với nhau không được phân-biệt nặng nhẹ. Phạm đồ-vật ở châu này chở đi châu nọ đến giữa đường lại rẽ vào châu khác, thì châu ấy không được bắt nộp thuế hải-quan.

Ở nội trong nước Hợp-chúng không cho ai được có xưng-hiệu về qui-tộc. Phạm người có quyền-lợi và làm quan ở trong nước Hợp-chúng, không có Nghị-hội cho phép thì không được chịu những đồ lạng-dị, quan-tước và tôn-hiệu của ngoại-quốc ban cho (tiết thứ chín).

Quốc-hội không được định lấy giáo nào làm quốc-giáo; không được đặt pháp-luật để chế-hạn quyền tin-giáo tự-do, quyền ngôn-ngôn xuất-bản tự-do, quyền tập-hội tự-do và quyền minh-nguyên (điều 1. Hiến-pháp lạng thêm).

Đã chính-đốn linh dân-bình là vì cơ giữ sự quốc-an thì trừ-tàng đồ vũ-khí là quyền-lợi của kẻ nhân-dân, không được xâm-phạm đến. (điều 2).

Bình linh khi bình-thời không có chủ-nhân ưng cho thì không được vào nhà người ta mà đóng. Khi chiến-tranh không theo lễ-thức của pháp-luật đã định cũng không được vào đóng trong nhà ai (điều 3).

Thân-thể, gia-trạch, văn-thư, tài-sản của nhân dân vô-cố không phải bị ai tra xét thu giữ. Như lúc có giấy quan-sức tra xét thu giữ thì phải là việc đã có hình-tích khả-bằng, sự-trạng thuộc thực rồi mới được. Mà phải chưa rõ đến chỗ nào, bắt người nào và xét cái gì.

Vô-luân người nào, phi bị tố-cáo ở Đại-thẩm-quan thì không được xử tử-tội và các trọng-tội khác. Nhưng những quân-đội hải-lực cùng những hiện-dịch dân-bình lúc nguy-cấp thì sự cáo-tố không phải xử-lý theo điều này. Lại vô-luân người nào, không được vì

một tội phạm mà bắt tịch-mệnh thân-thể phải chịu khổ đến hai lần. Phạm những việc hình-sự không được ép phải chứng-minh lấy tội-phạm. Phi theo pháp-luật không được đoạt sinh-mệnh, tự-do, tài-sản của nhân-dân. Phi trả lại cái giá vừa phải thì không được thu lấy những tài-sản tư-hữu để làm công-dụng (điều 4, 5).

Phạm việc tố-tụng về hình-sự, kẻ bị-cáo được quan pháp-viện công-bình xét hỏi ở nơi địa-phương bị phạm; cách xét hỏi phải làm nhanh chóng và phải hiểu bảo cho biết nguyên-nhân cùng tính-chất việc ấy. Kẻ bị-cáo mà nhân có bèn nguyên dùng người làm chứng thì cũng có quyền tự dùng người làm chứng, tự dùng thầy cãi (điều 6).

Phạm những việc tố-tụng về lập-quán phải nộp « tố-tụng kim » quá 20 đồng bạc trở lên thì được quan Bồi-thẩm xét hỏi ngay. Những sự thực mà quan Bồi-thẩm đã xét, trừ luật tập-quán đã qui-định rồi thì các tòa Án trong nước Hợp-chúng không được xét lại nữa (điều 7).

Không được đòi sự cung-ứng phiên-quá, không được phạt khoán thực-kim nặng quá, không được dùng hình-phạt tàn-khốc quá (điều 8).

Không được lấy những điều về quyền-lợi của nhân-dân chép ở trên pháp-luật mà bảo ngay rằng quyền-lợi của nhân-dân chỉ có thế mà thôi (điều 9).

Hiến-pháp không cho nước Hợp-chúng lấy quyền-lực mà cấm-hạn quyền-lực của các châu, vì rằng quyền-lực của các châu là vẫn còn ở các châu và nhân-dân trong các châu (điều 10).

Nước Đức — Quyền của quốc-dân đều bình-đẳng không ai hơn kém ai. Trong các Liên-bang, nhân-dân nước này đến ở nước khác phải xử-cãi cũng nhất-thể như người bản-sinh. Được trụ-

cư, doanh-nghiệp, làm quan, tham dự chính-quyền cũng như dân bản-sinh không khác gì Đền như pháp-luật bảo-hộ cũng được hưởng như dân bản-sinh.

Quốc-dân nước Đức được giữ những quyền-lợi này, không cho Chính-phủ bản quốc nào được chế-hạn đi, hoặc là Chính-phủ ngoại-quốc trong Liên-bang chế-hạn đi.

Những qui định cứu giúp dân nghèo, những qui-định biên vào hộ-tịch, không được trái với câu thứ nhất điều này (điều 3).

### Lệ tuyên-thệ

Hiến-pháp các nước đều trọng sự tuyên-thệ cũng là lấy cách tâm-giáo để bồi-khuyết vào chỗ u-ân trong lòng người mà pháp-luật không biết tới được. Nay liệt ra sau này.

Hiến-pháp nước Anh về bản Pháp-diễn điều thứ ba : « Phạm xưa nay những người tuyên-thệ để tỏ lòng trung-công phục-pháp thì nay vẫn cứ tuyên-thệ, duy cải lại lời thề cũ như sau này : « *Bối với Hoàng-đế Duy-liêm bề-hạ, Hoàng-hạ Diệt-liệt bề-hạ, mô (lên) xin trung cần một lòng, nể bội lời thề này, thần-minh tru-diệt...* »

Lại điều thứ chín : khi Hoàng-đế hoặc Nữ-hoàng mới lên ngôi, tới kỳ Quốc-hội mới mở phải đến viện Quý-tộc triệu-tập quý-tộc nhân-dân mà tuyên-thệ ở trước mặt và lấy giấy chép lấy lời thề ấy rồi ký tên xuống dưới .

Hiến-pháp nước Phổ điều 51 : Quốc-vương phải tuyên-thệ ở trước mặt hai

viện hội-hợp, tỏ xin không phạm vào hiến-pháp và tuân theo hiến-pháp để hành-chính-vụ.

Điều 103 : Nghị-viên hai viện cùng quan-lại phải tuyên-thệ trung-thành với Quốc-vương, phải tuyên-thệ tuân-thủ hiến-pháp.

Hiến-pháp nước Ý điều 22 : Khi Quốc-vương nối ngôi phải tuyên-thệ ở trước hai viện hội-hợp xin xác-thủ hiến-pháp. Điều 23 thì Nhiếp-chính cũng phải tuyên-thệ. Điều 49 : Nghị-viên hai viện trước khi chưa hành chức-vụ phải tuyên-thệ tận-trung với Vương-quốc, tuân theo hiến-pháp và pháp-luật để mưu sự hợp-đồng lợi-ích cho Quốc-vương với nước.

Hiến-pháp nước Mỹ, khoản 6 tiết 3 điều 1 nói về viện Nguyên-lão khi đản-hặc việc gì mà thi-hành quyền thẩm-phán cũng phải đối thần phát-thệ trước đã. Khoản 8 tiết 1 điều 2 nói về trước khi Đại-thống-lĩnh chưa hành chức-vụ phải tuyên-thệ rằng : « *Ta thề xin đem lòng chí-thành mà làm chức-vụ Đại-thống-lĩnh nước Hợp-chúng và kiệt lực để tuân giữ hiến-pháp nước Hợp-chúng.* » Tiết 3 điều 6 thì nghị-viên hai viện, nghị-viên lập-pháp-bộ của các châu ; Hành-chính-quan, Tư pháp-quan của nước Hợp-chúng ; Hành-chính quan, Tư-pháp-quan của các châu đều phải tuyên-thệ tuân giữ hiến-pháp.

(Hết)

ĐỒ-NAM

## GƯƠNG ĐỨC-DỤC (1)

### X

#### 5. — Tỉnh-khắc

— Phàm trong lúc nhậ-dụng biết điều ấy là một bệnh xấu mà tâm mình muốn trừ bỏ đi ; cái tâm mình muốn trừ bỏ đó tức là thuốc chữa bệnh đấy, phải nên giữ bền cái tâm ấy mà thường đánh thức cho tỉnh luôn.

— Học-giả phải thường cảnh-tỉnh luôn, phải thu lấy phóng-tâm lại, phải cho giữ cái tâm cho có chủ-tể vững-vàng, nhờ đó mới làm nên sự-nghiệp. Sách *Trung-dụng* nói cái tâm rất là quảng-đại, rất là cao minh. Nguyên cái tâm vốn quảng-đại thật, chỉ vì vật-dục nó làm bế-tắc đi, nên mới khuy-tồn mất cái thể quảng-đại. Cái tâm vốn cao-minh thực, chỉ vì vật-dục nó làm hệ-lụy, nên mới ám-tế mất cái thể cao-minh đi. Nếu hay thời-thường cảnh-tỉnh xem xét, thì cái thể cao-minh quảng-đại nó vẫn nguyên như cũ. Lại nên xét xem mình có cái bệnh xấu gì, nếu đã biết có bệnh ấy thì quyết bỏ hẳn đi, tức là thuốc chữa đó, như là biết mình hay nói nhiều quá, thì phải giảm-mặc bớt đi; biết mình ý-tứ sơ-lược, thì phải nên tinh-tế mật-sát hơn; biết mình có cái bệnh khinh-phù nông-nổi, thì phải nên thâm-trầm trọng-hậu hơn; chỉ cốt tại mình dụng-công thường đánh thức cái tâm luôn.

— Phàm cái tâm người ta chẳng giữ được thì mất, chứ không có khi nào chẳng còn mà cũng chẳng mất bao giờ ; vậy nên trong một giây-phút mà không gia công tinh-sát, thì chìm-đắm đi mất không biết lúc nào. Việc trong thiên-

hạ chẳng phải thì trái, chứ không có lẽ nào chẳng phải chẳng trái ; vậy nên tuy một việc nhỏ mà không gia-công tinh-tế xem xét, thì có khi mắc về đường ác mà không tự biết.

— Trong khoảng một ngày thử xét xem cái tâm mình giữ được mấy lúc ở trong, phóng ra ngoài mất mấy lúc. Triệu-công khi xưa có lấy đậu đen đậu trắng để ghi-nhớ những lúc khởi-riệp về thiện hay về ác ; xem như cổ-nhân dụng-công kiểm-điểm như thế thì khá biết vậy.

— Cái công-phu hàm-dưỡng bản-nguyên rất dễ gián-đoạn, nếu thấy nó hơi gián-đoạn thì lại phải đánh thức cảnh-tỉnh luôn, cứ dần-dà tích-lũy từng phân-tắc, rồi tự-nhiên nó tiếp-tục thành một phiến to. (Chu Hối-ông)

— Những lúc ứng-sự tiếp-vật, lúc nào cũng nên thể-nghiệm, nếu biết là khó mà hết sức trở lại suy-xét thì lại càng thêm tinh sáng ; nếu sợ là khó mà lười biếng thì ý-tứ đều rời-rã như vầng tan hết cả. Những thói tập-tục nó dễ làm chìm-đắm lòng người, phải nên thường lấy lời cách-ngôn cảnh-tỉnh luôn, nhưng đó cũng là tạm-thời bài-khiên mà thôi, phải nên hết sức dụng-công về đường tồn-dưỡng, khắc-trị, thể-sát, cho thực biết chỗ sở-chỉ, mới có y-cứ mà học-hành, tự-nhiên là nó tiến mãi lên không thôi. (Lã Đông-lai)

— Ngày đêm tự khổ - khắc-điểm - kiểm-lấy mình còn không rời, còn có

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu. Xem *Nam-Phong* từ số 15).

công-phu đầu mà đi xét nét người khác. Nếu chỉ trách người nghiêm-mật quá, thì tự-trị mình lại thành ra so-khoảng mất.

— Muốn trách người thì hãy nghĩ xem ta có làm nổi được việc ấy hay không? Nếu hay làm nổi được, thì phải nghĩ lại rằng vì ta học theo đấng thánh-hiền nên mới hay như thế, sao nên vội trách kẻ kia chữa từng dụng-công học bao giờ, hay là dụng-công học cũng chưa được là mấy. (Ngô Khang-trai)

— Hễ hơi thấy mình sút kém ấy tức là tấn-tới đó; hễ biết được cái bệnh của mình ấy tức là thuốc chữa đó. (Trần Bạch-sa)

— Những sự nghe thấy đã quen lâu đi rồi, thì dấu là xằng đấy, nhưng cũng không biết là không phải. (Tiết Kinh-hiến)

— Công-phu tỉnh-sát ấy tức là lúc có việc mà mình tồn-dưỡng đó; công-phu tồn-dưỡng ấy tức là lúc vô-sự mà mình tỉnh-sát đó.

— Học cho đến được biến-hóa khí-chất, lúc thường thì mình không tự biết được, chỉ những khi gặp lợi-hại, trải biến-cổ, bị khuấy-nhục, hay là lúc tức giận, gặp những lúc ấy mà mình không tức giận, chẳng kinh-hoàng thất-thổ sợ-hãi gì cả, có giữ được như thế mới biết là chốn đặc-lực đó, mà cũng tức là chốn dụng-lực đó.

— Cái người mắc chứng sốt rét, lúc cơn nó tuy chưa nổi lên, nhưng cái bệnh-côn nó vẫn còn ở đó. Lẽ nào đương lúc cơn rét nó chưa phát ra, mà đã vội quên cái thuốc điều-trị đi ư? Nếu đợi cơn rét nó nổi lên rồi mới uống thuốc điều-trị, thì đã muộn lắm rồi.

— Hoặc kẻ hỏi: Mình dụng-công rần sợ là lúc mình không biết, cần-thận lúc một mình là lúc mình tự biết, có phải không? — Đáp rằng: Cũng là một công-phu cả, lúc vô-sự vẫn là mình

tự biết một mình, lúc hữu-sự cũng là mình tự biết một mình, dụng-công về những lúc ấy mới là làm ngay tự cõi gốc, làm trong tự nguồn suối, mới là thành-thực. Nếu chỉ những lúc người ta cùng biết cả mới dụng-công xét nét, thì tức là trá-ngụy. Nay lại chia lúc mình dụng-công rần sợ là lúc không biết, thì chi-ly quá; đã biết rần sợ thì tức là biết rồi. — Hoặc lại hỏi: Lúc biết một mình, có phải là chẳng còn có niệm-lự gì không? — Đáp rằng: Cái bụng rần sợ không lúc nào nên thôi được, nếu không giữ được cái tâm rần sợ luôn luôn, thì không phải là ngu tối, tất là cái tâm đã lưu về ác-niệm rồi. (Vương Dương-minh)

— Ta cố sức chỉ cốt giữ cho không có bụng dục. Làm thế nào mà biết được có bụng dục hay không, phải để tâm suy xét thì tự khắc biết.

— Lăng-lặng tự sửa mình mới biết rằng không lúc nào rồi rảnh, mà còn nhiều chỗ không bằng người. (La Niệm-am)

— Lũ chúng ta không lúc nào là không nhiệm phải thói quen, nhưng phải cốt mình tự giác, lúc nào cũng xem xét luôn, thì cái bộ mặt thói quen không lúc nào là mình chẳng biết; đã hay biết rõ được cái thói quen nó hay tiềm-nhiệm, thì tất không bị phải thói quen nó lấn cướp đi được. (Vương Đường-nam Thời Hòe)

— Nhân là phải yêu người, tin là phải tin người, đó là hợp cả đạo trong ngoài làm một vậy. Nếu chẳng yêu người thì mình đã là bất-nhân rồi; chẳng tin người thì mình đã là bất-tin rồi. Mình hay yêu người thì người ta thường yêu lại, tin người thì người ta cũng tin mình, đó là cái lẽ cảm ứng vậy. Xem thế thì người mà chẳng yêu ta, không những là người bất-nhân, mà tại là mình cũng bất-nhân vậy; người mà chẳng tin ta, không những

là người bất-tin, mà tại là mình cũng bất-tin vậy. (Vương Tâm-trai Cẩn)

— Khi ông Dương-minh ở Nam-dô, có người vì tư-oán tâu vu cho ông kể ra làm điều rất là xấu-xa. Ông mới trông thấy thư lấy làm tức giận, rồi lại tự xét mình mà rằng việc này không nên vội giận, liền gấp thư lại ngồi tự xét mình, đợi khi tâm-hòa khí-bình lại mở ra xem, vẫn còn lấy làm giận. Lại gấp thư lại tự xét mình, ít lâu rồi hình như cơn gió thoảng tan đi ngay, không còn nghĩ bân-bịu chút gì. Từ đó về sau dầu gặp việc lợi hại to, bị lời hủy-báng dữ, cũng không động tâm chút gì cả. Thường bảo kẻ học-giả rằng: Cách học của người quân-tử chỉ cốt trách tại mình mà thôi, phạm những điều khen chê vinh nhục nó lại, không những là chẳng động đến tâm mình, mà mình lại nhờ đó để mà mài-rũa sửa sang lại. Vậy nên người quân-tử không lúc nào là chẳng tự-dắc, chính là không lúc nào mà chẳng phải là học vậy; dầu trong khi phân-vân thù-tặc, mà mình hay thường lĩnh thức giữ-gìn, ít lâu rồi không cần phải giữ-gìn nữa mà bản-tâm vẫn không mất. (Phan Tuyết-tùng Sĩ-Tảo)

— Người nào gặp phải nghịch-cảnh không khác gì như người yếu, hễ mà động một tí thì phong-hàn nó thừa-hu lần vào ngay, cái công giữ-gìn lại phải trọng-đại và rất là tinh-vi lắm. (Lưu Sung-tinh Cảo)

— Xét bề ngoài không then, chẳng qua là khỏi bị người ghét mà thôi; phải xét đến trong tâm không then thì mới không then lòng; khỏi bị người ghét chẳng qua chỉ là anh hương-nguyên giả đạo-đức mà thôi; tự-vấn mình mà không then lòng mới là người châu quân-tử. (Phùng Thiệu-khư Tùng-Ngô)

— Trong một ngày mười hai giờ xem xét trong tâm mình khởi-niệm về điều gì, phải kiểm-điểm luôn chớ bỏ qua,

thì mới tấn-tới lên được. (Tiền Khải-Tân)

— Lúc mừng nên xem xét, lúc giận nên xem xét, lúc lười-biếng nên xem xét, lúc giông-càn nên xem xét, ấy là những điều lớn về khoản xem xét đó. Người ta nếu đến lúc đa-tư vọng-tưởng không kiểm-điểm kịp, nếu sai một cái thì hối bất-cập ngay. Người nào nếu hay tồn-dưỡng cái tâm cho được định-tĩnh, thì cảm-phát ra thất-tĩnh đều trúng-tiết cả, đến như thế mới không phải kiểm sát lắm.

— Hằng ngày điểm-kiểm cốt xét cái chi-nguyện của mình xem tự phần đức-tính phát-biện ra, hay là tự phần khi-chất phát-biện ra; tự phần ý-thức phát-biện ra, hay là tự phần vật-dục phát-biện ra; tỉnh-sát như thế ít lâu rồi tự khắc là nhận biết được bản-lai diện-mục. (Lã Tâm-ngô)

— Đương lúc cảnh ngộ khổ-sở, công-việc khó-nhọc, phải nên giữ lấy cái tâm làm chủ, khiến cho bản-thể cái tâm không bị phải vật khác nó thăng được, công-phu lúc ấy có phần bách-bội lúc bình-thường. Nếu không thế thì dầu rằng dụng-công lúc bình-thường cũng là chứa được chắc-chắn. (Kim Bá-ngọc Huyền)

— Lúc bình-thường vô-sự chẳng thấy điều gì khá mừng, điều gì khá giận, điều gì khá ngờ, điều gì khá hãi, đi thì đi, ở thì ở, ngồi thì ngồi, nằm thì nằm, kẻ chúng-nhân với bậc thánh-nhân cũng không khác gì vậy. Duy đến lúc gặp cảnh phú-quí không mấy người chẳng vì nó mà say mê, gặp cảnh bần-tiện không mấy người chẳng vì nó mà sa-sút, gặp bước tháo-thứ không mấy người chẳng vì nó mà rối-loạn, gặp bước diên-bái không mấy người chẳng vì nó mà khuất-nhục. Thế thì phú-quí là một tầng cửa, bần-tiện là một tầng cửa, lúc tháo-thứ là một tầng cửa, lúc diên-bái là một tầng cửa, qua những tầng cửa ấy không ai là chẳng lộ cả

chân tay, bày cả gan phổi ra, không thể nào gương cười gương nói, giả cách miên-cưỡng mà che trở đi được. Vậy phải xét từ đầu nguồn tất phải không một giây-phút nào trái bỏ mất cái nhân-tâm hoàn-toàn thiên-lý, thì mới hay gặp những cảnh phú-quí bần-tiện, thảo-thứ diên-bái, mà đều xử đó như một; lại xét xem khi qua các tầng cửa phú-quí bần-tiện thảo-thứ diên-bái, mà hay xử như một cả, thì mới biết là không một giây-phút nào là trái bỏ mất cái nhân-tâm. (Cổ Hình-dương)

— Công-phu tỉnh-sát chính là cái việc cần trong khi lộn-duơng, như là khởi niệm muốn cái gì, phải thể-sát ngay cái bụng ấy xem quả là dục-tâm, thì phải cho nó tiêu-trừ đi mới thôi.

— Một chút việc gì cũng không bỏ qua, một giây phút nào cũng chẳng bỏ trễ, lúc vô-sự thì trong tâm tỉnh-thức không mờ, lúc hữu-sự thì trong tâm vẫn chân-như tự-tại, như thế mới là bất-động-tâm.

— Trong khoảng ngày thường không có chuyên-chủ việc gì, hoặc quanh-quẩn bùong the, hoặc ứng-thủ tân-khách, hoặc tản-bộ ngoài hành-lang, hoặc ngó qua quyển sách-vở, hoặc bàn nói những câu không đầu, hoặc tư-tưởng những kiếp vị-lai quá khứ, hoặc liệu-lý thuốc-thang, hoặc kén-chọn đồ ăn thức mặc, hoặc hỏi vặn dây-tờ, hoặc lường-tính gạo muối, loay-hoay sắp-đặt chẳng cái gì ưa-thích mà chẳng cái gì không ưa, tự nghĩ rằng như thế thì khỏi phải lằm-lổ, cứ chịu phân vụng-về đóng cửa chặt lại, may ra khỏi sinh tai-vạ. Song đến khi thời-thế đổi dời, cảnh-ngộ biến-cải, mới cuống lên lo sợ rối-bời; truy xét nguyên-nhân chỉ bởi tại lúc trước đã quen vô-sự lười-biếng, chỉ vô-vấn nghĩ cần, hoặc đọc sách mà phụ hội sai-lầm, không có định-kiến gì cả. Vậy nên người quân-tử không nhân lúc nhàn-cư mà làm bậy, không vì lúc thảo-thứ mà trái mất lòng nhân.

— Ông Diên-bình dạy người phải nên xét xem những lúc mình giận thương vui nó chưa phát ra, cái khi-tượng nó như thế nào, đó là cái công-phu học-vấn thứ nhất vậy. Lúc cái thất-tình nó chưa phát ra, thì có khi-tượng gì mà xét được, chỉ cốt là tra-xét cái bệnh-căn mình từ chỗ rất tế-vi, mới biết rằng cái tình nó tuy chưa phát-lộ ra, nhưng cái ý riêng méch-lệch nó đã ẩn-phục ở đấy rồi; nếu hơi có ý méch-lệch, thì dễ sinh trái-ngược. vậy phải tra xét rõ-ràng từ chỗ ý-tư ấy, mà bỏ hết cái lòng thiên-lệch đi, thì cái tâm-thể trung-chính nó vẫn ở đó, đến lúc nó phát ra thất-tình tự-nhiên đều trúng-tiết cả, bảo là khéo xét khi-tượng là như thế.

— Người ta giữ được cái tâm là rất khó, chợt một lúc giác ngộ mới thấy được cái đạo-tâm trong-sáng, nhưng cũng chưa chắc; chợt một cái hoảng-hốt, phân-vân, rồi lại chợt một cái tạp-nhập, cái đạo-tâm trong-sáng lúc này có khi lại mê tit cả đi; vậy phải đánh thức nó luôn, như thế thì cũng nhọc lắm vậy. Thế tất phải xét đến chỗ bản-lai tri-giác, nhưng cái bản-giác ấy bởi đâu mà tự-giác được, phải ở lúc một mình mới hay tự-giác được; cho nên người quân-tử phải tu-trì từ chỗ u-âm mà càng ngày càng rõ-rệt, tự chỗ u-âm mới hay tinh-vi, tinh-vi mới hay đạt được bản-tinh, đạt được bản-tinh mới có bụng thành, có bụng thành mới chân-thực, có chân thực mới thường giữ được lâu. Vậy nên người quân-tử phải cần-thận tự lúc một mình để cho cái lương-tri trong tâm nó thường tỉnh-thức. Nhưng kỳ nhất là lổ-mổ, lại kỳ nhất là lòng-bông, lòng-bông thì không có định-thể, mà lổ-mổ thì không có nhất-tri, như thế mà cầu cho giác, lại không có học-thức chân-thành để xét cho cùng-lý, thì chung-quai cũng không thể giác-ngộ được. Học-vấn là cốt để sáng lẽ mà bỏ những

điều chương-tế đi, thì mới hay thế xét cả các vật mà không sót, vật nào đều phó mặc vật ấy tự-nhiên rồi đều đắc-sở cả, mà mình đều thấu xét hết cả. Nếu chỉ dụng trí khôn để cầu tri-giác mà không hiểu-học, thì nó bị chương-tế lại hại lắm, (Lưu Chấp-sơn)

— Phàm việc gì đều phải điềm-kiềm luôn trong hằng ngày, nếu bảo rằng hãy đợi đến hột sau sẽ xem xét, thì sau này sửa chữa khó lắm. Huống-chi là những việc tiền-đức tu-nghiệp lại chẳng cần lĩnh-sát lắm ư!

— Hằng ngày trong lúc sắp đi ngủ, phải nên nằm lại xem trong ngày hôm ấy làm mấy việc lao-lực, mấy việc lao-tâm? (Tăng Địch-sinh)

Xét: Trên này là trích-lục về những thuyết « Lĩnh-sát » của các nhà tiên-nho, lược phân ra làm hai cách: Một là cách phổ-thông lĩnh-sát, hai là cách đặc-biệt lĩnh-sát. Trong cách phổ-thông lĩnh-sát lại phân ra làm hai cách: Một là lĩnh-sát về côn-bản, hai là lĩnh-sát về chi-diệp. Trong cách lĩnh-sát về chi-diệp lại phân làm hai: Một là tùy-thời lĩnh-sát, hai là định-kỳ lĩnh-sát. Cái cách phổ-thông lĩnh-sát là trong lúc nhật-dụng ngày thường bề ngoài không có cái biến-tượng gì súc phạm đến tâm mình, một mình cũng phải chăm-chỉ kỹ-càng dụng-công lĩnh-sát luôn, những lúc ấy thì phải lĩnh-sát cả côn-bản và lĩnh-sát cả chi-diệp. Lĩnh-sát côn-bản tức như La Niết-am bảo rằng phải xét đến cái tâm cho lĩnh-giác luôn; Vương Đường-Nam bảo rằng phải lấy cái tính tri-giác mà soi-xét cái thói tập-nhiệm đứng để mắc vào; đó đều là dụng-công để suy-cùng cái lương-tri của mình, thì những điều tà-khúc mê-hoặc nó không bởi đâu mà xâm-phạm đến mình được, như thế thì khó-học ư mà công-hiện được gấp hai, hơn những kẻ chỉ thấy nhưc đầu củu đầu, nhưc chân củu chân

nhưc lắm. Song học-vấn công-phu khi chưa được thuần-thục, thì cũng không khỏi lắm lúc nhưc đầu nhưc chân, đã đau nhưc thì phải cứu-chữa, thế thì cái cách lĩnh-sát chi-diệp cũng phải có. Chi-diệp lĩnh-sát là hề khi nào động-niệm, khi nào phát-ngôn, hoặc khi nào ứng-phổ việc gì, đều phải lấy lương-tri mà soi-xét, nếu điều gì lương-tri không cho làm phải, thì trừ bỏ đi ngay. Cái công-phu nó phải xem xét những khi mới khởi-niệm, đó là cái cách tùy-thời lĩnh-sát phải nên hết sức chăm-chỉ. Lại hằng ngày những khi nghỉ-ngơi hoặc lúc nào, phải nên định lấy vài điều tiết-mục lớn mà lĩnh-sát luôn; hoặc tóm lấy những ý-niệm vắn-vị trong một ngày mà xét xem, đó là cái cách định-kỳ lĩnh-sát, tức như thầy Tăng lấy ba việc trong hằng ngày mà xét mình; thầy Chu bảo rằng trong một ngày phải nên xét xem cái tâm mình được mấy giờ ở trong, mấy giờ vượt ra ngoài; ông Tăng Văn chính bảo rằng xét trong một ngày lao-lâm mấy việc, lao-lực mấy việc, đều là cái cách kê-lùng việc lớn ra mà xét mình cả. Qui-tắc về đạo Cảnh-giáo có lúc sắp đi ngủ thì phải cầu-nguyện, lúc cầu-nguyện thì đem những lời nói việc làm của mình, trong một ngày mà mật-cáo với thượng-đế, cũng là ý ấy cả. Thế cho nên ta bèn Cảnh-giáo có ích về việc đưc-dục chính là lúc cầu-nguyện vậy. Còn như cách đặc-biệt lĩnh-sát là khi ấy nhân ngoại-cảnh chợt có sự gì biến-động lạ thường, có cái sức kích-thích đến tâm ta rất mạnh, không kỳ là những việc đáng mừng, đáng giận, đáng sợ, đáng muốn, đáng thương, phàm những hiện-tượng ấy đều hay làm cho chuyển-di cái định-lực của ta, có khi nó làm cho công-tôn-dưỡng lúc bình-nhật của ta mất đi hết sạch cả; nếu gặp những lúc ấy mà hay thoảng qua đi cả thì không những là hay học theo đến đạo mà lại hay tự-

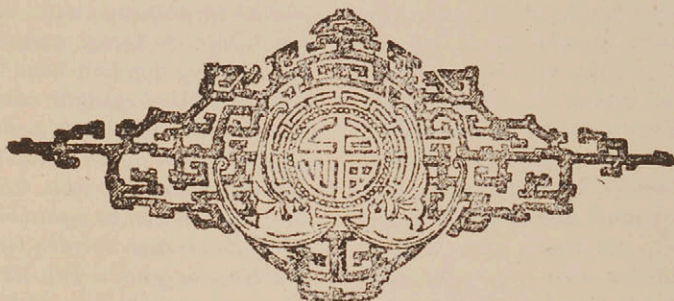
lập vững vậy. Nếu hay gia-công lĩnh-sát những lúc ấy thì hễ một lần gặp kích-thích lại thêm lên một phần năng lực, lời ngạn rằng kinh nhất sự trưởng nhất tri là thế vậy. Nếu không hay lĩnh-sát giữ gìn, thì cái năng-lực nó cũng giảm dần đi mà sinh ra hư-hỏng. Song cái nghịch-cảnh ấy hằng ngày cũng không mấy khi gặp, giá mà gặp phải cảnh ấy tức là trời giúp cho mình để tập-luyện tâm-tri ở trong một nhà học-viện, ta nên tạ trời mà vâng chịu, mà phải nên cố công-phu như rèn sắt mới nên, nếu để lỡ ra thì không theo kịp được nữa, vì như kẻ dưng-sĩ xông vào trận giặc, được hay thua chỉ tại cơ-vi một tí mà thôi; vậy nên người khéo học phải biết cái cách đặc-biệt lĩnh-sát chớ không nên bỏ qua.

Lại xét: Nay thử đem việc trị nước ví với việc trị tâm: Lương-tri trong tâm mình tức là hiển-pháp đó, phải phụng-thờ cái lương-tri ấy để làm tiêu-chuẩn cho muôn việc, không được làm trái, như thế thì đại-bản đã lập rồi vậy. Cái công phu tồn-dưỡng tức như các hàng

quan-lại với nhân-dân đều làm hết nghĩa vụ của mình để mà cùng ủng-hộ hiển-pháp. Cái công-phu lĩnh-sát cũng ví như lĩnh cảnh-sát, lúc bình-thường vô-sự phải có lĩnh cảnh-sát để duy-trì cuộc trị-an, gặp những sự gì cử-động trái hiển-pháp, thì hỏi xét ngay, đó là cách lĩnh-sát phổ-thông. Hoặc khi trong một nơi nào chợt có sự biến-cố thì phải tăng thêm lĩnh cảnh-sát, để cho có thể lực phòng giữ cho nghiêm, đó là cách lĩnh-sát đặc-biệt. Cái công-phu khắc-trị cũng ví như việc hình, hễ thấy những sự cử-động trái phép, bị lĩnh cảnh-sát bắt được thì phải răn trị ngay, chớ không dung-thứ để cho nó làm hại xã-hội; lại còn những lỗi nhỏ những điều ác bí-mật, đều phải dò xét ra cho hết, cũng như những việc rắc-rối thì phải dùng đến linh mật-thâm; có thường lĩnh-sát kỹ-càng như thế, thì mới hay làm cho thanh cái tâm được.

(Còn nữa)

ĐÔNG CHÂU DỊCH



## VĂN-ĐỀ HỌC-HỘI (1)

Phàm làm việc gì không gì mạnh bằng có đàn, mà không gì yếu bằng chỉ trội một mình. Trội một mình thì bí-tắc, bí-tắc thì ngu, ngu-hèn cho nên yếu. Hợp thành đàn thì thông-đồng, thông-đồng cho nên khôn, khôn-ngaoan cho nên mạnh-mẽ. Xem như ngôi sao và địa cầu hút lấy nhau mà thành ra thế-giới ; vi-chất các điem bắt lấy nhau mà thành ra hình-thể ; hợp và đàn người mà thành ra một họ, ừc vạn dân người mà thành ra một nước, hợp đên ừc-triệu kinh-cai vô-lượng-số đàn người mà thành ra thiên-hạ. Phàm những kẻ nào không có đàn thì là những kẻ quan-quả cô-độc, là đừa dân trơ-vơ không biết kêu vào đầu. Lại xem như giống hổ, báo, sư-tử, giống voi, ngựa, lạc-đà, to-béo lớn-lao biết chừng nào, thế mà người ta hay giàng-buộc sai-khiến nó đừc, là vì nó không biết hợp-quần. Người giống đen ở Phi-châu, người giống sạm ở Ấn-độ, người giống đỏ ở Nam-dương Úc-đảo và Mĩ-châu, chiếm chỗ đất ở đên mười-sáu mươi-bảy phần trên địa-cầu, thế mà bị người kiềm-chế như dất con ngựa con đà, như cũ con sư con tượng, chỉ tại là cái cơ không biết hợp-quần mà thôi.

Cái đạo hợp-quần theo về hình-chất mà thanh đàn với nhau là bạc kém ; theo về tâm-tri mà thanh đàn với nhau là bạc hơn ; theo về hình-chất mà thanh đàn như lá đàn muỗi, đàn châu-chấu, đàn ong, đàn kiến, thì không phải là hợp-quần về nhân-đạo, nếu hợp-quần như thế mãi thì tất là làm hại cả thiên-hạ ; nhưng rồi cũng bị phải cái đàn người có tâm-tri nó áp-chế đi ; xem như giống người Hổi-hổi hay lấy sức một đàn mà hoành-hành trên đại-lục, rồi cũng

phải thiệp-phục về giống Nhật-nhĩ-man, đó cũng vì như đàn muỗi đàn châu-chấu, đàn ong đàn kiến, chứ không phải hợp-quần theo về nhân-đạo vậy.

Còn cái việc hợp-quần theo về tâm-tri thời rất vững bền, người Âu-châu đã thực-hành ra ba điều : một là nghị-viện tức là quốc-quần ; hai là công-ti tức là thương-quần ; ba là học-hội tức là sĩ-quần. Song, nghị-viện với công-ti thì thuộc về nghề-nghiệp với biên-luận, nhưng cũng phải có học mới đừc, vậy cho nên học-hội lại là cốt-lũ hơn nghị-viện với công-ti. Người trên mà đừng ra nhà học-hiệu, người dưới lại lập ra các học-hội để giúp đỡ lẫn nhau, thế cho nên người Âu mới hay lấy tâm-tri mà xung-hùng với thiên-hạ, đã hơn trăm năm rồi đầy.

Thế thì học-hội phát-khởi ra từ bên Âu-châu có phải không ? Không phải, đó là cái thành-pháp của nước Tàu đã từ hai nghìn năm nay rồi vậy. Xem như kinh Dịch có nói rằng : « Người quân-lữ cùng với bè-bạn cùng giàng-tập ». Sách Luận-ngữ có nói rằng : « Có bè-bạn từ phương xa lại cùng học-tập ». Lại rằng : « Người quân-lữ lấy văn-học để cùng hợp bạn-hữu ». Lại rằng : « Trăm nhà công-nghệ cùng ở một phố để cùng làm thành sự-nghiệp ; các bạn quân-lữ hợp nhau cùng học để cùng xét đạo-lý ». Lại như đức Khổng-tử dạy học trò đên ba nghìn, ông Mạnh-tử có kể đệ-tử theo học đên vài trăm ; thầy Tử-Hạ giàng học ở Tây-hà ; thầy Lăng-tử đừng nhà học ở Võ-thành ; Tuấn Khanh làm chức Lễ-tửu giàng học ở Tống, Sở ; Sĩ-Công hợp sinh-đồ giàng học ở Tề, Lộ ; Lâu Thư-Tử làm sách vở hợp đên chín nghìn học trò ; Từ

(1) Nguyên Bản-văn của Lương Khải-Siêu.

Tuân-Minh hội giảng đến hàng nghìn học trò; lại như trường học Nga-hồ Lộc-đông, học-xã Đông-lâm Cơ-phục, đều là học-hội rất thịnh; đạo đức tiên-thánh sớ-di bất-tuyệt, giống-nòi Hoa-hạ sớ-di không đến nổi rợ-mọi, đều là nhờ về học-hội cả. Học-hội mất đi là bởi tự đâu? Bởi tại cái tội của các nhà Hán-học tự triều nhà Thanh, mà người Kỹ-Quần chính là đầu tội. Các nhà Hán-học bảo rằng: Người đời nay chỉ nên làm sách chứ không nên hội-họp để giảng-học. Người Kỹ-Quần bảo rằng: Nhà Hán mà mất đi là bởi tại bọn đảng-cổ; nhà Tống mà mất đi là bởi tại bọn nguy-học; nhà Minh mà mất đi là bởi tại Đông-Lâm-học-xã. Than ôi! nói như thế là nghĩa gì? Trước kia mười quan Thị nó muốn làm khuynh-hãm Lý Ứng, Phạm Phang; Sái Kinh, Hàn Thác-Trụ nó muốn làm vu-hãm Tư-Mã-công, Chu-Tử; Ngụy Trung-Hiền, Nguyễn Đại-Giam nó muốn làm hại Cố-Cao, Trần-Hạ, nên nó mới nói ra như thế; Kỹ-Quần kia là dựa tiêu-nhân không còn kiêng nể gì cả, nó chỉ ghét các vị chư-hiền nên nó mới cam-tâm làm nó-lệ với mười quan Thị và Sái Kinh, Hàn Thác-Trụ, Ngụy Trung-Hiền, Nguyễn Đại-Giam, nên nó mới muốn cấm cả học-hội, mà đổ tội cho chư-hiền như vậy. Như thế thì kẻ tiêu-nhân có đảng mà người quân-tử không có đảng, kẻ phi-hoại có hội mà bọn chính-nghiệp không có hội, người trong thiên-hạ đều là quan-quả cô-độc hết cả, mà thành ra loài ngư-mã lạc-đà, không còn bằng đàn ong đàn kiến nữa, than ôi! thương thay!

Nay những người thông-đạt thời-vụ thì đều bảo rằng nên chấn-hưng khoáng-lợi, kiến-trúc thiết-lộ, chấn-chỉnh thương-trường. Nhưng thử đem những học-trò xưa nay chỉ ngám-nga văn-chương thơ-phú, giao cho làm mọi việc ấy có được không? Có người bảo rằng đã có bọn học trò lẩn-thức đó là

đủ. Nhưng trong một nước rộng đến hàng mười tám tỉnh mà chỉ có chừng ấy học trò lẩn-thức thì chắc đã đủ không? Nhân-tài thiếu-thốn, trăm việc bừa-bãi, mà không có người đủ tài học-vấn thì sao cho thành được. Nay trong nước hàng bốn vạn vạn người, những người hào-kiệt có tài thông-minh hay nghiên-cứu về tân-học thì cũng có, song không phải số ít người mới học được lổm-bổm, mà hay đủ làm được cả mọi việc. Như là muốn chấn-hưng khoáng-lợi thì phải đi du-lich các tỉnh, xem xét các cách khai mở và quặng mỏ, và lại phải mua các cơ-khi để làm đồ thí-nghiệm; muốn kiến-trúc thiết-lộ thì phải có người học về cơ-khi và nghề kiến-trúc cho sành sỏi, thì mới làm nổi được. Phạm những nghề ấy cần phải đi du-học, lại cần phải có đồ thí-nghiệm, thì mới tinh-xảo được, chứ không phải chỉ nhờ về cái sức của một đôi người, mà đã hay cải-cách chấn-hưng được các nghề-nghiệp.

Người Tây cứ mỗi nghề học lại có lập ra một hội như là: nông-học, thương-học, khoáng-học, hóa-học, toán-học, quang-học, trọng-học, y-học, động-thực-học, học nào cũng có một hội học; đến như nghề chiếu ảnh, nghề vẽ, cũng đều có hội cả, mà người vào hội thì trên từ hậu-phi vương-công, dưới đến kẻ bố-y hạ-tiện, họp hội có đến và trăm vạn người, vốn của hội có đến và trăm vạn bạc, trong hội có sách để xem xét, có khi-cụ để tiện việc thí-nghiệm, có mở báo để liên việc tuyên-truyền nghề mới, có thầy có bạn để tiện việc giảng-giải nghĩa ngờ, cho nên học gì mà chẳng thành, thuật gì mà chẳng tinh, tân-pháp càng ngày càng xuất-hiện để cho tiện dân dùng, nhân-tài càng nhiều để cho được đông người giúp việc nước; vì thế mới hay phú-cường nhất cả năm châu, văn-minh hơn cả đời thượng-cổ.

Xem như nước Ấn-đô từ khi thuộc về nước Anh, nào là mở ra hải-cảng, khai ra thương-phụ, đều là bởi thương-học-hội họ hết sức mở mang; người Âu-châu từ khi mở đường thông-thương đi du lịch khắp các nơi, nào là vẽ thành địa-đồ, tìm xét các khoáng-vật, không chỗ nào là không đi đến nơi, đều là bởi địa-học-hội họ hết sức tìm tòi. Các nước bên Âu-châu họ đối với các học hội, đều có lòng tôn-trọng, gia công bảo-hộ và khích-khuyến cho thành công. Có khi nhà vua cũng thân-ngự đến hội để cho trọng sự-thờ; hoặc ban tiền trợ-cấp để tán thành cho chóng phát-đạt; bởi vậy cho nên hội càng ngày càng thịnh, thì việc học càng ngày càng tiến.

Nay mà muốn chấn-hưng Trung-q-ốc, thu lấy cho được nhiều kẻ nhân-tài, thì trước nhất phải lập ra các học-hội và một nhà tổng-học-hội. Trong nhà hội một là phải lập ra qui-tắc về những điều lợi-ích chung ra cho công-chúng biết; hai là quyền-trợ các quan giúp vào, cho thêm vật lực, để mở-mang; ba là đưa thư mời các bạn đồng-chí vào hội cho đông, để tuyển lấy bậc dị-tài; bốn là gửi giấy đi học-hội các nước để thông tin-tức và rộng thanh-khi; năm là mời các người Âu-tây vào để giúp ích cho mình về sự cố-vấn; sáu là mua lấy các sách tây mà đem phiên-dịch ra để cho tiện đọc; bảy là mua lấy địa-đồ và các báo để cho rộng đường kiến-vấn; tám là mua lấy các cơ-khi để tiện việc thí-nghiệm; chín là biên dịch lấy các sách hữu-dụng ra bán rẻ để khai-thông phong-khi; mười là nghiêm định công-khóa cho các bạn học, mỗi người chuyên một nghề, để cầu lấy thực-học; mười một là tuyển lấy những họ-trò tuần-tú, mở ra nhà học-đường để dạy dỗ cho thành nhân-tài; mười hai là kén lấy những người đã học lối-nghiệp rồi cho đi du-lịch nước ngoài để xem xét thực-nghiệm.

Nay trong một nước rộng lớn mà mới có một vài học-hội, thì cũng ví như một đàn muỗi một đàn ong có thắm vào đâu. Hướng-chỉ trong mấy mươi triệu người, thiếu gì những kẻ sĩ tự-cường tự-lập, chỗ nào là chẳng có, phải nên lập nhiều các phân-hội ra các nơi, chỗ nào cũng có học-hội, mỗi tỉnh có một học-hội ở tỉnh, mỗi phủ có một học-hội ở phủ, mỗi một châu huyện có một học-hội ở châu huyện, một làng có một học-hội ở một làng, dẫu ít độ và mười người, nhỏ độ và trăm bạc, cũng có thể lập nên một học-hội được, tích nhỏ thành lớn, khuếch-sung mãi cho rộng ra, thì trong nước không người nào là chẳng học, cứ theo thể mà làm mãi, chừng độ một năm thì thu được vô số kẻ hào-kiệt, ba năm thì dự-bị đủ các nghề học, chín năm thì đã thành có công-hiệu; muốn hưng nông-học thì đã có kẻ nhân-tài về nông-học-hội, muốn mở khoáng-lợi thì đã có kẻ nhân-tài về khoáng-học-hội, muốn hưng công-nghệ thì có kẻ nhân-tài về công-nghệ-học, muốn khai thương-vụ thì đã có kẻ nhân-tài về thương-vụ học, muốn chế tân-khi cầu tân-pháp thì đã có những kẻ nhân-tài về điện-học, hóa-học và các khoa-học, văn-văn, nhân-tài đều do các học-hội tự-cấp tán-thành cho, nên nhiều người thành-tài, dụng về việc gì cũng có người tài giỏi, thi-hành ra chính-trị, việc gì mà chẳng xong. Nay nếu tin lời Kỷ Quân nói bảy không cho mở-mang các học-hội, trái mất lẽ hợp-quần, thì cây một cột kia sao hay chống giữ được dòng nước chảy; nhân-tài lác-đác như sao sa kia, sao hay mở-mang chấn-chỉnh được việc gì. Vậy nên trước phải cần có nhiều học-hội, gom được nhiều học-bổng, để tán-trợ cho nhiều người du-học cho thành-tài, thì trong nước mọi sự-nghiệp mới hay chấn-hưng lên được.

## CUỘC CÔNG-THẢI THUỘC-ĐỊA ĐỐI VỚI XỨ ĐÔNG-DƯƠNG TA

Vấn-đề cung cấp dụng-cụ cho các thuộc-địa đề mở-mang về đường kinh-tế, khởi lên trước dự-luận cùng Nghị-viện nước Pháp, kể cũng đã lâu lắm rồi.

Đã được 10 năm nay, hồi năm 1921, ông ALBERT SARRAUT làm Thuộc-địa - bộ Tổng-trưởng, đã đệ - trình Nghị-viện một cái chương-trình chung về các công-việc khai-thác thuộc-địa.

Năm 1929, ông MAGINOT làm Thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng lại đệ-trình Nghị-viện một bản dự-án luật mở công-thải cho năm xứ thuộc - địa để thi-hành cái chương-trình các việc công-chính lớn có ích-lợi về đường kinh-tế. Trong năm thuộc-địa đó, thì Đông-dương là đứng đầu.

Tháng 12 năm 1930, Hạ-nghị - viện đã thảo-luận về dự-án công-thải đó, và quyết-nghị ưng-chuẩn, duy thay đổi một vài điều, hoặc vì nhân tình-thể cận - lai, hoặc vì tự Nghị-viện đề-khởi. Mới đây lại đem ra thảo-luận trước Thượng-nghị-viện, Thượng-nghị-viện cũng ưng-chuẩn không thay đổi gì.

Vậy thì cuộc công-thải sắp mở ở Pháp và cái chương-trình công - chính đã quyết-định sắp khởi - sự thi-hành nay mai. Ta nên biết qua thể - thức cuộc công-thải là thế nào cùng đại-khái cái chương-trình ra làm sao.

### 1. — Cuộc công-thải thuộc-địa

Cứ theo như bản dự-án năm 1929 thì tổng-số cuộc công - thải thuộc-địa là 3.000 triệu quan tiền tây (3 milliards) mà về phần Đông-dương được 960 triệu.

Khi đem ra thảo-luận ở Hạ-nghị-viện cuối năm ngoài, thì Nghị-viện quyết-nghị tăng lên tổng-số là 3.900 triệu, về phần Đông-dương được 1.370 triệu.

Sở-dĩ tăng lên thế, không phải là vì dự-định thêm công-việc ra đâu, chính là bởi mấy việc như sau này xảy ra trong khoảng từ khi đệ - trình dự-án đến khi đầu-phiếu quyết-nghị :

1<sup>o</sup> Việc thứ nhất là các Liệt-cường đã ký hòa-ước Versailles thuận-nhận cái chương-trình Young điều-đinh về cách trang-trải các bồi-khoản của Đức, nhân đó mà nước Pháp bị giảm mất cái quyền được đòi nợ nước Đức bằng các máy-móc cùng vật-liệu để cung-cấp cho thuộc - địa, thành ra số tiền để mua các máy-móc cùng vật-liệu đó cũng phải tăng thêm nhiều lên ;

2<sup>o</sup> Việc thứ nhì là trong khi thảo-luận ở Nghị-viện, ông DALADIER là nguyên Thuộc - địa bộ Tổng-trưởng, hiện là một tay lãnh-tự đảng cấp-tiến xã-hội yêu-cầu với Nghị-viện tăng số công-thải lên 300 triệu nữa. để mở-mang các cuộc vệ-sinh y-tế giữ gìn cho nhân công làm việc ở các xưởng công-chính thuộc-địa khỏi phải ốm - đau tật-bệnh (trong số 300 triệu đó thì một Đông-dương được 120 triệu) ;

3<sup>o</sup> Việc thứ ba là thuộc riêng về Đông-dương. Trong dự-án năm 1929 là tính theo giá bạc 12 quan, đến năm 1930 thì Chính-phủ Đông-dương định giá bạc nhất-định là 10 quan. Tiền công-thải cho Đông-dương vẫn là tính bằng quan tiền tây, nhưng chi-dụng ở

nân-xứ thì trả bằng bạc cả, tất-nhiên phải tăng số phát-lãng lên mới đủ.

Nhân vì các lý-do đó, nên bản luật công-thải mới thuộc về thuộc-địa Đông-dương định các khoản như sau này :

Các khoản dự-dịnh đề thi - hành cái chương-trình công-chính do phủ Toàn-quyền Đông - dương đã định : 1.752.000.000 quan.

Các khoản chi-dụng không phải lấy vào tiền công-thải : 502.000.000 quan.

Các khoản chi-dụng phải lấy vào tiền công-thải : 1.250.000.000 quan.

Các khoản chi-dụng thuộc về lời yêu-cầu của ông DALADIER 4.120.000.000 quan.

Tổng - công tiền công - thải là 1.370 000.000 quan.

Các điều-kiện cốt-yếu về công-thải như sau này :

1<sup>o</sup> Công-thải sẽ chia ra hàng năm mà trả, chính-phủ Pháp phải đứng lên bảo-lĩnh ;

2<sup>o</sup> Các khoản cần-dùng để trả nợ hằng năm vừa gốc vừa lãi, phải biên vào sổ dự-toán Đông-dương làm khoản chi-liệu cưỡng-bách ;

3<sup>o</sup> Hạn 50 năm là cùng phải trang-trải hết cả vốn lẫn lãi ;

4<sup>o</sup> Công-thải không thu một lúc, tùy cần dùng đến bao nhiêu thì do quan Toàn-quyền tư xin với Bộ gọi thải bấy nhiêu cho mãn tổng-số đã định ;

5<sup>o</sup> Mỗi kỳ gọi thải phải có sắc-lệnh quan Giám-quốc chiếu theo tờ trình của hai quan Thuộc địa và Tài-chính Tổng-trưởng, trong sắc-lệnh nói rõ cách-thức mộ thải thế nào, cùng các khoản chi-tiêu về những công-việc gì ;

6<sup>o</sup> Mỗi khi khởi-công một việc gì phải có tờ tư của quan Toàn-quyền, tờ trình của quan Thuộc-địa, ý-kiến của quan Tài-chính, rồi quan Giám-quốc mới ký sắc-lệnh cho phép ;

7<sup>o</sup> Phạm những máy-móc cùng vật-liệu cần-dùng cho việc công-tác mà trong bản-xứ không có hoặc không lấy được ở các bồi-khoản bằng hiện-vật của Đức, thì phải mua ở Pháp và phải chở bằng tàu Pháp. Khi nào có duyên-cớ cần-cấp thì có thể làm trái điều này được, nhưng phải có nghị-dịnh quan Tổng-trưởng Thuộc-địa cho phép mới được.

## 2. — Chương-trình các việc công-chính lớn

Các việc công-chính lớn, như làm đường, bắc cầu, đào sông, tưới ruộng, là những việc có trực-tiếp quan-hệ đến sự thịnh-vượng chung trong một xứ, nên cần phải nhìn xa trông rộng, mà làm cho to-tát, nếu không thì không khỏi có ngày cả nền kinh-tế trong nước bị ngưng-trệ đình-đốn vậy.

Xứ Đông-dương này, diện-tích rộng-rãi, hình-thể tiện-lợi, tài-nguyên phong-phú, nhân-dân đã khai-hóa, phát-đạt lại rất mau, nên sự cần-dùng cùng sự lợi-ích về đường kinh-tế cũng là lớn-lac phiến-phức vô-cùng.

Các quan Toàn-quyền cầm quyền thủ-hiến xứ này cùng các nhà kỹ-sư chủ-trương việc công-chính, đều hiểu rõ lẽ đó trong khi dự định cái chương-trình công-chính ta xét đây.

Chương-trình đó không phải là một cái kế-hoạch hoàn-toàn nhất-định, chỉ là một bước đường trong sự nghiệp khai-thác xứ này, một bước đường trong thời-gian và trong không-gian vậy.

Trong thời-gian là vì tiếp-tục cái công-cuộc khai-thác từ trước đã làm cho xứ Đông-dương mỗi năm thu-hoạch được thêm lên hơn 3.000 triệu quan, và là khởi-công một cái chương-trình mới khuếch-trương thêm ra mà thôi.

Trong không-gian là vì đồng-thời với các công-trình lớn sắp thi-hành.

Đông-dương vẫn dùng các thường-khoản trong ngân-sách hằng năm mà làm nhiều các công-trình mới khác nữa cùng những việc bảo-tồn tu-bổ các công-trình cũ.

Hoặc-giả nói : hiện nay nền kinh-tế trong thế-giới đương qua một hồi khủng-hoảng, xứ Đông - đương cũng phải chịu cái ảnh-hưởng xấu, giữa lúc này có nên khởi-hành những công-trình lớn-lao như vậy không ?

Ông Thượng-nghị-viên MESSIMY trong tờ báo-cáo cho Thượng-nghị-viện về bản dự-án công-thải, đã nói quả-quyết rằng nên lắm.

Vì lẽ như sau này : cái tình-thế khủng-hoảng về kinh-tế ngày nay làm cho các nông-sản cùng các nguyên-liệu không thể tiến-thụ ra ngoài được, thành ra nhân-dân bản-xứ phải chịu thiệt-thòi, những miền trung-châu đông-dúc, người nhiều việc ít, cách sinh-hoạt không khỏi phải kham-khở.

Nay nêu mô công-thải thì mẫu quốc đem tiền sang thuộc-địa để chi-dụng về các việc khai-thác, người dân tiện-thị có công-việc làm, có tiền lương ăn, tức là một cái kế hoạch cứu-cơ cứu-bần cho dân đó.

Nay xét qua các công-trình sẽ khởi-hành bằng tiền công-thải như sau này thì biết toan là những việc có ích-lợi

to về ba phương-diện chính-trị, xã-hội và kinh-tế.

Như việc tạo-tác cùng tu-bổ các đường xe lửa là chủ-y đề khai-thông cho hai xứ lớn trong cõi Đông-dương này, là Cao-miên và Ai-lao, hiện nay đường giao-thông bí-tắc không liên-tiếp được với các xứ khác trong cõi, mà cứ hình-thế tự-nhiên thì lại muốn khuynh-hướng ra nước ngoài, như thế không khỏi có nhiều điều bất-tiện. Xe-lửa lại còn một mục-dịch nữa là nối miền Bắc nhiều người ít đất với miền Nam nhiều đất ít người, để cho nhân-công giao-dịch được dễ và việc khai-thác cũng được tiện-lợi

Lại những công-trình phụ-trúc đề-bồi cùng dẫn-thủy nhập-diện, là những công-trình lợi-nông cá, ở một xứ dĩ-nông-vi-bán, thật là lợi-ích vô-cùng vậy. Giữ được cho nhà nông khỏi phải những cái nạn nước lụt hạn-hán, thật có ảnh-hưởng to không những về đường kinh-tế, mà cả về đường xã-hội, chính-trị nữa.

Còn những đường điện-báo điện-thoại, đặt thêm ra, sửa-sang lại, đó cũng là một việc cần cho một xứ lớn đương mở mang về đường kinh-tế. Sau đây kê ra cái biểu liệt các công-trình lớn thuộc về ba hạng đó và chỉ rõ mỗi việc trị-giá là bao nhiêu, tính bằng bạc Đông-dương, mỗi đồng định giá 10 quan.

A.— Đường xe lửa

1 <sup>o</sup> Đường xe lửa từ Pnom-penh đến Battambang . . . . .	20 100.000 đồng.
2 <sup>o</sup> Đường xe lửa từ Tourane đến Nha-trang . . . . .	52.800.000 —
3 <sup>o</sup> Đường xe lửa từ Tan-ấp đến Thakhek . . . . .	27.600.000 —
4 <sup>o</sup> Đường xe lửa từ Sài-gòn đến Tây-ninh . . . . .	6.000.000 —
5 <sup>o</sup> Mua dụng-cụ cùng máy-móc cho các đường đã khai-thông rồi . . . . .	7.200.000 —
6 <sup>o</sup> Làm nốt đường xe-lửa Lang-bian . . . . .	2.160.000 —
Cộng là . . . . .	116.160.000 đồng.

B. — Việc trị-thủy

Phụ-trúc các đê Bắc-kỳ: . . . . .	9.600.000 đồng.
Thoát nước các khu thuộc sông Đáy . . . . .	4.800.000 —
Dẫn-thủy miền Kê-Sắt và Hưng-yên. . . . .	8.400 000 —
Dẫn-thủy mấy tỉnh Trung-kỳ (Quảng-ngãi, Quảng-nam, Quảng-trị, Nghệ-an) . . . . .	21.600.000 —
Làm nổi các việc dẫn-thủy còn dở-dang (Bắc-kỳ thì sông Cầu-Sơn-tây, Trung-kỳ thì Phú-yên, Thanh-hóa, Thừa-thiên). . . . .	3.840.000 —
Cộng là. . . . .	48.240 000 đồng.

C. — Điện-báo và điện-thoại

Đặt thêm và tu-bổ các đường điện-báo điện-thoại cùng xây dựng các nhà cửa . . . . .	10.800.000 đồng.
Tổng-cộng cả ba khoản là. . . . .	175.200.000 —
Tính ra quan tiền tây là . . . . .	1.752.000.000 quan.

A. — Nói về đường xe lửa

Trong năm đường xe lửa kê trên kia, thì ba đường là *Pnom-penh — Battambang*, Tân-ấp — *Thakhek* và *Lang-bian* (từ nơi « Cây-đỏ » cho đến *Dalat*) đã khởi công làm từ 1929. Hiện nay vẫn đang làm cần lắm, vì lẽ kinh-tế bắt-buộc phải làm ngay, không thể đợi cho Nghị-viện quyết-nghị cuộc công-thải rồi mới khởi-hành.

1° Đường *Pnom-penh — Battambang*. — Đường này dài 275 cây số, là một đoạn thuộc về con đường xe lửa quốc-tế lớn ở phía nam Đông-dương, định nối Sài-gòn với *Bangkok*, và nhân đó tiếp với các đường xe lửa Xiêm-la cùng Ấn-độ.

Đoạn này mà làm xong thì nước Cao-miên sẽ có một đường xe-lửa nội-địa cần cho việc giao-thông vận-tải trong nước. Đường này sẽ mở cho các tỉnh miền trong sản thóc nhiều được trực-tiếp với kinh-đô *Pnom-penh*, ở trên sông *Cửu-long*, vừa là một cái bến sông thuyền bè đi lại đông, lại vừa có thể coi là một nơi hải-cảng cũng

được, vì những tàu bè đáy sáu năm thước có thể lên đến tận đấy được.

Việc xây dựng đường xe-lửa đó đã giao cho Công-ty Xe-lửa phía nam Đông-dương, là một chi-cục của Tổng-công-ty Thuộc-địa. Đường này khởi-công từ năm 1929, đã tiến-hành lắm, làm mau hơn kỳ-hạn dự-định.

Đến ngày mồng 1 tháng 7 năm 1930, việc đắp đường chia ba đã làm được hơn một phần, còn những cầu cống cùng nhà cửa, làm cũng gần-tới lắm.

Những máy-móc dụng-cụ cần dùng, như đường sắt, xe-lửa chạy, xe-lửa kéo, hầu hết là lấy ở các hồi-khoản hiện-vật của Đức.

Các đồ vật-dụng đó bắt đầu nộp từ tháng 9 năm 1930.

Số nhân-công làm ở các xưởng năm 1930 là 5.000 cu-ly (trong số đó có 700 người Khách) và 350 cái xe bò, người làm toàn là người trong bản-xứ, không cần phải mộ người ngoài.

Việc y-tế trong các xưởng sắp đặt chỉnh-đốn, do sở Công-chánh kiểm-đốc;

2' — Đường Tân-ấp — *Thakhek*. — Đường xe-lửa này tối quan-trọng cho tương-lai bản-xứ.

Đường này là cốt đẽ « mở cửa » cho xứ Lào, là cái kho trữ-bị kinh-tế của Đông-dương, hiện nay giao-thông với các xứ khác chỉ có con đường sông Cửu-long, đầy những ghềnh cùnh thác, khó đi lại lắm, với hai đường con chạy ô-tô được từ duyên-hải Trung-kỳ chạy vào. Đường xe-lửa này mà làm xong thì các sản-vật xứ Lào có thể vận-tải ra Trung-kỳ Bắc-kỳ được, chứ hiện như bây giờ các đường xe-lửa Xiêm đã tẩn-tối lắm, phần nhiều hàng-hóa theo đường *Bangkok* mất cả.

Đường Tân-ấp — *Thakhek* dài 186 cây số, sẽ nối đường Đông-dương đại-lục cùng các hải-cảng Trung-kỳ Bắc-kỳ với triển sông Cửu-long giữa vào phần tàu bè đi lại được.

Đường kẻ cũng không dài mấy, nhưng đặt khó lắm, vì phải chạy qua dải Trường-sơn tới 150 cây số, rừng rậm núi cao, khi-khu hiểm-trở lắm.

Hai đầu đã khởi-công làm từ năm 1929, về phần Trung-kỳ một « lô » 18 cây từ Tân-ấp đến Xóm Cúc, về phần Ai-lao một « lô » 16 cây từ *Thakhek* đến *Pha-vang*, để lấy đường mà tiến vào « lô » giữa là phần rừng núi khó làm hơn nhất.

Kể đến ngày mồng 1 tháng 7 năm 1930, công-việc trong hai « lô » đầu đó vẫn tiến-hành được tuần-tự.

Còn đoạn giữa, thì đã đặt một con đường nhỏ để cho phu - phen đi, và định đặt một đường xe lửa trên không dài 43 cây để chở các vật-liệu, việc này giao cho Công-ti *Heckel ở Sarrebruck* lĩnh-trung. Các kỹ-sư của công-ti này đương dự-bị đặt đường đó.

Còn các công-việc dự-bị để đặt đường sắt thì hiện nay đương tiến-hành. Lại trừ-tính các phương-pháp để phòng-bị bệnh ngã nước cho phu-phen đến làm.

3' Đường *Lang-bian*. — Đường *Lang-bian* mà làm xong thì sẽ nối đường Đông-dương đại-lục với đất cao-nguyên *Lang-bian* (phía nam Trung-kỳ), khi ấy thì Sài-gòn với *Dalat* là sở nghỉ mát và dưỡng-bệnh lớn ở phía nam Đông-dương sẽ đi lại được rất mau chóng.

Chỉ còn có hai đoạn, dài cả thảy là 22 cây nối nơi gọi là « Cây dô » với *Dalat*.

Đoạn từ nơi « Cây dô » đến nơi « Rừng con » đã khởi-công từ cuối năm 1929, đoạn từ nơi « Rừng con » đến *Dalat*, khởi-công từ đầu năm 1930.

Trừ nhà ga *Dalat*, phải làm nhà lầu với vườn-tược chung-quanh không kẻ, còn cả hai đoạn xe-lửa thì ước chừng tháng 7 năm 1932 sẽ hoàn-thành cả.

4' — Đường *Tourane* — *Nha-trang*. — Đường này dài ước 550 cây, làm xong thì là hoàn-thành con đường Đông-dương đại-lục chạy suốt từ Bắc chí Nam, do quan Toàn - quyền *Doumer* khởi xướng ra từ năm 1898. Đường này nối Hà-nội với Sài-gòn, khiến cho nhân-công cùng hàng - hóa Nam-Bắc giao-dịch với nhau được tiện lợi, xứ Bắc thì dân số nhiều, xứ Nam thì đồn-diền lớn, một đàng cần phải di-dân đi, một đàng cần phải tiếp dân lại. Khúc đường này lại chạy qua mấy tỉnh trù-phú ở Trung-kỳ và các cửa bể *Tourane*, *Qui-nhon* và *Nha-trang*.

Công-việc dự-bị đã chu-đáo lắm rồi. Hệ hai công-ti lĩnh-trung thành-lập thì có thể khởi công ngay được.

Hiện đương xây các nhà ga, các xưởng thợ, để cho quan-viên sở Công-chính cùng người làm của công-ti có chỗ ở. Lại các đường hành-dịch cũng đương sửa - soạn để nối với đường Thiên-lý cho tiện.

Lại ở *Tourane* và *Ba-ngòi* gần làm xong hai cái kho lớn để chứa các vật-dụng bằng sắt thu-nhận được về khoản bồi - thường hiện-vật của Đức. Vật-

dụng này gồm được 300 cây-lô-mét đường sắt cùng các thang sắt để làm cần cống, cầu cống ở đây thì phải làm nhiều lắm, vì bình-thể hiểm-trở.

5' — Đường Sài-gòn — Tây-ninh. — Đường xe-lửa này cũng như đường *Pnom-penh* — *Battambang* là một phần đường nối Sài-gòn với *Bangkok* qua Nam-kỳ và Cao-miên.

Đường này là khởi đầu một con đường sau này nữa. nối Sài-gon với *Kong* qua Tây-ninh, *Kong* là nơi cuối cùng về phần hạ-lưu sông *Mekong*, đến đây thuyền-hè không thể đi lên được nữa.

Đường xe lửa này dài 97 cây.

Năm 1920 đã nghiên-cứu lại kỹ-cảng và năm nay có thể bắt đầu làm các công-việc dự-bị.

6' — Đồ dụng-cụ cho các đường xe lửa đã chạy rồi. — Tuy ngày nay ô-tô chạy nhiều, mà các đường xe lửa chạy vẫn đông lắm, sau này lại có các đường mới làm nữa thì sự vận-tải bằng xe lửa lại càng phát-đạt thêm.

Vậy các đường đã chạy rồi định đặt thêm và chỉnh-đốn lại các đồ dụng-cụ, đại-khái như: mua thêm các xe tốc-hành, dùng cái «phanh» (*frein*) tự-dộng cho cả các hạng xe, đường sắt sửa lại cho chắc, đặt các dấu-hiệu mới, các đường xe tránh, các bể đựng nước, các xưởng thợ làm. Lại nhà ga Sài-gòn bây giờ chật-hẹp quá, sau này mở thêm đường chạy thì quyết là không đủ, vậy cũng cần phải mở rộng thêm ra, năm 1930 đã nghiên-cứu cách khoãng-trương, năm 1931 có thể khởi-hành các công-việc dự-bị được.

B. — Nói về các công-cuộc trị-thủy lợi nông.

Một nước lấy nghề làm ruộng làm nghề căn bản, lấy gạo làm món ăn cốt-yếu cho người ta, thì những việc lợi-nông trị thủy là quan hệ và ích-lợi vô-cùng.

Những việc làm ở Nam-kỳ, Trung-kỳ, Bắc-kỳ, kết-quả hiển-nhiên, thật là minh-chứng.

Những việc đã làm từ trước đến nay, chi-phí tổng-cộng 60 triệu đồng, mà tăng giá-trị điền-địa lên đến 200 triệu và số thu hoạch hằng năm thêm được 90 triệu, về phần công-quĩ cũng được lợi nhiều, vì thuế điền-thổ nhân đó mà tự nhiên tăng lên vậy.

Cái chương-trình trừ-tính hiện nay tức là để khiến cho các miền khác ở Trung-kỳ, Bắc-kỳ cũng được hưởng cái lợi điền-địa tăng giá như vậy.

Lại có một mục-dịch nữa, là giữ cho miền trung-châu Bắc-kỳ khỏi phải nước sông Hồng-hà ngập lụt.

Vậy chương-trình này gồm 3 khoản như sau này :

1<sup>o</sup> Phụ-trúc các đê sông Cái ;

2<sup>o</sup> Thoát nước và dẫn nước cho mấy miền Bắc-kỳ ;

3<sup>o</sup> Dẫn-thủy nhập-điền ở Trung-kỳ.

1) Đê sông Hồng-hà. — Mùa nước lên, sông Hồng-hà chảy mỗi giây đồng-hồ tới 3 vạn thước đứng nước và mặt nước lên có khi tới 11 thước cao.

Những khi nước lên như thế thì ngập lụt tai hại vô-cùng, tự bao nhiêu thế-kỷ đến giờ vẫn thế, tuy cũng có đê, nhưng đê làm tự đời cổ không đủ cản được nước sông.

Tự năm 1926, sở công-chính trừ một cái chương-trình lớn phụ-trúc cả các đê lại. Những đê đã phụ-trúc rồi thì qua hai năm nước to, là năm 1928 và 1929, ở Hà-nội nước sông lên từ 11 thước 10 đến 11 thước 40, đều chịu được cả.

Nay những công-việc trừ vào khoản tiền công-thải là để đắp phủ bên ngoài một lượt đất sét cho máy nghiêng chạy cho thật chắc, không sợ thấm-lậu được nữa. Khi nào công-việc hoàn-thành thì xứ Bắc-kỳ có thể may thoát được cái

nạn nước lụt và các nông-dân sẽ được yên-đn mà làm ăn.

2) Thoát nước và dẫn nước ở mấy miền Bắc-kỳ. — Việc thoát nước các khu sông Đáy là một con sông phụ-lưu của sông Hồng-hà, đến khi làm xong thì sẽ được 10 vạn mẫu tây đem ra cấy cấy được mà hiện bây giờ thì là những đất đầy ú nước mưa cả năm. Việc dẫn-thủy nhập-diện bằng máy «bơm» ở miền Kê-Sắt và Hưng-yên thì sẽ lợi cho 12 vạn mẫu tây.

Lại việc dẫn-thủy hiện đang làm ở Sơn-tây và miền sông Cầu, cả thủy 5 vạn mẫu tây, định đến năm 1932 thì làm xong, cũng trừ vào khoản công-thải.

Các việc lợi-nông đó mà hoàn-thành thì cả xứ Bắc-kỳ sẽ được hơn 30 vạn mẫu ruộng-đất tăng giá-trị lên nhiều.

3) Việc dẫn-thủy ở Trung-kỳ. — Miền duyên-hải Trung-kỳ chỉ có một dải đất hẹp, một bên thì núi, một bên thì biển, mỗi năm đến mùa gió đông-bắc thì khô-hanh, hại cho mùa-màng nhiều lắm.

Bởi thế nên trù-tính các việc dẫn-thủy để giúp cho dân mấy miền đồng bằng khỏi cái nạn hạn-hán, hiện đã trừ 15 vạn mẫu tây cho bốn tỉnh duyên-hải, có thể khởi - công làm ngay từ năm nay.

Các khu Thanh - hóa, Thừa-thiên, Phú yên, muộn lắm là đến năm 1932 là các công việc làm xong, có thể cho nước vào ruộng được.

### C. — Điện-báo và điện-thoại

Xứ Đông-dương càng ngày càng phát-đạt về đường kinh-tế, các máy-móc cùng đồ dùng của Thái-Tây, người bản-dân càng ngày càng quen dùng, thành ra các đường điện-báo điện-thoại bây giờ không đủ cung-cấp cho sự cần-dùng trong dân-gian nữa.

Vậy cần phải mở-mang to-tát thêm ra nữa, duy các máy-móc thì nên cần-thận, không nên chi-phi nhiều quá, sở khoa-học mỗi ngày một tấn-tới, máy dùng ngày nay, có lẽ ngày mai đã quá cũ vậy.

Vậy trong khoản công-thải này trừ một tổng-số là 10 triệu 800 nghìn đồng về mục điện-báo và điện-thoại, chia ra làm 8 năm để chi-dụng các việc cần-cấp.

### 3. — Nói về các phương-pháp thi-hành

Muốn biết cho rõ các cách - thức chuẩn-bị thi-hành cái chương - trình công-chính lớn cho Đông-dương đó trong hạn 8 năm, thì nên xét qua mấy điều-kiện như sau này :

10— Cách tổ-chức và kiểm-sát các công-việc ;

20— Cách mộ-dụng nhân-công cùng sắp-đặt máy-móc ;

30— Cách vệ -sinh cho người làm việc ;

40— Cách chuẩn-bị về lý-tài.

10— Cách tổ-chức và kiểm-sát công-việc. — Một cái chương-trình lớn-lao như vậy, đem ra thi-hành, cần phải một số nhân-công rất to, sở Công-chính nghĩ có hai cách như sau này : một là theo cách thông-dụng bây giờ, nghĩa là sở Công-chính cho đấu-giá từng «lô», để cho người riêng đến trực-tiếp mà lĩnh-trung ; thứ nhì là giao cho những công-ti lớn đứng lên tổng-lĩnh cả, theo một cái mẫu giấy hợp-đồng công-ti ký với Nhà-nước.

Nếu theo cách thứ nhất, nghĩa là cách thông-dụng bây giờ, thì cần phải mộ thêm nhiều những viên - chức chuyên - môn kiểm - đốc, chính - phủ không thể nhất-đán mà mộ ngay được.

Còn theo cách thứ nhì là cách tổng-lãnh theo hợp-đồng nhất-định, như hiện đã thi-hành cho đường xe lửa *Pnom - penh - Battambang* rồi, thì có nhiều điều tiện-lợi như sau : làm như thế thì công-việc được cả thể và nhất-tri hơn, từ việc gọi vốn cho đến việc chuẩn-bị thi-hành cũng có thống-hệ phương-pháp hơn; lại các công-ti lớn lập ra, nếu tính cho vừa được lãi, khéo chủ-trương thu-xếp thì lợi hơn là chính Nhà nước đứng làm lấy, vì các công-ti ấy đã chuyên-môn sẵn, sẵn có người chủ-trương đốc-suất, đứng bao lấy cả mà thay mặt Nhà nước điều-đinh với các chủ thầu người Tây người Nam, khéo dùng nhân-công bản-xứ, thì giản-tiện và ích-lợi nhiều lắm.

Tờ hợp-đồng làm mẫu đại-khái chú-trọng ở một điều sau này : là phạm các vật-liệu cần-dùng thì trị-giá tính theo số tiền khoán đã dự-định trong chương-trình chuẩn-bị. Nếu khi làm việc mà quá cái số tiền khoán đó, thì công-ti lĩnh-trung phải chịu một phần kinh-phi giới ra đó. Nếu khi làm việc mà kinh-phi không tới số tiền khoán đã định đó, thì được lời ra bao nhiêu, công-ti lĩnh-trung sẽ có phần vào đó,

Ý-kiến đó đã đem ra trình Đại-hội-ngợi Kinh-tế và đã được quan Toàn-quyền chuẩn-y. Giấy hợp-đồng về các công-việc lớn sắp làm nay mai sẽ làm theo cách-thức như thế.

Lại định rằng các công-ti tổng-lĩnh đó, chính-phủ Đông-dương cũng được đứng một chân cổ-đồng, có quyền kiểm-sát các công việc quản-lý trong công-ti, hoặc tự cử người tham-dự vào hội-đồng quản-trị, hoặc được quyền đán-hặc tại đại-hội-đồng các cổ-đồng.

Sau nữa, trong tờ hợp-đồng làm mẫu lại định sẽ đặt ra một hành-chính-cục để kiểm-sát các công-ti tổng-lĩnh. Mỗi địa-phương có một kiểm-sát-cục

như thế, để làm cơ quan thừa-hành và báo - cáo thuộc quyền một tổng - cục trung-ương, do chính quan Công-chính Tổng-trưởng giám-đốc.

Cách kiểm-sát như vậy hiện đã thi-hành về việc làm mấy đường xe lửa phía nam Đông - dương, xem ra cũng thỏa-đáng lắm.

20 — Cách mộ-dụng nhân-công và sắp-đặt máy-móc. — Các xưởng thợ phần nhiều là lập ở những nơi đồng bằng các miền duyên-hải, nhân công nhiều, chắc là đủ dùng, không ngại gì về khoản đó. Cứ xem như số nhân-công hiện đi làm thuê hoặc tạm-thời, hoặc thường thường cho các chủ thầu người tây hay người nam, tính ra không quá 4 phần trăm dân-số trong bản-xứ, thì đủ biết vậy.

Chỉ duy những xưởng đặt ở các nơi xa-xôi lam chường, là mộ nhân-công phải khó. Nhưng sở công-chính lâu nay đã sắp-đặt các máy-móc đủ thứ, như sừng máy, ô-tô chở, xe lửa nhỏ để vận-tải, các đồ dùng tự-động, v. v., toàn là những cách dễ bề cho sự thiếu nhân-công, lấy máy mà thay người, theo như ý-định của Nghị-viện.

30 — Việc vệ-sinh cho các người làm. — Ông nghị-viên DALADIER khi thảo-luận bản dự án luật công-thải ở Nghị-viện có yêu-cầu xin chú-ý về việc vệ-sinh cho kẻ lao-động. Vấu-đề đó Chính-phủ Đông-dương cũng đã trù-tính rồi và đã đặt kế-hoạch để thi-hành ở các xưởng về khoản phòng-bị bệnh-tật cho người làm.

Việc thuốc thang khi bệnh-tật, việc lập trại cho phu, cách vệ-sinh ở các trại, và thứ nhất là việc chiến-đấu với bệnh sốt-rét-rừng, là một bệnh tối nguy-hiểm cho các đoàn-thể lao-động ở Đông-dương, các việc đó nhất-nhất đã dự-định cả.

Như việc phòng-bị bệnh ngã nước thì phủ Toàn-quyền đã có nghị-định

ngày 22 tháng giêng năm 1930 định chia Đông-dương ra làm hai bộ-phần, bắc-bộ và nam-bộ, mỗi bộ có một sở chuyên-môn nghiên-cứu và kiểm-sát thuộc về viện Pasteur, với một sở trị bệnh ngã nước thuộc về sở Công-chính. Nam-bộ đã bắt đầu thi-hành rồi, còn bắc-bộ cũng lục-tục sắp khởi-hành.

40 — Cách chuẩn-bị về lý-tài. — Cứ tình-hình tài-chính của Đông-dương, thì cũng đủ cách đối-phó với cuộc công-thải này.

Ngày 31 tháng 5 năm 1929, kho trữ bị Đông-dương được 15.383.000 đồng, đến cuối năm ấy trong ngân-sách bên thu hơn bên chi được 4.500.000 đồng.

Cũng trong ngân-sách năm 1929 đó, Đông-dương chi-tiêu về các việc tạo-tác mới hết 22 triệu đồng, trong số đó thì 14 triệu đồng về sở chi-thu chung.

Số 14 triệu đồng đó là số trung-bình hằng năm, nhưng mỗi năm có thể tăng lên 500 nghìn đồng nữa cũng không khó gì.

Nay tiền công-thải tính số lãi mỗi năm phải trả không quá 7.672.000 đồng, là tính số gốc 137 triệu quan, lãi 5, 6%.

Xem như thế thì ngân-sách Đông-dương đủ tiền để trả lãi về công-thải, mà mỗi năm lại còn dư được ít nhiều để làm những công-việc tạo-tác mới không trừ-tính trong chương-trình công-thải.

Nói tóm lại thì Đông-dương ngày nay đã đủ tư-cách chủ-trương được các công-trình lớn để mở-mang cuộc kinh-tế trong nước, và đủ tài-lực đảm-đương được một cuộc công-thải lớn để chi-dụng về các công-trình đó.

HẠC-ĐÌNH biên-tập

## SƯU-TẬP VĂN CỔ

### I — Tứ-thời-khúc (1)

Kề từ Thái-cực bâm-sinh,  
Đen vàng đôi thớ rành rành chia hai.  
Trên cao thăm-thẳm là trời,  
Dưới đây là đất giữa thời người ta.  
Lại trong khí hậu hay là,  
Bốn mùa lai vãng tiết đà có phân.  
Đầu năm hiệu lệnh là xuân,  
Rằng vua Thái-hiệu rằng thần Câu-mang.  
Kìa xem đề-quán mai-hương,  
Thầy-lay sớm đã tỏ tường sự xuân.  
Khéo thay bấy hồi hồng-quán,

Hình tùy vật phú mười phần hóa-công.  
Bổ-hòa một trận đông-phong,  
Đầu đầu muôn tía nghìn hồng đua tươi.  
Thiều-quang cảnh lạ đến người,  
Thuở tam-dương lộ tiết trời lập-xuân,  
Đầu-đầu chịu lệnh đông-quán,  
Cửa giao lừng lẫy đón xuân rước về.  
Giang-sơn hoa-cổ bốn bề,  
Đều lèc cõi thọ đều về dải xuân.  
Nhà nhà tổng cựu nghênh tân,  
Hoa-tiên là thiếp nghi-xuân là phù.  
Tổng hàn đắp đất làm trâu,  
Liễu-chi quát đánh sủa lâu khi âm.

(1) Bài này nguyên văn thể song-thất lục-bát của quan Thượng-thư Vĩnh-khieu-hầu, (người xã Lai-xá, huyện Lương-tài, phủ Thuận-an, Kinh-bắc nay là Bắc-ninh) làm ra từ đời Lê. Đến đời chúa Trịnh Hoảng-tổ Dương-vương khiến các văn-quan chú-thích ra chữ Hán. Bản-chí đã lục-dăng ở Nam-Phong số 112. Nay lại thấy bài này thể lục-bát, không rõ tác-giả là ai, nhưng cũng đáng-lục để tồn-cổ. Bản chữ nôm từ cổ, nay viết ra quốc-ngữ, không khỏi có chữ sai lầm, nếu ngài nào tường hơn xin cho biết để sẽ lại cải-chính.

Ngủ-lân thức thức đầy mâm,  
 Cửa xum ngọc trắng tay cầm tơ xanh.  
 Ngon đèn giông sáng năm canh,  
 Nỉ non tiếng trúc rập rình bên tai.  
 Thiếp Lưu rất mực nữ-tài,  
 Dàng thư nguyên-dán tụng bài tiêu-hoa.  
 Trăm quan san-sát dâng tờ,  
 Chúc vua hưởng thọ tuổi dư vắn vắn.  
 Tiêu tiêu mấy khúc thêm đàn,  
 Chín trời sực nức gió đàn hơi thơm,  
 Thượng-lâm vỗ tiếng trống com,  
 Hoa vàng nhị ngọc nở thơm toi-bời.  
 Nhà người rót chén đầy vơi,  
 Rượu đồ trừ dịch làm bài tràng-sinh.  
 Chung-Quy khéo vẽ mô-hình,  
 Đào-phù cấm quỉ phòng tinh ngăn tà.  
 Cửa treo mới yêm tranh gà,  
 Thượng-nguyên tiết đã ruồi qua khi nào.  
 Kia-kia cây lửa cầu sao,  
 Chín đường nghìn cửa rập-riù canh thâu.  
 Tiết lành ai cấm ai đầu,  
 Kia non kết-thái nọ lâu xem đèn.  
 Đêm thanh vắng vặc đước sen,  
 Cầu non Ngao lại rập rờn bắc ngang.  
 Vườn hồng thắm thoát thoi vàng,  
 Đào đào mạn mạn vợi-vàng tranh xuân.  
 Say say tỉnh tỉnh tần-ngần,  
 Nào ngờ ngày tháng đã vắn sang hai.  
 Thượng-đỉnh thích-điện lễ chay,  
 Đỉnh non lễ tế Cao-môi tiên-thần.  
 Lễ thường lại giờ minh-nhân,  
 Lễ dâng xă-tắc phong vắn mới dân.  
 Tiếng chim bá-cốc đầu ngàn,  
 Giục làng cây nọ bàn-hoàn canh khuya.  
 Bãi tần nổi cái đề-he,  
 Nguyệt này đã quán hoa kia lại thành.  
 Thơ đề lá đỏ buông doanh,  
 Kia ai toan tả xuân tình cùng ai.  
 Lòng xuân đã giục cảnh mai,  
 Cửu-quan cửa ấy có cài cùng chẳng.  
 Thiều-quang vẹn vẹn phân bằng,  
 Hỏi chi con yến đầu đường nói vay.  
 Mảng xem con bướm cao bay,  
 Đã sang thượng-tị là ngày tháng ba.  
 Đua nhau ăn ngủ nhà nhà,

Hay vi Giới-tử người ta thương tình.  
 Long-hoa một hội hương thanh,  
 Họ Vương họp khách Lan-đình Cối-kê.  
 Lạc-dương chợt thấy hoa lê,  
 Cho hay thời tiết đã về thanh-minh.  
 Mười hai con trận chơi mãnh,  
 Cao ca mở tiệc yến quỳnh vui chơi.  
 Đan-tri kéo lửa sáng soi,  
 Tiêu-nhi hơn-hở hứng vui thưởng vàng.  
 Áo đơn mỏng mảnh xênh xang,  
 Tầm ròi hồng mát lên đường nghỉ chân.  
 Khi hòa vật tốt mười phân,  
 So trong bốn tiết lại phần xuân thanh.  
 Tràng-an phong-cảnh hữu-tình,  
 Có đường ruồi ngựa có thành xem hoa.  
 Nghìn vàng khôn chuộc đó mà,  
 Tình xuân phơi-phới được hòa chơi  
 đêm.

Hải-đường giấc hãy êm êm,  
 Xanh giăng màn liễu lục thêm tán hòe.  
 Trách con đồ-vũ eo-le,  
 Quyển xuân về lại đủ hè kia sang,  
 Thủy đình ve gảy đàn xoang,  
 Tiêu-nô đã nở tri đường mấy ao.  
 Bắc-song gió mát gối cao,  
 Mối sầu tả sạch chút nào có lo.  
 Vất chân nằm khềnh ngáy pho,  
 Nghĩ mình chẳng khác người vua Hi-  
 hoàng.

Lan-đình một hội yêu đương,  
 Đồ thư phơi phới mai vàng nhuận mưa.  
 Đầu hè tiết mới sang tư,  
 Ngày dài mấy cuộc rượu cờ tiêu-dao.  
 Hóa-nhi khéo quấy người sao,  
 Đã sang Hòe-quốc lại vào Hoa-tư.  
 Lửa hun lò máy thái-hur,  
 Trời vàng chảy đá bấy giờ khôn đương.  
 Ngày trùng-ngọ tiết đoan-duương,  
 Nghìn năm chúc thọ thi-chương dâng  
 châu.

Dùng năm thức chỉ tay đeo,  
 Người bỏ, hùm ngải, cửa treo trừ tà.  
 Kia phòng có ngại đi xa,  
 Hồng-hoàng tắm rượu để nhà thủ-cung.  
 Đã hay có quạt nhân-phong,

Lại cầm ca nọ vui cùng nam-huân.

Đầu tường lửa lựu đỏ rân,  
Đốt tay ta tỉnh đã gần nửa năm.

Kìa ai chúc chúc châm châm,  
Qua-phủ ngọt mẩy, lý trầm nóng thay.

Ngô-giang một lá ngô bay,  
Khiếu người thiên-hạ biết rầy là thu.

Đêm trăng nguyệt xế tây-lâu,  
Gió kim-phong thổi đưa sầu cho ai.

Buồn nghe tiếng dế bên tai,  
Chầy kèn kia lại gheo người nhớ  
thương.

Trịnh lòng gã Tống khôn lường.  
Bi sầu với phủ Cao-Đường là thơ.

Lạ chi trăng gió mây mưa,  
Lòng Trương mờ mịt thiếu thừa chiêm  
bao.

Thời dãi một khúc địch lau,  
Ý lâu như giục ai nào chẳng thương.

Ván câu nhâm-nhấp còn srong,  
Bãi Ngô đã lưới ngàn Trương lại thuyền.

Nào thơ nào phủ mấy thiên,  
Nào con thích hứng lư thuần đời nao.

Đêm thanh thất-tịch lâu-lâu,  
Kìa bàn khất-xảo, nọ cầu Nữ-Ngưu,

Kìa ai thừa-hứng trên lầu,  
Có chẳng những sự thâu-đào mà tin?

Thánh-thời tửu-khách thi-tiên,  
Hứng vui Xích-bích con thuyền thông  
dong.

Trời thanh trăng sáng dầu lòng,  
Bến Ngưu Viên-Tạ non Hùng Tri-Vi.

Chu-sinh sớm học chước gì?  
Bồng đầu vãng nguyệt cuốn về tay ta.

Kìa xem trận nhận bình-sa,  
Hơi may beo-hắt gió róa lá ngô.

Tơ tơ một đỉnh Vọng-phu,  
Trời cao mấy trọng bi-thu mấy tầng.

Trung-thu tiết đã cân bằng,  
Mười phần tròn vẹn vãng trắng sáng  
lồng.

Đầy sân mâm ngọc linh-lung,  
Lầu cao muôn cửa nghìn trùng gấm  
phong.

Lầu lầu bóng tỏ Hàn-cung,  
Ba nghìn thế-giới vào lồng thánh-minh.

Gió đưa thoang-thoảng cung thiêm,  
Ả Hằng vui khúc áo xiêm hơi là.

Long-thành sự đã truyền ngoa,  
Trời cao mấy dặm để mà khá lên.

Trông chừng vãng-vặc dưới trên,  
Xanh-xanh một sắc vẹn tuyền tầy nhau.

Dù chẳng đềm nhận thuyền câu,  
Hay dầu là nước hay dầu là trời.

Thu-tình nào-nuột người thay,  
Đã chuông quán bắc lại chầy thành tây.

Tiết sang trùng-cửu nhận bay,  
Một đoàn tàn-chủ xum vầy cùng chơi.

Gian tay mở tiệc thọ-hôi,  
Chén anh chén chú đầy voi mặc dầu.

Khi hàn đã giục gió thâu,  
Phâu-ti nửa cánh mảnh đào cần-phong.

Việc chi gã Phi chàng Phòng,  
Mảng vui nhủ khách đều cùng lên cao.

Thanh-nhân thay thú ông Đào,  
Hoa vàng chơi-chỏi ngạt-ngào giầu  
đồng.

Cho hay thu-lệnh đã cùng,  
Tiểu-xuân là tiết đầu đông tháng mười.

Sanh-hoàng quất-lục đời noi,  
Gọi là dương nguyệt khí trời tựa xuân.

Tháng mười-một tiết đã phân,  
Kìa tơ quĩ-nhật dần dần lại thêm.

Ấn trong Đề-thất để xem,  
Tro bay thông-quần ấy điềm sinh-  
duong.

Dần dần phục-lạp bước sang,  
Tháng mười-hai đã nhị-dương chuyễn  
hôi.

Non nam nở một bông mai,  
Bảng xuân đã chiếm danh khôi ở đầu.

Tơ hào trời có riêng đầu,  
Cũ đi thì lại mau mau mới về.

Bốn mùa trời có cân chia,  
Vãng lai chung thủy tuế thì diệt phân.

Xuân thời tin-lệnh kiên-nhân,  
Hạ thì trường-duỡng khắp phần đầu  
đầu.

Thu thì thay lệnh thành-thâu,  
Đông thì đông-lệnh cử mùa chẳng sai.

Cho hay thời lệnh đạo trời,  
Giúp tay tạo-hóa rõ tài kinh-luân.

## I. — Bài phú được Văn-Trường (1)

Rời cùng trời-đất; soi với quỷ-thần.  
Mảnh giấy còn in lòng bất-dạ; bức tranh trộm tưởng chữ như-tân.

Môn-hộ người trong bốn mặt quạnh hiu, được một ngọn tỏ cơn u-ám; danh giá ấy dưới muôn đời sáng rõ, xuân bốn mùa tầm dấu cao huân.

Xưa Thánh Quan :

Tương-mạo nhơn-nhơn; phong-tu rõ-rõ.

Bảng cần-vương từ ghé mắt trông; nền suy Hán rấp ra tay chữa.

Cùng anh thuở so-le trận Bái, dải cô-thành khôn quyết lẽ tới lui; với chị cơn nương nấu lửa Tào, nơi ám-thất khéo giữ chiều ăn ở.

Dãi lòng một tấm; chong bóng năm canh.

Màu hồng tằm mây ngài lấp-lánh; vẻ ngọc in mắt phượng long-lanh.

Chốn ân-vi gương tiết-nghĩa không lừa, bóng tinh-nhật dải trên đầu rời rọi; nơi ám-muội đạo cương-thường chẳng tối, quyền Xuân-thu trông trước mặt rành rành,

Sao thuở giọt đồng gieo tiếng ngọc; hồng châu mặt thắm đợi đèn xanh.

Dáng bởi :

Nghĩa nặng đá vàng; ơn sâu trời bể.

Trên hai vầng chùng chữ tử sinh; ngoài muôn dặm từng phen hiểm dị.

Thỏ-sơn buổi băng trông đất Bái, đã rằng hàng Hán chẳng hàng Tào; Hứa-đô khi sức nhớ vườn Đào, phải lấy thờ anh mà thờ chị.

Chẳng phân-minh sao gọi trọng-phu; có thanh-bạch mới rằng quân-tử.

Ngâm mà coi :

Cửa Viên chim nhận (2); đất Ngụy nương cừu (3).

Chị đó nghe những lời trọng-thác (4); anh đâu thêm túi chữ đồng-cừu (5).

Vạch chước gian nó cũng toan mờ, để mượn sức anh hùng ở Ngụy (6); giữ lòng chính ông mà chẳng tỏ, dễ đem mình trung-nghĩa về Lưu.

Vì tác dạ gương soi vạch-vạch; nên thâu đêm được đợi lâu-lâu.

Vậy thời :

Vàng tương (7) chữ nghĩa; gấm dệt lòng trung.

Tôi ngũ-hồ oai-phong càng sáng; nước tam-phân danh-giá thêm nồng.

Đuốc thoát giờ mà gan quỷ dễ chồn, năm ai nhẹ đưa vó xích (8); đuốc dầu tắt nhưng tiếng thần còn khét, muôn đời sánh với vầng hồng (9).

Thử gấm: uén hương này hãy đốt; cũng vì: ngọn đuốc trước hay giơng.

Mới hay rằng :

Nhà-kỹ lẽ màu; thiên-luân đạo cả. Nhưng mấy tài vô-dịch là thường; có hai chữ bất-khi mới lạ (1).

Ban hắc-dạ vì không được ấy, dù phong-kim dù quải-ấn, dưới trăm năm ai tỏ cho lòng; lúc thâm-tiểu mà có được này, chẳng hiền-thánh chẳng truyền-thần, sau vạn-cổ cũng soi được dạ.

(1) Truyền rằng tác-giả bài này là Nguyễn Tấn-Dĩnh, tiến-sĩ đời Lê Hồng-đức.

(2) Chim nhận = Bám tin nhận. Ông Lưu Bị ở bên quân Viên Thiệu, mà thư-từ không được thông. — (3) Nương cừu = Ở gửi như chim cừu. Quan-công và hai chị ở gửi bên Ngụy Tào Tháo. — (4) Ông Lưu Bị gửi hai bà phu-nhân cho Quan-công bảo-hộ. — (5) Ý nói Lưu Bị ở bên quân Viên Thiệu không được cùng ngài chung sức mà đánh giặc. (6) Ý nói Họ Tào muốn lưu ngài mà dùng. — (7) Tương là đúc, là thép. — (8) Ý nói ông cưỡi ngựa xích-thố qua năm cửa quan mà chém sáu tướng họ Tào. — (9) Ý nói muôn đời sau miếu-mạo thờ ngài làm thần.

(10) Nói ngài tài giỏi uy-mạnh, người ta còn cho là thường, chứ đến như lòng không dối thì ai cũng phải phục.

Tới nay giông đước coi Tam-quốc-chí, dám dâng câu rằng: nhất chúc chiếu thiên-cổ dạ (1).

### III. — Văn tế tổ tôm

Trước chiếu câu tựa gối xếp mà than rằng: Cõi trần-thế biết điều chi lịch-sự, kể ra thì mỗi vẻ mỗi hay; ngại vui chơi mà cũng lắm công-phu, rút cục lại mỗi người mỗi thích.

Cất đầu nghênh cổ, rủ nhau rằng lạc dĩ tiêu-ưu; trên trán vắt tay, rồi mới biết hi nhi vô-ích.

Sinh vòng trần-thế, quen thói hay chơi: bày cuộc tụ-tam, coi ra cũng lịch.

Ài biết rằng lợi hợp trí mê; cũng chẳng khỏi tâm vi hình-dịch.

Nhớ lũ người: Nê-nếp văn-chương; yên-nguyên cổ-tịch.

Đến triều Tống gặp người hiếu-sự, chia đặt làm ba bộ phân-minh; để đời sau cho kẻ năng-văn, tiêu-khiển đỡ nhất-thời tịch-mịch.

Thu vén lại kinh-luân kín đáo, đản-thanh ai biết dám linh-đài; mở mang ra văn-tự toi-bờ, thanh-giá vẫn nên dòng trần-tịch.

Đủ năm người họp mặt phong-lưu; chia sáu đội lập bài công-kịch.

Chiếu hoa đèn ngọc, hanh-thú nghĩ-nhân; cau đậu chè tươi, chủ-nhân ái-khách.

Quần ngang quần dọc, trộm khoe rằng kịch vĩ vi văn; xoay lại xoay đi, cũng bộn có biến-thông thị-dịch.

Trước xem lưng lối, chẳng chơi câu đình-trưởng nghĩ-thuyền; gồm cả tôm lèo, ấy được chữ tam-khôi trùng-cách.

Thập hồng bạch-định, lên gấp hai ba; bạch-thú xuyên tâm, đầu mà chọc chạch.

Lúc nịnh thì bán chi cũng nảy lên trong nọc, vớ cả cái gà; lúc nghiêng thì thập-thành mà tay dưới mắt ù, ngồi giương mắt ếch.

Tức nhau thì đầu cánh đánh kim; thậm lại đến xé phu phổng tạch.

Cũng có kẻ chẳng ăn đạo đồ, quyết hạ chèo đò; lại có anh thấy cặp phổng liền, vì người lập-dịch.

Xơ-xần chỉ một trăm hai chục, kê sao cho xiết nổi trò hay; vui chơi trong ba vạn sáu nghìn, đã chót biết, khôn điều chừa quách.

Người vẫn hành-mao thảo-dã, mà tụng câu thiên-hạ bất-như; mình chưa dài-các miếu-đường, mà cũng giận nhất-phu bất hoach.

Những kẻ thông-dong chiếm trước, dở cuộc càng cay; mà ai tất-tối lại sau, đứng ngoài cũng mách.

Đem ngồi dai ngắn chẳng đầy gang; thuốc tỉnh ngủ bày ra lắm phách.

Hồ sử rượu hoa ngon nhấp, ngọt giọng lưag-lung; diều ngó xe trúc dài vươn, hút liền cách cách.

Cháo củn-mễ, đường mai hoa trắng bạch, thanh-phế kiện-tì; chén thư-hương, chè liêu-tử thơm lừng, khoan-hung nhuần cách.

Thúy-kiền Chinh-phụ, pha giọng nôm na; cổ-phú Đường-thì, mấy câu vọc-vạch.

Lính lại hồi đen vạ đổ, thì cũng trưng tham; dẫu ai dạ sắt gan vàng, nở đầu tự hoach.

Nào đến khi: Mặt mũi lư-dừ; áo quần xóc-xếch.

Được ham ăn, thua ham gỡ, nọc ba giải bốn, cổ sức đánh cáo; thói canh trước lại canh sau, kể ít người nhiều, biến vào quyền chịch.

Cũng có kẻ khinh tài trọng nghĩa, nề anh em mà được tiếng hào-hoa;

(1) Nhất chúc chiếu thiên-cổ dạ 一燭照千古夜 = một đước soi sáng những đêm tối nghìn đời.

lại có người lúng kể xử càn, vì tiền của phải sinh điều hấn-khích.

Như thế thì : Lợi hại tỏ tường ; nên chẳng biện-bạch.

Kìa những người cao-minh kiến-tức, ắt hẳn tiên-tri ; còn như người dong-hạ tầm-thường, lại không đủ trách.

Tiếc cho mình : Dòng-dõi thi-thư, theo dõi kinh-tịch.

Trần-ai nương náu, nổi công hồ-thĩ tang-bồng ; thư kiếm lăm-le, vào chốn tây-viên đóng-bích.

Mà võ lòng học lấy nghề hay ; phải mang tiếng ra người bác-dịch.

Kìa những kẻ đường nam hơn-hở, quan-cái như tuôn ; mà sao mình đất

khách long-đông, phong-trần chưa sách.

Cũng bởi đa-mang việc ấy, ngành mặt đi coi lũ cốc hồng ; quyết xin qua một phen này, xoay lưng lại vui trong đèn sách.

Cần-dĩ : chén khàn, đĩa chuyễn, bát-tiền, đĩa nọc, liễn dụng phi-nghi ; cáo vu : cửu-vạn, cửn sách, bá lão, thang thang, thượng kỳ giam cách

Xin người gắng hãm tình mà tam-biệt, cho yên người nhất-thất tàng-tu ; mai sau ra đặc lộ lại tương-phùng, chớ nghĩ chữ tam-sinh quýnh-cách.

## DÃ-SỬ QUAN TRẠNG GẦU

### Tiểu-dẫn

Dã-sử nước nhà nhiều truyện hay, mà có truyện quan Trọng Gầu, sự-tích ly-kỳ, nhân-duyên gặp-gỡ, cũng giống như truyện Trọng Khiếu. Bà Trọng Gầu là bà Cúc-Hoa, là con gái nhà trưởng-giả, mới lên tám tuổi đầu, đã sẵn có con mắt xanh, vật-sắc được anh-hùng trong bước trần-ai, thì thật là ông xanh kia xui khiến, ông tơ bà nguyệt xe duyên chỉ hồng tơ đỏ, chứ trẻ con đã biết đâu mà ! Nên xem truyện này, so-sánh với truyện quan Trọng Khiếu mà càng than ông tạo vật éo-le, ông tơ cũng đa-đoan lăm nổi, vì ông tạo-vật sinh ra người rắp toan đại-dụng, ắt còn chèn cho lúng-túng, để nung đúc mãi gọt anh-hùng, sau lại mượn tay nhi-nữ đào-tạo cho, nâng-vực cho, kết nên nghĩa tương-tri tương-thức, để cảm-động anh-hùng, nên những sự gặp-gỡ ly-kỳ, thực là tự cơ trời đùn-dũi, mà không phải con người ta miêng trần mắt tục, hay liệu tưởng biết được. Tôi soạn dã-sử nước nhà có nhiều truyện, nhưng sở-dĩ tường chép truyện quan Trọng Khiếu và truyện quan Trọng Gầu là cốt để góp với truyện ông Chử-đồng đi câu gặp nàng Tiên-Dung thừa xưa, để khuyến-khích những bạn thanh-niên con nhà hàn-liên, chớ nên vì cái cảnh ngộ mà ngã lòng. Bởi sách có câu rằng : « Tương-tướng bản vô-hệ », nghĩa là quan tướng vẫn quan tướng vô vốn không có kẻ dòng-dõi nói-giống nào. Vậy những các cô tiểu-thư, con nhà khuê-các, còn đang thuở thanh-niên đái-giá, chớ vội say những chàng công-tử bột, thấy đỏ ngõ chín, mà ché-mĩa con nhà nghèo-hèn. Đã là gái kén chồng nên phải có con mắt. Câu truyện Kiều rằng :

Khen cho con mắt tinh đời,

Anh-hùng biết giữa trần-ai mới già !

Câu đó khá ghi làm tiểu-dẫn cho truyện này, và làm gương cho bạn gái lăm sao. Nay dẫn.

\* \* \*

I. — Ăn mày may bước

Quan Trọng Gầu tên là Tống Trân, người làng An-cầu (tục gọi làng Gầu), huyện Phù-cừ (xưa gọi huyện Phù-hoa, tỉnh Hưng-yên (xưa gọi châu Đẳng-hải). Làng ở đối-ngang, trên ngã-ba Kênh-nông; một bên là làng Canh-nông, thuộc huyện Duyên-hà; một bên là làng Nham-lang thuộc huyện Hưng-nhân cửa sông có thiết đôn, gọi là Tuần-nông. Con kênh đó chính là con sông Lục-giang, trên từ cửa Luộc, đào phân-chi sông Nhị-hà rẽ tắt ngang ra cửa bể Cẩm Hải-phòng; đoạn trên đến Tuần-nông lại đào con sông chánh từ làng Nham-lang chảy xuôi ra cửa bể Trà lý tỉnh Thái-bình, nên sông Lục đến Tuần-uông gọi là ngã-ba Nông, Làng An-cầu, làng Canh-nông, làng Nham-lang là chỗ ba huyện hạt tiếp-giáp, mạch đất đều từ sông Nhị-hà phân-phái chia ra.

Quan Trọng Gầu vốn con nhà học-trò, từ lên sáu tuổi, mồ-côi cha, mẹ già nhà nghèo, gặp phải năm trời làm nước lụt nắng khô, chốn dân-gian mất mùa kém đói. Tống Trân là con trẻ, phải dắt mẹ đi ăn mày, nuôi mẹ và học, cực khổ muôn phần, dù là gỏi đất năm mưa, dầu sương dãi nắng, ăn cơm hầm, uống nước lã, mà vẫn tay không rời quyển sách, miệng thường nưôm câu chữ, chỉ nưôm có cái bị cái gậy, chống chữ hiều làm cột trời, cuối chợ đầu đường, khách bộ-hành qua lại, ai là người có tâm-huyết, cũng phải vì mẹ góa con côi sa giọt lệ, mà mở tấm lòng từ, cho năm gao đồng tiền để đỡ qua ngày tháng.

Xót lòng mẹ góa con côi,  
Đói no rau cháo lẫn hơi hôm mai,  
Khen con hiếu-thảo tầy trời,  
Dù mang bị gậy dâm quai luân-thường.

Một hôm ngày cuối tháng ba, trời dang giáp hạt, ngọn lửa xanh vàng chưa tiếp, mưa dầu nắng lửa, đói nẫu lòng người. Tống Trân sớm ngày dậy cầm hơi ngậm nước lã, dắt mẹ đi khắp làng chung quanh xin không được đồng tiền hạt gạo nào hết thấy, vì trời làm cơ-cận, trái mấy tháng đồng tro ngọn cỏ, vườn hiếm cái rau, dân mấy làng kia, nhiều nhà nhịn không cơm sáng, còn lấy dầu giúp đỡ kẻ qua đường. Tống Trân đành bấm bụng bấm gan, dắt mẹ đi qua mấy cánh đồng, mới có một thửa ruộng lúa sớm hoe-hoe, nửa xanh nửa vàng, bình như mới đổ đười úa lá, vội than mới rằng : « Người ta bảo : *lúa vung-vang đời vàng con mắt*, là sự thế thừa mẹ. » Hỏi dò người coi đồng thì ra thửa lúa ba giăng của ông bà trưởng-giả (tức lý-trưởng bấy giờ) làng Phù-oanh, thôn Phụng-hoàng (tục gọi là làng Rồng), ông Kim-hưng, cũng thuộc huyện Phù-hoa hạt ấy. Trưởng-giả nhà giàu, cấy sớm đề cứu cơ năm đói, hỏi ra chắc là người cũng sẵn lòng nhân và rộng đường làm phúc, au là toi nhà xin, thì hẳn được ít nhiều đỡ bữa.

Tống Trân mừng quá, dắt mẹ đi vội-vàng, trời vừa quá ngọ, bóng đã xế trưa, bước thấp bước cao, tay dắt mẹ tay còn nương bị gậy, bước tới gốc cây đa đầu làng, thấy bà-xóa bóng rợp, mẹ bảo con rằng :

« Ta đi mãi mệt quá, lòng đói đã nầy hoa con mắt, con hãy để mẹ ngồi nghỉ mát đã con. »

Tống Trân van lay rằng : « Mẹ ơi con xấu-hổ chết với con chim quạ trên ngành đa. Kìa kìa con chim quạ tha mỗi mớm trả mẹ, mà nay con tai mắt làm người, không kiếm đủ rau cháo cung mẹ già, để đến nỗi đói nầy dom-dóm mắt, cái tội đó là tự con, xin mẹ hãy tạm ngồi nghỉ mát nơi đây, để con vào trong ông trưởng-giả

hỏi xin. may có được lưng cơm ra dâng mẹ.

*Chớ coi chìm qua vật thường,  
Tha mỗi sớm mẹ làm gương dạy người.*

Mẹ bảo: «Vậy thì con đi mau lên, kẻo người ăn quá bữa, ai để phần cho mình, mà mẹ đói quá mất rồi, con à.»

Tống Trân da, cầm bị gậy bước đảo, vào tới cổng ngan, đàn chó xủa ra cắn anh-ảnh. Tống Trân cầm gậy khua chó, cất tiếng kêu xin, ngờ đâu ngày hôm ấy ông bà trưởng-giả đi vắng, chỉ mỗi một người con gái bé, tên là Cúc-Hoa, mới lên mười hai mười ba tuổi, ở nhà trông coi, vừa dọn cơm cho thẳng nó con ở ăn cơm đi làm xong, chỉ còn mỗi Cúc-Hoa ăn cơm sau, vừa ngồi cất bát cơm, thì nghe tiếng chó xủa anh-ảnh, ngừng trông ra, thấy một chàng bé con, chừng độ lên mười-bốn mười-lăm tuổi, mặt mũi coi khôi-ngộ tuấn-nhã, ra dáng con nhà học-trò, mà sao đến nỗi không ai nuôi cho ăn học, quần manh áo rách coi tồi-tàn, làm đến sự ê-hèn xin xỏ như thế. Cúc-Hoa chợt trông thấy nghĩ thương đời ngán tặc, và trách sao ông tạo-vật eo-le, nữ sinh ra những người không biết tự-tu tự-sĩ, làm lầy mà ầu, lại phải đi ăn xin như vậy. Sau nghĩ kẻ anh-hùng gặp khúc, Tấn công-tử Trùng-Nhĩ, Sĩ Ngũ Tứ-Tư còn phải xin cơm của kẻ xan-đồng việp-phụ là đưa mang cơm ở cõi đồng, Hán vương-tôn Hàn Tín còn phải xin cơm bà Siếu-mẫu, hưởng-chi như con nhà nghèo-khó gặp phải năm mất mùa không giã thân liềm mình lấy gì mà độ thân, cho sống qua ngày tháng. Cúc-Hoa dù con gái bé nhà trưởng-giả ở chốn thôn-quê, song ơn cha nhờ mẹ, cửa nhà giàu có, từ bé cũng theo đòi nghiên bút, nghe biết những sự-tích người xưa, nay chợt nghĩ đến thế, sự động lòng thương, vội ứa hai hàng

nước mắt như châu chan ngọc rã, vớt dầm bực khăn tay là hồng, cau mày gạt nước mắt, dùng bả bát cơm ăn, chạy ra mắng chó, hỏi vẫn tất mấy câu. Tống Trân cứ thực trình bày, nói con trẻ còn mẹ già ngồi chờ ở gốc đa đầu làng mong đợi, nâng bera trở vào cất cả niêu cơm mình ăn, và mằm chờm cá măn, giục chàng đem ra dâng mẹ già, rồi sẽ trở vào ngay cho em hỏi, em sẽ có gạo tiền tiền đưa.

*Thương ai lỡ bước sa vôi,  
Hiếu-tâm cảm-động lòng người lấm saoi*

Tống Trân được cả niêu cơm gạo tám xoan, và các thức ăn, mìnng quả, vội trút cả vào bị, trả lời cảm ơn, đảo bước ra tới gốc đa, kính dâng mẹ già, mẹ đang cơn đói quá, ngồi vuốt bụng thờ dài, chợt nghe tiếng chim qua kêu quạ-quạ, ngừng trông lên thấy con chạy về lập-cập, biết là được món ăn, mìnng quả, nâng lấy bị xem, thấy cơm trắng như ngọc, hương thơm đường hoa, lại đủ có mằm chờm cá măn ầu vừa miệng, nuốt đến đâu mắt ruột tỉnh lòng đến đấy, mới bình mắt, mỉm miệng cười mà rằng:

«Con kiếm đâu được của qui-báu, thức ăn sống người thế hử con? Mẹ ngồi nghe chim quạ báo tin quạ-quạ, mẹ biết là lòng con hiếu-thảo, kiếm được mỗi ăn sớm mẹ, chim báo tin mìnng dò con.»

Tống Trân bày tỏ là con gái trưởng-giả cho, và còn hẹn cấp cho tiền gạo, vậy xin mẹ hãy ngồi, để con lại trở vào chuyển nữa, xem người cò thế nào, mẹ bảo sẵn cơm đây, con hãy ăn cho đỡ đói, rồi sẽ lại vào. Tống Trân cố nhường mẹ ăn no, mà chỉ ăn mỗi miếng chấy lót lòng, liền lại vào nhà trưởng-giả. Khi đó những con ở nhà trưởng-giả đi làm đồng đã về, Cúc-Hoa sai nấu cơm, đề dãi Tống Trân, mời vào nhà cho ngồi, hỏi cặn-kê họ tên quê quán. Tống Trân nghĩ

túi phân, tra nước mắt như mưa sa lác-dác, vội gạt lệ mà rằng : « Tiều-sinh họ Tống tên Trân, quê ở làng An-cựu, tổng Võng-phan, với tổng Kim-hưng cũng là lân-cận, cùng về hạt Phù-hoa này cả. Tiều-sinh chỉ xót nỗi con nhà dòng-dõi thi-thư, cha trước nhà học-trò, tuổi lên sáu thì cha mất sớm, cửa đơn nhà bạc, mẹ góa con côi, gặp phải nơi cát lở gió bay, mưa nồng nắng khét, cửa nhà khánh-kiệt, xấu-hồ con chim quạ tha mồi mớm trả, phải dẫn thân dắt mẹ đi ăn mày, song nghĩ đến con nhà dòng-dõi, vẫn không dám rời bỏ sách nghiên. »

Cúc-Hoa nghe nói cũng lã-chã hai hàng hoa-lệ mà rằng :

« Ồi chàng ơi ! Đây em xin cấp đỡ cho ít gạo tiền, để chàng về nuôi mẹ già, và may quần áo, sẽ tìm thầy sang học, khi nào hết lương ăn, sẽ lần sang em lại cấp cho, khi nào học đã nên danh, cậy mối lái đến giạm hỏi, em sẽ nói với cha mẹ em xin lấy chàng. Nay tiện đây gọi kiếm lưng cơm thề non hẹn bể đó sao ? »

*Một lời gần-bó tác dao,  
Dưới đây có đất trên cao có trời.*

Tống Trân ngồi nghĩ lặng giờ lâu mà rằng : « Sự nàng làm ơn thì tôi cũng xin cảm lòng, nhưng còn sự chỉ non thề bể, kết tóc xe tơ thì tôi còn phải hỏi mẹ già, và nàng cũng còn có quyền trên cha mẹ, có đâu tôi dám lấy chút thân bèo bọt, thề trắng hẹn gió, lỡ cha mẹ không thuận, thành ra làm lỡ duyên của khách dài-trang, sự đó tôi không dám quyết-định »

Cúc-Hoa nói : « Cha mẹ sinh con, ai nữ sinh lòng, em xin quyết-định lấy chàng, nếu mai sau cha mẹ em không ưng, em cũng đành cái sương khóa nguyệt, khép cửa vườn thu, xin chàng chớ phụ cánh hoa vàng, bởi tên em là Cúc-Hoa, dám chẳng trọn màu hương tiết, thưa chàng. »

Tống Trân nghe nói xin ưng lòng. Cúc-Hoa nhân lấy ba lạng bạc trao cho, và lại đưa cho quan tiền với một gạo tám xoan, bảo hãy ra tìm chỗ trọ và thôi cơm cho mẹ ăn. Tống Trân từ-tạ ra.

*Bước dẫu may-mắn lạ đời,  
Ăn mày duyên bén duyên người dài-trang.*

Khi đó trời xế bóng vàng, đường chen cỏ biếc, Tống Trân đội một gạo quan tiền ra lạch-thạch, vừa tới gốc đa, mẹ nom thấy con đội khê-nê, đi tấp-tênh, biết là được gạo tiền để ăn bữa sớm mai, mừng quá vội đứng dậy nâng đỡ con, bảo tính mẹ ăn bữa hôm lo bữa mai, bây giờ con đã kiếm được thề này thì mẹ con khá ăn no được mấy ngày, không phải lo gì nữa, a con.

Tống Trân bèn bày tỏ sự nàng thề hẹn và trao cho ba lạng bạc, bảo tìm nơi ăn học, đợi thành-danh sẽ giạm hỏi, nàng quyết xin nói với cha mẹ mà lấy mình, còn chưa dám quyết-định, bảo để ra hỏi mẹ, xem mẹ có bằng lòng cho lấy không. Nói xong tay móc túi áo, cầm ba lạng bạc đưa cho mẹ xem. Mẹ nom thấy bạc trắng như hoa, thoi dài thành dĩnh, nói : « Ồi chao tao trông lúa cả mắt ! Ngờ đầu của vua chúa đức, giờ lại đến tay mình được tiêu ; quả sự được như thế, thì phúc nhà tầy đình rồi con a. Sao con không đính ước ngay đi, còn chờ hỏi mẹ, thề nào mẹ chẳng bằng lòng hử con. »

Tống Trân nói : « Thưa mẹ xin hãy cứ biết vậy. Bây giờ trời đã xế chiều, đường về xa lác, xin hãy tìm nơi đình-áng nào mà trọ, kéo tối rồi thưa mẹ. »

Mẹ nói : « Nhà mình vốn là nhà thất-nghiệp, tối đầu là nha, ngã đầu là giường, chớ về mà làm gì, thôi hãy tìm nơi đình-quán nào mà tạm-trú đã hử con. »

Tống Trân liền dắt mẹ ra lối cổng đình tìm chỗ trọ.

*Trạng-nguyên chưa chiêm bằng vàng,  
Đầu đình nằm: đồ dân làng ai hoy.*

Đêm ấy mẹ con nằm trọ ở đầu đình làng Phù-oanh, thôn Phương-hoàng, phủ nửa đêm nôi, trận gió đông háy-hây, ông từ nằm ngủ trong đình, lòng nghe trận gió à-à, như trong có mấy hàng quân ngựa reo rộ, bỗng chộp giấc chiêm bao, thấy đức thành-hoàng từ phương đông cuối mây bay lại, tới trung-đình-thứ mắng rằng: « Có cụ cố và quan Trạng qua đây, sao từ bay không mời vào, lại để nằm đầu đình gió rét như vậy? Báng trời choi-chói, mắt trần chưa hay, ta sẽ tha-thứ cho, nhưng phải ra mời vào trong đình, kéo ta đây bị phạt, thì ta sẽ giang-họa cho nhà ngươi đó. »

Ông từ nghe mấy lời quở thét, giật mình thức dậy, sực nghĩ rằng: « Chỉ có hai mẹ con nhà ăn mày nằm trọ ở đầu đình, có lẽ con nhà ăn mày sau đồ trạng chẳng? Cơ trời huyền-bí, không biết đâu, âu là mình hãy cứ ra gọi vào trong đình, lấy chiếu giải cho nằm và đắp, cũng là sự làm phúc thương người đó chi. » Liền ra gọi vào.

Tống Trân dậy dắt mẹ vào đình, nằm ngủ ở trên sàn. Ông từ nói chiêm bao mộng hiện cho nghe. Tống Trân bụng cũng mừng thầm, nhưng nói trái rằng có đầu mình được như thế, chiêm bao thì chắc gì.

*Chiêm bao nào chắc chi đây,  
Muốn toan đồ trạng phải xoay học-hành.*

## II. — Trượng-giả gả con

Vả nói Tống Trân từ khi vào nhà trượng-giả, Cúc-Hoa động lòng thương, thiết cơm nước, cho tiền gạo, ước hẹn lấy làm chồng, thẳng nó nghe biết, về mách với ông trượng-giả, con ở cũng về mách với bà trượng-giả, cái nghe thẳng nó con ở vẫn dan-

diu với nhau, đề khứng-nặng chủ nhà, giờ thấy cô con gái chủ nhà lại thế bện cứu giúp kẻ ăn mày, sợ mình mất món lợi, nên về bày tỏ với ông chủ rằng: « Cô tôi phải lòng anh ăn mày, cho mất những bao nhiêu tiền gạo. »

Ông trượng-giả nghĩ mình là nhà hào-phú, có tiếng rằng « Trượng-giả không thiếu trà nấu ăn », con gái mình sau dù gả cho ai, chẳng được một người chồng nên tay nên tấc, huống-chi con gái mới lên mười hai mười ba tuổi đầu đã tỏ chiều hoa-nguyệt, lại đến nỗi phải lòng anh ăn mày, làm phi cả danh tiếng nhà hào-phú, thì còn sao mở mày mở mặt ra được với dân làng. Ông liền phát câu, gọi bà mà gắt rằng:

« Có lẽ mà nhà mày dặt phát ăn mày, giờ con gái lại phải lòng ăn mày chẳng? Chẳng qua con hư tại mẹ, nên mới ba tuổi tẹt, đã động lòng trăng gió, nôi áng mây mưa, đi phải lòng đũa ăn mày, miệng còn boi sữa, thì quái lạ thật. »

Bà trượng-giả nghe nói, cũng la thay cho con, nhưng chững lại cứ đồ cho con hư tại mình, nghĩ sót ruột, cũng cau mày mà phát bẳn lên rằng:

« Con nào chẳng giống cha nữa, mà đồ riêng gì tại mẹ, cha mẹ sinh con, ai nữ sinh lòng, chẳng qua là tại tâm-tính tại trời sinh ra như thế, thế thì là nên trách tại trời. »

Ông trượng-giả bảo: « Tính trăng gió mây mưa, vẫn là trời sinh ra thật, nhưng say đắm con nhà hèn-mạt, thì tại mồ-mả nhà mình xui ra, mà mẹ không biết khuyên dạy con thì là lỗi tại mẹ. »

Bà trượng-giả bảo: « Thế thì là tại đất, đất cát mồ-mả nhà ông phát ra như thế, chứ mồ-mả họ ngoại nào phát ra, mà đổ cho tại mẹ. »

*Khèo là cha mẹ đồ quanh,  
Tại trời tại đất sinh-thành cho nên.*

Khi đó, bà đồ tại ông, ông đồ tại bà, bèn sai con ở gọi Cúc-Hoa đến hỏi. Ông trưởng-giả thét lên rằng:

« Chớ sao con lại phải lòng đũa ăn mây, mà cho nó tiền gạo, và hẹn thề lấy nhau hử con? Con thử nghĩ nhà mình gia-thế hào-cường, ăn trên ngồi tróc, có thiếu gì kẻ sang người trọng mà con đến nổi phải lòng đũa ăn mây? Hay là mờ-mả đất nhà mây đến lúc phát ra ăn mây chẳng hử con? »

Cúc-Hoa chưa kịp thưa, bà trưởng-giả giở ngọt rằng:

« Con hừ tại mẹ, mẹ vẫn khuyên con rằng con phải giữ lấy nết-na đừng khinh kẻ khó, chớ rẻ người nghèo, ngờ đâu con đến nổi hèn-mạt, thấy kẻ ăn mây cũng muốn lấy làm chồng, thì danh tiếng con nhà hào dề đâu hử con? »

Cúc-Hoa rón - rén thưa rằng: « Dạ thưa cha mẹ, duyên kiếp vợ chồng là tự trời se buộc, có kẻ chi sang hèn giàu khó, con từ khi thấy Tống Trân vào xin, coi người khôi-ngộ tuấn-nhã, hỏi ra dịch con nhà học trò, sớm mờ-côi cha, cửa nhà thanh-bạch, gặp phải năm trời làm kém dỏi - đành phải dắt mẹ đi ăn mây mà học, con nghe nói cảnh-ngộ như thế, sực động lòng thương, vậy đem cho cơm nước tiền gạo, giúp đỡ người khi cùng còn đeo chữ hiếu, chống chữ nghĩa, chăm sự học-hành, còn đến như hẹn thề đính-ước, dù gả bản thế nào, quyền trên tại cha mẹ, chớ con đâu dám vượt. »

Ông trưởng-giả nghe nói cười mà rằng: « Nó đeo chữ hiếu, chống chữ nghĩa à! Tao chỉ thấy ăn mây đeo bị chống gậy thì có! Con bảo con không dám vượt lời cha mẹ mà dám tự-tiện cho cả mẹ gạo quan tiền, và hẹn thề rằng lấy. Ủ con đã muốn lấy ăn mây, thì cha cũng gả cho! Chẳng nó ra gọi đũa ăn mây vào đây. »

Bà trưởng-giả nghe sợ-hãi rụng-rời, bảo: « Ông nên nghĩ lại cho chín, quá giận con mà gọi gả cho ăn mây, thì rồi ra làm sao hử ông? »

*Thương ai cho gạo cho tiền,  
Thì ông cho kết tơ duyên ăn mây.*

Bà cản cũng không được, ông thét thẳng nó đi ra tìm Tống Trân, thẳng nó vàng lời chủ, đi ra lối ngõ đình, vừa đi vừa nói mĩa: « Hừ rõ con ông trưởng-giả, giận gọi gả cho ăn mây, không khéo anh ta lấy được cô Cúc-Hoa, mình lại phải gọi ăn mây làm cậu chắt! Cái đó nghĩ mình mách ông chủ mà đại, lộng-giả thành-chân, dề ông ta gả Cúc-Hoa cho ăn mây thật chắt. » Đi gặp con ở hỏi: « Anh nó đi đâu đấy? » Nó bảo: « Ông sai ra gọi cậu ăn mây vào ông gả cô Cúc-Hoa cho đấy. » Con ở bảo: « Lại có lẽ thế nữa! Hay ông bắt vào ông giáng cho anh ta thì có. » Nó bảo: « Không khéo dề ông gả thật đấy, nhưng hẳn ông đuổi cô Cúc-Hoa đi với cậu ăn mây, thì ta với mình ở nhà, những lúc ông bà đi vắng, làm không chửa, mùa không trồng, tha-hồ vắng chủ nhà gà mọc đuôi tôm! » Con ở bảo: « Thế ra nghĩ chúng mình xui ông bà chủ mà đại, giờ làm có phải đi theo cậu ăn mây, thì những lúc ông bà đi vắng, then cài cửa khóa, ai là người chăm nom bữa ăn uống cho chúng mình, thế mới đại, chứ vui sướng gì hử anh! »

Con ở nói rồi trở về, chỉ thương-nhớ Cúc-Hoa áy-náy. Thằng nó đi ra tới đình gặp Tống Trân gọi bảo: « Cậu ăn mây vào ngay cho ông tôi hỏi. » Bà mẹ nghe thấy nói giạt mình, lo rằng có lẽ cái sự con gái trưởng-giả, cho con mình gạo tiền, và ba lạng bạc dề võ-lở ra thế nào, đến tai ông trưởng-giả biết, đòi con mình vào đe - net đánh - chác gì chẳng, vội hỏi rằng: « Ông đòi việc gì cháu nó đấy, hử cậu? » Nó dọa rằng: « Chẳng biết ông bà tôi

đi vắng, ở nhà cô ấy cho mất bao nhiêu tiền gạo, giờ ông tôi gọi vào, ông tôi quả phạt gì ấy.

*Duyên may mà sự không may,  
Ấn mây khỏi ngõ hôm nay người đời.*

Mẹ nghe nó nói sợ quá, giục con hãy vào, để mẹ chờ ngõ ngoài xem sao, Tống Trân dắt mẹ vào tới ngoài cổng ngấn, để mẹ ngồi đợi, mình đảo bước theo nó vào vai chào, bà trưởng-giả không nói nửa lời, ông trưởng-giả hằm-hằm nét mặt, lừ-lừ con người, bảo: « Á cậu ăn mày, bây giờ mà nhà tôi đại-phát, con gái tôi nó lại muốn lấy cậu, nó cho cậu bao nhiêu là gạo tiền, và thề hẹn xin lấy, ừ nó đã muốn thế, thì đây cũng gả cho, nhưng vợ chồng đưa nhau đi đâu thì đi, chứ không được lần-quất ra vào, nhận nhà này làm cha mẹ gì hết thấy, vì nhà này không có nồi giống ăn mày thế bao giờ. »

Tống Trân nói: « Thừa ông bà, không nhà ai có nồi giống ăn mày, song khi sa cơ lỡ bước, phải túng thế liều mình, con hôm qua vào đây xin, ông bà đi vắng, cô em thấy con nhà hàn-sĩ, sực động lòng thương, có cho con quan tiền mọt gạo, ra cấp-dưỡng mẹ già, con cũng cảm ơn lắm, còn như sự cô em hẹn lấy, con bảo cái đó còn phải quyền tại cha mẹ, con đã dám quyết-định đầu, mà ông bà dạy thế, con sợ làm xấu tiếng ông bà, và hằm phận cô em, con không dám ả. »

Ông trưởng-giả bảo: « Con tôi nó muốn ăn mày, thì cậu cứ cho nó đi với, để nó nâng bị gậy cho được rồi. Thôi con kia sắp sửa ra đi ngay với anh ấy, kéo ta bắt chúng nó lột là lời ra bây giờ đó. »

Cúc-Hoa liếc trông mẹ mà rằng: « Đa thừa cha mẹ, con phận gái vì như hạt mưa sa, may thì gieo đây giếng, không thì ra ngoài đồng, giờ cha mẹ đã cho con như hạt màu rơi, bắt phải đi với

cậu ăn mày, không cho nhìn nhận gì đến cha mẹ nữa, vậy con có ít chút tư-trang, con xin cha mẹ, để con đem đi độ thân, thừa cha mẹ. »

Ông trưởng-giả nói rằng: « Thôi người còn chẳng xót nữa là của, đã đi ăn mày, lại còn đòi tư-trang, thôi bà xem nó có những thứ gì thì cho nó, rồi đem gạo muối mà tiền-tống đi cho sớm. »

*Trách con phận bạc như vôi,  
Tiền đưa gạo muối mới người tắc lòng.*

Cúc-Hoa đoái trông Tống Trân mà rằng: « Thôi giờ duyên kiếp đã như thế, cha mẹ đã chẳng có lòng đoái thương, thì thiếp xin theo chàng, xin chàng chớ phụ thiếp, thiếp dù có nội hoa hèn, phận liễu bồ cũng có thể vì chồng gánh giang-sơn được. »

Ông trưởng-giả cười mà rằng: « Giang-sơn cậu ăn mày, thì có gì mà gánh không nổi, chẳng qua có cái bị cái bát cái quạt mo, một con gậy trúc quảy ngang, tưởng cũng nặng bằng nhẹ tếch. »

Bà trưởng-giả nói rằng: « Thôi ông đã không thương xót con, nữa đuổi đi cho theo đòi bị gậy, thì còn nói mớ-mây làm gì. » Ông trưởng-giả mới ngồi lặng yên không nói.

Cúc-Hoa gạt nước mắt trở vào, thu vén tư-trang, còn mười lăm đĩnh bạc, và khăn áo các thứ vào một cái thùng khảm nức mây, trở ra lạy cha mẹ, từ tạ đi theo chàng, cha mẹ đều không thêm đoái trông.

Tống Trân vái chào lui ra. Cúc-Hoa theo sau, thẳng nó đem gạo muối ném tiền đều mỉm cười, chỉ có mỗi con ở, có ý bán-khoản thương nhớ Cúc-Hoa, đưa mãi ra đến ngõ, gạt nước mắt trở lại.

*Tiền đưa con gái lấy chồng,  
Mỗi mình con ở nặng lòng mến yêu.*

Tống Trân đưa Cúc-Hoa ra khỏi ngõ ngoài, mẹ đang ngồi bắt rận mong con, chợt trông lên thấy con đi lập-cập, sau chân lại có cô con gái cắp thúng theo, tưởng hay con mình đã bị ông bà trưởng-giả quở trách sao, mà cho con gái theo ra đòi ba nén bạc hôm qua lại, và cắp thúng ra đòi cả gạo tiền, ngờ đâu Cúc-Hoa ra đến nơi ngồi sụp xuống lạy mẹ, mẹ vội vàng đứng dậy nói : « Áy cái gì thế ! Sao cô làm thế ? Tôi không dám. »

Tống Trân kể đầu đuôi sự cha mẹ nàng đuối, gả nàng cho mình, nhưng cấm không được đi lại nhận cha mẹ, nên nàng xin theo chân nổi gót về làm dâu, xin mẹ hãy cứ ngồi cho nàng lạy, rồi cùng đưa nhau về.

Mẹ nghe nói mừng quá, bảo : « Được, thế thì phúc nhà tây đình. » Vội dắt

tay Cúc-Hoa nâng dậy, bảo : « Mẹ đã nhận lễ cho con rồi, thôi cùng đi về quê An-cầu, con đã có vợ, mẹ đã có nàng dâu, gánh vác giang-sơn, nuôi cho chồng ăn học, thôi cái bị, cái bát, cái gậy, cái quạt mo, đành quẳng xuống giếng cho mát-mẻ, chớ còn mang về làm gì ! »

Nói xong cùng đưa nhau ra về.

Ngày xuân mưa bông phơi-phới, gió mát hiu-hiu, hoa cỏ hai bên mé đường hớn-hở như mừng dâu đón rể :

*Khi nền trời đất cũng chiều,  
Một màu hoa cỏ đón reo rước mừng.*

*Khen thay đám cưới tương-bưng  
Một chồng một mẹ đón mừng cô dâu.*

(Còn nữa)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

## NỮ - QUYỀN

Thế-giới ngày nay đương qua một cuộc cách-mệnh lớn Ta thường không đề ý đến, nhưng thực có một sự đại-biến đương từ-từ diễn ra trước mắt ta. Có người nói cuộc biến này rồi ảnh-hưởng về xã-hội không kém gì Đại-Cách-mệnh nước Pháp năm 1789, ảnh-hưởng về tâm-lý không kém gì hồi đạo Cơ-đốc mới truyền-bá ra trong thiên-hạ.

Người đàn bà trước kia các nhà lập-pháp vẫn coi là một giống kém-hèn, dư-luận công-chúng cũng cho là rời đàn ông ra không thể tự-lập được, tựa-hở như thân-trí có khuyết-điểm, không đủ tư-cách tham-dự việc xã-hội, vậy mà ngày nay thấy dần-dần tiến lên, dường như muốn tranh cả địa-vị của đàn ông, hăng-hái muốn trả thù

lại cái cách đàn ông bạc-dãi mình tự xưa đến giờ.

Cái phong-trào phụ-nữ đó ở Âu-châu đã bắt đầu tự nửa thế-kỷ nay, mỗi ngày một tấn tới. Lúc đầu nghe nói bà đốc-tờ, cô trạng-sư, chị tài xế, thiên-hạ lấy làm sững-sốt, có người lại bĩu miệng cười ; đến ngày nay ở các nước Âu-châu đã là sự thông-thường lắm rồi, không ai đề ý đến nữa. Tự hồi Âu-chiến đến giờ phụ-nữ trong thế-giới lại hoạt-động lắm nữa, mà hoạt-động ở những trường sở xưa nay đàn bà không có địa-vị gì : như làm thợ sắt, làm lục-sự, làm kỹ sư, làm ngoại-giao, làm chánh-văn-phòng các quan bộ-trưởng, làm giám-đốc các xưởng máy, làm thị-trưởng các thành-phố, có khi tòng-quản mà làm đến

tuồng-lá nữa Cỗ-ngữ có câu : « Muốn biết vật có động, thì bước ngay chân đi. » Đàn bà cũng vậy: muốn cho thiên-hạ biết rằng phụ-nữ có tư-cách, và cái thuyết nam-tôn nữ-ti là trái với lẽ công-bằng, thì cứ bạo-dạn ra đảm-đương việc xã-hội, là thiên hạ phải chịu. Ngày nay các nước văn-minh đến quá nửa đã cho đàn bà có quyền bầu-cử. Nước Anh-cát-lợi, nước Thụy-điển, nước Đan-mạch, đều cho đàn bà có quyền đi bầu và sung các chức thị-tỉnh-hội-viên. Nước Mĩ ở các nghị hội địa-phương, ở giữa liên-bang quốc-hội, ở các hội-nghị dự-bị bầu tổng-thống, đều có đàn bà cả. Úc-châu, Tân-Tích-lan lại có đàn bà làm nghị-viên, làm tổng-trưởng các bộ nữa. Nước Đức, nước Áo-Hung, nước Chiết-khắc, có đàn bà làm lãnh-tụ các chính-đảng, thường thấy ra chỗ nghị-trưởng mà chất vấn chính-phủ. Đến nước Nga Sô-viết thì nữ-quyền lại rộng lắm nữa, có người đã nói là một « dân-quốc nữ-trương-phu » (*république des amazonnes*). Xem đó thì biết khắp mọi nơi, kể thương-lưu trong hàng phụ-nữ đã tỏ ra có cái tài chủ-trương, có cái sức tiến-hóa rất mạnh, có thể ra đảm-đương được mọi việc, việc hay cũng được mà việc dở cũng được; còn trong dân-gian kẻ chợ nhà quê, thì đương khi chiến-tranh đàn ông phải làm việc ở nhà giấy, theo quân ra trận-tiền, nhất - thiết các công-việc quản-lý trong gia-đình trong xã-hội là một tay người đàn bà chủ-trương đốc-suất cả. Hàng triệu người đàn bà bỏ cái kim khâu cùng cái thoi dệt mà vào làm các nhà máy, chế-tạo những khí-giới cùng đạn-dược, để cho quân lính có đồ dùng mà theo đuổi cuộc chiến-tranh cho đến cùng. Còn ở chốn dân-thôn thì hàng nghìn vạn người con gái nhà quê phải ra sức mà thay anh thay chồng trong các việc canh-nông khó-nhọc. Ông nguyên - thủ - tướng Anh

LLOYD GEORGE đã nói rằng: « Không nhờ được đàn bà cần-mẫn can-dảm, thì trận mới rồi có lẽ không đánh được. » Lại ông cố Giám-quốc nước Mĩ WILSON cũng nói rằng: « Nước Mĩ thực là nhờ được đàn bà trong nước tự-nguyện ra thay các công-việc cho đàn ông, nên mới đem được hết sức vật-chất tinh-thần cung-cấp vào cuộc đại-chiến thế-giới. » Ở Pháp thì thợ đàn bà làm đạn-dược ở các nhà máy đã được tặng cho cái tên là « thợ tạo ra chiến-thắng », thật là xứng-đáng lắm.

Nói tóm lại thì tự một nửa thế-kỷ nay, và nhất là tự năm 1914, đàn bà Âu Mĩ đã tỏ ra có đủ tư-cách làm được cả công-việc của đàn ông. Đó là một sự thực hiển-nhiên, dù biện-nạn thế nào cũng không thể phá được vậy. Nhân sự thực đó mà kết-luận rằng trong một thời-kỳ không xa, trên khắp mặt địa-cầu, đàn bà sẽ được bình-đẳng như đàn ông cả, lời kết-luận đó tưởng cũng không phải là quá-đáng vậy.

Lịch-sử bất-công, đã thiên-vị đàn ông mà bấy lâu chuẩn-y cho cái thuyết nam-tôn nữ-ti, đã thành một cái thiết-án đời-dời, án đó phải phụ-nữ vẫn không hề phục-tinh, cho nên đời nào cũng có người đem não-cân ra chiến-đấu, chịu khổ chịu nhục để mà đòi lấy cho được bình-quyền. Những người ấy, lịch-sử vẫn tặng cho cái tiếng là gái bạo-nghịch, nhưng hoặc ít hoặc nhiều, đời nào cũng vẫn có những người như thế. Nay tra trong sử-sách, lục các truyện xưa, thì lại thấy đời nào cũng có người đàn bà lỗi-lạc, hoặc anh-tài, hoặc tiết-liệt, làm nên những sự-công vẻ-vang rực-rỡ, sánh với những đàn ông rất anh-kiệt cũng chẳng kém gì. Thành ra trong hàng phụ-nữ cổ-kim có người hăng-hái mà yêu-cầu cho được bình-quyền, lại vẫn có người

điềm-nhiên mà tỏ rằng bình-quyền ấy đã từng thực-hiện đó.

Nữ-quyền về lý-thuyết, nữ-quyền về thực-sự, hai bên cùng là hỗn-hợp ở trong một cái phong-trào phụ-nữ, vẫn ngấm-ngâm chuyển-di tư-tưởng cùng phong-tục của người đời tự bao lâu đến giờ, mà tới nay đã đến ngày sắp kịch phát ra thành một cuộc cách-mệnh lớn trong xã-hội vậy.

Uyên-nguyên của cái phong-trào ấy thực là sâu-xa ở trong lịch-sử, đời nào cũng có xuất-hiện, chứ không phải mới bắt đầu tự cận-đại mà thôi.

Nhà bác-học nước Đức BACHOFEN gần đây có xuất bản một quyển sách lạ, ngoài các nhà xã-hội-học chuyên-môn ít người biết đến, sách chủ-trương cái thuyết như sau này : là ở các xã-hội, địa-vị đàn bà kém đàn ông là mới tự khoảng hai ba nghìn năm đến giờ mà thôi, chứ không phải từ khi người ta ở thành xã-hội đã có như thế đâu. Nghiệm ra thì đàn bà ở các xã-hội văn-minh phải chịu cái thân-phận nô-lệ mà ở các dân-tộc cổ-thời lại là giữ cái địa-vị chúa-tể. Xét từ khi có lịch-sử, đàn bà vẫn phải chịu kém hèn, dường như một cái công-lệ trong nhân-loại, nhưng suy ngược về các đời trước chưa có lịch-sử thì thấy đời cổ-sơ quyền đàn bà vẫn là trọng hơn đàn ông nhiều. Trong gia-đình coi người mẹ là cái trụ cái cột, người mẹ vẫn có quyền nhất-thống hết thảy. Quốc-gia chẳng qua là một gia-đình lớn, quyền chúa-tể chính ở tay đàn bà. Trong bộ-lạc, mỗi khi hội-họp để bàn việc chung, chỉ đàn bà là có quyền ăn nói. Con đẻ ra là lấy tên của mẹ ; tài-sản trong nhà di-truyền lại cũng là truyền cho bên gái. Đàn ông ở trong gia-đình như người khách vậy, đứng trong xã-hội chỉ có một cái địa-vị thấp-hèn. Các bộ-lạc đời cổ-sơ đó, cách tổ-chức chẳng khác gì như cái tổ ong vậy, ngoài thời-kỳ giao-cấu thì con ong đực là giống

vô-dụng, quyền chúa-tể trong tổ ong là thuộc về con chúa là ong cái vậy. Xã-hội người ta cũng vậy : thời đầu đàn ông không có quyền-thể gì cả, không được chủ-trương gì hết. Quyền người mẹ là quyền tự-nhiên, quyền người cha chưa thể lấn-át được. Trước chế-độ « phụ-thống » (*patriarcat*), các xã-hội đã từng qua chế-độ « mẫu-thống » (*matriarcat*) trong một thời-kỳ lâu dài vậy.

Thuyết đó kể cũng mới thật và có hứng-thú thay. Khi mới xướng lên, thiên-hạ nghị-luận phân-ván cả. Vậy thì thuyết đó có phải là chánh-đáng không ?

Cứ hiện-trạng khoa học thì vấn-đề đó chưa thể giải-quyết một cách chắc-chắn được.

Dạy trong thuyết của BACHOFEN, có một điều nghiệm ra thật đúng : là cái gia-đình thuộc mẫu-quyền có trước cái gia-đình thuộc phụ-quyền. Thử xét ngay các giống động-vật, không rói đến giống ong giống kiến sinh-hoạt thành đoàn-thể ở dưới quyền con cái mà con đực tuyệt-nhiên không được dự phần gì, xét ngay các giống vật có vú là những giống động-vật liền với người ta, thì thấy giống nào cũng vậy, gia-đình là hợp ở quanh con cái mà thôi. Ở hang con hổ-lang, bang con cầy-cáo, cho đến cái chuồng con cho con mèo, bao giờ cũng thấy con cái làm chủ, con đực chẳng qua là tạm-bợ o-hờ bên ngoài mà thôi. Con cái ở đâu là các con xúm quanh đó. Con cái mới thật là chủ-nhân cái gia-đình phối-thai đó, chúa-tể cái xã-hội sơ-hình đó. Vả tạo-vật đối với giống cái cũng cho có sức khỏe mạnh, có tài nhanh-nhẹn, có can-đảm dũng-cám, chẳng kém gì giống đực. Nhiều khi giống cái lại mãnh-liệt lực-lượng hơn giống đực nữa. Vậy thì xét xã-hội giống vật thấy giống cái không tất-nhiên là yếu-hèn hơn giống đực.

Nay xét xã-hội loài người hồi đầu không phải là không có điều giống các xã-hội loài vật. Đoàn-thể xã-hội thứ nhất của loài người là tộc-đảng hay phiến-đảng, chắc là đàn bà làm chủ, con-cái quây-quần ở chung quanh mẹ. Người cổ-sơ nhận huyết-thống, chỉ biết có cái huyết-thống về bên mẹ là rõ-ràng đích-xác hơn cả. Các nhà xã-hội-học đã nói : « quyền mẹ là một sự thực hiển-nhiên, quyền cha chỉ là một sự tin-tưởng mà thôi » (*la maternité est un fait, la paternité n'est qu'une croyance*). Điều đó quả-nhiên như thế, vì hiện nay còn nhiều các rợ bán-khai vẫn cho rằng trong việc sinh con để cái đẻ nổi dỗi giống nòi, người đàn ông hầu như không có phận-sự gì cả. Thứ nhất là người đàn bà, rồi đến những sức quý-thần phải dùng phương-thuật để thu-phục lấy, đó là những cái đòng-lực mà tạo-vật phải cần-dùng để nổi dỗi cho loài người.

Về sau cái gia-tộc thuộc phụ-quyền mới dựng lên, nhưng khi đã thành chế-độ rồi, mãi về sau, người cha vẫn phải tìm cách để tỏ rằng con của vợ mình cũng là con của mình nữa : nhân đó mới thành ra cái tục lạ là tục « ấp con » (*coupade*) thường nghiệm thấy ở các dân Ấn-độ Mĩ-châu, ở Tây-tạng, ở Úc-châu, và chính ngay ở nước Pháp dân *Basques* mới hồi gần đây cũng hãy còn thấy di-truyền cái tục ấy. Tục đó là người cha sau khi đã cướp lấy chủ-quyền của người mẹ rồi muốn dùng cách đó để chứng rằng quyền của mình là chính-đáng. Vậy thì tục cha ấp con là phụ-quyền sau khi lấn mấu-quyền, vẫn phải chịu rằng mấu-quyền là cổ hơn và dùng cách gián-tiếp để tỏ lòng khiêm-nhượng vậy.

Xét các rợ bán-khai ngày nay, cũng như xét lịch-sử những dân-tộc đã tiêu-diệt từ đời trước, thường thấy có dấu vết chứng rằng đàn bà đời xưa thật là có quyền chúa-tể trong xã-hội.

Như các dân Hồi-giáo thì đàn ông có quyền lấy nhiều vợ, mà ở Tây-tạng lại là đàn bà có quyền lấy nhiều chồng, Thường trong một nhà bao nhiêu anh em lấy chung một vợ. Một vợ mà bốn năm chồng, phong-tục đã quen như thế, không có ghen-tuông gì. Người đàn bà bấy giờ thật là bà chủ-nhân trong gia-đình vậy, một tay nữ-trượng-phu, cai-quản sai-khiến cả lũ chồng, chia công việc cho mỗi người, kẻ này lợp nhà, người kia kiếm củi, người nọ chăn cừu. Trong gia-đình quyền chủ-trương ăn nói ở cả người đàn bà.

Tục đa-phu đó, cũng như tục mấu-thống, là tục tính-danh tài-sản trong gia-đình, truyền theo dòng mẹ, chứ không theo dòng cha, đó là di-tích hiển-nhiên của cái chế-độ mấu-quyền ngày xưa. Chế-độ đó hiện nay còn lưu-hành ở các thổ-dân Úc-châu Ấn-độ, các rợ *Siénas*, rợ *Senoufs* ở trung bộ Phi-châu, phần nhiều các rợ da đỏ ở Mĩ-châu, cùng những dân bán-khai đất Tây-bá-lợi-á. Ngay ở Âu-châu về cổ-dại La-Hi, cũng nhiều nơi thi-hành cái chế-độ đó. Như trong sách sử-gia HÉRODOTE nói rằng dân *Lyciens* thường lấy mấu-tính chứ không lấy phụ-tính bao giờ, lại dân *Crétois* thì gọi đất quê-hương làm *Mètrie* nghĩa là đất của mẹ, chứ không phải là *Patrie*, đất của cha ; lại dân *Etrusques* thì các vinh-tước là truyền cho đàn bà chứ không phải truyền cho đàn ông. Theo mấy nhà sử-học đời nay thì kể binh-dân ở La-mã đời xưa cũng là theo về chế-độ mấu-thống, cách họ ăn ở khác hẳn hạng qui-tộc, họ không có gia-đình tôn-giáo gì cả, chỉ biết có quyền người mẹ mà thôi. Cứ ý-kiến các nhà đó thì sự cạnh-tranh qui-tộc với binh-dân ở La-mã đời xưa chính là một trạng-thái của sự cạnh-tranh hai cái chế-độ phụ-thống cùng mấu-thống nữa.

Mãi đến một thời-dại gần đây, ở mấy địa-phương nước Pháp, hãy còn nghiệm

thấy di-tích của chế-độ mẫu-thống. Như mấy nơi thung-lũng ở miền núi *Pyrénées*, thí-dụ như hạt *Barèges*, ở giữa chốn hẻo-lánh chung quanh những núi-non hiểm-trở, nên các phong-tục cổ còn lưu-truyền mãi mãi, cho đến hồi Đại-cách-mệnh năm 1789, quyền con trưởng vẫn là quyền con gái.

Con gái cả được thừa-hưởng gia-tài của cha, rồi chọn lấy một người con trai con nhà hàn-vi để làm chồng, người rể đó ở nhà vợ không khác gì như người đầy-tớ vậy. Không có quyền gì về tài-sản trong nhà, không được hủy-nhượng của-cải của vợ. Các nhà luật-học về thế-kỷ thứ 17, thấy những cái tục cổ-lỗi đó lấy làm lạ-lùng lắm, tra các luật-lệ đời phong-kiến cùng pháp-diễn của La-mã, không thấy đâu nói đến cả, tưởng là một câu truyện quái-gở bất-kinh vậy.

Nay xét ra thì các dân-tộc cận-đại có nơi còn theo cái chế-độ mẫu-thống, mà thân-phận người đàn bà cũng chẳng hơn gì các dân khác. Như người đàn bà Úc-châu vẫn có tiếng làm chúa-tể trong gia-đình, nhưng thực là nô-lệ của người vậy. Lại đàn ông đất *Barèges*, tuy ở trong nhà coi như đầy-tớ của vợ, không được quyền hưởng-dụng một phần tài-sản trong gia-đình, mà tục cho quyền được đánh vợ.

Xét ngược lên tận đời thượng-cổ thì không có thế.

Các nhà khảo-cổ khôi-phục lại lịch-sử các dân-tộc ở những đảo về phía đông Địa-trung-hải, trước dân Hi-lạp, thì thấy ở đâu đàn bà cũng có địa-vị cao-qui hơn đàn ông. Các tượng đá các tượng thần đảo thấy ở các nơi, toàn là tượng nữ-thần cả. Giáo-sĩ coi việc tế-tự là đàn bà hết. Võ-sĩ theo việc quân-nhưng là lẫn cả đàn bà với đàn ông.

Xem thế thì các dân-tộc cổ ở Âu-châu đàn bà không kém gì đàn ông,

mà có lẽ lại được tôn-trọng hơn đàn ông nhiều.

Nay không nói về đời thượng-cổ đã xa-xôi lắm, nói ngay những dân-tộc bán-khai hiện ở nhiều nơi Phi-châu Á-châu, hãy còn cái tục trọng đàn bà hơn đàn ông. Cứ theo lời kỹ-thuat của các nhà du-lịch thì hiện ngày nay ở nhiều nơi còn thường thấy cái cảnh-tượng như sau này: Một cái làng ở trong rừng hay trong bãi xa, lều túp dựng chung quanh, giữa có một khoảng đất không, tức là chỗ cả dân làng ra họp để bàn định việc công, quyết chiến-tranh với làng bên cạnh, hay giảng-hòa với rợ cừu-dịch, toàn là những việc lớn quan-hệ đến vận-mệnh cả đoàn. Những khi hội-đồng như thế, thì đàn ông đàn bà đều ra họp cả, đàn bà cũng có quyền ăn nói chẳng kém gì đàn ông.

Nói tóm lại thì tục nô-lệ đàn bà không phải là một cái công-lệ thiên-nhiên, cũng không phải là một sự phổ-thông trong các giống. Cứ theo nhà bác-học *BACHOFEN* thì dân-tộc nào hồi đầu cũng là qua cái chế-độ mẫu-thống cả. Thuyết đó có lẽ tuyệt-đối, nhưng dù không thừa-nhận được hoàn-toàn, cũng phải công-nhận rằng ở các xã-hội cổ-thời đàn ông đàn bà không có phân-biệt hơn kém gì cả, đều có quyền bình-dẳng như nhau và cùng được tham dự vào việc chính-trị chung. Không những thế, về phần riêng đàn bà có cái đức sản-dục con cái, nối-đời cho giống nòi, nên thường lại được đãi một cách đặc-biệt và đặt vào một địa-vị cao-qui vậy.

Phong-trào phụ-nữ ngày nay chẳng qua là chủ-ý muốn khôi-phục lại cái địa-vị ấy cho người đàn bà và yêu-cầu cho pháp-luật phải công-nhận vậy.

HẠC-BÌNH biên-dịch

## NỮ-HỌC (1)

Thầy Mạnh nói rằng : « Người ta ở dung suốt ngày mà không dạy, thì không khác gì loài cầm-thú. » Lời nói ấy đau-đớn lắm thay ! Nếu trông thấy một người kia mà bảo nó là cầm-thú, thì nó tất hăng lên nổi giận. Nhưng xét ra lời thầy Mạnh nói quả-nhiên như vậy : sao mà ngày nay lắm người vô-giáo-dục giống như loài cầm-thú nhiều như thế vậy ? Trong một nước như nước Tàu rộng biết chừng nào, những giống người đầu tròn chân vuông kể đến hàng bốn nghìn triệu người, mà những người kể vào hạng nông, công, thương, binh-lính, suốt đời chữa từng đọc đến quyền sách, có đến hơn một trăm chín mươi triệu người ; lại còn hạng người vào bậc quan bậc sĩ, tiếng là có đọc sách, mà kỳ-thực chữa từng có học-thức gì cũng đến hàng vài triệu người ; lại còn hạng người chẳng quan, chẳng sĩ, chẳng nông, chẳng công, chẳng thương, chẳng binh-lính, mà đầu cũng tròn chân cũng vuông, xưa nay chữa từng cầm đến quyền sách bao giờ cũng đến hai trăm triệu người. Không những thế, những kẻ là bậc quan, bậc sĩ, bậc nông, bậc công, bậc thương mà gần giống như loài cầm-thú, cũng còn có người biết rằng giống như loài cầm-thú là xấu-hỗ ; mà những người chẳng quan, chẳng sĩ, chẳng nông, chẳng công, chẳng thương, chẳng binh-lính, mà gần giống như cầm-thú, không những là chẳng biết xấu hổ mà đều cho là nó vốn cố-nhiên như thế vậy, than ôi thương thay ! Lương Khải-Siêu nói rằng : Nước Tàu đương buổi nay mà bàn đến nữ-học, người ta tất bảo rằng còn chán việc cần-cấp hơn gấp

mấy, còn đến hàng trăm việc chữa chấn-hưng lên được, mà cứ vội-vàng bàn đến vấn-đề ấy, không phải là lời nghị-luận biết cội-gốc vậy. Nhưng ta suy-xét cho cùng cái cội-gốc bởi sao trong nước hèn yếu, thì trước bởi tự dân bà bất-học, xin giải-thích ra để quốc-dân đều rõ như sau này :

10 Nhà công-lý có nói rằng : Phạm người trong một nước, tất phải khiến cho mọi người đều có chức-nghiệp để hay tự nuôi lấy mình, thì nước ấy mới thịnh-trị được. Nếu không thế thì cứ coi chừng cái số dân vô-nghiệp nhiều hay ít khá biết cái trình-độ nước ấy mạnh hay yếu. Có sao vậy ? Nghĩa là cái người vô-nghiệp tất phải nhờ về cái người có nghề-nghiệp giúp nuôi cho, không nuôi cho thì người vô nghiệp phải khổn, giúp nuôi cho thì người có nghiệp cũng khổn. Người Tây phân ra hai hạng người, một là hạng sinh lợi, hai là hạng phân-lợi ; tức như sách *Đại-học* bảo rằng hạng sinh-lợi ra phải cho nhiều, mà hạng ăn tiêu báo đi thì phải ít. Quân-tử có nói rằng : « Một người đàn ông mà chẳng có ruộng cày thì có khi phải chịu đói, một người con gái mà chẳng hay dệt vải thì có khi phải chịu rét. » Đó chẳng phải là lời nói không. Nay thử hợp cả nhân-dân và sản vật trong một nước lại, mà lấy cái số doanh-hu tiêu-tức thử tính ra xem thì phần nào bao nhiêu suất-số khá biết, cứ lượng qua cái số dân ông Trung-quốc mà xem thì cái số người phân-lợi cũng hồ bằng nửa cái số người sinh-lợi, tự nhà công-lý xem ra người trong một nước mà như thế thì không thành nước nữa rồi. Huống-chi số dân bà Tàu cũng đến hai trăm triệu người mà toàn là người phân-lợi cả,

(1) Nguyên Hán-văn của Lương Khải-Siêu.

chứ không có một người nào là sinh-lợi. Vì không hay sinh-lợi nên không tự nuôi lấy mình được, phải nhờ về người khác nuôi cho, vậy nên người đàn ông mới lấy cái cách khuyến-mã nô-lệ mà súc-dưỡng, như thế thì người đàn bà rất khổ; chỉ tại người đàn bà không hay tự nuôi mà phải nhờ đến đàn ông, nên người đàn ông bắt-đắc-dĩ mà phải nuôi; trong suốt một năm người đàn ông khó-nhọc làm được lợi bao nhiêu vẫn không đủ nuôi vợ, vì thế người đàn ông cũng cực-khổ. Cứ như ta xem ra thì trên từ quan rồi đến sĩ, dưới đến hạng nông, công, thương, binh, không kỳ là hạng người nào, không lúc nào là chẳng buồn-bực chỉ lo về sự nghèo, còn những người chịu phải đói rét chết lẫn ra ở ngoài lạch không biết là bao nhiêu! Nay cứ lấy cái lẽ thiên-cận mà nói, nếu mỗi người đều lấy cái nghề-nghiệp của thân mình làm ra, để mưu đường cơm ăn áo mặc cho một thân mình, thì không có lẽ nào phải chịu nghèo túng; nay người trong một nước mà không người nào là chẳng lo nghèo, chỉ vì tại một người làm mà phải nuôi đến vài người. Số-dĩ gây nên cái cõi đời một người phải nuôi đến vài người, cái căn-nguyên nó không phải là một mối, mà nhất là tại đàn bà vô-nghiệp. Cũng là người, cả sao lại người thì có nghề-nghiệp, người thì vô-nghiệp? Nghề-nghiệp trong thiên-hạ ai muốn làm nghề gì thì làm, nhưng mỗi nghề cũng có cái lý số-dĩ-nhiên, và cái sự nên làm như thế nào, nếu không có học-vấn thì sao hay thông hiểu mà làm được. Đàn ông thì phần nhiều là người thông-hiểu sự-lý cho nên mưu tính lấy nghề-nghiệp rất dễ; còn như người vô-học thì khó đường mưu-tính được nghề-nghiệp gì. Thế thì sự học vấn là mẹ đẻ ra nghề-nghiệp; đàn bà mà đến nỗi vô-nghiệp không phải là lẽ cố-nhiên như thế vậy. Nguyên buổi sơ-khai trải qua đời loạn-

lạc phải chuộng sức mạnh để ganh đua, những việc mà đàn ông gánh vác được thì đàn bà không thể kham được, nên mới cho đàn bà là không đủ khinh trọng, mà chẳng dạy bảo gì cả; đã không dạy cho học, thì còn biết làm nghề-nghiệp gì nữa; lâu mãi rồi quen đi, nghĩ rằng đàn bà vốn sinh ra yếu-hèn không thể làm gì được, chỉ quen thân ăn đứng ở nề đợi người đưa cơm đến tận miệng. Vì thế con trai quý mà con gái hèn, đàn bà rồi dài mà đàn ông khó nhọc; được rồi dài mà phải chịu hèn, tình người không ai muốn thế, được quý trọng mà phải chịu khó nhọc, tình người cũng không muốn thế; phải làm thế nào cho quý tiện cho đều, mà lao dật cũng phải cho đều mới được. Luận về công-lý thì như thế nọ, mà xét về sự-thế thì như thế kia, vậy nay muốn làm thế nào cho nước mạnh? Trước phải làm cho dân giàu thì nước mới mạnh được, Làm thế nào cho dân giàu? Trước phải khiến cho mọi người ai cũng hay tự nuôi được mình, mà đừng để cho một người phải nuôi đến vài người, thì dân mới giàu được. Nếu hay khiến trong một nước người có nghề-nghiệp mà làm tăng lên đến gấp hai, thì những đồ khí-vật thô-sản trong một nước làm ra cũng tăng lên đến gấp hai; những cái số sản-vật tăng lên đó, đều là những của khi trước bỏ hoài cả, nay đem cái của bỏ hoài đi khi trước mà thu-tàng lại ở chốn dân-gian, việc ấy rất thuận mà tỳ-ích rất nhiều, như thế mà không cho cả phụ-nữ theo học thì làm thế nào được.

20 Người ta thường bảo rằng đàn bà vô-tài mới là có đức, đó là lời nói xằng. Những bác đồ gàn cứ nắm lấy cái câu ấy muốn cho tất cả đàn bà con gái trong nước, không ai biết một chữ gì, không ai đọc được một quyển sách nào như thế mới là chính dòng con gái hiền-thục, nói như thế thực là làm hại cả thiên-hạ. Đời xưa gọi là những

hạng tài-nữ, thì chỉ vịnh trăng ngâm gió, phẩm đề cổ hoa, hoặc tả câu thơ tích-biệt, ngâm khúc hát thương-xuân, tập-thành ra được một vài quyển thơ-từ, thế đã la giỏi lắm rồi. Song những việc ngâm-vịnh ấy không gọi là học được; đàn ông nếu không có học-vấn gì mà chỉ chăm về nghề thơ-từ để lấy tiếng, cũng cho là một anh phù-phiếm mà thôi, hưởng-chi là đàn bà. Học là phải học sao cho mở-mang được tri khôn, giúp đỡ cho sinh-kế, một việc học mà được mấy việc hay, không hại gì đến phụ-đức cả. Nếu bảo rằng đàn bà vô-tài mới là đức, thì sao những cụ đàn bà nhà quê không biết một chữ gì kể đến hàng ức vạn, thực là vô-tài vô-học mà chẳng thấy thêm được một đức gì là đức hiền-thục, chỉ nghe thấy những thói cong môi cong mồm, ngoa-nguốt cãi nhau, lại tệ hơn những người đàn bà nhà quan có hơi chút học-thức, là tại có sao? Phàm người ta mà có cái thói bỉ-lận, cái nết phẫn-tranh, chỉ tại là kiến-thức hẹp-hòi, con mắt suốt ngày chỉ loanh-quanh trong vòng nhỏ-hẹp, mới siah ra ngu-tối như thế. Nếu con người mà đã học biết đến trên có vạn-cổ, ngoài có năm châu, và biết cái đạo đời người tương-xử với nhau, cái lẽ vạn-quốc sở-dĩ mạnh hay yếu, thì cái tâm còn lo thay cho thiên-hạ, thương thay cho chúng-sinh chữa lúc nào rồi, còn hơi đâu mà ganh nhau những việc lật-vật đàn bà con trẻ trong nhà nữa. Nay những người đàn bà sở-dĩ ngu-tối là chỉ vì không học cho biết những mọi sự-vật trong khoảng trời đất, suốt đời chỉ kiệt tinh-thần ganh nhau hơn kém ở trong xóm nhà, vậy nên những thói xấu tự-nhiên không học mà biết, không hện mà giống nhau cả. Bởi thế trong một nước rộng lớn đến hàng ức triệu con người, ức vạn gia-tộc, mà cầu lấy một gia-đình hay cư-xử với nhau được hòa vui, lời ăn tiếng nói không có khích-

bác nhau điều gì, thì muôn nhà không được một. Xét cái nguyên-nhân ấy đều khởi tự trong chốn mẹ chồng nàng dâu, chị dâu em gái, ăn ở với nhau không ra gì cả. Có người bảo rằng giống đàn bà không thể dạy được, nhưng có phải đàn bà là tính ác cả đâu, chỉ tại là hợp một đàn người không có giáo-hóa gì cả, mà cho ở cùng một nhà, lại muốn cho nó cùng ăn ở tử-tế với nhau, thì sao thể được. Đàn bà mà làm lụy đến đàn ông chỉ tại là không hay tự nuôi được mình, mà phải cầu đến người chồng nuôi giúp, như thế mới là làm lụy đến hình-hài người chồng mà thôi. Còn như trong gia-đình lũng củng suốt ngày, lúc thì than-thở việc nợ, lúc lại buồn-bực việc kia, đàn bà như thế có khi làm tổn đến linh-hồn, đoán cả chí-khi của người chồng không biết là chừng nào! Nếu người chồng là bậc hào-kiệt thích-thắng đến thế nào, mà gặp phải cái cảnh vợ con trong chốn buồng the như thế, tưởng chỉ độ vài năm thì cái chí-khi người chồng cũng phải đến cục-súc, tài-năng người chồng cũng phải đến tiêu-ma. Như thế thì đàn bà toàn là phường độc-ác không thể gần được cả hay sao? Nếu cứ cam-tâm chịu phải cái ách đàn bà phiến-lụy như thế, thì sao bằng tìm phương thuốc mà chữa đi.

30 Người Tây chia cái cách dạy trẻ con ra đến hàng trăm khóa, thế mà về phần mẹ dạy đến hàng bảy-mươi khóa. Đưa trẻ lúc còn thơ-ấu thì nó thân-gần mẹ nó hơn là người cha, phàm những tính-tình ưa thích của nó, nếu làm người mẹ mà biết liệu chiều dẫn bảo cho nó, thì hay lắm; thế cho nên mẹ dạy mà khéo thì con về sau dễ nên con người, mẹ dạy mà vụng thì con về sau khó thành-thân được. Nhan-thị gia-huấn có nói rằng: Dạy đưa trẻ thơ-ấu trước khi vào nhà trường, sao cho tính-chất chí-lượng

nó đứng-dẫn, lúc nhỏ nó đã tập quen đi như tính tự-nhiên rồi, thì lúc lớn lên nó mới khỏi mất nét. Đó là nói cái cách dạy trẻ học lúc buổi đầu vậy. Nếu làm người mẹ mà đã học thông sách lại biết cách dạy, thì đưa trẻ trước khi mười tuổi đã được học biết những lễ thiên-cận, và những đạo lập-chi lập-thân từ khi thơ-ấu ấy rồi. Nay trong một nước về cách dạy học đồng-ấu chữa hay chỉnh-dốn được, đưa trẻ khi ra đến nhà trường học-tập toàn những thói hư-hỏng, ông thầy không thể bảo xiết được, mà lúc nó còn ngây-thơ chơi đùa ở trong chốn buồng the thì chỉ quanh-quẩn ở tay người vú, hằng ngày tai mắt nó tập-nhiêm toàn là những sự tẹp-nhep xấu-xa, không còn có kiến-vấn gì cả; người trên thì chỉ ham cho nó thi đỗ để lấy lợi-lộc, dạy cho nó giữ lấy sản-nghiệp về sau, thế đã là giới rồi. Vậy đến lúc nó lớn lên thì nó tưởng rằng việc thiên-hạ không còn việc gì lớn hơn những việc ấy nữa, nên về sau nó gây nên cái thói chỉ biết vụ-lợi doanh-tư, cầu-thả vô-sĩ, suốt cả người trong một nước như thế, mà không biết cái tệ nó bởi tự đâu; không những là chẳng biết cái tệ nó bởi tự đâu mà thôi, lại cứ điềnnhiên chẳng lấy gì làm quái lạ. Nay thử đem một đứa học trò nhỏ người Âu-Tây, mà độ với một ông sĩ-phu lớn tuổi của ta thì cái chí-thú học-thức của đứa trẻ có khi lại hơn người lớn, có phải là tại cái nòi-giống nó khác đâu, chỉ tại mình khi nhỏ học-tập sai-lạc mất đường vậy. Cái gốc trí nước có hai điều: một là chinh nhân-tâm, hai là cầu rộng lấy người nhân-tài; hai điều ấy phải cần dạy từ nền ấu-học, mà nền ấu-học phải trước từ khuôn mẫu-giáo, khuôn mẫu-giáo lại phải trước từ nền nữ-học, vậy nên nền nữ-học là cái căn-bản trong nước mạnh hay yếu vậy.

40— Nói về cách thai-giáo đời cổ rất là kỹ-càng, đến đời sau bỏ những đi mất. Người phương Tây rất là lưu-ý về cách thai-giáo, nhà công-lý-học có xét về cách tiến-hóa của giống người giống vật, bảo rằng phạm giống vật đã có hình-thể cơ-quan như là các loài nhân-vật cầm-trùng thảo-mộc, trong một cơ-thể có cái chết hẳn đi, có cái vẫn không chết, như là giống cây cỏ gốc rễ cành lá hoa quả thì là chết đi hẳn, nhưng vẫn có cái không chết là nó lia thân mẹ lại thành ra thân con, liên-miên mãi không dứt, như thế là truyền giống; giống người cũng thế, có khi hai giống hóa-hợp mà dần-dà biến hẳn đi, thành ra một giống giỏi hơn, như là do loài hươu, loài vượn mà tiến lên thành ra loài người, do giống dã-man tiến-tộc mà tiến lên thành ra giống văn-minh qui-chủng, lúc kỳ-thủy rất là tế-vi mà về sau rất lớn. Vậy nên người Tây bàn về chủng-tộc-học thì cốt nhất là cách thai-giáo, muốn làm cho nòi giống tiến lên cũng nhiều cách, như các nước chú-ý về việc cường-binh thì bắt cả đàn bà trong nước phải tập thể-thao cả; có tập như thế thì người mới khỏe mạnh, mà đẻ con da thịt mới dày-đặn, gân sức mới mạnh khỏe, đó là một nghĩa cốt-tử về nữ-học. Nay những người học-thức nghĩ rằng trong thiên-hạ có ba việc lớn: một là giữ nước, hai là giữ nòi, ba là giữ cách dạy bảo. Nước làm sao giữ được, phải khiến cho nước mạnh lên thì mới giữ được. Nòi giống làm sao giữ được, phải khiến cho nòi giống tiến lên rồi sau mới giữ được, như là khiến kẻ trá-ninh tiến lên người trung, kẻ tư-tú tiến lên bậc công, kẻ hoán-tán tiến lên khôn-khéo, kẻ dã-man tiến lên văn-minh, ấy cái đạo cải-lương nhân-chúng là như thế, mà cái công dạy con trai một nửa phần, dạy đàn bà con gái cũng một nửa phần; cái phần dạy con trai

nguồn-gốc nó cũng phải trước dạy đàn bà con gái; vậy nên nền nữ-học là cái mối đầu đề mà giữ lấy nòi giống vậy. Nay mà nói như thế tất nhiều người cho là vu-khoát, không khác gì muốn cầu cứu-cơ mà bảo phải đi cày, muốn cầu giải-khát mà bảo phải đào giếng, thực là viên-vông! Không biết rằng ngày xưa các đấng tiên-triết và các nhà thông-nho bên Thái-Tây đã giảng-bàn về cái lẽ thai-giáo rất kỹ-càng và rất chăm-chỉ về việc ấy (1).

Nhà cách-tri có nói rằng: « Những lẽ không-hư về cách-tri toán-học, thì đàn bà suy-tính không bằng đàn ông; nhưng do những lẽ ấy mà thi-thố ra thực - sự để làm thành nghề-nghiệp chuyên-môn về chế-tạo và y-học, thì đàn ông thường không bằng đàn bà. » Như thế thì đàn ông đàn bà đều có sở-trường không hơn kém gì nhau mấy. Hoặc người bảo rằng mấy nghìn năm nay đàn ông lập nên công-nghiệp lớn-lao đời nào cũng có, mà chưa nghe thấy người đàn bà nào. Như thế thì dấu chấn-hưng nữ-học, mà đàn bà thành-công được cũng ít vậy. Song ta

nghe các nhà bàn về cái lẽ sinh-hoạt bảo rằng phàm những giống vật bầm-thụ hình-khí mà sinh ra, hễ giống nào sinh ra đảo-ngược thì rất ngu, giống sinh ngang thì ngu vừa. Còn như giống thân-thể đứng thẳng, trên đầu chịu được cái khí thanh-dương, thì cái thông-minh nó cũng không khác nhau mấy. Sở-dĩ sinh ra khác nhau là tại tri-tuệ có khai-thông với chẳng khai-thông mà thôi. Xét như năm Kiền-long Gia-khánh ở các tỉnh Giang-tích, người theo Hán-học đã thịnh, mà ở Quảng-đông chẳng có một người nào. Từ năm Hàm-đồng trở về sau thì Quảng-đông biết bao nhiêu là người giỏi Hán-học, đó không phải người Quảng-đông về năm Kiền-long thì ngu mà về năm Hàm-đồng thì có tri khôn vậy. Nước Nhật từ năm Minh-trị trở về trước thì dân-trí bế-tắc, công-nghệ xấu-xa, từ khi duy-tân trở về sau thì dân-trí càng ngày càng mở-mang, đó không phải là người Nhật khi trước vụng mà ngày nay khéo vậy. Chỉ vì cái não-cân nó còn phục chưa động, cái linh-tủy nó còn tắc chưa thông, nếu biết đường

(1) Thiên-thai-giáo nói rằng: Kinh Dịch rằng: trước phải chính từ cội gốc thì muôn việc đều xong, nếu làm một ly thì sai đến nghìn dặm, vậy nên người quân-tử phải cẩn-thận từ lúc khởi-thủy, vì con cháu kén vợ gả chồng phải chọn nhà nào gia-thế hiếu-nghĩa, thì sau này sinh con mới được hiền-từ hiếu-hạnh, không dám hoang-dâm bạo-ngược. Vậy nên giống chim phượng-hoàng sinh con ra đã có ý nhân-nghĩa, giống hồ-lang sinh con ra đã có tâm tàn-ác. Lời nói ấy rất là thâm-thiết rõ-ràng. Lại rằng: khi xưa cái đạo thai-giáo phải chép vào ngọc-bản, để ở kim-quỹ trong nhà tôn-miếu, để làm răn cho con cháu đời sau. Người đời xưa trọng về cách thai-giáo như thế. Nghiêm-quân có dịch bài luận Thiên-diễn nói rằng: Những giống vật hình-thể không có cơ-quan thì nó không chết, vì nó không có sinh vậy. Những giống vật hình-thể có cơ-quan thì có khi chết, nhưng cũng có cái không chết. Cái không chết không phải là nói về hồn-phách tinh-linh vậy. Nghĩa là như lá cây rễ cỏ thì có khi chết, còn như cái nó là mẹ lại thành ra con thì không bao giờ chết được, cứ thay đổi sinh-sôi mãi vô-cùng-tận, phàm giống động-vật thực-vật đều thế cả. Thân người ta cũng là tự tổ-phụ di-truyền lại, từ khi bầm-sinh thụ-hình tiếp-tục mãi cho đến ngày nay, đó tức là cái lẽ sở-dĩ-nhiên về thai-giáo vậy. Nghiêm-quân lại đưa cho ta cái thư nói về cái lẽ sinh-vật-học bảo rằng: Người ta sinh ra, phàm tâm-tư tài-lực, hình-thể khí-tập, vốn gốc từ hình-thần lịch-duyet của tổ-phụ trên mấy trăm đời nó tích-lũy mà thành ra thân ta. Đến khi sinh ra rồi thì lại thêm-nhiệm về sự văn-kiến của thầy bạn và cái cảnh-ngộ từng nơi từng lúc nó biến-hóa mà thành ra con người. Vậy nên muốn giữ nòi giống phải chú-ý về thai-giáo (Tác-giả).

khỏi nó ra, thì linh cơ đều phát-dộng cả. Thế thì mấy nghìn năm trước đàn bà chưa có ai nổi tiếng về học-thức, là tại chửa ai khai-đạo; nếu nay mà cho đàn bà theo học thì hơn đàn ông có hai việc: một là đàn bà ít phải thù-ừng phiền-nhiều, hai là đàn bà được miễn khảo-thí khó-khăn; vả lại tinh ra tĩnh-mịch, tâm lại tinh-tế, có khi những cái lẽ đàn ông không thể xét cho cùng được, mà đàn bà hay xét được ra; có cái phép đàn ông không thể sáng-lập ra được, mà đàn bà hay sáng-kiến; xem như bà mẹ Ma-cáp-mặc-đức là con gái ông Bà-nam và là cô ông Ước-Hàn, học-nghiệp thành-tựu giỏi - giang không kém gì đàn ông. Lại như con gái nước Tàu khi du-học tốt-nghiệp trở về như là bà Khang Ái-đức-thị, Thạch Mĩ-ngọc-thị, dẫu các bậc kỳ-túc ở bên Tây-vực cũng phải nức khen, xem thế thì có phải đàn-bà sinh ra mà không thể nào học được đâu. Nay lấy mấy trăm triệu đàn-bà cũng là loài người đội trời đạp đất, dẫu bầm-thụ khí thanh-dương, mà nữ đem hoài bỏ đi cả, chẳng cho học-hành gì, coi chẳng khác gì giống vật sinh ngọc sinh ngang trăm đường ngu-tối, thì thực là bất-nhân lắm vậy.

Các nhà tôn-giáo bàn về lẽ bình-đẳng bảo rằng sự bất-bình-đẳng là bởi tự đâu? Là bởi chỉ chuộng về sức mạnh; sự được bình-đẳng là bởi tự đâu? Là bởi biết chuộng về nhân-đức. Cùng là một loài người cả, mà bĩ cho một hạng là dân, đã là dân ngu thì ông vua được bắt ép làm kẻ thần-thiếp. Lại khinh một hạng là gái, đã là gái yếu thì tài trai được bắt ép làm kẻ nô-lệ. Đã bắt ép làm thần-thiếp nô-lệ mãi không thôi, lại bịt cả tai mắt, bó cả chân tay, làm cho công cả gân cả óc, lấp cả đường học-vấn, tuyệt cả lối siơ-nhai, khiến cho phải cúi đầu luồn-cúi ở trong tay người có sức mạnh; lâu mãi tập quen đi, yên phận là thần-thiếp,

cam-tâm làm nô-lệ, cho là bản-phận cố-nhiên mà bất-tự-tri. Tự-trung cũng có kẻ biết rằng mình bị phải làm thần-thiếp nô-lệ là không đáng, cũng muốn ngóc đầu mà kêu lên. Vì thế trong mấy nghìn năm nay bọn đàn ông cầm quyền không muốn mở-mang cho đường nữ-học, cho là việc không cần; mà bọn đàn bà trải mấy nghìn năm nay cũng không thấy ai hay tự phấn-chấn học-hành để khởi-xướng cho bọn đồng-loại; đó không phải là bọn đàn bà bất-tài cả đâu, là bị phải áp-lực của bọn đàn ông nó xui nên thế vậy.

Nay bảo người ta rằng muốn nước mạnh thì phải mở nhiều nhà học-hiệu, thì ai cũng cho làm phải; nếu bảo rằng muốn nước mạnh thì phải chấn-hưng nữ-học, thì ai cũng lấy làm ngờ. Cái nguyên-nhân tại sao mà mờ tối không hiểu như vậy, là tại đương buổi ngày nay những người muốn bần-tinh đến việc phú-cường, chỉ muốn bắt-chước những điều sở-trường của Âu-Tây, làm sao cho tàu-bè nhiều, súng-ống giỏi, xe hỏa chạy cho nhanh, quặng mỏ khai cho lắm, chớ còn như việc nữ-học thì không cần, mà đàn bà cũng chẳng hay làm được những việc trên ấy; vậy ai cũng bảo rằng việc dạy đàn bà không phải là việc cần-cấp. Nào biết đâu bên Âu-tây mà được cường-thịnh, tuy có nhờ về tàu về súng, mà sở-dĩ cường-thịnh không những là nhờ về tàu súng, lại còn như nông-nghiệp, công-nghệ, y-học, thương-học, cách-tri, luật-lệ, phép giáo-thụ, phàm những việc ấy đàn ông hay làm được, thì đàn-bà cũng hay làm được; mà đàn ông với đàn-bà cũng đều nhờ về có học mới hay thành-tài hữu-dụng được. Nay bàn việc trị nước phải cốt ở nhà học-hiệu, thế là nước phải nhờ có nhân-tài, mà nhân-tài trong nước không kỳ là đàn-ông đàn-bà đều phải nhờ giáo-dục

mới hay thành-tài được. Nay lại cho mấy vạn dân-ông kia là nhân-tài, mà mấy vạn dân-bà nọ không phải là nhân-tài, thì thật là không công-bằng quá!

Bên Tây-phương nước toàn-thịnh không nước nào bằng nước Mĩ, ở đông-phương nước tân-hưng không nước nào bằng nước Nhật. Cái thuyết nam-nữ bình-quyền thịnh-xương lên ở nước Mĩ, mà lan sang đến nước Nhật. Nước Nhật về khoa nữ-học chia ra làm mười-ba môn: 1) tu-thân; 2) cách giáo-dục; 3) quốc-ngữ; 4) hán-văn; 5) lịch-sử; 6) địa-dự; 7) toán-học; 8) cách-trí; 9) gia-sự; 10) tập-chữ; 11) tập-vẽ; 12) âm-nhạc; 13) thể-thao; những môn học ấy đại-lược cũng giống như bên con trai, mà cũng có quan-hệ cả. Nếu thế-giới mà đến được cõi thái-bình, không có phân ra quốc-giới, chủng-giới gì cả, thì không cần phải học đến những nghề binh-khí, việc binh-chế nữa, chỉ cốt học lấy những việc nông-thương, y-khoa, pháp-luật, cách-trí, chế-tạo; không kỳ là con trai con gái, người trong nước đều học-tập lấy một nghề-nghiệp để

tự nuôi mình, mà không có ai là biết với chẳng biết, nữ-học với nam-học đều như một cả, nước Mĩ cũng hầu được như thế. Vậy nên nữ-học càng thịnh thì nước càng mạnh, tức như nước Mĩ vậy; nữ-học thịnh vừa thì nước ấy cũng mạnh, tức như nước Anh nước Pháp nước Đức nước Nhật. Nếu nữ-học suy, mẫu-giáo hỏng, kẻ vô-nghiệp nhiều, kẻ dân khôn ít, nước mà còn được là may, tức như những nước Ấn-độ, Ba-ty, Thổ-nhĩ-kỳ.

Nay mà bảo cần phải chấn-hưng nữ-học là học một cách cho có thực-dụng, có thầy bạn giảng-tập để cho khai-trí, đi du-lịch trong ngoài để cho thành-tài, thì học-nghiệp mới thành được. Nếu chỉ ru - rú trong chốn buồng-the, tấp-tênh ra nơi trường-học, mà vẫn cô-lậu quả-văn, sớm ngậm câu phong-nguyệt, tối đọc truyện thần-ký, chẳng biết gì là thực-học cả, thì sao cho thành-tài hữu-dụng được!

N. H. T. dịch

Axiome politique de la démocratie : N'importe qui étant bon à n'importe quoi, on peut n'importe quand le mettre n'importe où.

CHARLES BENOIST

La politique est l'art de faire marcher de pair, à tout instant, les moyens dont on dispose et les ambitions auxquelles on a droit.

(Le Temps)

Cái yếu-pháp của chính thể dân-chủ là: Bất-cứ người nào làm bất-cứ việc gì cũng được, vậy bất-cứ lúc nào đặt bất-cứ vào đâu cũng được.

\* \*

Chính-trị là cái thuật lúc nào cũng biết khiến cho một bên là những phương-pháp thực-hành, một bên là cái lòng dục-vọng chánh-đáng, hai bên phải đi ngang với nhau.

## Đạt-sự Ma Danh-Cúc và vợ Ba-đồn tướng-quân

Ma Danh-Cúc 魔名菊 nguyên là giòng Tù-trưởng ở xứ Thái-nguyên xưa nay, ở tại làng Huống-thượng, trai Mỗ-Tròn, cây cỏ non-sống hiềm-trở, không ai làm gì được mình, nhân chiêu-tập thổ-dân ở đất Cao-lân đất Lợi-cửu các nơi, cấy ruộng chứa lúa, dựng lên những kho trái thành-quách tại động Bắc-khan, tự xưng là Quận-công. Đường đời Tây-sơn năm 1791, Cúc cùng bọn đồng-đảng là Ba-đồn tướng-quân, với chỉ-huy Văn, đồ-đốc Mạnh vào chiếm-cử huyện Cổ-lũng đất Bảo-lộc, tung-hoành khắp cả mọi nơi, quan-quân xứ Kinh-bắc (Bắc-ninh) ra đông đồn tại núi Mục-sơn để kháng-cự lại, ở Bắc-thành cũng có một toán quân bọc vây trấn Thái-nguyên, rồi sai sứ dụ Cúc ra đầu-hàng. Cúc trả lời rằng: «Triều-đình có thiên binh vạn mã, ta đây có thiên thủy vạn sơn, hãy để quân ta cùng quân triều đánh nhau thử đã, nếu ta thua thì ta sẽ đầu hàng; người đến đây dụ ta, ta khen thực đã to gan, nay ta cũng hãy thả người về, nếu người lại đến nữa, thì ta quyết không dung-thứ cho đâu.» Nói rồi đuổi người sứ cho về.

Sau Cúc lại từ Thái-nguyên ra xâm-chiếm trấn Sơn-tây, quan trấn-thủ Sơn-tây đóng cửa lại không cho vào, và cũng không sai quân ra kháng-cự gì cả Cúc không làm sao được, nhân bày một kế rất kỳ, Cúc lựa một đội quân giả làm quân vào ở nơi khác giải tù về trấn Sơn-tây, quan trấn-thủ vô-tình mở cửa cho vào, bọn quân ấy vào được thành, mở cửa tan-hoang, quân Cúc mới tràn vào được thành, cướp sạch hết cửa-cải các kho; rồi kéo quân đi nơi khác.

Cúc làm như vậy, kể từ đời Tây-sơn cho đến đầu triều nhà Nguyễn, cũng không ai làm gì được. Đến năm Minh-mệnh thứ 4 (1828) Cúc từ Thái-nguyên đem quân ra tuần-phòng ở trại Dục-lân thuộc huyện Tư-nông, bị quan-quân đến vây đuổi, Cúc thua chạy về huyện Yên-thế, lánh tại nhà Tuấn-Thiện, quan-quân vây bắt được, giải về Bắc-thành trị tội.

Vợ Ba-đồn tướng-quân cũng bị bắt, giải về Bắc-thành, quan tổng-trấn hỏi tại có sao mà theo quân giặc, ả có làm một bài tự-tình, lục-dàng sau đây để công đồng-lâm.

Nguyên ả là con một nhà thuyền-chài, mà có tư-sắc, cha mẹ mất rồi, ả nhân bỏ nghề thuyền-chài về ở với một người anh họ ở tại thôn-quê, Ba-đồn tướng-quân mẹ ả là một người con gái đẹp, mang quân đến hiếp bắt về làm vợ, rất là yêu-giấu; sau Ba-đồn lại hiếp lấy một người con gái nhà giàu khác, mà dẫn xa ả đi. Đến khi quan-quân bắt được, ả mới làm một khúc tự-tình, để xin quan tổng-trấn tha tội.

### TỰ-TÌNH-KHÚC

*Thưa vì khát thâm tình duyên,  
Xét cho đặng khối oan-khiên mạch lòng.  
Dù tôi là phận má hồng,  
Mẹ cha tôi vốn là dòng ngư-nhân.  
Chài một tay trúc một cần,  
Đại-từ Hồng-mổ riêng phần sơn-xuyên.  
Mấy lần vượt bể chuán-chuyên,  
Hồng Hàn còn muện, quế Yên còn chầy.  
Một tôi phận gái thơ ngây,  
Nhai cơm mớm cá đêm ngày dẫu thương.  
Con giòng mong kiếm một chàng,  
Nước non nấy thác, mỗi đường đỡ thay.*

*Chiêng vàng khi xế về tây,  
?đ-tiên hương khói may ngay cây nhờ.  
Những mong đập đập be bờ,  
Vi ai quấy đục cho lở tôi trôi.  
Cơ trời một phút rập vùi,  
Sống còn nổi ngọc, bề sỏi tâm kinh.  
Xuân huyên hai khóm điêu-linh,  
Khúc sông bỏ vắng một mình sầu riêng.  
Sơn-xuyên phong-nguyệt doanh in,  
?hủy-quan đã chứng ngả nghiêng nổi lòng.  
Vả tôi trịnh nước trẻ trung,  
Thấp cao chưa tỏ sâu nông chưa lường.  
Con thuyền ghé bãi bên giang,*

Bề hồ lai-láng khôn đường sinh-nhai.  
 Trời còn rộng, đất còn dài,  
 Xấu mỗi hầu dề, ngồi dai được nào.  
 Chắp tay bái lạy con sào,  
 Giã thuyền giã bến tìm vào thôn-trang.  
 Nghĩ ra ngày trước nghe rằng,  
 Có anh họ ở Văn-lãng cũng gần.  
 Tìm vào tụ-bạ trừ chân,  
 Làm ăn theo thói thôn-dân mọi nghề.  
 Mặc ai lưới, mặc ai te,  
 Cày đi đập tuyết, cuốc về đội trắng.  
 Gẫm thân trước đã lỡ chừng,  
 Ở đây nương tựa đành rằng được yên.  
 Bảy giờ thuyền bến đã quen,  
 Rắp tìm một kẻ ngay hiền thú-quê.  
 Sang nhà giàu khó nào nề,  
 Như cá có nước, như bèo có neo.  
 Phận sao nênh nổi bọt bèo,  
 Ông tơ bà nguyệt ghẹo trêu khéo là.  
 Có người ở phủ Bắc-hà,  
 Kim-hoa là huyện, Thụy-hà là quê,  
 Họ hàng chẳng biết là chi,  
 Cha chài chú chóp tên gì chẳng hay.  
 Con nhà bán-nghiệp xưa nay,  
 Bề dẫu bởi gắp phải ngày long-đong.  
 Giang-sơn cơ-nghiệp cha ông,  
 Đã như gột rửa sạch không lâu-lâu.  
 Bảo-ngữ tìm đến thú màu,  
 Phận hèn cũng rắp đến cầu cho qua.  
 Làm ăn ra . . . vào, . . . (1)  
 Đồng tiền phân bạc có là của dẫu.  
 Thường-luống ở cạn được sao.  
 Chẳng đạo-gian cũng bắt vào đạo-gian.  
 Thấy làng Hưởng có thương-quan,  
 Quận-công nước suối mới ban sắc về.  
 Kiểm ăn như rái mới ghê,  
 Máy dân hai huyện đổ hoe cá phường.  
 Dẫn mình chịu lặn lấy vàng,  
 Khéo dẫu thuyền nát đôi phường dựng  
 nhau.  
 Vẫy-vùng như ếch giếng sâu,  
 Xem trời thăm thăm trên đầu bằng  
 vung.

Đặt nhau Điều-bắt, Tiên-phong,  
 Cơ kia đội nợ như ong một đàn.  
 Tót vôi một nghê khôn-goan,  
 Nhảy lên chót-vót làm quan Ba-đôn.  
 Nghĩ mình quyền trọng chức tôn,  
 Thân như cá vượt Vũ-môn khác nào.  
 Bị về gươm giáo đập-diu,  
 Thấy tôi là gái có chiều dễ ưa.  
 Nhủ rằng cóc lặn bèn cừ,  
 Sóng ăn chết giữ tôi như lấy mình.  
 Tủi thay tình sự hiệp tình,  
 Cũng mong đôi lối nấu hình cho xa.  
 Lến đêm vừa trông canh ba,  
 Vu-sơn phảng-phất hồn hoa chưa về.  
 Đem quân đến bọc tư bề,  
 Thôn-dân phá lỗ khác gì giặc pha.  
 Gọi anh tôi mở cửa ra,  
 Có em chẳng gả, đổi nhà hôm nay.  
 Tôi nghe rời-rụng chân tay,  
 Hai hạng nước mắt chảy ngay dòng  
 dòng.  
 Biết mình lọt chẳng khỏi vòng,  
 Văn-vi mới ngộ sự-tình cùng anh.  
 Phận tôi như bọt đầu ghềnh,  
 Trông ăn anh chị đã đành bấy nay.  
 Bảy giờ đến nổi nước này,  
 ? hỏi thời đã vậy thì vậy biết sao.  
 Cầm bằng như hạt mưa dào,  
 Nước chiều ai dễ cầm sào mà trông.  
 Bờ sóng lại lở xuống sóng,  
 Đàn bà mà lầy đàn ông thiệt gì.  
 Dẫn mình tôi phải ra đi,  
 Xuống thì lội suối, lên thì trèo non.  
 Tôi nơi phong-cảnh mới buồn,  
 Quận-công thư nhất, Ba-đôn thứ hai.  
 Đem tôi để gửi một nơi,  
 Nghĩ thì thầy tớ ngược xuôi đi về.  
 Công tư nào việc những gì,  
 ... đi thăm bề nào thì thấy thăm.  
 Tôi từng bỏ bữa quên nằm,  
 Sầu riêng non nước, than thăm gió  
 Buồn no tôi lại nghĩ rằng, (trăng-  
 Thân là thân gái phải chừng gian  
 chuẩn.

(1) Máy chỗ có chấm-chấm thế này là vì bản chữ nôm khuyết, chúng tôi không dám tự-tiền  
 điền chữ khác.

Đành hay gặp kẻ phi-nhân,  
 Để hầu cày cục mấy lần nữa ru !  
 Bày tình tôi phải chuện-trò,  
 Lấy cơ họa-phúc nhỏ to khuyển lòng.  
 Xưa nay vương-lượng có dòng,  
 Cá kia hầu dễ hóa rồng chẳng chơi.  
 Nay thánh-chúa ngự ngôi trời,  
 Khấp trong bốn bề làm tôi một nhà.  
 Ngựa thì uống cạn Mạnh-hà,  
 Sáu quân giờ việt cũng là sạch không.  
 Và chi cần cần đòng-đong,  
 Chưa bằng tôm tép cũng hồng nhưng-  
 nhặng.

Đời nào sửa nhậy qua đấng,  
 Thi hơi vói giải được chẳng hầy tường.  
 Lửa thành ao cá còn gương,  
 Trượng-phu sớm phải tìm đường mới  
 hay.

Lời anh dặn thiếp bấy nay,  
 Sống sâu chớ lợi, dò đây chớ sang.  
 Làm chi những sự ngang-tàng,  
 Nói một đường, ở một đường chẳng ghê.  
 Kinh-nghệ vui thú kinh-nghệ,  
 Tép tôm thì lại vui bề tép tôm.  
 Những công lẫn-lợi đem hôm,  
 Chẳng thì giữ đó bỏ nơm làm ngăn.  
 Chử rằng quân-tử an-bần,  
 Màng bên sang đục, trọng phần khó  
 trong.

Lần-hồi gạo chợ nước sông,  
 Gọi khe tắm suối thong-dong ngày trời.  
 Ấy tôi khuyên thực mọi lời,  
 Vắt tay hầy nghĩ sự đời phải chẳng.  
 Nghĩ nghe mặt vực mặt lưng,  
 Miệng thì quát tháo miệng răng điều  
 đầu.

Đi thì chưa khỏi dẫu-rau,  
 Cũng mong lý-sự nóng sâu mọi đường.  
 Bàn bà thì cứ việc thường,  
 Hễ là những cái nói ngang thì đừng.  
 Tao đành một phận ăn dư,  
 Đã quen cá thịt chưa từng đưa rau.  
 Hát thì hầy mẽ trống châu,  
 Hết thì phương lại, đăm đầu xuống  
 sông.

Một đêm nằm mũi thuyền rồng,

Cầm bằng chín tháng ở tay thuyền  
 chài.

Nói như nước đổ lá khoai,  
 Cạn lời mà chẳng nghe lời buồn tên.  
 Vả hay chuộng lạ tham thanh,  
 Trở mặt như chớp bạc tình như vôi  
 Phục-Linh qua thấy một người,  
 Phòng xuân còn khóa chưa ai gieo cầu.  
 Nhà thì chín đụn mười trâu,  
 Lại thêm ao cá bắc cầu rửa chân.  
 Nghỉ nghe có vẻ thanh-tân,  
 Sóng thù dễ dọn lòng xuân khôn trầm.  
 Trong nhà đã có hoàng-cầm,  
 Song le lại muốn nhân-sâm nước người.  
 Đem hai con lợn lợn nơi,  
 Lễ tưng-nghi, lộ chịu lời vấn-danh.  
 Tơ-hồng hầy chững lòng thành,  
 Duyên dù chẳng bén mái tranh sẵn  
 cùng.

Trong nhà đốt nia đốt nong,  
 Mẹ cha mất vĩa liền chia con ra.  
 Bật về lại để một nhà,  
 Chẳng ngon thể sốt ấy đã bên hơi.  
 Để tôi bỏ rọ một nơi,  
 Đi về chẳng có đoái hoài bạ men.  
 Lời rằng sẵn ván bán thuyền,  
 Hễ là được cá, người quên mất lờ  
 Chẳng còn kim cái tình cờ,  
 Trăm năm ăn-ái một giờ đồ sông.  
 Đêm ngày lưỡng chực phòng không,  
 Khác nào thuyền bách giữa dòng lênh-  
 dênh.

Bóng đèn làm bạn năm canh,  
 Khúc-nhôi ai biết, sự-tình ai hay.  
 Cơ trời vận chuyển cấp thay !  
 Lưới trời khôn lọt xưa nay rành rành.  
 Tôn-ông vàng lệnh triều-đình,  
 Ra tay cứu vớt dân lành đôi phen.  
 Quan quân như nước tiến lên,  
 Cờ lồng rợp núi đảo chiến chặt rừng.  
 Hai mươi cửa bể chắn đàng,  
 Cá nào vượt khỏi mới rằng cá khôn.  
 Nghe tin mất vta hoảng hồn,  
 Mắt gương như ếch, cổ chun như rùa.  
 Sá bản những sự được thua,  
 Thủ thân ấy chước trượng phu xuất kỳ.  
 Kia trong sách có chữ ghi,

Tam thập lục kế tầu thì vi liên.  
 Tìm đường hầy náu cho yên,  
 Đợi bao giờ có tờ truyền hầy ra.  
 Vị thiên-hạ bất cố-gia,  
 Làm chi những thứ dân bà bạn chân.  
 Đò đưa cô Tấn cô Tần,  
 Cô Tấn xuống biển có Tần sang sông.  
 Xót thay cũng bạn má hồng,  
 Vai mang bao gạo, tay bồng con thơ.  
 Ăn nằm những bụi cùng bờ,  
 Mấy người con mắt đỏ như cá chầy.  
 Xuất-hành gặp gái ngân thay,  
 Quan quân đâu đã đến đây núi non.  
 Ngang sông thuyền nát sóng cồn,  
 Thân lươn thân ốc ai còn biết ai.  
 Lói thì lên đến nước-hai,  
 Pha-phôi rừng núi đến ngoài bờ sông.  
 Ngồi trông nước chảy xuôi dòng,  
 Một mình lòng lại với lòng nhỏ to.  
 Cảnh này xem chẳng khác xưa,  
 Đào-nguyên dễ biết quanh co nẻo nào.  
 Bông đầu một mảnh một sào,  
 Ai đầu bỏ mắt trời vào đến nơi.  
 Gâm rằng sự hần bởi trời,  
 Cũng còn xét đến lòng người ngay tin.  
 Ta sinh vốn ở lòng thuyền,  
 Lên ghềnh xuống thác gia truyền xưa nay.

Bây giờ được cái mảnh này,  
 Ấu là ta quyết thẳng ngay giữa doanh.  
 Dầu mà có gặp quan binh,  
 Vô-tình biết kẻ hữu tình nhưng sao.  
 Hoặc xuôi về đến bến nào,  
 Tìm người quen thuộc bạ vào cho xong.  
 Thẳng thì vật cò giữa dòng,  
 Trời ra ngoài bến lấy chông Thanh-hoa.

Lạy Long-vương với nàng Ba.  
 Hộ cho con họ được qua vạ này.  
 Khẩn thôi liền bước xuống ngay,  
 Ra chân đứng mũi, ra tay chịu sào.  
 Đến đâu ghềnh thác như dao,  
 Bề nào chẳng biển, sông nào chẳng thóng.

Phận sao thác-mắc lạ-lùng,  
 Nước chảy chỗ thấp cực lòng bắc nam,  
 Xuôi vừa gần mẽ Linh-nham,

Bông nghe dưới bến ồm-ồm trông vang.  
 Thấy quan quân đứng ngọn-ngang,  
 Sáu nòng rộng hẹp khôn đường lói lui,  
 Thuyền đà đến bến thì thôi,  
 Bảy giờ còn ở trì-hồi làm chi.  
 Vả thân là phận nữ-nhi,  
 Tiên đương tự thủ họa khi được nhờ.  
 Ghé vào hổ mang lên bờ,  
 Các quan bắt điệu tôi đưa về hầu.  
 Thực tôi bị hiếp lấy lâu,  
 Hà rằng tình nặng nghĩa sau đầy gi.  
 Kinh câu cá đã lặn đi.  
 Mời đem, thỉnh nhữ dám về nữa ru !  
 Nay lói nhất-nhật thiên-thu,  
 Mượn nghiền bút bạch tình-do mọi bề.  
 Nào khi một chiếc ve-ve,  
 Sớm đi bãi Sở, tối về sông Ngô.  
 Bây giờ diễn chợ khơi đò,  
 Trong đồn ngoài diếm chẳng cho thông-hành.

Nào khi trống hát lập rình,  
 Khúc ca khúc dịch bên doanh ngã-nghiêng.

Bây giờ vô võ sầu riêng,  
 Tiếng còi đốt ruột, tiếng chiêng giật mình.

Hay là bầu-dục chấm tranh,  
 Đã gỏi cá lý, lại canh cá chầy.  
 Hay là đứng đỉnh như ai,  
 Áo lụa mặc ngoài, áo vải mặc trong.  
 Hay là đau dạ đã chông,  
 Được cá vợ bán cam lòng dám kêu.  
 Song thì tội phải đầu bêu,  
 Đầu thì chẳng phải hóa điều phải chân.  
 Cần phong minh-bạch cụ trần,  
 Trưởng-tiền vạn lại bái thân dạng lòng.  
 Dám xin nhờ lượng lớn-ông,  
 Thâm cho oan-khốc, thương cùng sau xưa.

Vả tôi phận gái ngầy thơ,  
 Mở khoan lửa phép, rộng thưa lưới hình.

Ngõ tôi đợi đực tái-sinh,  
 Non cao bề rộng thỏa tình muôn trông.

## ĐOẢN-THIÊN TIỂU-THUYẾT

### 1. — Vì đâu nên nỗi dở-dang ? Vì nàng mê-tín, vì chàng tà-dâm.

Cậu ấm Sành kia, con cụ Tuần xưa, mặt mày trắng-trẻo, thái-độ nhà nho, quốc-ngữ ngấp-ngừng, pháp-vấn ú-ớ, hán-tự mập-mò, biệt-tài nói mép. Nhờ cái thanh-giá cụ thân, cái lịch-sự trai ấm-tử, cậu kết duyên cùng cô Thị-Sỏi, buôn đồ hàng tẩm, lưng vốn có phồng độ ba nghìn. Có là người buôn-bán đảm-đang, quý-khách xa gần xô lại hàng cô:

Cậu trông nom sổ-sách, còn như tiền quỹ, riêng để phần cô kiểm sát.

Buôn may bán đắt, phen đẹp duyên ưa; bốn năm sinh được hai trai, trong ấm ngoài êm. vui-vầy xum-hợp, nếu an-thường lạc-nghiệp, tưởng chẳng bao lâu nên nhà đại-phú.

Nhưng cứ khư-khư giúp vợ bằng con, e anh em cười là phường bang-thư: *Công-danh ai dợi mà chờ, bằng con cho vợ mà nhờ miếng cơm!*

Nên cậu vung-vãi theo thời, cho rõ mặt nam-nhi. Nay Quán-giò, mai Cửa-hậu, gặt-gù chén chú chén anh, say đắm cô Vân cô Nguyệt.

Từ khi cậu vọng ấm-sinh trong làng lộng khách, cô cậu nhiều phen xung-đột, cậu chẳng nghe cô, cô thường cự cậu. Hà-động sư-tử, Hải-bắc dề xam, cùng nhau tranh-đấu, xứt móng xầy da, diễn nhiều kịch lạ.

Hết mềm lại cứng, hết cự lại van, cậu cứ chững nào tặt ấy, khi lần chìa khóa, khi đục đáy rương, cô buồn, cô khóc, cô nghĩ thầm rằng: « Chồng ta nào phải như ai, trước kia thuận-thực, bảo sao nghe vậy, nay dở còn-đồ, nói gì cự nấy, ắt là động trệ chi đây; bói ngay một quẻ xem sao. » Cô xăm-xăm

đội nón ra đi, thẳng tới thầy Đông Cửa-hậu, là tay *bốc dịch* trứ-danh.

— Chào thầy, gia-sự cầu-tài, nhờ thầy một quẻ.

— Vâng, cô đặt quẻ hai hào, còn tiền ngoại-thưởng, xin tùy lòng hảo.

Thầy khấn thánh-sur, gieo quẻ xong, bèn nói:

— Trùng động thì việc đã xong, giao động sắp tới phải phòng nay mai. Quẻ này thánh dạy: nhà cô đã một năm nay, sinh sự bất-hòa, hao tài tổn của, vợ chồng thường hay xung-khắc, cãi-cọ nhau luôn, phải thế không?

— Vâng chịu thầy.

— Ừ có thế chứ. Nội trong tháng ba sau đây, phải quan-phòng lắm mới được, không thì sao cũng có cái đại-thương đấy.

— Chết nổi, nhờ thầy xem lại cho, động trệ vì đâu chẳng?

— Chẳng động trệ gì cả, âm-phần, dương-trạch đều yên, chỉ duy số cậu là số đào-hoa, sao cũng phải có người tiêu-thiếp mới xong.

— Thế thì tôi mua một người hình-nhân thế mệnh cho tôi có được không?

Thầy phì cười nói:

— Người thật vị-tất đã khỏi hại đến thân cô, hưởng-chỉ người giấy thì làm gì được! Hiện nay cậu đã dan-díu với một người rồi đấy.

— Hèn nào, cậu cháu đi suốt đêm ngày, chẳng đoái vợ con.

Thầy mỉm cười, nói:

— Ừ đấy, thánh dạy có sai đâu, thật quẻ bói này đáng giá một đồng, nhưng tùy lòng cô.

— Tôi xin thành-tâm thưởng ngoại hai hào.

Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi.

Khi về tới nhà, năn-nỉ ngọt-ngào:

— Cậu em ơi, suốt một năm nay, cậu phá hai tôi bao nhiêu tiền, cậu có biết không? thời thì nói gần nói xa, chẳng qua nói thật, cậu dan-diu với con nào, cậu cứ nói, để tôi liệu cưới nó về hầu cậu là xong.

— Dan-diu với con nào, nói mới kỳ-khôi chứ !

— Thề đi !

— Tôi có dan-diu với con nào, tôi chết ngay theo mợ.

— Thề gớm chứ ; người ta đi bói, thánh bảo phân-minh, còn cứ chối gì !

— Thánh đã mách mợ, tôi xin thú thực, tôi chót đại đả-mang con Nguyệt, mợ đem nó về đây, xin chừa mọi sự.

Cô nhẹ bước lại nhà « Thăng-phú ».

— Chào bà ạ, chúc bà năm nay phát-tài hơn năm ngoái.

— Cám ơn, độ này có đắt hàng không? Sao hôm nay rảnh thế?

— Em lại phiền bà chút việc, mong bà chiều-cổ.

— Việc gì cứ nói.

— Cậu cháu là số đào-hoa, cần phải có người tiêu-thiếp, vậy đến xin bà cho em có Nguyệt.

— Hiểm-hoi gì, mà vợ nọ con kia, làm ốm tai hàng xóm, vả lại có Nguyệt nhà tôi, đã chót nhận lời quan tham kia rồi.

— Quan tham nào cho bằng cậu cháu, vốn người hiền-hậu, bà có lạ gì chẳng rõ.

— Quá nề lòng, thôi cô cứ chờng năm trăm bạc là xong.

— Giờ cao đánh khế, xin bà một nửa.

Hai bên châm-chước giờ lâu, ngã giá đúng ba trăm chẵn.

Nguyệt rời gót ngọc, bước xuống trần-gian, ơn nhờ minh-đức thái-âm, gia-đình cậu ấm vui-vầy hơn trước: trên thuận dưới hòa, xum-vầy mai trúc, chị em yêu thương nhau như chân tay, kính-nể nhau như bè-bạn. Cậu hấp-thụ được vẻ quang-huy chị Nguyệt, phóng-đăng hoang-dâm, thầy đều tiêu-tán,

mà mợ cũng yên lòng, thoát khỏi đoạn-trường bạc-mệnh.

Tân-hôn hậu vị chu nhất nguyệt, nguyệt nay đã khuyết gần mờ. Tăm lòng thân-ái lúc đầu trắng, biển đời ra tình ghen ghét. Ghen vì nổi say mê cát-lũy, bày ra lăm kịch ly-kỳ, làm cho mợ ngang tai chường mắt; ghét vì lạnh nhạt tao-khang, ít khi đi lại hỏi-han, khiến cho ai rầu gan ngứa ruột. Lòng ghen-ghét gây nên đoạn-tuyệt: vào lờm ra nguyệt, rập liêu vùi hoa trăm chiều điêu-đứng, thịt da ai cũng là người, Nguyệt nào chịu nổi. Ruột tấm đôi đoạn vô tơ, phần căm nổi khách phần dơ nổi mình, thời thì thời đã đoạn tình, Nguyệt nay phút đã biến hình lên tiên! Nay thư gửi lại một thiên:

*Rũ sạch từ nay cái nợ đời!*

*Thiệt-thời chi những một mình tôi!*

*Trách chàng sao nỗi hoài thân thiếp?*

*Hỏi chị nay còn đánh nữa thôi?*

## 2. — Vô nam dụng nữ, vô tử hoàn tông

Nhớ cậu nhiều Xù, con nhà trọc-phú, hán-tự không thừa ba chữ khấn, quốc-ngữ xảo-thông, đọc chữ nào đánh vần chữ ấy. Hưởng di-sản của tiền-nhân bốn năm mươi mẫu phi-diên, năm sáu tòa nhà gạch, ấy là của nổi, còn cái của chìm, người ngoại-cục khó lòng lượng biết. Thánh nhân hay đãi khù-khờ, cửa nhà như nước thềm nhờ tới ai! Coi người như rác, những bạc tòn - trổng, cậu lặng cho cái tiếng xưng-hò cục nhả là « Thăng » một lượt. Thị-phú khinh-bần, cậu đường-đốt xin gái út cụ Han, làm bạn sắt-cầm với cậu.

*Trong tay sẵn có đồng tiền,*

*! ha-hồ chấp cánh lên tiên khó gì !*

Cụ nghèo tiền bạc, nhưng giàu thi-thư; khi Xù lui gót, cụ lôi-dinh la-

quở: «Thằng xác quá, tao sẽ họp làng trần cổ mày đi!»

Cụ bà lật-đật chạy vào vội hỏi: —Thằng Xù nói gì mà ông quá giận?

—Nó dám trực-tiếp giam hỏi con mình, bà xem thế có xác không? Nó cậy giàu, vô phép, nó sẽ biết tay tôi.

—Ông ơi, nhà ta thanh-bạch, con mình đã lớn, những nơi máu mặt, có ma nào hỏi, cao thì chẳng tới, thấp thì không thông; duy bề bạn ông như cụ hàn Sơ cùng ông cử Xác, ông gọi cho không, dò nạt đụng nhau, khỗ trung cảnh khỗ, mà con trai các cụ, có tiếng đưỡn là con ông này bà nọ, chữ nho không biết, chữ Pháp cũng không, vô-tài vô-nghệ, ở đời này sống làm sao nổi! Còn như thằng Xù là gây ăn mày, chọc đầu chẳng được, ông không gả con cho nó thì thôi, hại sao được nó. Hôm nọ quan phủ qua làng, ông mời chẳng tới, quan tới nhà Xù, đấy ông xem nhân-tinh thế-thái, nghĩ mà thêm chán! Nếu Xù quyết lấy con mình thì tôi quyết gả. Ông nghĩ sao?

Cụ ông thở dài không đáp; cụ bà ngán lại cô em gạn hỏi. Cô trào nước mắt, khóc òa lên, cũng không đáp được câu gì.

Cụ bà khuyên nhủ thấp cao:

—Mẹ nói đây, lương những đau lòng, ơn nhờ phúc-ấm, thầy con thì đồ cử-nhân, nay lại thằng thêm được một chức hàn, tuổi ngoài tứ-thập, năm khàn đấy thôi! Thầy mẹ nghèo, nên con vất-vả, nào con đến nổi chi đâu! Thằng Xù xác là lẽ thường, những thằng trọc phủ phần nhiều thằng xác; nhưng nó đã làm rõ mình, thì có lo gì cái xác-láo kia, ta không sửa được, vả chẳng cha mẹ nó xưa, tính-bạn hiền-lành, vậy có hại chi mà chẳng gả. Ta chớ nên cố-chấp, phản thành câu-nệ, con ạ.

Nghe lời mẹ dạy, cô chừng cũng nguôi.

*Mùi bùn khôn lẫn mùi sen,  
Mà vàng đỏ thắm dễ đen lòng người.*

Ngày lành tháng tốt, ngoài lục-lễ, cấp thêm nghìn bạc, Xù đem chỉ thắm buộc chân nàng về. Phạm tiên đã bện tay phàm, cô luống những than ngâm khóc ngấm, riêng giận chữ hàn, cảm cho nguyệt lão, nó xe thằng nhắng đẹp duyên má hồng!

*Một đêm quân-tử nằm kề,  
Còn hơn thằng nhắng vô-về quanh năm.  
Thôi thì nàng cũng chiều lòng,  
Gái ngoan trọn đạo tam-lòng mới ngoan.*

Thuận đạo tam-tòng, những buồn cùng tủi, cũng dần dần nguôi. Vợ chồng tương-thân trọng-ái, khuyên nhủ nhau, kinh nề nhau, vui-vầy hòa-thuận, nhưng hiềm vì nổi ăn ở cùng nhau, phu-xướng phụ-tùy, đã trải năm sáu bảy năm, không chút tin mừng, cho phí lòng kỳ-vọng. —Hết đèn này phủ nọ, lẽ bái suốt năm; vàng lời thánh dạy, dầu cao số nặng, tôn bầy bát nhang, tô tượng đúc chuông, cũng không hiệu-quả.

Xem chừng ý cậu có chiều hơi chán, cô những lo phiền mà nghĩ thầm rằng:

«Thần hậu ta đây, ắt có ngày thay đổi; của chìm của nổi, dành để cho ai, chỉ cho bằng liệu tìm tiêu-thiếp cho chồng, nào ai có đại mà chê của lạ. Ơn nhờ phật thánh chứng-minh, dù có sinh năm để bảy, cái địa-vị mẹ già của ta vững quá Thái-son, nào ai lay nổi?»

*Nỗi niềm trông đến má đau!  
Cái thân chìm nổi biết sau thế nào?*

Tin đi mỗi lại, năm lộc bảy lửa, cô chằm ngay gái lớn Sãi chùa ở gần làng đò, tuổi vừa hai tá thêm hai, tính nét hiền-lành, mặt mày đầy-đặn, chân tay vạm-vỡ, vốn dòng sản-phụ, giá nhất-định trăm nguyên không kém. Phật-tiền khẩn bái nhỏ to, khẩu đầu năm lay, cô liền xin keo, rõ-ràng ứng quẻ

âm-dương, hai đồng hắc bạch phân-minh tổ tượng; quá mừng bái tạ lui chân, biệt-danh di Thứ đặt tên cho nàng.

*Lạy từ đức phật Như-lai,  
Thung-dung nàng đạo gót hái vu-qui.*

Chiều chồng lấy con, di Thứ tuy người thôn-phụ, nhưng cách chiều chồng, chẳng thua chi những gái thập-thành đã từng xuân-sự. Khi chung-chạ, lúc đứng ngồi, khi cười nói, lúc tỉnh say, phó-diễn nhiều trò khả-ái, khiến người mặt nạc cũng ngáy vì tình. Ngoài việc cầu con, lại khéo chiều vợ cả, gọi dạ bảo vâng, vào luồn ra cúi, ăn nói khôn-ngoa, việc làm nết ở, nào ai chê nổi, chỉ dù nghĩ cạn, cũng thương cũng nể, xẻ ngọt chia bùi, cam bẽ nhin miệng, để người vui chung.

Trong vòng mười tháng, sinh liền ái-nữ; những mong được chút trai nam, ngờ đâu sinh gái còn bàn lau chi. Ấy những phiền cùng nã, cậu liền mắc bệnh nội-thương, trút sạch nợ đời, cậu ơi là cậu!

*Cột người chi mấy hóa-công?  
Kể cho chẳng hết, người cầu chẳng cho.*

Tang-gia đa-sự, cậu vừa tắt nghĩ, cô Tương kia, cháu ruột cậu Xù, mũ gày xắn vào miệng cử-ai, tay ôm bà-phụ, không cho tống-táng; giữ lý-luật « vô-tử hoàn tông », bắt đem sổ-sách, tính giao gia-sản, hai bác gái lòi-dinh cãi-co, cổ lấy lẽ « vô nam dụng nữ », lại thêm mấy bác thầy cúng, xui nguyên-giục bị, dục nước béo cò; sự đảo tụng-đình, quan hãy tạm cho yên hài-cốt, để khỏi lụy đến người bạc-mệnh, còn phi-thị hạ-hồi phân-giải. Ôi! thị thị phi phi, vô-cùng vô-tận, của đến cửa quan như than vào lò, cứu-cánh lại hai bên bác cháu cũng đều cấp nón ra không, thế là hết chuyện.

*Lạ gì những thói quan-nha!  
Phi phi thị thị chẳng qua vì tiền.*

### 3. — Mại thiếp vi nô

Thầy ký Sùng kia, pháp-tự xảo-thông, đủ tiếng nói trong vòng ứng-đối, thuộc lầu mấy lối « đờ-mãng », kế-toán học làm thông bốn phép, nay sở kiểm-lâm, mai tòa địa-chính, lúc theo chủ mỏ, khi làm thầu-khoán, lăn-lộn với đời, nhiều khi xây vầy. Kết duyên đôi bạn trăm năm, cùng cô Thị-Lược, buôn bán đủ vánh, trên rừng dưới bể: hóc quế thập-châu, bán đồ hải-vị, lúc chứa hàng com, khi làm « xáo bạc », trong phường hàng xách, cô là cự-phách.

Thế-gian được vợ hồng chồng, được chồng hồng vợ, là lẽ tự-nhiên, nhưng ông tơ khéo lựa đời này toàn-hảo, cách lý-tài, tay nào cũng nhất.

Xuất thiếu nhập đa, ăn nhin để dành, thắm-thoắt ba năm, lưng vốn xem chừng đã khá. Vận-gác gặp liền tia đỏ, trúng số đầu công-thải Đông-dương, được ngay một vạn.

Chữ phú đứng đầu ngũ-phúc, đương bạc thầy cô, thay đổi ngay ra hai cụ, hai thằng cu con, cũng thăng chức lên hai cậu ấm.

Từ khi theo việc kiểm-lâm, cụ chột đeo bông diều thuốc, dịch địa-vị vào tay người khác, cái đeo bông này cũng đủ làm cho lỗ vận thất cơ, nhưng vào tay cụ nó lại là cái trợ-lực rất mau cho cụ. Yên-cụ bày ra, thưởng năm ba diều, hương yên-hà xa đưa từ phía, hò hoán quần-hiền tất-tập.

Quan-quản khay đèn, nằm ngả ngồi nghiêng, tua chủ, tua anh, tua tôi, tua bác, chuyện trần cung mây, chuyện ran pháo nổ, thiên-văn địa-lý, bốn bề năm châu, quán-cổ thông-kim, nhân-tình thế-thái, quân-minh thân-lương, trung-thần hiếu-tử, kẻ trí người ngu, quân gian phường nịnh, góp đủ hạng người, mở rộng trí khôn cho cụ.

Trí cụ càng cao, của cụ càng nhiều, bòn tro đãi sạn, bát-phương tứ-diện, tiền ngày tiền góp, tiền ra khỏi cửa, sinh năm để mười; mua rế bán đất, cầm nhà cổ đất, lãi tính mười phân, mười mười lăm phân, cụ cũng chẳng từ, thiêu-phương vạn-kế, kể sao cho xiết.

Cụ bà cũng vậy, cách lý-tài chẳng kém chi cụ ông; trong nam ngoài bắc, thầy đều qua hết, khi đi tàu thủy, lúc ngự hỏa-xa, buôn đồ lục-hộp, cân hàng ngũ-cốc, một vốn bốn lời, đầu sông bãi bến, mưa nắng dãi-dầu, tro như đá, vững như đồng, sương-hàn phải nê, thử-thấp cũng kinh.

Những lúc trở trời, vắng khách tri-âm, thiếu người tán chuyện, yên-cụ gần kề, cụ bà nằm cạnh, tiếng nhỏ ửng to, bần hơn tình thiệt, cụ bà nói :

— Thằng bếp nhà này, đòi vay ba tháng công non, không cho mượn, nó liều giở quẻ, tấp-tênh ném cơm cửa khác, nói dối như ma, ăn cắp như rái, thò đầu xoay dấy, đánh cũng thế mà la cũng vậy, mặt cứ tro như gỗ đẽo. — Con vú em cũng thế, thằng ấm nhỏ, nay đã quen hơi, uốn-éo trăm chiêu, nào vay nửa năm công trước, cơm không tại cả không ăn, trâu nhà suốt ngày như bà cốt, cái quần lĩnh cũ vừa cho, lại thấy mất rồi, ý hẳn lời-thôi với thằng nào đấy, cấu cho thằng ấm khóc hoai, vừa mới đãi cho ba tát xiếc. Cả đến con nhài cũng vậy, cái nhần của tôi vừa tháo ra để đấy, chỉ có nó ra vào phòng ngủ, nhần liền biến mất, đánh mãi cũng không chịu thú.

Mỗi khi tôi vắng, ông mắc khách lại chơi ăn thuốc, thì chúng nó làm trời cũng được; gạo sẵn đấy, tha-hồ sức bần, đồ vật trong nhà cứ dần mất hết; còn như ông quản, trăm công nghìn việc, lúc coi xếp hàng, khi đi đốc-tải, mắt nào xem đến việc nhà.

Thôi thì tôi định mua và ba giăng thiệp hầu ông, giúp việc cho tôi, rồi

tẩy hết những đồ ăn báo kia đi, thế là xong chuyện !

Cụ ông vỗ tay cả cười mà rằng :

— Thông ! thông ! khuyên đồ đĩa son ! À mà này, bà mình liệu mua những gái kẻ què, chắc-chắn hơn đồ thành-thị.

— Ai có hờ gì, mà phải dấn. Con nhà tử-tế ở chốn thị thành, mình dùng sao được, còn đồ tạp-hiệu, thuần là đồ mọt.

— Ừ phải, ừ mà phải, lại đồ đĩa son !

Cụ bà giao-thiệp khôn-ngoa, đối với quan-trường, nét mặt cụ nghiêm-trang đoan-chánh, không giọng kiêu-căng, không lời siểm-nịnh; đối nhà đạo-đức, cụ giở lối từ-bi bác-ái; đối phường thương-mại, cụ thả ngay môi lợi, xan cửa xẻ nhà, nghe dề lọt tai, nào ai chẳng mắc.

*Tay mang tui bạc kè-kè,*

*Nói quấy nói quạ, cũng nghe ầm-ầm.*

Chẳng cần mỗi lá, chẳng mượn dò-la, dạo một lúc được liền ba ả, xinh-sắn dễ coi, tuổi độ hai-mười, mười-tám, hơn kém nhau, một và ba tuổi; đồ thật hiệu giá lại hơi. Rõ-ràng của dấn, tay trao, hú-hí mừng thầm : vốn nhà thì ít mà bít thuần những của cực thom.

Trước bàn đèn, lạy trình cụ lớn, cụ ngồi phất dấy, đưa mắt mỉm cười :

— Được cả, được cả, được cả vừa ba, mà bà mình có bắt làm tờ chữ chi không ?

— Gái này có đại chi đâu, này giấy mực phân-minh, lại đủ lý-hào áp triện.

— Bà mình sành thật, thằng tôi vụng nghĩ, mà bà chẳng lép cạnh gì. Giỏi quá, giỏi quá, bà cho phép tôi hôn nịnh bà một cái, xem nào !

— Thôi đừng vẽ chuyện con giới, nào ai khiến nịnh.

Cụ bà rộng cẳng từ nay, vào nam ra bắc, buôn ngược bán xuôi, việc nhà không nôi quan-hoài tác dạ. — Công

việc cụ ông tưởng cũng khá nhiều, thư từ sỗ-sách, bắc điện thoại, chuyên thông ba cõi. A-lô ! khi hỏi giá bông, lúc chào giá gạo, giao-tiếp suốt ngày, lúc tiếp quan này, khi đưa cụ nọ, bản như thế mà vẫn đủ thì giờ phở-cập đến ba nàng tiểu thiếp, phiên thử đổi thay, chẳng ả nào chịu thiệt; chớ thấy quá thương, lần-khân móc túi, thì liền phải chết; khen cho cụ mình-mẫn lạ kỳ !

Khi về tới nhà, thấy hơi khác ý, cụ ông nhọc-mệt, ăn không ngon miệng; cụ bà sinh sự đập bàn vỗ ghế, nổi trận phong-ba, thất-diên bát đảo, ngựa ghê đòn ghen, ả thì ba chục, nàng thì bốn mươi, máu rơi thịt nát tan tành, chẳng roi nào xuống đất; ả nào ả nấy, không

dám rĩ rãng, tống một lượt xuống nằm xó bếp.

Thừa huệ cụ ông, cụ quản ta hưởng tuổi !

Bè nọ cánh kia, sinh lòng thù oán, giun xéo cũng quần, mưu này kế khác, chế liều thuốc bổ, kính dâng hai cụ, uống vừa khỏi cò, cùng nhau nhẹ bước, chời miền Tây-trúc !

*Nam vô đức phật Như-lai,  
Đào sâu chôn chặt di-hải nghĩ yên.  
Tiêu tai tụng đọc một thiên!*

PHẠM VỌNG-CHỊ

(Thanh-hóa)

## ĐỜI ĐẠO-LÝ (1)

### X

**Phải nên cẩn-thận.** — Theo cách ăn ở như thế, không nên khoa-trương, để khỏi giục lòng ghen-ghét của kẻ vô-tri vô-thức. — *Phàm lẽ phải nên bày tỏ ra một cách kín-đáo, đủ làm gương cho người, không nên tuyên-bổ ra bằng lời nói khoa-đại. Duy có cách đó là cách diệu hơn cả cho người ta phải công nhận. Cái đặc-sắc của người tri-giả là có tư-cách hiểu biết, quả-quyết, mà tùy-thời biết giữ cái đức cần-ngôn.*

Nói thể nghĩa là phép dưỡng-sinh tốt-lành trong-sạch như vừa nói ở trên, cần phải thi-hành một cách kín-đáo, không nên cổ-động khoa-trương gì. Phải giữ-gìn đừng nên khoe-khoang mình có phép hay, mình có công tốt, không nên lúc nào cũng phô-rằng phép dưỡng-sinh của mình là tối-hảo, là tuyệt-diệu. Lúc nào cũng đem sự đạo-đức mà phô bày ra, bạ lúc nào, gặp người nào,

cũng như hăng-hăng muốn chiến-đấu để mong truyền-bá điều đạo-đức cho người, thời thế là vụng suy không biết tính.

Tuy-nhiên mình đã theo về đường nào, nên phải có can đảm, nhất-thiết hành-động một cách công-nhiên, duy không nên sai một ái thái-độ cần-nghiêm thận-trọng vậy. Người ta hề biết nghe kẻ khác nói, tự mình nói ít, không cười cợt trớt-nhả, hành-động một cách phương-chỉnh, mỗi khi nghị-luận điều gì, để cho người ta nói, rồi đến lúc kết-luận mình bày tỏ ý-kiến, như vậy thì ảnh-hưởng đến người chung-quanh mình nhiều lắm, vì tập quen cho họ biết rằng lời nói việc làm của mình tuy không có phô-trương mà đúng với lẽ phải.

Pythagore đã nói rằng : « Phải làm nên công-việc to-tát mà đừng có tuyên-truyền, đừng có hứa trước. Thà ném một hòn đá bán-quạt còn hơn là nói

(1) Xem tiếp Nam-Phong số 153.

một lời nói vô-vị. Đừng có nói ít mà nhiều lời, nên nói nhiều mà ít lời thì hơn. »

Vả lại phận-sự của người quân-tử là phải khiêm-nhường ẩn-độn. Phải giữ kín cái đời tâm-lý của mình, không nên lộ những cơ khoái-lạc thuần-túy của mình, sợ kẻ phàm-tục không hiểu làm đảo-diên ó-uế mất cái thú của mình. Vậy thì muốn bước vào con đường đạo-lý, không thể lại vừa cầu lấy danh với công-chúng được, vì muốn mua chuộc với kẻ phàm-phu tất phải hoai-bảo những tư-tưởng phàm-phu, nói-năng những lời nói phàm-phu, siểm-mị cái lòng thiên-lệch, bụng gian-tà của kẻ phàm-phu. Vậy thì muốn giữ phẩm-giá cho mình, không nên cầu lấy tiếng khen của công-chúng.

Về phần trong thì người đạt-nhân quân-tử khác hẳn với kẻ phàm-phu chưa hiểu biết, hãy còn đương tìm đường. Nhưng về bề ngoài thì phải nên cho khiêm tốn, phàm cử-chỉ ngôn-ngữ, không nên có chút gì quá-đáng, khiến cho người ngoài cho là con người ngóng-cuồng hay lập-di. Trong cuộc đời, cách ăn mặc đứng ngồi, bề ngoài nên giống như mọi người, còn cái dung-nghi, cái thái-độ, cách nói-năng ôn-hòa, cách hành-động khoan-chính cũng đủ tỏ ra rằng bề ngoài tuy giống người, mà tư-tưởng, sinh-hoạt, hành-vi, khác hẳn phần nhiều người thường.

Những kẻ mơ hồ có lẽ không biết, nhưng ý-kiến họ có hề chi. Còn người suy-nghĩ thì không có lầm, sẽ nhận biết ngay người có giá-trị và muốn đến thân gần. Bấy giờ thì có một sự tuyền-trạch tự-nhiên, bởi lẽ thường thanh-khí, chỉ những người nào có đủ tư-cách hiểu được đạo-lý mới thân gần với nhau mà thôi.

Người nào muốn truyền-bá đạo-lý bằng những cách cổ-động mạnh-bạo ồn-ào, muốn đem ra thi-hành một cách cấp-tốc hoặc quá-đáng, thì chỉ dụ được

những kẻ nhiệt-cuồng làm cho cái đạo rất hay đến phải hư-hỏng, hay chỉ giục lòng những kẻ thóa-mạ đem cái chí phê-bình tiêu-cực mà nhạo-báng những ý-tưởng cao-thượng, ngăn-trở cho không tiến-hành. Lại tệ nữa là hăng-hái ra thảo-luận kịch-liệt với những kẻ cố ý phản-đối mình, để mong dụ được họ về với mình. Đem cái hạt giống tốt mà gieo vào nơi đó thì tất phải khô héo đi không sao mọc được. PYTHAGORE thường nói rằng : « Bưng có ném thức ăn vào chiếc thuyền ó-uế » Đem gieo hạt giống vào cái đất sành-sỏi, thì không có lợi gì, mà lại thiệt-hại mình, vì đã mất công vô-ích lại chỉ thu-hoạch lấy cái oán cái giận, lòng ghen-ghét, sự trở-ngạnh mà thôi.

Đến như người quân-tử có đạo-vị thâm-trầm, thơm nức chốn thảo-lư, thì không thể, trông thấy tinh-thần tươi-tỉnh, thân thể kiện-toàn, người ngoài cũng phải đủ cảm-hóa. Bấy giờ phàm người có trí tự-nhiên khuynh-hướng với mình, đến mà ởng ở cái suối mát của mình. Bấy giờ tự-khắc có kẻ đồ-dễ nhiệt thành trung-tin, cái đất đã tốt, gieo hạt vào tất sinh-hoa kết-quả nhiều.

Người tri-giá nếu biết giảng đạo-lý một cách khôn-khéo, để cái cá-nhân của mình ra ngoài, đừng nói đến mình, đừng lúc nào cũng đem mình làm gương cho người, nhưng biết nói một cách vô-ngã, siêu-việt lên bậc những nghĩa-lý cao-xa, thì cái sức ảnh hưởng có thể giữ được hoàn-toàn. Nếu làm ra dáng phô-trương về mình thì mất thế-lực ngay. Nếu biết chỉ coi mình như một tay môi-giới, một người thông-ngôn để truyền đạo-lý, thì cái sức cảm-hóa sẽ gấp mạnh lên.

Vậy thì điều cốt-yếu cho đời đạo-lý là cái đức vong-kỷ vậy. Khi đã hiểu rằng sự hành-động ngầm còn mạnh hơn là sự bạo-động ngoài, và sức tinh-thần can-thiệp vào việc đời còn có hiệu-lực hơn là sức vật-chất, thì bấy giờ

sẽ vui lòng mà sống một cách ăn-dọn. Chân-hạnh-phúc là cái hạnh-phúc kin-dào. Chân-đạo-lý là cái đạo-lý không phó-trương ra ngoài.

Người quân-lữ cần phải ăn-dọn một mình, vì người quân-lữ khác nào như một kẻ đến sớm quá, cách xa với cái trình-độ hiện-thời của nhân-loại. Bởi thế nên không thể hòa-đồng với những cách sinh hoạt ô-uế đời nay, không thể tham-dự vào những đoàn-thể hiện-thời, không thể can-thiệp với những kẻ thương-lưu ngày nay. Phải một mình chiến-đấu cho đạo-lý. Đem cái óc đa-cảm đem cái sức kiên-gan, đem cái bụng nhiệt-thành, đem cái lòng từ-bi vô-hạn, mà phải ra gánh-vác cái thiên-chức nặng-nề, chịu đựng những sự đau-đớn về thân-thể về tinh-thần, để cố tìm ra cái cách sinh-hoạt ở đời cho được tốt-lành sung-sướng vậy. Khi đã thắng được cái ác mà tìm thấy chân-lý rồi thì bấy giờ trong lòng chỉ những khao-khát muốn tránh cho kẻ khác khỏi sự đau-đớn mình đã từng trải. Đối với công-chúng thì tùy sức thu-nạp được mà đem ra một phần ánh sáng để truyền-thụ cho. Đối với kẻ đồ-đệ nhiệt-thành là phần số ít thì đem cả đạo-lý thâm-trầm mà bày tỏ ra, để cho sau khi chết đi sự-nghiệp mình còn bánh-trướng ra mãi và bước đường của nhân-loại sẽ được tấn-tới thêm lên.

**Phải nên điều-độ.**— Đừng có bắt-chước những kẻ không biết suy-xét, hoặc là ăn-tiêu quá sự cần-dùng, hoặc là tàn-tiện quá đến hủn-sỉn.— Biết suy-xét đích-đáng, không những là biết phân-biệt lẽ phải lẽ trái điều ích điều không, mà trong những điều hay lại cũng phải biết điều-độ cho thích-nghĩ nữa. Vì rằng biết cái hay cái tốt chưa đủ, lại phải biết dùng cho phải đường nữa. Nếu dùng thái-quá hay bất-cập, thì cái rất hay có thể thành ra hại được. Biết bao nhiêu thức ăn lành mà ăn quá thành ra độc.

Nhưng nhất là trong cách dùng tài-hóa lại cần phải biết phân-biệt cho thích-trung. Có của không phải là chỉ có lợi mà thôi, lại là một cách rất nguy-hiểm để thử cái tư-cách của người ta, vì người giàu có chẳng qua là kẻ giữ tiền cho xã-hội mà thôi. Bởi thế nên nếu dùng của một cách duy kỷ, hay lạm-dụng cái thế-lực của đồng tiền, thì hại cho mình nhiều lắm. Vì cái chức-phận của nhà giàu là sau khi đã đủ sự cần-dùng của mình rồi phải đem cái của thừa ra mà làm những việc công-ích cùng cấp cho kẻ xứng-đáng, người giàu có biết dùng tiền như vậy thì mới mong được yên-ổn hạnh-phúc cho mình.

Vì cái luật ngầm của đạo từ-thiện là sự hạnh-phúc của cá-nhân bao giờ cũng quân-bình với sự hạnh-phúc mà cá-nhân đã làm được cho công-chúng. Mình làm điều thiện cho ai, thì sớm hay trưa, trực-tiếp hay gián-liếp, rồi nó cũng lại trở về cho mình. Vậy thì đạo từ-thiện là phải chịu thiệt cho mình về đường vật-chất, để mong được hưởng-lợi về đường tinh-thần. Bởi thế nên sự hạnh-phúc không thể tính chi-lý mà được, vì chỉ dành cho những kẻ biết chịu khó hi-sinh phần mình, không nên tiêu-dùng quá sự cần-dùng như PYTHAGORE đã dạy vậy.

Vậy thì những kẻ tự-cao-ràng mình có của, phó-trương sự dư-dật của mình là kẻ không biết suy-xét và sẽ gặp sự không hay sau này. Kẻ hầu người hạ, xuống ngựa lên xe, nhà cửa rực-rỡ, bày biện trang-hoàng, vàng bạc châu-bán, vóc nhiều sa-hoa, lãng-phí của cải để cho thỏa cái thói hư-vinh, thỏa cái bụng dật-lạc, cách ăn ở như thế, tất làm cho hư-hại cái đời tâm-lý của mình. Chăm-chút quá về phần vật-chất hão-huyền, tất phải nhãng bỏ đến phần nghĩa-vụ tinh-thần. Sự xa-xỉ làm cho quên cái mục-đích chân-chính của đời người, quên mất những cách ăn ở giản

đi tự-nhiên. Làm cho hôn-quyên tinh-thần, như-nhược thân-thể, gây nên tật-bệnh suy đốn.

Đến như kẻ chắt-bóp và-độ, cũng là không biết dùng của-cải. Vừa hại cho mình vừa hại cho kẻ khác. Ăn ở so-dại quá làm cho sinh cơ không hoạt-động ra được, thần-trí bị eo-hẹp bần-cùn, không phát-đạt nảy nở ra được. Tinh-keo cùi là cái lòng duy-kỷ đem đến cực-điểm. Người keo-lận là kẻ tự-trừ mình ra ngoài xã-hội. Bởi vậy nên đến khi cần đến kẻ khác cứu giúp cho, thì lòng từ-thiện của xã-hội không có ba cấp tới mình, vì tự mình có bao giờ ăn ở rộng-rãi với kẻ đồng-loại đâu.

Nhất-thiết phải giữ lấy đạo trung-bình là hơn cả. — Kẻ nào biết hưởng sự điều-độ tốt lành vừa đủ cần-dùng cho tâm-thần mình được hoàn-toàn phát-đạt, thì chắc được hạnh-phúc luôn. Vậy thì điều cốt-yếu ở đời là phải tự-cung cho mình lấy sự cần-dùng, mà thứ nhất là không nên cầu lấy quá-đáng. Thế nghĩa là người ta nên phải được sung-túc về đường vật-chất, khéo cung-dụng cho đầy đủ để giữ lấy cái phẩm-giá của mình, và giúp cho sự tinh-tiến của mình cùng kẻ thân-thích mình. Cách ăn ở mà phải cùng-túng thì cũng ngăn-trở cho người ta chẳng kém gì cách ăn ở phóng-túng quá.

Tuy-nhiên, cũng đừng nên theo lời cách-ngón thông-tục nói rằng : « Cái gì cũng nên ném cho biết mùi, đừng cái gì lạm-dụng quá-đáng. » Đó là lời nói của những kẻ thô-thiển, không hiểu rõ cái cách sinh-hoạt chân-chính, muốn rằng cái độc cũng như cái lành nên ném cho biết mùi cả. Tự mình không có định-kiến, chỉ biết theo lưu-tục, thức gì cũng muốn dùng lấy điều-độ không kiêng-ky gì, thành ra cứ chúi đĩnh mà đều-dẫn mãi cũng đến phải trúng độc. Vẫn biết rằng không lạm-dụng thì không mắc

phải cái hại to. Nhưng làm như thế cũng là không mong được hưởng cái phúc lớn vậy.

Vậy đừng nên làm gì có thể hại đến mình, và muốn được như thế thì trước khi hành-động phải nên suy-nghĩ. — Trước hết phải hiểu rõ rằng phạm cái gì thái-quá hay bất-cập đều có thể di-hại vậy. Như ăn nhiều quá hay ăn ít quá cũng thành bệnh và thành một bệnh giống nhau được. Vì rằng thân-thể hoặc sung-lực quá hoặc thiếu-lực quá, cũng tổn-hại đến cái sức đề-kháng trong người, suy-nhược mất cái sức phòng-bị của các cơ-quan, để cho các trùng bệnh độc truyền-nhiễm vào. Cách ăn ở hoặc sung-túc quá hay hoặc bần-xỉn quá đều có hại cho sức khỏe của thân-thể cùng tinh-thần vậy.

Lại không biết điều-độ mà theo những cái khuynh-hướng cực-đoan, muốn kiếm cho nhiều tiền quá sự cần-dùng, chịu hạ cái phẩm-giá mình hay hại đến thân-thể mình, để giữ lấy cái địa-vị cho sung-sướng, chịu thay đổi cách sinh-hoạt đến điên-đảo cả thói thường của mình, đó cũng là gây ra những sự chẳng hay cả. Phạm mọi sự khắc-khở quá-độ là không nên cả. Vậy thì đã quyết-định làm người có đạo-lý, phải nên giữ đưng hằng-hải quá, đưng sinh-hoạt trong một cái đời lượm-thuộm cầu-thả, muốn nhất-dán đời ngay sang cái đời khắc-khở nghiêm-trang quá. Cờ-ngất có câu : Tạo-hóa không có bước nhảy bao giờ ; trong trời đất cái gì cũng là tuần-tự mà tiến-hóa, điều-độ mà thành-công. Hành-động không điều-độ thì vừa hư-hại mất sức khỏe, vừa giao-động cả tinh-thần. Theo cái đạo rất hay mà muốn nhất-dán tới nơi tuyệt-đối ngay thì cũng là tai-hại vậy. Sức khỏe cũng như đạo-đức, chỉ người nào nhiệt-thành, yên-đón, nhẫn-nại, cần-cù mà cầu lấy thì mới được.

## THỜI-KỲ THÀNH ĐẠO

### CÁC PHƯƠNG-TIỆN TỈNH-TIẾN

**Phải nên tự kiểm-sát mình** — Khi mới ngủ dậy trong người đơng bình-tĩnh, phải thừa lúc bấy giờ mà nâng cao thần-trí lên, nghĩ-ngợi về các công-việc hay mình phải làm. — Chương-trình giáo-dục của phái PYTHAGORE thật là có trật-tự chỉnh-nghiêm. Trước hết hãy định cái tôn-chỉ của đời mình theo luật-pháp của Thượng-đế cùng lẽ liên-lạc của loài người và vạn-vật, rồi định những phương-pháp khắc-kỷ, luyện-tri cùng dưỡng-sinh, bấy giờ mới dạy đến các phương-tiện tỉnh-tiến.

Vì kẻ đồ-đệ học đạo phải hiểu các điều sơ-lược ấy trước đã, rồi mới có thể tiến lên mà cầu đạo-lý, vì bấy giờ trong tay đã có cái khí-cụ cần dùng cùng những phương-pháp kiểm-điểm vậy.

Việc thứ nhất phải làm là mỗi ngày hai lần, buổi sáng buổi chiều phải tự mình kiểm-sát mình. Vì người ta bước chân vào con đường khó-khăn, nên thỉnh-thoảng dừng bước lại để dò xét tiền-đồ cùng kiểm-điểm phương-hướng. Nghĩa là phải thường chịu khó ước-lượng cái công-tấn-tới của mình, dò xét chỗ khuyết-diểm của mình, đính-định cái khuyết-hướng của mình, mới có thể vững theo đường chính được.

Vì cái mục-đích đó nên thời-thường phải kiểm-sát tâm-tĩnh luôn.

Trước hết buổi sáng, lúc tri-não đơng bình-lĩnh, giác-quan đơng tỉnh-nhuê, bấy giờ tỉnh-tao sáng-suốt, xét đoán quyết-định điều gì cũng được tỏ-trường mạnh-bạo. Buổi đầu trong một ngày là lúc trong lòng được yên-đn mà cảnh-vật cũng bình-tĩnh. Trí sáng-sủa có thể suy-nghĩ, chỉnh-đốn lại cái công-việc vô-ý-thức lúc ban đêm, đã tác-dụng trong thần-trí theo cái chương-trình phác-họa từ buổi tối lúc đi ngủ. Bấy giờ là cái thời-khắc tốt để sáng-tạo cùng đề-tỏ-chức vậy.

Trong một ngày mới bắt đầu có, không nên để một việc gì là không dự-định trước. Cái chương-trình cả ngày phải định cho linh-tường để theo cho được đúng. Và thứ nhất cái chủ-đích là phải sửa mình cho hay hơn, khuyến-hướng về Thượng-đế, nghĩa là mỗi ngày phải khiến cho đời mình được thêm sáng-sủa ra, có phương-pháp hơn, thêm cái tỉnh-thần nghĩa-vụ, thêm cái hoà-bảo đạo-lý. Sự hạnh-phúc cùng công-tĩnh-tiến là mật-thiết quan-hệ với việc xét mình buổi sáng đó, xét mình một cách siêng-năng suy-nghĩ.

Chiều, trước khi đi ngủ lại phải nên kiểm-sát tâm-tư, ôn lại trong trí những công-việc lúc ban ngày, và tự hỏi rằng: Ta đã làm được những gì? Ta có làm được trọn nghĩa-vụ ta trong mọi việc không? Nên đem lần-lượt từng việc ra mà sát-hạch như thế. Nếu thấy mình đã làm sai thì phải tự mình nghiêm-trách; nếu không có lầm-lỗi gì thì nên hoan-hỉ trong lòng. — Mỗi buổi chiều phải đem mình ra trước tòa án lương-tâm, và xét xem mình có làm sai điều gì vì lầm-lỗi hay vì ngu-tối chăng.

Người ta đã hiểu biết và đã có chí, quyết đối với mình nghiêm-khắc hơn là đối với kẻ khác, thời không ai phán-đoán cách ăn ở của mình cho tỏ-trường bằng chính tự mình, vì chỉ có mình cùng với Thượng-đế là biết những có-u-ẩn của mọi sự hành-vi của mình, những chỗ khuyết-diểm thâm-trầm trong tâm-tĩnh mình, cùng những sự nhu yếu của linh hồn mình.

Có hai cách kiểm-sát sự hành-vi cư-xử của mình. Một cách thuộc về tri-tuệ, khiến cho đối với mỗi việc làm, mỗi tư-tưởng, lại suy-nguyên đến những cái tôn-chỉ lớn ở đời, là chân-lý, bác-ái, công-nghĩa, trật-tự, điều-hòa. Một cách là thuộc về cái tiếng của lương-tâm nó bảo cho ta biết rằng nó bằng lòng hay không bằng lòng. Hễ đã có cái chí theo

về đạo đức mà biết thức động đến lương-tâm, thời cái tiếng của lương-tâm đó nó mạnh lắm. Nó vang-lùng cả trong cõi tâm-giới, và nó chủ-trương một cách tuyệt-đối. Mỗi khi phạm điều làm lỗi, thời nó rớt vào tai cho ta biết rằng nó không bằng lòng ta và làm cho thần trí ta phải bấn-khoăn. Bấy giờ nó khuyên ta phải nâng cao tư-tưởng lên Thượng-đế, cầu Người phủ-hộ cho, tha-thứ cho, và nguyện xin quả quyết về sau phải ăn ở cho tốt hơn,

để đáng Thượng-đế giáng-phúc. Mỗi khi làm điều lành thời nó tỏ ý bằng lòng, làm cho ta được khoan-khoái, thần-trí thanh-thời và thân-thể bình-tĩnh. Khi nào vi chân lý mà ta phải chịu khổ, thời nó cho ta được sướng về tinh-thần, nghĩa là được yên vui vô-cùng, vì đã làm trọn nghĩa-vụ, cầu lấy điều thiện vì Thượng-đế vậy.

(Còn nữa)

T. C. dịch

## VĂN-UYÊN

### 1. — Gái ế chồng than thân

Nguyệt-lão chơi chưa thể ác không ?  
Ba mươi có lẽ vẫn chưa chồng !  
Sáu khắc ra vào trợ-trợ liêu,  
Năm canh thức ngủ lẽ-loi phòng ;  
Xuân về báo tuổi bấn-khoăn sợ,  
Thế đoán tin mừng thấp-thỏm mong ;  
Những muốn làm quên nào có được,  
Ngày ngày tựa cửa ngẩn-ngơ trông.

### 2. — Đời Quan-viên

Trốn vợ phen nay ắt thỏa tình,  
Nhảy xe thẳng nẻo tít mù xanh ;  
Kính trắng giầy ban quần ống-sớ,  
Gấm lam can bạc mũ văn-minh ;  
Tai trâu mắt ếch đờ nào biết,  
Tựa ngọc kê hương ngón thực rành ;  
Hea biển thề non câu sáo mếp,  
Ra về vợ hỏi chối lần quanh !

### 3. — Giọt lệ sông Hương

Vì đầu dun-dũi hóa sấm thương,  
Độc-dịa trắng giờ khéo vấn-vương ;  
Vàng mẹ mong đèn ọn cục-dục,  
Phụ chàng đã lỗi đạo cương-thường ;  
Ngâm duyên tao-ngộ duyên hồ hãng,

Mà kiếp hồng-nhan kiếp đoạn-trường ;  
Giấc ngủ ngàn năm còn để giận,  
U-hồn phảng-phất mãi sông Hương.

### 4. — Suối vàng thương kẻ

Mà hồng mệnh bạc lẽ xưa nay,  
Đề kiếp thoa-quần chịu đắng-cay ;  
Một phút suối vàng chìm-dắm ngọc,  
Trăm năm tơ đỏ lờ-làng giây ;  
Thuyền tình riêng chở người yêu-giấu,  
Gác lía khôn hồng dạ đổi thay ;  
Còn nước còn non còn tiết-nghĩa,  
Còn gương nhật-nguyệt thấu cho hay.

### 5. — Bảo người hình-nhan

Nước da cô trắng, trắng hơn voi  
Sao vẫn chưa chồng mãi thế thôi !  
Hãy gắng mà chờ duyên lửa bén,  
Đừng ra Hồ-kiếm lắm ma rồi.

### 6. — Chiều hè, chim về tổ

Diu-dít trên cành tiếng véo von,  
Vàng ô đã xế gác đầu non ;  
Sắp sửa bay về mau kéo tối,  
Tổ nhà nên nhớ chớ quên, con !

## 7. — Cá cần câu

Dại đến như mi, đại thế nào.  
 Đã mắc me rồi, hối kịp sao !  
 Kiếp khác khôn-ngoa nên nhớ kỹ,  
 Mỗi ngon tận miệng chẳng hay nào.

## 8. — Kiếp trần-ai

Cõi trần-thế đời người thắm-thoắt,  
 Bả lợi-danh đua dắt nhau vào ;  
 Sang giàu coi tựa chiêm bao,  
 Kia gương hiên-sĩ treo cao muôn đời.  
 Rừng gai-góc há nơi vui-sướng,  
 Bầy vinh hoa dễ vương lấm thay ;  
 Cuộc đời hay dở dở hay,  
 Trăm năm giấc mộng, tỉnh say khác gì ?  
 Nền phú-quí ham chi lặn-lóc,  
 Kiếp phù sinh nhiều khóc hơn cười ;  
 Vắt tay nắm nghĩ sự đời,  
 Gẫm câu vật đổi sao dời mà ghê.  
 Soi gương tục nhường tẻ buốt mặt,  
 Bước đường trần lạnh ngắt buồng gan ;

Hoa kia chạm nở mau tàn.  
 Nước đời hồ-dễ mà bần được ru ?  
 Càng len-lỏi càng su-phụ lấm,  
 Cõi nực vinh say đắm hay chi ;  
 Đến tay dù họa có khi,  
 Miếng đỉnh-chung có ra gì mà ham.  
 Mầm lợi-lộc không tham không tiếc,  
 Bước sang giàu có thiệt ai hơn ;  
 Tuổi trời vui vôi giang-sơn,  
 Câu thơ chén rượu cung đàn làm khuấy.  
 Nợ nhân-thế chẳng vay không trả,  
 Chốn lâm-tuyền trước lạ sau quen ;  
 Sườn non choáng-vàng hơi men,  
 Ngâm thơ Tô Lý cho quên việc đời.  
 Thân trong-sạch xa nơi cát bụi,  
 Bước thanh-nhân lưng túi cầm-thị ;  
 Tiếng thom Fả Trúc còn ghi,  
 Thủ-dương lần-lữa rau iv qua thời.  
 Gương cao-sĩ rạng soi vạn thế,  
 Bút sử-xanh chép đề ngàn thu ;  
 Cùng tai mắt há thua ru ?  
 Ra chi việc thế kỹ-khu nhọc mình.  
 Lễ Tạo-hóa càng vinh càng nhục,  
 Vận tuần-hoàn khi đục khi trong ;

Nghiêng vai quảng gánh tang-bồng,  
 Hay gì ở chốn bụi hồng ganh đua.  
 Cuộc cờ thế được thua, thua được,  
 Kiếp bôn-ba xuôi ngược, ngược xuôi ;

Trăm năm dài dằng mấy mươi,  
 Hơn nhau tiếng khóc câu cười ai khen.  
 Ngọn nước chảy khi lên khi xuống,  
 Suốt tuổi trời dễ sương mãi sao ?  
 Gì bằng ngày tháng tiêu dao,  
 Hồ xanh phơi bóng, non cao gửi bình.  
 Tiếng hay dở làm thính chẳng ngó,  
 Thú thanh-tao quạt gió đèn giăng ;  
 Sớm chiều gậy trúc thung-thắng,  
 Trần-ai ai biết ai bằng mặc lòng.

## 9. — Lời ếch đáy giếng

Riêng cõi biên-thùy há kém ai.  
 Dọc ngang không hổ mặt anh-tài ;  
 Động mở miệng kêu long chuyền đất,  
 Sẻ co chân nhầy vượt ngang trời ;  
 Rung lay tinh-tú lên coi thử,  
 Lật ngựa càn-khôn lại nghịch chơi ;  
 Vũ-trụ thu tròn về một góc,  
 Mây non cao ngất nước đầy voi.

## 10. — Đêm hè mắng muỗi

Trẻ già lớn bé cũng không thương,  
 Đêm tối vo ve khéo kiếm đường ;  
 Ăn đứng giữ thói kỳ no bụng,  
 Hút máu quen nghề đến tận xương ;  
 Nhớ bản chẳng từ người đói rách,  
 Lãng-loàn nào biết phép quân-vương ;  
 Cái hại loài mi hơn giống mọt,  
 Này tay rầy máu lũ vô lương !

## 11. — Trò đời

Bộ cánh năm ba thế được rồi,  
 Tài-dức mà chỉ chỉ vậy thôi ;  
 Trước cửa phất-phơ công-tử vô  
 Sau màn tha-thứt tiêu-thư mồi ;  
 Trám anh mê gái lăm con thỏ,  
 Khuê-các tin trai vợ cạ bời ;  
 Cuộc thế lăm điều lằng-lổ thật,  
 Mảnh gương luan lý để ai soi ?

## 12. — Vịnh chàng công-tử bột

Tốt mã nghênh-ngang diện suốt ngày,  
 Tạo-hóa ban riêng bộ mặt giầy ;  
 Ngõ liễu tường hoa thông-thuộc lối,  
 Mưu thần chước quỷ đảo-diên xoay ;  
 Văn lữ thiếu-nữ nhiều câu nhả,  
 Võ đánh phu-xe lắm miếng hay ;  
 Nếu gặp được khoa thi tán gái,  
 Cầm bằng Tiến-sĩ chắc trong tay !

Từ-VĂN (Cát-hải)

### Ngọc-hồ thi-ca tập

#### I

#### Say

(Hát ả đào)

Chẳng nhàn cũng lấy làm nhàn,  
 Tiêu-dao bầu rượu uống tràn cung mây.  
 Đời người được mấy gang tay,  
 Chẳng ăn cũng thiệt, chẳng say cũng già.

*Túy lý càn khôn vi lạc thủ* 醉裡乾坤爲樂趣, còn ai hay ai dở mặc ai ai ;  
 chót cnen chân trong đám trần-ai, thi bôn-tầu đồng đoài coi cũng hủ.  
*Kim khả tiêu sầu duy hữu tửu* 今可消愁惟有酒, *cổ lai thích chí mạc như nhàn* 古來適志莫如閒.  
 Rượu một bầu ngày tháng khướt cung thang, dầu danh-lợi muôn vản thôi dềch trống !  
 Trong vũ-trụ một mình ngất-nguồng, đánh tiếng khả thân tưởng thần-tiên ;  
 ta còn say mãi liên-miên !

#### II

#### Gái nghèo lơ duyên

(Hát nói)

Thực đáng trách ông xanh quá doc,  
 ngậm nguồn cơn muốn khóc lại toan cười ;  
 độ sắc tài ai kém chi ai, vì kém bạc hóa thua người dài-các.  
*Đần hận thế-tình khan đạm bạc* 但恨世情有淡泊, *hà sầu thiếp phận cửu ruan chuyên* 何愁妾分久迤邐 ;

vi trong tay em sẵn đồng tiền, đã lắm kẻ cầu duyên mỗi lái.  
 Song trời đất còn xan-xẻ mãi, âu chóng chầy thối hầy chờ duyên ;  
 phong-thu dành đề khách hiên !

#### III

#### Khuyên bạn đầu-quân

(Hát nói)

*Tang bồng hồ thủy*, làm trai cho phi chí nam-nhi ;  
 công sánh đèn đã chẳng nên chi, chẳng lẽ cứ ngồi lì trong thư-viện.  
 Xếp nghiên bút ra tay cung kiếm, đem tài-năng mà hiển non sông ;  
 cốt sao tỏ mặt anh-hùng, đèn nợ nước ắt thỏa lòng cha mẹ.  
*Thanh niên giả chính đang lập chí* 青年者正當立志,  
 kia gương xưa Ngô Khởi còn ghi ;  
 khuyên chàng dứt áo ra đi !

#### IV

#### Một giáo-viên tự-trào

Ngay đi hai buổi tối năm co,  
 Quan-cách gì đâu chỉ bác đồ ;  
 Thước mực dựng xây nền học mới,  
 Phấn son tô-diêm mặt dân thơ ;  
 Vàng-lừg mỡ gõ khua người tỉnh,  
 Inh-ôi chuông vàng gọi kẻ mơ.  
 Mỏ lối văn-minh cho tiến-bộ ;  
 Cho dân non-nớt được trông nhờ.

#### V

#### Cái quạt

Xuân xanh xấp xỉ độ dôi mười,  
 Vi thấy quyen kêu phải xuống đời ;  
 Bóng cả quyết ra tay tế-độ,  
 Gió đàn cho khắp mặt trần-ai ;  
 Riêng chung mặc sức khi vùng-vẫy,  
 Khép mở rầu lòng lúc thảnh-thơi ;  
 Rầy giống văn-mạnh thời hết quấy,  
 Một bầu phong-nguyệt cứ vui chơi.

#### VI

#### Cái điều

Sẵn kiêu thiên-nhiên đúc một tòa,  
 Sứ ngó ngày nợ mới sang ta ;

nhuộm màu sơn-thủy da dầy-dặn,  
 Rõ vẻ cân-đai bóng thướt-tha ;  
 Chưa tắt lửa lòng còn sấm động,  
 Còn chen mùi thè đám mây sa ;  
 Chín say vì đạo mà nên trọng,  
 Nam bắc đông tây khắp trẻ già.

## VII

## Lời chị nguyệt

Gương soi kim cổ ấy là ta,  
 Tròn khuyết nghìn thu vẫn thế mà ;  
 Sương-tuyết nhường bao da chẳng  
 [nhuộm,  
 Tang-thương đã lắm tuổi chưa già ;  
 Mạnh tình những nặng vì non nước,  
 Tắc dạ riêng bày với cỏ hỏa ;  
 Nhấn nhủ khách trần ai muốn tới,  
 Cung Hằng vô-số bóng cành đa.

## VIII

## Vịnh Kiều bán mình chuộc cha.

Trần-trọc năm canh rộn mọi đường,  
 Xem gương chị Lý phải theo gương ;  
 Nặng-nề niềm hiếu hai vai gánh,  
 Vẩn-vit tơ tình một sợi vương ;  
 Thôi đã chữ tài ghen chữ mệnh,  
 Bằng coi khi biển có khi thường ;  
 Trăm năm cam phụ lời sơn-hải,  
 Non nước trời Liêu mấy dặm trường !

## IX

## Vịnh Kiều tu chùa Hoạn-thư.

Trẻ tạo ghen chi khách má hồng !  
 Phong-trầu đây mãi chẳng cho xong ;  
 Đã nương bóng Phật mong yên phận,  
 Còn vương tơ duyên chút bợn lòng ;  
 Gớm kẻ ghen tuông sao rất mực,  
 Để ai đeo-dắt luống hoài công ;  
 Thôi thôi sắc cũng là không nhỉ,  
 Trẻ tạo ghen chi khách má hồng !

## X

## Thăm một bà Bá mất trộm.

(Bà hóa chông)

Làng nước đồn rằng lúc trống ba,  
 Đêm qua kẻ trộm nó vào bà ;

Trâu bò nói vậy ra còn cả,  
 Gà què nghe đâu có mất mà.  
 Trời tối đêm khuya như thế nhỉ,  
 Người đơn nhà vắng trách gì a !  
 Gớm thẳng đường-dột to gan tẻ,  
 Danh-giá bà to chẳng nề à !

## XI

## Gửi tình-nhân nơi xa

(Viết tại Lao-kay năm 1930)

Đêm sông vô-vấn cảnh càng suông,  
 Duyên nợ tình kia luống ngồn-ngang ;  
 Ngán nhẽ bơ-vơ nơi đất khách,  
 Thương người ngo-ngần bến sông  
 Tương ;  
 Chỉ vì chút vương đường danh-lợi,  
 Nền đề ai rầu nổi tuyết-sương ;  
 Quanh-quần những là non nợ núi,  
 Buồn nghe tiếng nhạn lúc canh trường.

## XII

## Gái quê đi ngược gió

Nghĩ mình mình lại thẹn riêng mình,  
 Gặp buổi phong-trần hóa hờ-hềh ;  
 Luống những hoa đào phong kín nhị,  
 Ngờ đâu ngọn gió khéo vô-tình !

## XIII

## Chông chề

Cũng tài cũng sắc cũng môn-mi,  
 Cũng vẹn mười phân kém về chi ?  
 Cậu ấy thế mà sao tẻ thế,  
 Hay là bà mẹ có quên gì ?

## XIV

## Muộn chông

Nghĩ cũng môi son cũng má hồng,  
 Tuổi gần ba chục vẫn còn không ;  
 Thôi nhà băng tuyết em gìn-giữ,  
 Vì hẩn như ai đã vạn chông.

## XV

## Muộn chông

Pháo cưới kia đang nổ tứ-tung,  
 Sao em băng ấy vẫn còn không ?

Chẳng trao tờ đồ xe duyên thắm,  
 Nỡ để ngày xanh luống má hồng;  
 Đi sớm về hôm ai kẻ đón,  
 Rày tờ mai điểm ngân cho công;  
 Chợ trưa dưa héo nên toan liệu,  
 Kẻo lỡ như ai lại thẹn thùng.

XVI

Cái điều sáo

(Thơ xướng họa)

*Tác-giả xướng :*

Lòng hồng khao-khát bấy lâu nay,  
 Mãi đèn bầy giờ mới có dây;  
 Cưỡi gió đình-ninh đôi miệng gấm,  
 Tung trời bông tit mấy ngàn mây;  
 Toan ngơ thế sự song còn vương,  
 Mới biết nhân-tâm họ vẫn say;  
 Nhấn bảo mấy câu cho kẻ dưới,  
 Muốn lên chấu cánh cố mà bay!

*Duy-ti-lử họa*

Công-trình giàng-buộc mấy thu nay,  
 Năng dãi mưa dầu mới có dây;  
 Mông-mảnh tấm thân che mặt gió,  
 Vàng-lùng tiếng sáo ổi cung mây;  
 Buồng dây liên-lạc cho người vịn,  
 Thăng cánh cao-tường gọi kẻ say;  
 Chiều gió ví dù chưa thuận lắm,  
 Quảng trời cũng thử tập mà bay.

*Tác-giả họa lại*

Chiều trời êm-ả buổi hôm nay,  
 Dun-dũi may sao lại tới đây;  
 Miếng ngọc song-song vang hệ bạc,  
 Cách máy phôi-phôi tit cung mây;  
 Cũng toan dứt sợi lòng không nở,  
 Mới thoáng đưa mũi họ đã say;  
 Nhấn bảo khách trần ai đồ tá,  
 Chứa chưa vỡ họng đề dôi bay!

XVII

Đêm khuya cảm hứng

(Thơ xướng họa)

*Mai-hoa xướng*

Làng giềng ngủ cả thức mình tôi,  
 Chong ngọn đèn xanh bóng với người;  
 Nhìn bóng rõ-ràng là bóng tớ,  
 Trông mình hốt-hoảng ngỡ mình ai;  
 Ngủ không giấc: được ầu đành thức,  
 Khóc chẳng ai hay cũng phải cười;  
 Ra đứng xem trời trời chữa sáng,  
 Thức lâu sốt ruột với đêm dài.

*Tác-giả họa*

Tur bề lặng ngắt thức mình tôi,  
 Le-lói trắng khuya bóng đợi người;  
 Nguyệt-ảnh lơ-mờ trông ngỡ bạn,  
 Mộc-bình thấp-thoảng tưởng rằng ai;  
 Thơ không tri-kỷ buồn ngâm vịnh,  
 Rượu vắng giai-âm dở khóc cười;  
 Ngán lẽ khách trần chưa phải mặt,  
 Sầu nghe tiếng để suốt đêm dài.

Áo nâu vá mụn gấm.

Cái áo em là cái áo sông,  
 Nhật được mụn gấm đem vá lồng lên  
 [trên.

Chắc ra đường ai thấy cũng khen,  
 Ai ngờ ra đến ngõ hết kẻ chèn lại  
 [người chê.

Chê rằng: « sao em chẳng biết é ?  
 Nó rách thì vá nó sao đi vơ mụn quàng.  
 Đã dành rằng miếng gấm là sang,  
 Song bên sông bên gấm hai đang nó  
 chẳng ấu nhau.

Thôi em liệu về kiếm miếng vải nâu,  
 Bóc ra mà vá lại cho nó một màu còn  
 hơn.

Anh nghĩ tiếc thay cho miếng gấm  
 hoa tròn! »

*Ngọc-hồ NGUYỄN SỸ-AN*

# THỜI-ĐÀM

## Việc thế-giới

### Thế-giới đại-sự-ký

Từ ngày mồng 1 cho đến 31  
tháng giêng năm 1931

Ngày mồng 1 tháng giêng. — Thống-chế FRANCHET D'ESPEREY, đi phái-bộ sang Syrie đã về Paris.

— Thủ-tướng MUSSOLINI nước Ý có tuyên-bố chính-kiến cho một nhà phóng-viên báo *Daily Mail* nước Anh, nói rằng vẫn hàm-mộ sự hòa-bình, nhưng lại quyết rằng muốn giữ được hòa-bình thì cần phải sửa đổi lại các điều-uớc.

— Thủ-tướng WENZELOS nước Hi-lạp, qua kinh-đô Ba-lan *Varsovie*, tiếp đại-biểu các nhà báo, nói rằng kinh-tế Âu-châu đơng qua hồi khủng-hoảng, nếu giữa lúc này mà khởi ra vấn-đề sửa đổi điều ước, không những không bổ gì cho thời-cơ, mà có lẽ lại nguy-hiểm to nữa.

— Chính-phủ Thổ-nhĩ-kỳ xem ra đã dẹp được việc loạn ở Tiểu-Á-tế-á.

Ngày mồng 2. — Tổng-trưởng bộ Lao-động Pháp GRINDA diễn-thuyết ở *Nice*, thuật tình-hình kinh tế trong nước, và nói về cách thi-hành luật bảo-hiểm xã-hội (*assurances sociales*), luật này có điều khuyết-diểm, Chính-phủ sẽ đề-trình Nghị-viện một bản dự-án luật mới để chữa sửa lại. — Khâm-sứ Pháp ở Ma-lac-kha LUCIEN-SAINT, chủ lễ khánh-thành viện Vệ-sinh (*Institut d'Hygiène*) mới lập ở *Rabat*.

— Kỳ hội-đồng hội-nghị Vạn-quốc sau này sẽ do ngoại-tướng Anh HENDERSON chủ-tọa.

— Chính-phủ Giáo-hoàng tuyên-bố sắc-lệnh cho phép phát-hành một thứ tiền riêng của thành *Vatican*, là quốc-gia độc-lập của Giáo-hoàng, lấy đồng tiền *lire* vàng của Ý-đại-lợi làm tiền bản-vị

— Trong hạt *Ruhr* nước Đức, nhân các mỏ định đến ngày 15 Janvier bải 300.000 thợ và giảm tiền công của những người còn ở lại, nên trong đám thợ mỏ náo-động lắm. Tuy-nhiên các đoàn-thể khuyên thợ không nên bãi-công. Lại ở hạt *Sarre*, thợ không có việc làm áp-bách các thợ mỏ phải bãi-công.

— Ở *Panama* thuộc Trung-Mĩ, có việc chính-biến, Giám-quốc AROSENENA bị đố. Người đứng đầu đảng phản-đối là ARIAS lên cầm quyền.

Ngày mồng 3. — Thống-chế JOFFRE tạ-thế sáng hôm nay, hồi 8 giờ 23 phút. Xác đem ra trường Quân-bị, để thiên-hạ đều chiêm-bái, cho đến ngày làm lễ quốc-táng, định vào ngày mồng 7, tại nhà thờ chánh *Paris*. Sẽ chôn tại vườn riêng của Thống-chế ở *Louveciennes*. Khắp thế-giới, các quốc-vương quốc-trưởng đều gửi điện chia buồn với nước Pháp. Báo các nước đều có bài tán-dương công-nghiệp của Thống-chế.

— Ở Đại-Pháp Học-viện có đặt một chuyên-khoa về nghề hàng-không, do giáo-sư MAGNAN dạy, ngày mồng 5 sẽ khai-giảng. Sẽ dạy về cách bay bằng bơm (*vol à voile*) của các giống chim và cách bay không có động-cơ (*vol sans moteur*).

Ngày mồng 4. — Bác-sĩ KAAS, chủ tịch đảng Trung-ương nước Đức, diễn-thuyết ở Cassel, nói các nước nên thỏa-hiệp với nhau để giữ hòa-bình cho Âu-châu.

— MOULANA MOHAMED ALI là một tay lãnh-tụ Ấn-độ, đại-biêu của phái Hồi-giáo tại « Hội-nghị bàn tròn », tạ-thế ở Londres.

— Ở Nga, khai kỳ hội-nghị thứ ba của Ủy-ban hành-chính Chính-phủ Sô-viết.

Ngày mồng 5. — Binh - bộ tổng-trưởng Pháp PAINLEVÉ tuyên - bố hai đạo sắc-lệnh chỉnh-đốn lại quyền chỉ-huy các đội quân hàng-không. Tướng HERGAULT lĩnh chức tổng-thanh-tra các đội không - quân. Tướng BARÈS lĩnh chức thống-lĩnh bộ Tham-mưu thay tướng MICHAUD.

— Thủ-tướng Đức BRÜNING diễn-thuyết ở Rummelburg nói rằng những cuộc biêu-tình của đảng quốc-gia mùa hạ mới rồi, làm cho nước Đức mất lòng tin của ngoại quốc, các ngân-hàng có ý chững tay, nên Chính-phủ không thể giúp cho các tỉnh miền đông bị hại.

— Chính-phủ Sô-viết Nga lại đặt lại tòa Đại-sứ ở Bắc-bình.

Ngày mồng 6. — Cuộc « Hội-nghị bàn tròn » đề lập hiến-pháp cho Ấn-độ, vẫn thương-thuyết, nhưng xem ra khó-khăn lắm, vì hai phái Ấn-độ giáo và Hồi-giáo không đồng-ý nhau về thể-lệ bầu-cử.

— Tổng-trưởng bộ Tài-chính Đức xét hiện nay những thợ thất-nghiệp nhà nước phải trợ-cấp cho, bất-nhược tiền trợ-cấp ấy giao ngay cho các xưởng thợ để có thể dùng thêm người làm, còn có ích-lợi hơn.

— Tướng BALBO nước Ý đốc một đội tàu bay, vượt qua bể Đại-tây-dương tự đất Guinée thuộc Bồ-đào cho đến đất Brésil.

Ngày mồng 7. — Ở Paris làm lễ táng Thống-chế JOFFRE. Trước làm lễ ở nhà thờ chánh, do hai chức hồng-y giáo-chủ thành Paris và thành Besançon đứng chủ lễ, hơn 20 chức tư-giáo phụ lễ, quan Giám-quốc, các quan chính-phủ, các quan ngoại-giao-đoàn, các phái-bộ ngoại-quốc, đại-biêu các đoàn-thể lớn trong nước chứng-kiến. Lễ xong, rước linh-cữu ra viện Invalides. Giáo-chủ VERDIER lại làm lễ « xá-đạo » (absoute) một lần sau cùng nữa.

— Ở Đức, việc xung-đột của chủ mỏ và thợ làm hạt Ruhr chưa điều-đinh xong, vì ủy-viên trọng-tài bàn giảm tiền công thợ sáu phần trăm, các nghiệp-đoàn không chịu.

— Thủ-tướng Hi-lạp VENIZELOS qua Ý-đại-lợi, yết-kiến quốc - vương rồi thương-thuyết với thủ-tướng và ngoại-tướng nước ấy.

Ngày mồng 8. — Tướng BERTHELOT, hồi đầu cuộc Âu-chiến vừa rồi, làm chánh bộ tham-mưu của Thống-trưởng JOFFRE, rồi sau đứng đầu phái-bộ các quân-quan Pháp sang giúp nước Lô-mã-ni, bị bệnh đau phải cắt mắt một ống chân ; bệnh-tình nguy-kịch lắm.

— Giáo-hoàng PIE XI hạ giáo-lệnh khuyến-thiền-hạ nên giữ lấy chế-độ hôn-thú theo như luật-pháp của Giáo-hội, làm án cải tục ly dị cùng cái thói hạn-chế sinh-sản.

— Đội tàu bay của Ý vừa mới vượt Đại-tây-dương, chẳng may gặp sự tai-nạn phá mất hai chiếc máy bay, chết mất năm nhà phi-hành.

— Chính-phủ Chiết-khắc nhận trả các khoản công-thải mộ ở Pháp trước khi chiến-tranh bằng tiền phát-lãng vàng.

Ngày mồng 9. — Ở Đức tuyên-bố sắc-luật (décret-loi) định cách thi-hành lệ trọng-tài cưỡng-bách (arbitrage obligatoire) đối với các việc phân-tranh về lao-động.

— Tổng-trưởng bộ thuộc-địa tự-trị của nước Anh là THOMAS trình với tiểu-ban quản-phòng tại « Hội-nghị bàn tròn » rằng chính-phủ Anh muốn cho quân-đội Ấn-độ được đủ các tướng-tá người bản-xứ để cai-quản, sẵn lòng đặt ra ở Ấn-độ một trường quân-bị ngang với trường Sandhurst ở Anh.

— Chính-phủ Ai-cập nghe đâu có lệnh cấm các học-sinh cùng phái-viên sang Âu-châu không được lấy đàn bà Âu-châu làm vợ.

Ngày mồng 10. — Chủ các xưởng thợ đất Lancashire ở Anh, nhân xung-đột với thợ, định đóng cửa xưởng, bãi hai vạn thợ.

— Chính-phủ Lô-mã-ni định trình Nghị-viện đặt cách kiểm-sát tài-sản của các nhà chính-trị.

Ngày 11. — Giám-quốc Thổ-nhĩ-kỳ MUSTAPHA-KÉMAL, trước đã định thôi không đứng đầu đảng binh-dân nước Thổ nữa, nay nghe nói lại phục-hồi chức lãnh-tự đó.

Ngày 12. — Ở « Hội-nghị bàn tròn » LORD SANKEY trưởng tiểu-ban thảo hiến-pháp liên-bang cho Ấn-độ trình tờ báo-cáo về công-việc của tiểu-ban.

— Ở Ấn-độ, nhân hành-hình tại Poonah mấy tên bán-nghịch bị tội xử-tử, thành ra nhiều nơi xảy việc xung-đột to, như ở Poonah, Bombay, Karachi, Klavpour, Belgaum.

Ngày 13. — Ở Pháp Nghị-viện khai hội-đồng. Hạ-Nghị-viện bầu lại tòa trị-sự. Lần đầu-phiếu thứ nhì ông FERNAND BOUISSON được tái-bầu làm nghị-trưởng 261 vé đối với 220 vé về ông BOULLOUS-LAFFONT.

— Ở « Hội-nghị bàn tròn » các đại-biêu Hồi-giáo tỏ ý phản-đối lời báo-cáo của tiểu-ban thảo hiến-pháp liên-bang.

Ngày 14. — Bác-sĩ DIETRICH tổng-trưởng bộ tài-chính nước Đức trình

bày cho ban ngân-sách của nghị-viện biết về tình-hình tài-chính trong nước, hiện bên thu kém bên chi một nghìn triệu mã-khắc.

— Ở Tỉ-leri-thi, nhân những việc xảy ra ở Gand về vấn-đề quốc-ngữ, đảng theo tiếng Pháp và đảng theo tiếng Flamand xung-đột nhau, tướng Nội-các JASPAR bị nguy, nhưng khi ra nghị-viện đầu-phiếu thì được 84 phiếu tín-nhiệm đối với 73 phiếu phản-đối.

— Ở « Hội-nghị bàn tròn » hai phái Hồi-giáo và Ấn-độ-giáo không thể điều-đinh hòa-hợp được với nhau.

Ngày 15. — Thượng-nghị-viện Pháp bầu tòa trị-sự năm nay. Ông PAUL DOUMER lại được tái-bầu nghị-trưởng 187 phiếu. — Ở Hạ-nghị-viện, bỏ vé quyết-nghị xem hai nghị-viên đảng cộng-sản MARTY và DUCLOS bị can án có thể xuất-tịch ở Nghị-viện không, thì được 270 vé ưng thuận cho xuất-tịch đối với 258 vé phản-đối. Nghị-viện định chương-trình các công-việc thảo-luận kỳ này.

— Tại « Hội-nghị bàn tròn » ban Ủy-viên nghe đọc tờ báo-cáo của các ủy-ban. Tờ báo-cáo của LORD STANKEY về cách tổ-chức cuộc liên-bang Ấn-độ, được đồng-ban chuẩn-nhận, sẽ đệ ra đại-hội-đồng duyệt-y.

— Điều-ước hai nước Ba-lan và Lô-mã-ni lại tái-định một kỳ-hạn nữa.

— Ở Nga, ZINOVIEV được cử làm chức cố-vấn của đảng « Đệ-tam quốc-tế », khởi-hành du-lịch để cổ-động cho chủ-nghĩa cộng-sản.

— Ở Tàu, nước Tỉ trả lại tồ-giới Thiên-tân cho chính-phủ Trung-hoa.

Ngày 16. — Hạ-nghị-viện Pháp đồng-thanh chuẩn-nhận bản dự-án luật tuyên-bố rằng thống-chế JOFFRE đã có công với nước (*le maréchal Joffre a bien mérité de la patrie*).

— Ở Genève họp hội-đồng nghiên-cứu về vấn-đề liên-Âu, ngoại-tướng Pháp BRIAND làm chủ-tịch.

Ngày 17. — Ở nghị-viện Pháp đồng-thanh quyết-nghị chuẩn-bị một-khoản thứ nhất 670 triệu để thi-hành cái chương-trình chỉnh-đốn dụng-cụ trong nước (*outilillage national*).

— Hội-đồng nghiên-cứu về vấn-đề liên-Âu bàn xét về việc có nên cho nước Nga và nước Thổ tham-dự vào hội-đồng không.

— Hai-mươi vạn thạ dẹt hạt Lancashire bãi-công.

— Ở hạt Bengale bên Ấn-độ lại xảy ra nhiều cuộc xung-đột nữa.

— Quốc-hội nước Mỹ có cử một hội-đồng điều-tra về việc vận-động công-sản ở nước Mỹ, hội-đồng đệ tờ trình xin chính-phủ đặt kế-hoạch nghiên-trị.

Ngày 18. — Tại nghị-viện Đức làm lễ kỷ-niệm lục-thập chu-niên lập đế-Quốc Đức (*Reich*), có Giám-quốc HINDENBURG chứng-kiến. Nhân ngày kỷ-niệm này, ở nhiều nơi trong nước Đức đảng quốc-gia có bày ra cuộc biểu-tình, nhất là ở Stuttgart, Munich, Francfort-sur l'Oder và Magdebourg. Ở tỉnh sau đó, đảng « Mũ-sắt » (*Casques d'acier*) có tổ-chức cuộc diễn-thuyết để bày tỏ lời yêu-cầu của mình.

Ngày 19. — Nghị-viện Pháp bắt đầu thảo-luận chung về sổ dự-toán.

— Hội-đồng Liên-Âu ưng-chuẩn lời bàn của ông TITULESCO về việc mời nước Nga và nước Thổ, là hai nước không có chân Hội Vạn-quốc, tham-dự vào hội-đồng. Nhờ bộ thư-ký Hội Vạn-quốc gửi giấy mời.

— « Hội-nghị bàn tròn » bàn-bạc xong các công-việc, nghe lời tuyên-bố của thủ-tướng Anh, quyết-nghị một bản dự-án, rồi khai bế-mác.

— Ở Bale, họp hội-đồng quản-trị của nhà Quốc-tế thanh-trái ngân-hàng (*Banque des règlements internationaux*).

Ngày 20. — Khai hội-nghị Hội Vạn-quốc. Hội-nghị bắt đầu xét vấn-đề tài-binh. — Hội-đồng Liên-Âu bàn về các kế-hoạch để bổ-cứu cho cái tình-hình khủng-hoảng trong nông-nghiệp quốc-tế, và cử một tiểu-ban chín người để xét riêng về việc đó, do nghị-viện Pháp LOUCHEUR làm trưởng-ban.

— Nghị-viện Anh bắt đầu khai hội đầu năm.

— Giám quốc Mĩ HOOVER chuyển cho Thượng-nghị-viện tờ báo-cáo của ban điều-tra về luật cấm rượu, kết-luận rằng luật này phải thi-hành rất nghiêm.

Ngày 21. — Ở Đại-Pháp học-viện (*Collège de France*) ông JEAN PRZYLUKI được cử dạy khoa « lịch-sử và bác-ngữ Ấn-độ Chi-na » (*histoire et philologie indochinoises*). Ông PRZYLUKI nguyên trước thuộc ngạch quan cai-trị ở Bắc-kỳ, đã hai-mươi năm nay về Pháp chuyên-trị khảo-cứu về lịch-sử cùng các thứ tiếng Đông-dương, soạn-thuật nhiều sách có giá-trị.

— Hội-đồng Liên-Âu bàn xong công-việc, quyết-nghị tuyên-bố rằng các chính-phủ Âu-châu mỗi khi có sự phàn-tranh gì sẽ nhờ Hội Vạn-quốc giải-quyết để khỏi phải dùng đến võ-lực, quyết-nghị xong hội-đồng bế-mác. Ban xét về vấn-đề nông-nghiệp, do ông LOUCHEUR chủ-trương cũng đã thảo xong chương-trình, hội-đồng duyệt-y rồi.

Ngày 22. — Nhân Nghị-viện Pháp thảo-luận về sổ dự-toán, nghị-viện BUYAT chất-vấn chính-phủ, khi đầu-phiếu nội-các STREEG bị 293 phiếu phản-đối đối với 283 phiếu tán thành. Nội các liền xin từ chức. — Nguyên Thủ-tướng ANDRÉ TARDIEU xin vào đảng « dân-chủ liên-đảng » (*Alliance démocratique*),

liền được bầu làm phó đảng-trưởng. — Hội Hàn-lâm nước Pháp bầu thống-chế PÉTAİN thay chân thống-chế FOCH đã tạ-thế, hôm nay làm lễ nghênh-tiếp do ông Hàn-lâm PAUL VALÉRY đọc bài diên-thuyết chúc mừng.

— Hội-nghị Hội Vạn quốc họp hội-đồng kin đề định ngày hội-nghị tài-binh sau này và cử chức chủ-tịch. Định cử ông BENÈS là đại-biểu nước Lô-mã-ni, nhưng bị hai nước Đức và Ý phản-đối.

— Ở Tây-ban-nha, các học-sinh tại kinh-dô Madrid đều bãi học.

Ngày 23. — Quan Giám-quốc Pháp thương-thuyết với lãnh-tụ các đảng đề giải-quyết cuộc khủng-hoảng Nội-các. Các đảng cũng bàn-bạc với nhau. Những đảng trung-ương thì định liên-hiệp lại thành một liên-đoàn cho có thế-lực ở Nghị-viện để lập thành nội-các, chỉ trừ những phái cực-đoan về tả-hữu mà thôi.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc định kỳ hội-nghị tài-binh sau này sẽ họp ngày mồng 2 tháng 2 năm 1932. Còn họp ở đâu và ai làm chủ-tịch, thì đến kỳ hội-đồng tháng 5 này sẽ định.

— Chính-phủ Ai-cập hạ-lệnh cấm xuất-cảng vàng.

Ngày 24. — Quan Giám-quốc Pháp cử ông BRIAND lập Nội-các mới, ông không nhận, bèn cử ông PIERRE LAVAL. — Ban ủy-viên của Nghị-viện cử đề điều-tra về việc nhà băng *Snia Viscosa* có cử ông nghị-viên BUYAT làm chánh-ủy-viên, theo ý ông thì việc này cần phải đệ ra Thượng-nghị-viện lập thành Thượng-phán-viện (*Haute-Cour*) để xét-xử.

— Hội-nghị Hội Vạn-quốc giải-quyết xong việc xung-đột nước Đức với nước Ba-lan ở *Haute-Silésie*, bèn bế-mạc.

Ngày 25. — Ông PIERRE LAVAL vẫn thương-thuyết để lập Nội-các mới, xem chừng cũng xuôi xuôi.

— Thủ-tướng Hung-gia-lợi là bá-trước BETHLEN đến *Vienna* là kinh-dô Áo để bàn nốt về việc ký một điều-uớc thân-thiện và trọng-tài trong hai nước Áo Hung.

— Chính-phủ Ai-cập mới hạ-lệnh cấm xuất-cảng vàng, nay lại cho được tự-do.

Ngày 26. — Nội-các LAVAL đã thành-lập. Vì đảng cấp-tiến xã-hội không bằng lòng hiệp-tác với liên-đảng cộng-hòa dân-chủ (U. R. D.), nên ông LAVAL phải lập Nội-các ngoài đảng cấp-tiến.

— Ở hạt *Ruhr* nước Đức, công-ti *Ve-reinigte Stahlwerke* bãi 7000 người thợ và giảm tiền công 20 phần trăm. Bọn thợ mỏ đương náo động.

— Ở *Vienna*, ký điều-uớc thân-thiện và trọng-tài hai nước Áo Hung.

— Ở Nghị-viện Anh, thảo-luận về kết-quả « Hội-nghị bàn tròn », định cải-cách chính-trị cho Ấn-độ.

— Quân Ý-đại-lợi đóng ở thuộc-địa *Lybie* (Phi-châu), tiến xuống phía nam đánh lấy được thành *Koufra*, là nơi trung-tâm-điểm của các rợ bất-thuận-phục về phía nam, thế là thế-lực nước Ý đã bành-trướng đến trung-bộ Phi-châu.

Ở Ấn-độ, ông thánh GANDHI đã được tha.

Ngày 27. — Ở Đức, đò-đảng hai phái quốc-gia và cộng-sả xung-đột nhau ở nhiều nơi. Thủ-tướng Hung-gia-lợi tuyên-bố cho các báo nói rằng các hòa ước ký hồi Âu chiến vừa rồi là không công-bằng, cần phải sửa đổi lại.

Ngày 28. — Nội-các LAVAL đã thành-lập. Tổng-trưởng các bộ như sau này :

Tổng-lý Nội-các	
kiêm nội-vụ :	PIERRE LAVAL
Tư pháp (kiêm phó tổng-lý	
Nội-các)	LÉON BÉRARD
Ngoại-vụ	BRIAND
Tài-chính	P.-E. FLANDIN
Ngân-sách	PIÉTRI.
Lục-quân	MAGINOT.
Hải-quân	CHARLES DUMONT.
Hàng-hải	CH. DE CHAPPELAIN.
Hàng-không	J.-L. DUMESNIL.
Nông-vụ	ANDRÉ TARDIEU.
Công-Thương	L. ROLLIN
Học-vụ	MARIO ROUSTAN.
Lao-động	LANDRY.
Công-chính	DELIGNE.
Trợ-cấp cụ-	
chiến-binh	CHAMPETIER DE RIBES.
Bru-chính	GUERNIER.
Thuộc-địa	PAUL REYNAUD.
Aệ-sinh	BLAISOT.

Các chức thứ-trưởng như sau :

Kinh-tế (kiêm chức Thương-tá cho quan	
Tổng-lý Nội-các :	FRANÇOIS PONCET
Nội-vụ	CATHALA.
Thương-vụ	CHARLES FREY.
Hàng-không	ETIENNE RICHE.
Thuộc-địa	DIAGNE.
Thề-dục	MORINAUD
Du-lịch	GASTON-GÉRARD
Mĩ-thuật	PETSCHÉ
Nông-vụ	ACHILLE FOULD
Lao-động	FOULON,
Công-nghệ giáo-	
dục	POMARET.
Hải-quân	DIGNAC

— Tướng BERTHELOT trước đã bị cắt một ống chân, nay tạ-thế.

Ngày 29. — Theo lời quyết-nghị của hội-dồng Liên-Âu, ông BRIAND đến thượng-tuần tháng 2 này sẽ họp ba ban đề-nghiên-cứu về tình-hình khủng-hoảng trong nông-nghiệp các nước và định các kế-hoạch bổ-cứu.

— Chức tư-giáo KAAS là lãnh-tụ đảng trung-ương Gia-tô nước Đức, diễn-thuyết ở Trèves công-kích chương-trình Young và yêu-cầu nước Pháp phải nhận cho sửa-đổi lại điều-uớc.

Ngày 30. — Nội-các LAVAL ra trình-diện với Nghị-viện. Nghị-viện liền chất-vấn về chính-trị chung của Nội-các. Khi đầu-phiếu thì Nội-các được 312 phiếu tin-nhiệm đối với 258 phiếu phản-đối, thế là được thắng 54 phiếu.

— Chúng-nghị-viện Mỹ xét bản dự-án của Nguyên-lão-viện đã quyết-nghị rồi định chuẩn-bị một khoản 25 triệu dollars để cấp cho các thợ thất-nghiệp. Chúng-nghị-viện bác bản dự-án đó bằng 224 phiếu đối với 90.

Ngày 31. — Quan Giám-quốc Pháp đến thăm hội Trân-liệt những bảo-đồ cùng hành-trình của đoàn du-lịch Pháo định đi xe ô-tô qua trung-bộ Á-châu, đoàn này do nhà thám-hiềm HAARDT đứng chủ-trương, sẽ khởi-hành ở Beyrouth ngày mồng 1 tháng 3 sau này. — Ban trị-sự đảng xã-hội nước Pháp định trục-xuất hai nghị-viện ROUSTAN và POMARET đã nhận vào Nội-các LAVAL.

— Quốc-tế lao-động-cục tuyên-bố một bản báo-cáo về cái nạn thất-nghiệp trong thế-giới.

**NƯỚC Ý MUỐN BÀN-TRƯỞNG VỀ Á-CHÂU.** — Chính-phủ Pha-si gần đây rất chú-ý về tình-hình kinh-tế nước Ý-đại-lợi; muốn hết sức tìm kiếm thêm những nơi tiêu-thụ cho các hàng-hóa trong nước. Vấn-đề đó mới đây lại cần-cấp lắm nữa, vì nước Mỹ mới định tăng các thuế thương-chính đối với hàng ngoại-quốc nhập-cảng. Và lại chính-thê Pha-si là căn-cứ ở chế-độ hiệp-đoàn, nên rất đề-ý xem xét tình-hình kinh-tế trong thế-giới, lo có ảnh-hưởng

đến đường sinh-hoạt trong nước. Còn cái tình-hình tài-chính của nước Ý thì cũng không lấy gì làm vững-vàng, cần phải giao-dịch với ngoài cho thật nhiều và cho được đều-đặn.

Nhưng giao-dịch với ngoài thì có những nơi nào là tiện-lợi? Thị-trường nước Mỹ là nơi tiêu-thụ được nhiều thì vì quan-thuế tăng-gia, nên đường giao-dịch hầu như bế-tắc cả, nước Ý bị nghẽn về mặt đó, bèn khuynh-hướng về mặt Á-châu, vừa quay về miền Cận-đông, vừa quay về miền Viễn-đông. Người Ý hết sức kinh-doanh về các phương-diện đó, đã thấy có kết-quả khá, nhưng dần dần ở các cửa bể Cận-đông và Tiểu-Á-tế-a gặp các nhà buôn Pháp và Tây-ban-nha ra cạnh-tranh, lại về miền Mã-lai gặp người Hòa-lan thế lực đã vững-vàng lắm, các nhà buôn nước Ý không thể sao địch nổi, phải thoái về. Tình-hình đó khiến cho chính-phủ Pha-xi để ý xem xét rất kỹ và quả-quyết ra tay chấn-chỉnh cho được. Thủ-tướng MUSSOLINI bèn hạ lệnh cần-cấp để trừ-tính kế-hoạch, và truyền cho phải thi-hành cho có phương-pháp và cho rất mạnh-bạo.

Trước hết chỉnh-đốn các công-ti hàng-hải có tàu chạy từ Ý-đại-lợi sang các xứ Á-châu, đặt thể-lệ mới cho các công-ti ấy phải theo để giúp cho việc vận-tải hàng-hóa của bản-quốc. Thủ-tướng MUSSOLINI đây muốn nối gót Tề-tướng BISMARCK nước Đức ngày xưa đã có câu nói rằng: « Hàng-hóa theo hiệu cờ mà đi (*la marchandise suit le pavillon*), nghĩa là miền nào có tàu của nước mình chạy thì hàng-hóa của nước mình tiêu-thụ cũng dễ. Bởi thế nên chính-phủ đương trừ-tính đặt thêm hai đường tàu nữa chạy sang Tàu; đến mùa thu này đặt thêm một đường nữa chạy Ai-cập, còn hai đường hiện chạy từ Ý-đại-lợi đến *Bombay* (Ấn-độ) thì đương lục-tục tăng lên gấp đôi. Theo

các báo nước Ý thì hiện trong tổng-công-ti các xưởng chế tàu về bể *Adriatique* đương chế ba chiếc tàu để chạy *Brindisi* - Thượng-hải, hai chiếc thì chạy 31 ngày, một chiếc chạy mau 26 ngày; lại chế ba chiếc nữa có động-cơ để chạy đường *Brindisi-Bombay*, còn một chiếc nữa hiệu *Victoria* thì chạy đường *Brindisi-Alexandrie* chỉ trong có 38 giờ thời. Hai cửa bể *Trieste* và *Bari* thì định kinh-lý riêng để làm cửa bể giao-dịch với Á-châu. Lại đồng-thời với các chỉnh-sách hàng-hải đó, chính-phủ định chỉnh-đốn các đường giao-thông vận-tải trên lục-địa, để cho khách ngoại-quốc tiện đáp các cửa bể nước Ý và dùng các tàu bể của Ý.

Nước Ý rất muốn khuynh-hướng về nước Tàu, là một cái chợ tiêu-thụ hàng-hóa rất lớn, nhưng sự cạnh-tranh có ý gay-go, cần phải có nhà băng vững-vàng giúp sức cho nhà buôn mới được. Lại cũng muốn khuynh-hướng về thị-trường nước Nga, nên gần đây chỉnh-phủ Pha-xi có ý muốn cầu thân với chính-phủ Sô-viết, mới coi thì cũng lạ-lùng thay, vì không còn gì trái-ngược bằng hai chính-thể đó nữa, nhưng tựu-trung là có cái dã-tâm kinh-tế vậy.

Về phương-diện này cũng phải cần đến nhà băng nữa. Chính-phủ mới đây có cho phép mấy nhà băng nhận những ngân-phiếu của chính-phủ Sô-viết để trả các khoản hàng-hóa của nước Nga mua ở nước Ý. Nhân đó một bọn các nhà công-nghệ mới lập lên một liên-đoàn để điều-dinh với chính-phủ, nhờ chính-phủ đứng bảo-nhận lấy những khoản hàng-hóa cùng sản-vật của nước Nga mua cho tới một số tiền 200 triệu *liras* năm thứ nhất và các năm sau tới 500 triệu.

Các việc thương-nghiệp hàng-hải về mặt Á-châu, chính-phủ có đặt một cơ-quan riêng để chủ-trương đốc-suất,

gọi là « Viện xuất-cảng của nhà nước » (*L'Institut national des exportations*). Công-việc của viện này kể cũng khó-khăn phiền-phức lắm, vì Á-châu là nơi thị-trường lớn của thế-giới; các nhà công-thương vạn-quốc đều ra ganh đua ở đó, nước Ý đến sau, khó lòng mà chiếm ngay được địa-vị. Song các chợ Âu-châu Mĩ-châu đối với nước Ý đã thi-hành các kế-hoạch hạn-chế, nước ấy không thể bành-trướng về mặt đó được, tất phải quay về Á-châu cũng là lẽ thường vậy. (Cứ cái chính-sách quả-quyết của nước ấy thi-hành gần đây thì sớm trưa tất cũng phải có kết-quả.

### ẤN-ĐỘ LÀ CÁI NỀN-TẢNG KINH-TẾ

CỦA NƯỚC ANH. — Hội-đồng «Hội-nghị bàn-tròn» họp ở *Londres* mới rồi, gồm đại-biểu của hai phái Ấn-độ-giáo và Hồi-giáo cùng với ba đảng lớn nước Anh là đảng lao-động, đảng bảo-thủ, và đảng tự-do, chủ-ý là để bàn-bạc các phương-kế giải-quyết cái vấn-đề khó-khăn như sau này: là nước Anh có thể hiệp-tác với người Ấn-độ mà giữ được đất Ấn-độ không, hay là chỉ còn có hai đường như sau này quyết phải chọn lấy một đường: một là để cho Ấn-độ được hoàn-toàn giải-phóng; hai là dùng võ-lực mà cố giữ lấy cho được.

Nay xét ra thì nếu sự-thế đã đảo-đầu đến thế, chắc là nước Anh cố dùng võ-lực mà giữ lấy cho được, dù nguy-hiểm thế nào mặc lòng.

Nước Anh đối với Ái-nhĩ-lan (*Ireland*), đối với Ai-cập, có thể cho giải-phóng được; và Ái-nhĩ-lan không phải là thuộc-địa, vốn là một bộ-phận trong bản-đồ nước Anh, còn như Ai-cập thì trước năm 1914 chẳng qua là một xứ thuộc quyền bảo-hộ của nước Anh mà thôi, đối với Anh không có mặt-thiết quan-hệ gì. Cho nên hai xứ ấy nước

Anh có thể rộng-rãi mà cho độc-lập được. Chứ như đối với Ấn-độ thì xét ra không thể sao được.

Ấn-độ ở trong đế-quốc Anh có một cái địa-vị lớn-lao hơn Ái-nhĩ-lan và Ai-cập nhiều. Kể diện-tích rộng hơn 20 lần nước Anh, mà dân-số thì nhiều hơn gấp 6 lần, sánh với dân-số cả địa-cầu thì bằng một phần sáu. Nhờ có Ấn-độ mà quốc-vương nước Anh được cái huy-hiệu vẻ-vang là Hoàng-đế, nội các vua Âu-châu ngày nay duy có vua nước Anh mới có cái danh-hiệu đó, khiến cho nghiêm-nhiên làm chúa-tể một cái đế-quốc lớn hơn cái đế-quốc của Xá-lì-đại-đế (*CHARLEMAGNE*) đời xưa.

Đó là nói về đường oai-quyền danh-dự, không phải là không có giá-trị, nhưng ngoại-giả lại còn cái vấn-đề về lợi-quyền vật-chất nữa, lớn-lao quan-hệ vô-cùng.

Cái phong-trào giao-dịch buôn-bán của nước Anh bây giờ là lớn nhất trong thế-giới. Muốn giữ được cái địa-vị đó, thì nước Anh thế-tất phải giữ lấy Ấn-độ không sao bỏ được.

Vi cái phong-trào giao-dịch đó là lấy Ấn-độ làm trụ-cốt, và lấy mấy nơi này làm mốc lớn: về bên nước Anh là cửa *Liverpool* và thành *Londres*, về bên Ấn-độ là cửa *Bombay* và thành *Calcutta*, cuộc giao-dịch là thường thường lưu-thông đắp-đồi tự bên nọ sang bên kia vậy.

Nước Anh tự khi chiếm được Ấn-độ thì bao nhiêu bông sản trong bán-đảo *Dekkan* cùng lưu-vực Hằng-hà, là thu lấy hết cả, đem về nước chế ra vải rồi lại chở sang Ấn-độ bán cho người bản-dân dùng.

Cả cái chính-sách hàng-hải, cái chính-sách thuộc-địa của nước Anh trong suốt thế-kỷ thứ 19, là chỉ chủ có một mục-dịch: làm thế nào giữ lấy cái kho vật-liệu vô-cùng-tận đó, giữ lấy

cái chợ bán vải rất lớn-lao đó, chiếm cứ cả các đầu đường, cho không ai có thể đến xâm-phạm được.

Các nhà máy sợi ở thành *Manchester* giàu có về Ấn-độ, từ trước đến nay vẫn hết sức củng-cố cho cái chủ-nghĩa đế-quốc của nước Anh, cho nên từ hòa-trước *Paris* năm 1763, qua các trận *Trafalgar*, *Waterloo* thắng vua Nã-phá-luân, rồi đến mua cổ-phần sông Vận-hà *Suez*, rồi đến lập ra các nước *Arabie*, *Irak*, cùng nước Do-thái ở *Palestine*, toàn là cái mưu của bọn doanh-nghiệp đó để bảo-toàn lấy cái mệnh-mạch kinh-tế của nước mình.

Nghề dệt ở nước Anh sở-dĩ phát-đạt được một cách lạ-lùng, khiến cho nước Anh đã nổi danh là « Miền-quốc » (*Royaume du Coton*), tuy sau này còn vì duyên-cớ khác nữa, nhưng hồi đầu chỉ là nhờ ở Ấn-độ cung-cấp cho nhất-điện hàng mấy triệu triệu tấn bông sợi, nhất-điện được ba trăm triệu người mua vải chế bằng sợi bông đó.

Về cuối thế-kỷ thứ 19 chính là nhờ bán vải cho Ấn-độ mà hai thành *Londres* và *Liverpool* đã thành hai cửa bể lớn nhất trong thế-giới. Hai thành đó với thành *Manchester* nữa là ba nơi buôn-bán công-nghệ thịnh-vượng nhất ở nước Anh, nhờ đó mà nước ấy chiếm được địa-vị vô-song trong thế-giới. Vậy mà mấy nơi đó trong bao lâu chỉ sống về Ấn-độ, không có Ấn-độ thì nguy to.

Ngày nay tuy Ấn-độ đối với nền kinh-tế nước Anh không còn cái địa-vị đặc-biệt như thế nữa, nhưng vẫn là quan-trọng lắm. Ấn-độ xuất-cảng sáu phần, thì một phần sang nước Anh, mà giá-trị các hàng-hóa sản-vật xuất-cảng đó tới hơn năm ngàn triệu. Còn số nhập-cảng của Ấn-độ thì một phần ba là ở Anh sang, phần nhiều là vải mặc, máy-móc, các đồ chế-tạo, trị-giá tới hơn 7.000 triệu.

Lại còn những tư-bản người Anh đem sang kinh-doanh các công-việc ở Ấn-độ, mỗi năm những số lợi-tức cũng đã được hiện-ngân là trên dưới 30 triệu *sterling*.

Xem như thế thì Ấn-độ có quan-hệ với nước Anh nhiều lắm. sự quan-hệ đó là trọng nhất về đường kinh-tế, cho nên nước Anh không thể nào chịu bỏ Ấn-độ được.

Nay đảng quốc-gia Ấn-độ phản-đối với nước Anh cũng lại vì duyên-cớ về kinh-tế nữa.

Hồi Ấn-độ còn độc-lập, cho đến giữa thế-kỷ thứ 18, nước ấy cũng là một nước có công-nghệ to, không những đủ tự-cung cho sự cần-dùng trong nước, mà lại chế ra các thứ vải đem bán cho Âu-châu nữa: những vải *calicot*, *madapolam*, là tên Ấn-độ mà là sản-vật của Ấn-độ cả.

Từ khi các nhà máy *Manchester* lũng-đoạn nghề dệt, thì diệt mất công-nghệ cũ của Ấn-độ. Đảng quốc-gia oán nhất nước Anh là điều đó. Song từ đầu thế-kỷ thứ 20, công-nghệ Ấn-độ lại khôi-phục. Nghề dệt lại thành một nghề thịnh-hành ở Ấn-độ.

Hiện nay bông trong nước sản ra, các nhà máy trong nước đã dùng được một phần nhiều để chế ra vải mặc. Tính số bông sợi của Ấn-độ dùng bây giờ gần ngang bằng nước Pháp.

Lại nghề chế gang sắt ngày xưa vẫn thịnh-hành, nay cũng khôi-phục được. Hiện Ấn-độ chế gang gần bằng nước Chiết-khắc, (*Tchécoslovaquie*) còn thép thì được mỗi năm 600 nghìn tấn.

Tổng-cộng cả các công-nghệ trong nước dùng tới ngót 8 triệu người thợ.

Vậy thì Ấn-độ muốn đòi độc-lập, không phải vì có ái-chúng ái-quốc mà thôi, cũng vì có lợi-quyền kinh-tế nữa. Ấn-độ không những muốn thoát

quyền chính-trị, mà có lẽ lại muốn thoát quyền kinh-tế nước Anh hơn nữa.

Bởi thế nên ông GANDHI cùng các đồ-đệ xướng lên đề chế đồ hàng Anh, và lấy cái giồng quay tơ làm biểu-hiệu cho cuộc cách-mệnh. Nhưng cũng bởi đó nên vấn-đề Ấn-độ thành một vấn-đề rất khốn-nạn cho nước Anh. Vì các nhà chính-trị nước Anh chắc không quên được trận độc-lập nước Mỹ khởi-diễn cũng ở một vấn-đề thuế thương-chính mà ra vậy.

**Thời-cục nước Tàu.**—Trên trường chính-trị nước Tàu gần đây cũng không có việc gì thay đổi quan-thiết lắm, chỉ có việc Hồ Hán-Dân từ chức, kỳ trước đã tường-thuật rõ-ràng, nay có tin Tưởng Giới-Thạch đã sai viên cảnh-bị tư-lệnh là Ngô Tự Đư mang một đội vệ-binh đến Thang-son đón Hồ Hán-Dân về Nam-kinh, dọc đường canh giữ rất nghiêm.

Các nhà đương-cục Nam-kinh có báo-cáo rằng các nơi có tin đồn là Hồ Hán-Dân bệnh nặng, đều là tin do phải phản-động bịa ra cả, thực ra bệnh của Hồ là cái hiện-trạng thân-thể suy yếu trong vài năm nay, không phải là ngày nay mới sinh bệnh. Lại như tin đồn là Hồ nhịn ăn lại càng không đáng tin lắm.

Tưởng Giới-Thạch diễn-thuyết có nói bạn đồng-chí Hồ Hán-Dân từ chức, bên ngoài có nhiều tin đồn bậy, nhưng sự thực đều không phải thế. Phạm là đảng-viên nên rõ trách-nhiệm và địa-vị của mình, chớ lấy cảm-tình cá-nhân làm ngăn-trở sự lợi-ích của đảng-quốc. Đến như đảng-viên đem thân hiến đảng-quốc, thì không có sự tự-đó của cá-nhân nữa. Hiện bạn đồng-chí Hồ Hán-Dân quyết ở lại kinh-đô để giữ trọn cái lịch sử cách-mệnh đã qua.

Bệnh Hồ đã bớt nhiều, các tân-khách đến thăm Hồ đều tiếp-kiến cả.

Có tin ở Bắc-bình nói rằng số tài-sản của Diêm Tích-Son đích-xác có hơn chín ngàn vạn đồng. Nhưng đã bị các người tả hữu của Diêm lập kế sang số đi, nên việc thanh-tra rất là khó-khăn.

Còn Diêm thì có tin rằng vì nhà cửa ở bên Nhật chưa thu xếp xong, nên kỳ xuất-dương lại hoãn.

Có tin ở Thái-nguyên nói rằng Phùng Ngọc-Tường vì đường-sá ở Nội-mông-cổ có ngăn-trở, nên tuần trước đã từ Bình địa-toàn quay trở về núi Tấn-bắc (Son-tây). Hiện đích Phùng ở trong chùa Tu-di núi ấy.

Có người nói Phùng có đề bức thư lại từ-biệt các bộ-hạ cũ, đại-ý nói ta đây không có trí, không có tài, làm hại các người, từ nay ta quyết vào núi đọc sách trong mười năm, không hỏi đến việc bên ngoài nữa.

*Trừ quân cộng-sản.* — Phong-trào cộng-sản lan rất mạnh ở Hán-khẩu. Một sư-đoàn của Chính-phủ nhập bọn với giặc, bắt giam tất cả các viên võ-quan từ viên nguyên-sứ trở xuống. Nhất là trong các đạo binh không đủ lương, như ở An-huy, việc phiến-loạn đã thấy rục-rịch.

Lại còn quân cộng-sản bộ-hạ của Hạ-Long vào cướp trấn Hạ-phong làm cỏ cả trấn, con trai con gái bị giết hơn ba vạn người.

Chính-phủ Nam-kinh tuyên-bố rằng quân của chính-phủ đã lấy lại được năm thành và vẫn tiến-hành luôn. Quân ở Hà-nam đã đặt lại được đường hỏa-xa từ Bắc-kinh đến Hán-khẩu, đường ấy bị quân cộng-sản phá hai lần mới đây.

Lính cảnh-sát ở tô-giới Pháp bắt được 5 người Trung-hoa phát-truyền-đơn khuyên người An-Nam, lính cảnh-sát và binh-lính khởi-nghịch chống lại người Pháp. Xét ra bọn phiến-loạn ấy

có quan-hệ với bọn cộng-sản ở Đông-dương.

Tòa án Thượng-hải đã xét việc 14 người can tội cò-dộng bài Pháp. Trong số ấy có mấy người An-Nam. Từ khi phát-giác được việc ấy, lại bắt được nhiều người, nhất là người Trung-hoa về đảng cộng-sản.

*Cuộc hòa-bình ở Quảng-tây có lẽ không thành.* — Về việc chính-phủ Nam-kinh dùng chính-sách hòa-bình để giải-quyết thời-cục Quảng-tây, bỗng thấy trung-chỉ, đến nay đã rõ lắm rồi. Vì hiện nay ở trung-nguyên còn nhiều việc, quân chính-phủ chưa rời xuống phía nam được; nạn cộng-sản ở Giang-tây chưa dẹp yên, tỉnh Quảng-đông còn phải lo về phía bắc, quân Văn-nam mới bị thua, không thể lại kéo sang phía tây được; tỉnh Hồ-nam nạn cộng-sản lan ra khắp nơi, tự giữ còn chưa rồi; tỉnh Quý-châu không có thù gì với Quảng-tây. Nhờ về tình-thế ấy, bọn Lý Tôn-Nhân, Bạch Sùng-Hi, Trương Phát-Khuê thành ra còn có thể giữ được địa-bàn, không khi nào đã chịu đem cái cục đã thành, nhường cho người khác. Vừa rồi Hoàng Thiệu-Hùng lên Nam-kinh mưu cuộc hòa, không phải là không có kế-hoạch chắc-chắn, nhưng số tiền biên-khiển, đến nay chính-phủ trung-ương vẫn chưa giao cho, mà phép biên-khiển Tưởng Giới-Thạch lại định bỏ sự và lữ đi, chỉ đặt từng đoàn một, như vậy đối với những người muốn bảo-toàn thực-lực chưa chắc họ đã nghe. Gần đây lại nhân việc Tưởng Giới-Thạch bắt giam Hồ Hán-Dân lại làm cho bọn Lý, Bạch sinh lòng nghi-hoặc, mà giữ cái thái-độ trông ngóng, cuộc hòa-bình đến nay lại càng trầm-tịch, vả chăng bọn Lý, Bạch hiện ở Ung-châu vẫn ra sức chính-bị khi-giới và đắp hào lũy để phòng giữ. Hiện ở Nam-Ninh, Lý Tôn-Nhân vẫn chủ-trì việc quân, bố-

cáo là tự nhận duy-trì tỉnh Quảng-tây. Lý lại chia quân đóng giữ các nơi, ngày nào cũng bắt phu vận-tải lương-thực khi-giới, coi như lại sắp có chiến-tranh.

Còn như Hoàng Thiệu-Hùng từ khi nhận trách-nhiệm thu-thập thời-cục Quảng-tây, vì mấy sự ngăn-trở nên vẫn chưa về Quảng-tây. Nếu không sớm giải-quyết được thì nạn chiến-tranh e chẳng bao lâu lại xảy ra vậy.

*Cái chân-tướng việc chính-biến ở Văn-nam.* — Việc chính-biến ở Văn-nam xảy ra vừa rồi, theo như tin điện-báo hàng ngày đã thuật qua, nhưng còn cái chân-tướng việc ấy thế nào, người bên ngoài chưa được rõ hẳn, nay xem tin đăng trong một tờ báo Tàu thì nguyên-do như sau này:

Nguyên xảy việc xung-đột, một bên là Long-Vân, một bên là các tướng Chu Thiệu-Đông, Lư Hán, Trương Phòng Thu và Triệu-Thông. Chủ-tịch chính-phủ Văn-nam là Long-Vân vì xét ra năm ngoái các đạo quân sang đánh Quảng-tây, các viên su-trưởng đều muốn giữ thế-lực riêng, không ai chịu ra sức, nên bị thất-bại to, nên có triệu các su-trưởng hội bàn việc rút nhỏ các sư-đoàn lại, mỗi sư-đoàn chia làm hai đoàn nhỏ, chia đi đóng giữ các nơi để trừ giặc cướp. Các su-trưởng đều không bằng lòng, tướng Lư Hán trước hết xin từ-chức, Long-Vân cho ngay, các tướng Chu Húc, Trương Xung, Trương Phùng-Xuân thấy vậy đều căm tức, bèn cùng mưu đánh đổ Long-Vân. Bọn Lư, Trương, Chu, Trương, bốn người bí-mật họp ở bộ cảnh-bị tư-lệnh, dụ bắt giam mấy người tâm-phúc của Long, rồi phái người xin Long trừng-trị mấy người ấy và mấy tướng về đồ-đảng cũ của Đường Kế-Nghiêu ngày xưa. Long gọi giầy nói bảo Lư Hán là muốn đến cảnh-bị tư-lệnh để nói chuyện với

các sư-trưởng, nhưng Lư nói là quân-lính có biển, cự-tuyệt không cho Long đến. Bốn người bọn Lư liền tự đem quân giải mấy người tâm-phúc của Long đến Nghi-lương. Khi đi có bố-cáo là các sư-trưởng đến Nghi-lương để họp bàn việc khẩn-yếu về quân-chính, lại nói đối với Long-Vân vẫn một lòng ủng-hộ, chỉ trừ bỏ di-đảng của Đường Kế-Nghiêu mà thôi. Long biết bọn kia sinh biến, liền mang mấy trăm vệ-đội chạy về Triều-đông (phía đông-bắc Vân-nam). Bọn Lư trở về tỉnh-thành, có lẽ vì ba tướng kia không chịu dưới quyền Lư và thấy Long-Vân vẫn còn ba sư-đoàn và một vệ-đội ba bốn ngàn người, nên lại bỏ Lư mà cùng đón Long về.

Lư Hán khêu nên cuộc chính-biến này, cái tâm-ý là muốn cướp địa-vị của Long-Vân, nhưng vì không thu-phục được các người nên bị thất-bại.

Nay các viên-chức trong hội-đồng ủy-viên điều-đinh với nhau đã ồn. Long-Vân đã trở về Vân-nam, không xảy ra việc lưu-huyết. Kiều-dân và người bản-xứ vẫn yên. Mọi nơi vẫn có trật-tự.

Long-Vân có điện cho viên đại-biểu ở Nam-kinh là Lý Thiên-Hậu nói rằng trước định xin nghỉ trở về nguyên-quán ở Triều-đông, vì quân dân lưu giữ nên lại thôi. Việc biên-khiển vẫn làm không có điều gì khó-khăn. Vừa rồi vì trong bọn tướng lĩnh có người đối với việc chính-trị không hiểu rõ, có nghị-luận đôi lời sai lầm, nên phải chính-sức lại, không đến nỗi xảy ra điều gì. Các việc vẫn theo như ý-chỉ trung-trương mà làm.

*Điều-hòa việc Tứ-xuyên.* — Tướng Giới Thạch đối với việc Tứ-xuyên đã điện cho bọn Lưu Chi - Huy, Lưu Trương, Dương Xâm, bảo nên bỏ ý riêng đều chịu trách-nhiệm điều-hòa. Nghe đâu bọn Điền Tụng-Nghiêu đều

đã trả lời Tướng xin tuân lệnh chiếu-biện, tỉnh Tứ-xuyên may ra khỏi được nạn chiến-tranh.

*Công-dân An-huy định đuổi Trần Điều-Nguyên.* — Đoàn công-dân An-huy đã mở cuộc hội-nghị quyết đuổi Trần Điều-Nguyên là chủ-tịch tỉnh ấy, có kể rõ các tội-trạng của Trần, trình viện giám sát, xin theo phép đàn-hặc.

*Việc ngoại-giao* — Bộ ngoại-giao có thông tin rằng viên tống-trưởng Vương Chính-Đình định quyết yêu-cầu các nước bỏ hết các quyền-lợi riêng ở Tân. Vương sẽ cồ-động vào dư-luận chung cho sôi nổi lên, và tổ-chức cuộc đề-chế ngoại-hóa để các nước phải bỏ quyền tài-phán lãnh-sự trước ngay Quốc-gia hội-nghị họp tháng năm này.

Wương Chính-Đình tống-trưởng bộ ngoại-giao có tuyên-bố rằng việc triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán hiện đang ra sức tiến hành. Công-sứ Anh đã mấy lần thương-nghị có mấy điều trọng-yếu, ý-kiến chưa hợp nhau. Nhưng dù sao cũng nhất - định không thoái-nhượng, trừ phi chính-phủ Anh mở rộng tầm con mắt, dùng cái phương-pháp mạnh-bạo để giải-quyết thì mới xong được. Bên phúc-đáp của chính-phủ Pháp cũng đã đưa đến, nhưng đại-ý cũng như bản phúc-đáp của nước Anh, cũng không thể nhận được, đợi công-sứ Pháp đến kinh lập-tức giao-thiệp. Tóm lại lần này thế nào cũng phải làm cho chóng xong việc ấy quyết không để lòi-thôi, hoặc chỉ hám hư-danh mà để lo về sau.

Hai đảng-bộ ở Bắc-binh và Hà-bắc đều thông-điện đi các nơi nói rằng các việc giao-thiệp triệt bỏ quyền lãnh-sự tài-phán và thu hồi tô-giới, nên dùng thủ-đoạn cương-quyết, xin dân-chúng một lòng đối-phó.

Tướng Giới-Thạch diễn-thuyết có nói trong ít ngày nữa sẽ đến ngày khai-nghị hội quốc-dân, nghĩa là ngày 5 tháng 5.

Tướng lại nói chính-phủ Trung-hoa quyết chí trừ tình cho trước ngày ấy sẽ giải-quyết xong cái vấn-đề bãi giao-ước bất-bình-đẳng.

Hãng điện-báo *Rengo* có đăng một bài nói việc Trung-hoa điều-đình để xin bãi tòa án lĩnh-sự là một việc vô-nghĩa-lý, và nước Nhật nhất-quyết bênh-vực quyền-lợi của người Nhật ở Trung-hoa, vì quyền-lợi của người Nhật ở Trung-hoa to hơn quyền-lợi của kiều-dân nước khác.

Một hãng điện-báo của Trung-hoa đăng bài đáp lại nói rằng bản giao-ước Trung-Nhật đã mãn-hạn, và người Nhật không có quyền gì ở Trung-hoa nữa.

Các nơi chính-trị nói rằng Vương Chính-Đình thực khó xử. Vương muốn điều-đình đến ngày mồng 1 tháng 5 thì xong. Xem như lời hãng điện-báo *Rengo*, thì Nhật-bản quyết chí không nhượng-bộ, dù liệt-quốc có ưng bãi tòa án lĩnh-sự tài-phán cũng mặc dầu. Những người về phe Vương nói nếu nước Anh nhượng bộ, thì nước Nhật cũng sẽ nhượng-bộ về trong địa-hạt Trung-hoa, nhưng sẽ yêu-cầu được quyền đặc-biệt tại địa-hạt Mãn-châu.

Quan tổng-lĩnh-sự Nhật-bản tuyên-ngôn rằng việc điều-đình với chính-phủ Trung-hoa về tòa án lĩnh-sự có nhiều điều khó-khẩn, Nam-kinh yêu-cầu bãi ngay các tòa án lĩnh-sự, Đông-kinh thì yêu-cầu nhiều khoản đảm-bảo, và đặt một cái thể-lệ giao-thời.

Quan đại-sứ Nhật còn đợi mệnh-lệnh của bản-chính-phủ, hiện đã từ Nam-kinh đi Bắc-kinh. Vương Chính-Đình có tuyên-ngôn với các báo rằng ông sẽ giữ một cái thái-độ cương-quyết và nói rằng ngày nay không thể để các giao-ước bất-bình-đẳng nữa.

Quan đại-sứ Pháp WILDEN đã tới Nam-kinh để điều-đình về cái vấn-đề lãnh-sự tài-phán và vấn-đề Quảng-châu-loan.

Các báo đăng nhiều bài về cuộc nghị-luận Trung Pháp và đã bắt đầu bản bạc về vấn-đề tồ-giới.

Các báo lại đăng điện-báo của mấy ban quốc-dân-đảng gửi cho chính-phủ tỏ ý phản-đối cái thái-độ của Trung Pháp không chịu tán-thành cho Trung-hoa trong khi liệt-cường sẵn lòng tán-thành cả.

## Việc trong nước

### Các việc xảy ra trong nước từ 15 Février đến 15 Mars 1931

*Cuộc đấu-xảo các thứ hoa quả bánh mứt ở Thanh-hóa.* — Ngày 13 Février 1931, tại Thanh-hóa có mở cuộc đấu-xảo các thứ hoa-quả, bánh, mứt lần thứ nhất, có quan Công-sứ DUPUY và quan Tổng-dốc Tôn-Thất Quảng đến chủ-tọa, các quan Tây Nam ở trong tỉnh-hạt đến đông cả.

*Việc trừ bệnh phong tại Đông-dương.*  
— Báo *Paris-midi* cổ hởi cổ MAHEU là

quản-lý trại phong Quý-hòa (Trung-kỳ). Cố cố dãi tỏ việc mở-mang nhà thương ấy và cách hành-dộng thế nào cũng là kết-quả phải tổn công nhiều lắm. Nhà thương Quý-hòa hiện dung được 200 người bệnh phong, nếu mở-mang ra thêm thì có thể giúp được 2.000 người trong cái số 25.000 người mắc bệnh phong ở Đông-dương, nghĩa là hơn 10 phần 1000. Nhưng việc tổ-chức chưa xong, cố mắc bệnh phải về Tây nghị. — Mời đây được tin cố tạ-thể, thật đáng tiếc.

*Quan Toàn-quyền đi kinh-lý.* — Ngày 23 Février quan Toàn-quyền ROBIN đạp xe hỏa riêng vào tới Phủ-diên thì dùng xe ô-tô, bắt đầu đi kinh-lý miền này, đoạn rồi vào Huế. Ở Huế ngài có chủ tọa hội-đồng Viện Cơ-mật. Ngày 27 vào Quảng-ngãi thăm các đồn khố-xanh mới đặt ra ở tỉnh này từ sau khi xảy ra cuộc biểu-tình cộng-sản vừa rồi, và thăm các đồn khác ở quanh hạt ấy nữa. Ngày 28 vào tới Nha-trang thì đạp xe hỏa vào Sài-gòn để sửa-soạn việc đón tiếp quan Toàn-quyền Philuật-tân sang Đông-dương, và đi kinh-lý miền Nam-kỳ. Ngày 10 Mars đi Nam-vang, thăm vua Cao-miên, rồi đến xem nhà Bảo-tàng Cao-miên. Ngày 12, biệt Nam-vang đi kinh-lý những nơi *Siemréap, Paksé, Viên-sai, Pleiku* và *Banmethuot*. Ngày 17 về thăm công việc dẫn-thủy nhập-diền ở Phan-rang, xong rồi tới Dalat. Ngày 20 từ biệt Dalat về Hà-nội.

Tại tòa xã trưởng Sài-gòn phái De Lachevrotière và bốn ông hội-viên Annam tổ ỷ bất-tín-nhiệm hai ông BÉZIAT và ARDIN. — Kỳ hội-đồng hôm 27 Février tại tòa xã-trưởng Sài-gòn, rất náo-động, đến nỗi lính cảnh-sát phải can thiệp vào mới yên được.

Nguyên lúc hội-đồng thành-phố đầu-phiếu ưng-chuẩn ngân-sách của thành-phố Sài-gòn năm 1931 thì các ông về phái ông DE LACHEVROTIÈRE không có mặt, vì các ông này phản-đối bản ngân-sách đó. Thành-thủ chỉ có các ông về phái ông BÉZIAT và ARDIN đầu-phiếu mà thôi.

Sau khi đầu-phiếu ưng-chuẩn ngân-sách thành-phố, phái DE LACHEVROTIÈRE lại phản-kháng. Ông xã-trưởng đem đệ bản ngân-sách lên quan Thống-đốc Nam-kỳ xét

Cũng vì xảy việc ngân-sách này, lại nhân vừa có các việc biển-thủ tiền

thành-phố mà kỳ hội-đồng tối hôm 27 Février vừa rồi, về phái ông DE LACHEVROTIÈRE có những ông này : DE LACHEVROTIÈRE, QUINTRIE LAMOTHE, GUILLEMET, DARRIGADE, ALINOT, GUÉRINI và bốn ông hội-viên Annam là Nhuận, Hựu, Bá và Ninh đệ một bản đơn tố lời bất-tín-nhiệm hai ông chánh phó xã-trưởng BÉZIAT và ARDIN. Trong bản đơn này các ông hội-viên phản-đối có kê rõ các khoản biển-thủ xảy ra vừa rồi, cho rằng hai ông chánh phó xã-trưởng không thể làm được việc thành-phố, dung-lúng bợn thủ-hạ làm tổn-hại đến công-quỹ, không bênh-vực được các người làm việc tại tòa xã, v. v..

Ông xã-trưởng tuyên đọc bản đơn này, nhưng không đem đầu-phiếu ngay ở hội-đồng, cho nên các ông hội-viên ký đơn lập-tức bỏ, đứng dậy ra về. Các người đến xem hôm ấy đông lắm, kể về cảnh này, người về bè kia, nhân lúc ấy mà làm âm-ỹ lên, nên lính cảnh-sát phải can-thiệp vào mới yên được.

Sáng hôm sau, hồi 11 giờ, cả các ông hội-viên về cảnh phản-đối lên yết-kiến quan Thống-đốc Nam-kỳ bày tỏ các việc.

Các báo về phái DE LACHEVROTIÈRE, sau khi xảy việc này đều đồng-thanh công-kích phái ông BÉZIAT và ARDIN và yêu-cầu ông xã-trưởng phải từ-chức ngay.

*Máy bay rơi, người không việc gì.* — Ngày 28 février một chiếc máy bay của nhà binh bay từ Bạch-mai vào Sài-gòn, viên đội OSMANT cầm máy, bay tới gần Phan-thiết máy hỏng rơi xuống giữa rừng gãy tan cả ra, hai người trên máy bay không việc gì cả.

*Bọn lính tuần bị bọn cộng-sản vây.* — Hồi 9 giờ đêm 28 Février một bọn lính đi tuần qua làng Long-mĩ quận Bảo-thành (Bến-tre), gặp một bọn biểu-tình độ 200 người đương họp

ở giữa đồng, chúng thấy linh tuần đến thì xô nhau đến kháng-cự, có người nhảy vào cướp khí-giới của lính, bên lính bắn ra thì bọn biểu-tình chết ba người và ba người bị bắt.

Cũng đêm ấy một bọn biểu-tình kéo nhau đến phá một nhà việc ở làng Lương-quới, nhưng bị lính cảnh-sát đến đuổi và bắt được 2 tên.

Lại một bọn biểu-tình ở làng Bình-thành, gần làng Lương-quới, lính cảnh-sát đến dẹp thì chúng chạy, bỏ lại một người chết và một lá cờ đỏ.

*Việc dẫn-thủy nhập-diền ở Quảng-nam.*— Độ trước đây nhân lúc nhân-dân nhao-nhao về nạn cộng-sản, quan Khâm-sứ Trung-kỳ có di-hiệu-dụ nhân-dân yên phận làm ăn, và tỏ cho biết nhà-nước cố ý mở-mang việc dẫn-thủy-nhập-diền. Mấy tháng nay, nhà-nước đã bắt đầu làm việc, mở ở Hàn một sở chính, còn như Cẩm-lệ, Vĩnh-diệu, Ái-ngbĩa đều có các viên Lục-lộ đi giám công-việc, chắc chẳng bao lâu mà công-việc hoàn-thành. Nhà-nước định sau cho các nhà máy điện lĩnh-trung, để đỡ nước lên đồng, các điền-chủ sẽ tùy theo sức mình mà thuê tưới lấy ruộng.

*Kỷ-niệm một vị nữ-tướng của đức Trung-vương.*— Vị nữ-tướng Hoàng Thiệu-Hoa xưa là một tay đã giúp hai bà Trưng được nhiều việc, khi mất dân lòng Hiền-quan (huyện Tam-nông tỉnh Phú-thọ) có lập đền thờ. Đệ-niên cứ ngày 13 tháng giêng thì dân làng Hiền-quan mở hội to làm lễ kỷ-niệm vị nữ-tướng ấy. Lạ nhất có trò « đánh phết », trai lành gái tốt trong làng đánh phết với nhau rất vui, có nhà chộp bóng đã đem máy đến để chiếu ảnh làm « phim ».

*Nhà thám-hiểm Bosshar tới Sài-gòn.*— Nhà thám-hiểm Thụy-sĩ BOSSHAR

sang thăm Đông-dương tới Sài-gòn ngày mồng 3 Mars.

*Quan Công-chính giám-đốc về Pháp.*— Ngày 5 Mars quan Công-chính giám đốc POUYANNE đi chuyển xe hỏa riêng vào Sài-gòn rồi xuống tàu *Che-noncaux* về Pháp để trình bày với bộ Thuộc-địa cái chương-trình công-tác bên Đông-dương.

*Quan Toàn-quyền Phi-luật-tân sang Đông-dương.*— Quan Toàn-quyền SIR DAWIS xư Phi-luật-tân sang chơi Đông-dương đi chiếc chiến-hạm *Pittsburg* tới bến Sài-gòn ngày mồng 3 Mars.

Khi tới nơi, có quan thống-đốc Nam-kỳ, quan nguyên-soái coi đạo binh Nam-kỳ và Cao-miên, quan thủy-quân nguyên-soái, ông xã-trưởng Sài-gòn cùng hội-đồng thành-phố ra nghênh-tiếp.

Các hàng quân đứng bồng súng chào.

Quan Toàn-quyền Phi-luật-tân đi ô-tô tới thẳng phủ Toàn-quyền, có quan Toàn-quan ROBIN nghênh-tiếp.

Khi tới phủ Toàn-quyền, quan Thống-đốc Nam-kỳ đưa các ông Hội-đồng Quân-hạt vào chào ngài,

Ngày 4 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân đến thăm đài kỷ-niệm trận-vong tướng-sĩ ở Sài-gòn, thăm các trường kỹ-nghệ Biên-hòa và Thủ-dầu-một.

Ngày 5 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân đi thăm thành-phố Chợ lớn, viện bảo-tàng *Blanchard de la Brosse*, viện *Pasteur* và trường Trung-học *Pé-trus Ký*.

Ngày 6 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân biệt thành-phố Sài-gòn, sang Pnom Penh, có quan Khâm-sứ Cao-miên nghênh-tiếp.

Ngày hôm ấy, ngài vào yết-kiến Cao-miên quốc-vương và đi thăm thành-phố Pnom-Penh.

Ngày 7 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân đi xem cảnh Đê-thiên Đê-thích ở đây cho hết ngày 8 Mars.

Ngày 9 Mars, quan Toàn-quyền Phi-luật-tân từ biệt Đông-dương để sang Xiêm.

*Bắt được người in truyền đơn cộng-sản.*— Mồng 6 Mars quan Công-sứ Dalat đem quân lính đến khám một hàng thợ may ở Dalat thì bắt được hai người đang in truyền-đơn cộng-sản, lại bắt được cờ đỏ và các giấy-má quan-trọng nữa, những người ở nhà ấy đều bị bắt cả.

*Chức đồng-lý phủ Thống-sứ.*— Quan Cai-trị DOUGUET nguyên đồng-lý phủ Thống-sứ trước về Pháp nghỉ, nay lại sang lĩnh chức cũ thay quan cai-trị DELSALLE bỏ chức thanh-tra chính-trị.

*Việc quan châu Phúc.*— Quan tri-châu Nguyễn Trần-Phúc can tội ăn hối-lộ của dân, bị tòa Thượng-thẩm Hà-nội khép án một năm tù. Quan châu Phúc xin ân-xá, nhưng mới đây quan Toàn-quyền đã bác đơn xin ân-xá ấy.

*Một đám cướp to.*— Một toán cướp chừng một trăm người có khí-giới xông vào cướp một nhà phú-hộ ở làng Yên-pháp, phủ Hưng-nguyên (thuộc tỉnh Nghệ). Dân làng nghe tin đến cứu, đôi bên đánh nhau, bắt được mười người bị thương của bên cướp.

*Hiệu-thị và phát bài qui-thuận.*— Ngày 10 Mars, quan Tuần-vụ, quan Lãnh-binh, quan Thương-tá và quan Huyện về đồn Lai-trạch, nhân ngày ấy là ngày Chợ-tồng, nhân-dân và các thân-sắc kỳ-hào đến rất đông, quan Tuần-vụ và quan Thương-tá hiệu-thị xong thì cấp phát bài qui-thuận, nhân-dân lĩnh đồng lăm.

*Ngạch cai-trị.*— Quan BOUCHET quan cai-trị hạn nhất hết hạn nghỉ, nay bổ làm Giám-đốc các việc hành-chính và chính-trị thay quan Giám-đốc BRIDE dời đi Quảng-châu-loan.

*Hội Nữ-công đã khai giảng.*— Ngày rằm tháng giêng ta hội Nữ-công ở Huế đã khai-giảng, ngày ấy có nhiều học trò đến học. Hiện có dạy học chữ và học theo kiểu Tàu.

*Xử việc vượt ngục ở Hòa-binh.*— Ngày 10 Mars, tòa Nam-án tỉnh Phú-thọ xử việc người cai khổ xanh là Nguyễn Văn-Đệ rủ bọn tù vượt ngục làm loạn ngày 20 Décembre 1930. Khi xét xử xong thì kết án là :

- 3 người phải xử-tử,
- 4 người khổ-sai chung-thân,
- 12 người khổ-sai 20 năm,
- 1 người khổ-sai 15 năm,
- 6 người được trắng án.

*Hành-hình sáu người tội-nhân.*— Sáu người có chân trong hội Việt-Nam Quốc-dân-đảng, đã bị hội-đồng Đê-hình ở Hà-nội tháng Aout 1930 kết vào tử-tội. Đến mồng 10 Mars này thì đem hành-hình bốn người ở cửa Hỏa-lò Hà-nội là : Kỳ Con tức là Đoàn Trần-Nghiệp, Nguyễn Văn-Nho, Lương Ngọc-Tôn và Nguyễn Quang-Chiều. Hành-hình hai người ở trước cửa đê-lao Hải-phòng là : Nguyễn Sĩ-Chử và Phạm Văn-Tĩnh.

*Đạo Cao-dài dựng chùa.*— Đạo Cao-dài dựng một cái chùa tại Tây-ninh (Nam-kỳ) trên một khu đất rộng năm mẫu tây. Người vẽ kiểu chùa này là ông Phạm Hữu-Kinh, chùa bề dài 146 thước, bề ngang 27 thước, bề cao 36 thước ; tiền phí-tồn dựng chùa định là 800.000 đồng. Ngày 24 Février có đến một vạn người đến lễ. Chủ-trương việc này là

ông Lê Văn-Trung cựu nghị-viên. Hội-đồng chính-phủ.

Ở Gia-định có biểu-tinh. — Đầu tháng Mars, ở Gia-định và Chí-hòa có mấy đám biểu-tinh, lính sen-đầm dẹp yên cả và bắt được 33 người.

Số lính khố xanh ở Trung-kỳ. — Quan Toàn-quyền chiêu tồ tư của quan Khâm-sứ Trung-kỳ, định ngạch khố-xanh ở Trung-kỳ về năm 1931 là 4.035 người.

Bắt được người Nhật và Hoa-kiều có thuốc phiện lậu. — Mới đây nhà Thương-chính Chợ-lớn có khám nhà một người Nhật tên là Kan-ran-Sheku bắt được một số thuốc phiện lậu là 28 cân tảy. Lại khám một chiếc thuyền của Hoa-kiều tên là Ma-phiêu, bắt được nhiều thuốc phiện lậu đã đóng hộp 100 phân tảy cả.

### Sách mới xuất-bản

— *Lịch quốc-sử*. — Soạn-giả là Nguyễn Văn-Minh. Sách dày 68 trang, in tại Đông-tây ấn-quán, 193, phố Hàng-Bông Hà-nội, giá bán 0\$20.

— *Vị-xuyên thi-văn-tập*. — Là bộ *Quốc-học tùng-san* của Sở-cuồng văn-khố, Nam-ký thư-quán xuất-bản, giá bán 0\$30.

— *Y-thoại tùng-biên*. — Vũ Thượng-Chi soạn. Sách dày 48 trang, in tại nhà in Xura-nay Nguyễn Hào-Vĩnh, 60, 64 B<sup>d</sup> Bonnard Sài-gòn, giá bán 0 \$ 40.

— *Kim-Vân-Kiều diễn-giải*. — Dương Mạnh-Huy soạn. Cuốn thứ I dày 154 trang, cuốn thứ II (có phụ-trương và phụ-lục : Dịch mấy bài thi-ca từ-khúc ra quốc-âm và thơ vịnh Kiều) dày 278 trang, in và xuất-bản tại nhà in Tin-đức thư-xã, 37, Rue Sabourain, Sài-gòn.

### Nam-Phong tùng-thư

(Bản ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào ; ở xa tiền cước ngoài).

#### Đã xuất-bản :

- |                           |        |
|---------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh luận        | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris     | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp    | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage      | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, |        |
| Quyển thứ I               | 4 hào. |
| Quyển thứ II              | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiểu-thuyết  | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới     | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois  | 4 hào. |

#### Mới xuất-bản :

9. — Lịch-sử và học-huyết VOLTAIRE 4 hào.

#### Sắp xuất-bản :

10. — Phật-giáo đại-quan.

(In lần thứ hai).

